

HOÀI THANH

HOÀI CHÂN

THI NHÂN
VIỆT NAM
1932 - 1941

VĂN HỌC

Thi Nhân Việt nam

Hoài Thanh

NXB Văn Học (2018)

Từ hơn nửa thế kỷ trước đây, phong trào Thơ mới đã có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của nền văn học trước Cách mạng tháng Tám của đất nước. Các thi sĩ của thuở ấy đã đem lại cho bạn đọc một tiếng nói mới, phản ánh khá trung thực tâm trạng của cả một lớp thanh niên tiểu tư sản trong cuộc sống có nhiều đau buồn, trăn trở và đôi khi bế tắc trước hiện trạng của đất nước thời bấy giờ. Với sự đổi mới mạnh mẽ của hình thức nghệ thuật, Thơ mới thật sự đã thu hút được sự chú ý của khá đông bạn đọc yêu thơ và đó cũng là một đóng góp có ý nghĩa vào sự phát triển của thể loại và chứng minh khả năng biểu đạt phong phú của tiếng Việt.

Thi Nhân Việt Nam

Hoài Thanh & Hoài Chân

vietmessenger.com

Của tin gọi một chút này làm ghi
NGUYỄN DU

Lời nhà xuất bản

1941...1967

Hơn một phần tư thế kỷ đã nặng nề, dai dẳng trôi qua, và cũng ngót một phần tư thế kỷ, khói lửa đã bao trùm trên giải đất thân yêu: giải đất của một Dân tộc có một truyền thống lịch sử trên bốn ngàn năm Văn hiến !

Khói lửa chiến chinh đã cướp mất bao nhiêu xương máu của giống nòi và khói lửa chiến chinh cùng đã cướp mất bao nhiêu tinh hoa của ‘ kho tàng Văn học" Đất Nước !...

Và, chỉ mới có gần đây tháng năm thôi, mà bao nhiêu công trình Văn học đã bị mai một... theo tháng ngày !...

o

Với mục đích sưu tập và bồi dưỡng lại nền Văn học nước nhà, chúng tôi không ngại, tuyển chọn tái bản một số Văn, Thi phẩm Tiền chiến.

Trong số những Văn, Thi phẩm được tuyển chọn tái bản, có một số của các Văn, Thi gia mà, hiện thời, họ đang phục vụ cho chính quyền miền Bắc.

Bởi, chúng tôi quan niệm rằng, những công trình sáng tác của họ, dù muốn dù không, cũng đã đánh dấu cho một giai đoạn lịch sử nền Văn học nước nhà. Và chính những công trình đóng góp quý báu ấy, đã làm dồi dào thêm và tăng phần giá trị cho "kho tàng Văn học", không ít.

Ngoài ra, khi đề cập đến họ, chúng tôi không vì mục đích chính trị hay một tham vọng nào khác.

Vả lại, sống dưới sự kềm hãm của chế độ đảng trị, chúng ta không tin rằng họ sẽ sáng tác được những tác phẩm mà, tương đối có một tầm giá trị sâu rộng như những tác phẩm mà họ đã sáng tác trong thời Tiền chiến.

SAIGON, 15 tháng 7 năm 1967

Tản Đà

(1888 - 1939)

CUNG CHIÊU ANH HỒN TẢN ĐÀ

Hội Tao đàn hôm nay đông đủ hầu khắp mặt thi nhân ; chúng tôi một lòng thành kính xin rước anh hồn tiên sinh về chứng-giám.

Anh em ở đây, tuy người sau kẻ trước, nhưng ai nấy đều là con đầu lòng của thế kỷ hai mươi. Trên hội Tao-đàn, chỉ tiên sinh là người của hai thế kỷ. Tiên-sinh sẽ đại biểu cho một lớp người để chứng giám công việc lớp người kế tiếp. Ở địa vị ấy còn có ai xứng đáng hơn tiên-sinh.

Tiên sinh gần chúng tôi lắm. Tiên-sinh không mang lột y phục, lột tư tưởng của chúng tôi. Nhưng có làm gì những cái lột. Tiên-sinh đã cùng chúng tôi chia xẻ một nỗi khát vọng thiết tha, nỗi khát vọng thoát ly ra ngoài cái tù túng, cái giả dối, cái khô khan của khuôn sáo. Đôi bài thơ của tiên sinh ra đời từ hơn hai mươi năm trước đã có một giọng phóng túng riêng. Tiên sinh đã dạo những bản đàn mở đầu cho một cuộc hòa nhạc tân kỳ đương sắp sửa.

Nhưng dầu sao, với chúng tôi, tiên-sinh vẫn là một bậc đàn anh ; chúng tôi không dám xem Tiên sinh như một người bạn. Tiên-sinh còn giữ được của thời trước cái cốt cách vững vàng, cái phong thái thung dung. Đời tiên sinh tuy bơ vơ, hồn tiên sinh còn có nơi nương tựa. Tiên sinh đã đi qua giữa cái hỗn độn của xã hội Việt-nam đầu thế kỷ hai mươi với tấm lòng bình thản một người thời trước. Những nỗi chật vật của cuộc sống hằng ngày, những cảnh đời éo le thường phô bày ra trước mắt không từng làm bọn được linh hồn cao khiết của tiên-sinh. Cái dáng điệu ngang tàng chúng tôi thường thấy ở các nhà thơ xưa, ở tiên-sinh không bao giờ có vẻ vay mượn. Cái buồn chán của tiên sinh cũng là cái buồn chán một người trượng phu. Thở than có, nhưng không bao giờ rên rỉ.

Bởi vậy cho nên cần phải có tiên sinh trong cuộc hội họp hôm nay. Có tiên sinh, người ta sẽ thấy rõ chúng tôi không phải là những quái thai của thời đại, những đứa thất cước không có liên lạc gì với quá khứ của giống nòi. Có tiên sinh, trên Tao đàn sẽ còn phảng phất chút bình yên trong tin tưởng, chút thích thẳng mà từ lâu chúng tôi đã mất.

Thôi, chúng tôi không muốn nói nhiều. Hội Tao đàn đến lúc mở. Xin tiên sinh hãy khai hội bằng ít bài thơ.

THỀ NON NƯỚC

- *Nước non nặng một nhời thề*

Nước đi đi mãi không về cùng non

Nhớ nhời nguyện nước thề non

Nước đi chưa lại non còn đứng không

- Non cao những ngóng cùng trông

Suối tuôn dòng lệ chờ mong tháng ngày

Xương mai một nắm hao gầy

Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương

Giời tây chiếu bóng tà dương

Càng phơi vẽ ngọc nét vàng phai pha

Non cao tuổi vẫn chưa già

Non thời nhớ nước, nước mà quên non!

Dẫu rằng sông cạn đá mòn

Còn non còn nước hãy còn thề xưa

- Non xanh đã biết hay chưa?

Nước đi ra bể lại mưa về nguồn

Nước non hội ngộ còn luôn

Bảo cho non chớ có buồn làm chi!
Nước kia dù hãy còn đi
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui
- Nghìn năm giao ước kết đôi
Non non nước nước không nguôi lời thề

TỔNG BIỆT

Lá đào rơi rắc lối Thiên thai

Suối tiến, oanh đưa những ngậm ngùi
Nửa năm tiên cảnh
Một bước trần ai
Ước cũ, duyên thừa có thể thôi!
Đá mòn, rêu nhạt.
Nước chảy, huê trôi
Cái hạc bay lên vút tận trời!
Trời đất từ nay xa cách mãi
Cửa động
Đầu non
Đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần bóng trăng chơi...

Một thời đại trong thi ca

Một xã hội suốt mấy ngàn năm kéo dài một cuộc sống gần như không thay đổi, về hình thức cũng như về tinh thần. Triều đại tuy bao lần hưng vong, giang sơn tuy bao lần đổi chủ, song mọi cuộc biến cố về chính trị ít khi ba động đến sự sống nhân dân. Từ đời này sang đời khác, đại khái chỉ có bấy nhiêu tập tục, bấy nhiêu ý nghĩ, bấy nhiêu tin tưởng, cho đến những nỗi yêu, ghét, vui, buồn, cơ hồ cũng nằm yên trong những khuôn khổ nhất định. Thời gian ở đây đã ngừng lại và người ta chỉ sống trong không gian.

Nhưng, nhất đán, một cơn gió mạnh bỗng từ xa thổi đến. Cả nền tảng xưa bị một phen điên đảo, lung lay. Sự gặp gỡ phương Tây là cuộc biến thiên lớn nhất trong lịch sử Việt nam từ mấy mươi thế kỷ.

Phải trở lại cái thời tổ tiên ta mới tiếp xúc với người Trung-hoa, hơn nữa, phải trở lại cái thời giống, người Anh-đô-nê-diêng ¹ lần thứ nhất để chân vào lưu vực sông Hồng hà mới hòng tìm được một cuộc biến thiên quan trọng như vậy.

Trước mắt chúng ta bỗng bày ra những cảnh lạ lùng chưa bao giờ từng thấy. Lúc đầu, ai nấy đều ngỡ ngác, không hiểu ra làm sao. Nhưng rồi chúng ta cũng quen dần.

Chúng ta ở nhà tây, đội mũ tây, đi giày tây, mặc áo tây. Chúng ta dùng đèn điện, đồng hồ, ô tô, xe lửa, xe đạp,... còn gì nữa! Nói làm sao cho xiết những điều thay đổi về vật chất, phương Tây đã đưa tới giữa chúng ta ! Cho đến những nơi hang cùng ngõ hẻm, cuộc sống không còn giữ nguyên hình ngày trước, Nào dâu tây, diêm tây, nào vải tây, chỉ tây, kim tây, đinh tây. Đừng tưởng tôi ngụy biện. Một cái đinh cũng mang theo nó một chút quan niệm của phương Tây về nhân sinh, về vũ trụ, và có ngày ta sẽ thấy thay đổi cả quan niệm của phương Đông.

Những đồ dùng kiểu mới ấy chính đã dẫn đường cho tư tưởng mới. Trong công cuộc duy tân, ảnh hưởng của nó ít ra cũng ngang với ảnh hưởng những sách nghị luận của hiền triết Âu Mỹ, cùng những

sách cổ động của Khang, Lương. Sĩ phu nước ta từ xưa vốn chỉ biết có Khổng tử, bắt đầu dẫn Mạnh đức tư-cư với Lư thoa, Họ bắt đầu viết quốc ngữ, một thứ chữ mượn của người phương Tây. Câu văn của họ cũng bắt đầu có cái rõ ràng, cái sáng sủa của văn tây. Những tư - tưởng phương Tây đầy dẫy trên *Đông dương tạp-chí*, trên *Narn-phong tạp chí*, và từ hai cơ quan ấy thấm dần vào các hạng người có học.

Người ta đưa nhau cho con em đến trường Pháp-Việt, người ta gửi con em sang tận bên Pháp. Thế rồi có những người Việt nam đậu kỳ sư, đậu bác sỹ, đậu thạc sỹ; có những người Việt nam nghiên cứu khoa học, triết học và có những người Việt-nam nghĩ chuyện xây dựng một nền học riêng cho nước Việt-nam.

Bấy nhiêu sự thay đổi trong khoảng năm sáu mươi năm! Năm sáu mươi năm mà như năm sáu mươi thế kỷ! Nhưng cuộc Âu hóa không phải chỉ có thế. Nó đã đi qua hai giai đoạn: hình thức và tư-tưởng ; nó còn phải đi qua một giai đoạn nữa. Nó đã thay đổi những tập quán sinh hoạt hằng ngày, nó đã thay đổi cách ta vận động tư tưởng, tất nó sẽ thay đổi cả cái nhịp rung cảm của ta nữa. Những hình thức mới của cuộc đời, những tư tưởng mới và nhất là ảnh hưởng văn học Pháp ngày một thấm thía, ấy là những lợi khí Âu hóa trong giai đoạn thứ ba này.

Phương Tây bây giờ đã đi tới chỗ sâu nhất trong hồn ta. Ta không còn có thể vui cái vui ngày trước, buồn cái buồn ngày trước, yêu, ghét, giận hờn nhất nhất như ngày trước. Đã đành ta chỉ có chừng ấy mối tình như con người muôn nơi và muôn thuở. Nhưng sống trên đất Việt nam ở đầu thế kỷ hai mươi, những mối tình của ta không khỏi có cái màu sắc riêng, cái dáng dấp riêng của thời đại. "... Các cụ ta ưa những màu đỏ choét ; ta lại ưa những màu xanh nhạt... Các cụ bâng khuâng vì tiếng trùng đêm khuya ; ta nao nao vì tiếng gà lúc đứng ngọ. Nhìn một cô gái xinh xắn, ngây thơ, các cụ coi như đã làm một điều tội lỗi; ta thì ta cho là mát mẻ như đứng trước một cánh đồng xanh. Cái ái tình của các cụ thì chỉ là sự hôn nhân, nhưng đối với ta thì trăm hình muôn trạng: cái tình say đắm, cái tình thoáng qua, cái tình gần gũi, cái tình xa xôi,... cái tình trong

giây phút, cái tình ngàn thu,...". Mấy câu nói xô bồ, liễu lĩnh mà tha thiết của Ô. Lưu trọng Lư ở nhà Học- hội Qui nhơn hồi Juin 1934 đã vạch rõ tâm lý cả lớp thanh niên chúng ta.

Tình chúng ta đã đổi mới, thơ chúng ta cũng phải đổi mới vậy. Cái khát vọng cõi trời cho thi ca chỉ là cái khát vọng nói rõ những điều kín nhiệm u uất, cái **khát vọng được thành thực**. Một nỗi khát vọng khẩn thiết đến đau đớn. Chính Ô. Lưu trọng Lư cũng đã viết trong quyển *Người sơn nhân* hồi Mai 1933: "Người thanh niên Việt nam ngày nay đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như người con đi tìm mẹ."

Đã thế, không thể xem phong trào thơ mới là một chuyện lập dị do một bọn dốt nát bày ra để kiếm chỗ ngồi trong làng thơ. Nó là kết quả không thể không có của một cuộc biến thiên vĩ đại bắt đầu từ hồi nước ta sáp nhập đế quốc Pháp và, xa hơn nữa, từ hồi Nguyễn Trĩn phân tranh, lúc người Âu mới đến.

Cái ngày người lái buôn phương Tây thứ nhất đặt chân lên xứ ta, người ấy đã đem theo cùng với hàng hóa phương Tây, cái mầm sau này sẽ nảy thành thơ mới.

o

Nhưng tìm nguồn gốc thơ mới mà chỉ nói xa xôi thế, công việc nhà viết sử cũng khó dễ dàng. Ta hãy tìm những nguyên nhân gần gũi hơn cùng những triệu chứng của phong trào thơ mới.

Đã lâu, người mình làm thơ hầu hết chỉ làm những bài tám câu, mỗi câu bảy chữ. Theo ông Phan Khôi ², lỗi ấy phải quy cho khoa cử. Phép thi ngày xưa bắt học trò vào trường nhĩ làm một bài thơ theo thể thất ngôn luật. Thể thất ngôn luật vốn mượn của thi nhân đời Đường, nhưng khi người ta đưa nó vào khoa cử, nó còn bó buộc gấp mấy luật Đường. Theo luật Đường, trong một bài thơ tám câu, bốn câu giữa gọi là câu tam tứ, câu ngũ lục và muốn nói gì thì nói. Phép khoa cử bắt phải gọi câu tam tứ là câu thực nghĩa là phải giải thích đầu đề cho rõ ràng, hai câu ngũ lục là câu luận nghĩa là phải đem ý đầu bài mà bàn rộng ra. Thí-sinh làm thơ nhất định phải theo quy mô ấy. Không theo, hỏng.

Nhưng chính phủ Bảo hộ lần lượt bỏ chế độ khoa cử, ở Nam kỳ (1864?), ở Bắc kỳ (1915), ở Trung kỳ (1918). Khoa cử bỏ, thể thất ngôn luật cũng theo đó mà mất địa vị độc tôn. Năm 1917 nó bị Ô. Phạm Thượng chi công kích trong một bài bàn về tâm lý lối thơ ấy ³, Ông bảo: " Người ta thường nói thơ là tiếng kêu tự nhiên của con tâm. Người Tàu định luật nghiêm cho nghề làm thơ thực là muốn chữa lại, sửa lại cái tiếng kêu ấy, cho nó hay hơn, trúng vắn trúng điệu hơn, nhưng cũng nhân đó mà làm mất cái giọng thiên nhiên đi vậy." Tiếp đó ông phê bình bài thơ *qua đèo Ngang* của bà huyện Thanh quan:

" *Rằng hay thì thực là hay.*

Nhưng hay quá, khéo quá, phần nhân công nhiều mà vẻ tự nhiên ít, quả là một bức tranh cảnh vậy."

Thời oanh liệt của thất ngôn luật đã đến lúc tàn. Năm 1928, nó bị ông Phan Khôi công kích trên *Đông pháp thời báo*, Ông Phan trách thể thơ " bó buộc quá mà mất cả sanh thú ⁴ .

Năm 1929, trên báo *Phụ nữ tân văn*, Ô. Trịnh đình Rự lại công kích nó một lần nữa và hô hào người ta lưu tâm đến lối lục bát và song thất lục bát là những lối thơ đặc-biệt của ta ⁵ .

Thực ra, từ trước, trên sách vở báo chương thỉnh thoảng thất ngôn-luật cũng đã phải nhường chỗ cho lục bát, song thất lục bát, cổ phong, từ khúc, v.v... Lác đác người ta còn thấy xuất hiện những bài không niêm, không luật, không hạn chữ, hạn câu. Ấy là bài dịch thơ ngũ ngôn La Cigale et la Fourmi của Nguyễn-văn-Vĩnh ⁶

Con ve sầu kêu ve ve

Suốt mùa hè

Đến kỳ gió bắc thổi

Nguồn cơn thật bồi rồi...

Ấy là những bài gọi là *thơ buông* ⁷ của một sinh viên trường cao đẳng. Ô. Lê khánh Đồng, đã làm một trò cười cho chúng ta hồi nhỏ.

Những bài như thế mà dám mạo danh là thơ, cứ thời bấy giờ thực đáng khép vào tội phạm thượng. Một sự biến cố đường ấy mà xảy ra được, đâu không được công nhận, cũng đủ chứng rằng cái thời vận luật Đường đã cực kỳ suy-vi.

Khuôn khổ bài thơ bắt đầu rạn nứt. Một sức mạnh đương ngầm ngầm hoạt động trong tâm linh giống nòi. Nói cho đúng, chúng ta cũng chỉ phỏng đoán chứ thực ra chưa thấy gì. Thi thể có ít nhiều thay đổi mà thi tứ vẫn như xưa. Chỉ trong đôi bài thơ của Tản Đà mới thấy phảng phất chút băng khuâng, chút phóng túng của thời sau. Ngoài ra, người ta vẫn ca đi hát lại bấy nhiêu đề thơ bằng bấy nhiêu giọng thơ không di dịch. Cửa hé mở từ lâu nhưng ngọn gió xa đón hoài không thấy tới. Xã hội Việt Nam chưa đến tuần thành thực. Chưa có thể nhóm dậy một cuộc cách mệnh về thi ca.

Nhưng một ngày kia cuộc cách mệnh về thi ca đã nhóm dậy. Ngày ấy là ngày 10 Mars 1932 ⁸ Lần đầu tiên trong thành trì thơ cũ hiện ra một lỗ thủng. Ô. Phan Khôi hăng hái như một vị tướng-quân, đồng dục bước ra trận. Ông tự giới thiệu: "Trước kia... ít ra trong một năm tôi cũng có được năm bảy bài, hoặc bằng chữ Hán, hoặc bằng chữ Nôm ; mà năm bảy bài của tôi, không phải nói phách, đều là năm bảy bài nghe được." Ấy thế đó mà ông kết án thơ cũ ! Thơ cốt chơn. Thơ cũ bị câu thúc quá nên mất chơn. Bởi vậy ông bày ra một lối thơ "đem ý thật có trong tâm khảm mình tả ra bằng những câu có vần mà không bó buộc bởi niêm luật gì hết" và tạm mệnh danh là *thơ mới*.

Hồi bấy giờ *Phụ-nữ tân văn* đương thời cực-thịnh. Những lời nói của ông Phan được truyền-bá đi khắp nơi. Cái bài thơ mới "Tình già" ⁹ ông dẫn ra làm thí dụ, không rõ có được ai thích không. Nhưng một số đông thanh niên trong nước bỗng thấy mở ra một góc trời vì cái táo bạo dấu điểm của mình đã được một bức đàn anh trong văn giới công nhiên thừa nhận.

Lần lượt những bài thơ mới, vốn làm từ trước, được đưa lên mặt báo. Người hưởng ứng thứ nhất là Ô. Lưu trọng Lư. Sau khi đăng bài của Ô. Phan Khôi chẳng bao lâu, *Phụ nữ tân văn* nhận được một bức thư hoan nghênh ký cô Liên hương (Faifo), một bài thơ mới

"Trên đường đời" ký Lưu trọng Lư, và một bài nữa "Vắng khách thơ" ký Thanh Tâm. Ký nhiều tên cho rộn thể thôi chứ đi lại cũng chỉ một người. "Tình già", "Trên đường đời", và "Vắng khách thơ" là ba bài mang tên thơ mới được đăng báo trước nhất. Trong ba bài ấy thì bài thứ ba đã là một bài có giá trị [10](#) . Kế đó, *Phụ nữ tân văn* còn đăng thơ mới của Nguyễn thị Mạnh Mạnh (tức Nguyễn thị Kiêm), của Hồ văn Hảo và nhiều người nữa.

Nhưng rồi phong trào thơ mới chuyển ra đất Bắc và được một cơ quan ngôn luận khác ủng hộ một cách đặc lực hơn.

Báo *Phong hóa* tập mới ra đời ngày 22 Septembre- 1932. Ngay số đầu đã có bài công kích thơ Đường luật và kết luận rằng: " Thơ ta phải mới, mới văn thể, mới ý tưởng". Từ đó cho đến cuối năm 1932, *Phong hóa* không đăng thơ mới nhưng cũng không đăng thơ cũ. *Phong hóa* lại còn diễu thơ cũ bằng cách diễu Tản Đà, người đại biểu chính thức cho nền thơ cũ. Bài "Cảm thu tiễn thu" của Tản Đà đã làm đầu đề cho một bức tranh khôi hài của Đông sơn và một bài hát nói khôi hài của Tú Mỡ. Họ so sánh cảnh thực với cảnh mộng trong trí tưởng thi nhân. Tú Mỡ viết:

... *Cây tươi tốt, lá còn xanh ngắt,*
Bói đâu ra lác đác lá ngô vàng.
Trên đường đi nóng dẫy như rang,
Cảnh tuyết phủ mơ màng thêm quái lạ,
vân vân....

Phá hoại rồi họ kiến thiết. Nhận được của Ô. Lưu trọng Lư bức thư gửi cho ông Phan Khôi mấy tháng trước, họ trình trọng đăng lại trên *Phong hóa* số Tết ra ngày 24 Janvier 1933 cùng với ít bài thơ mới của Lưu trọng Lư, Tân Việt, Thế Lữ. Tiếp theo đó, *Phong hóa* luôn luôn đăng thơ mới của Tứ Ly, Thế Lữ, Nhất Linh, Nguyễn văn Kiện, Vũ đình Liên, Đoàn phú Tứ, Huy Thông.

Các báo chí khác cũng đua nhau đăng thơ mới ở Huế, Ngân sơn từng thư ra đời ngày 15 Septembre 1933, liền xuất bản với ít chuyện ngắn, một tập thơ mới của Lưu trọng Lư (Người sơn nhân).

Thơ mới đã bắt đầu có cơ sở. Trong làng thơ mới người ta càng sốt sắng thêm. Từ hai tháng trước, hôm 26 Juillet 1933, một nữ sĩ có tài và có gan, cô Nguyễn thị Kiêm, đã lên diễn đàn hội Khuyến học Sài gòn hết sức tán dương thơ mới. Hội Khuyến học Sài gòn thành lập đến bấy giờ đã 25 năm. Lần thứ nhất một bạn gái lên diễn đàn và cũng lần thứ nhất có một cuộc diễn thuyết được đông người nghe như thế.

Nói gót cô Nguyễn thị Kiêm, còn nhiều diễn giả cũng theo một mục-đích: dành lấy phần thắng cho thơ mới

Juin 1934: Ông Lưu trọng Lự diễn thuyết tại nhà Học hội Qui nhơn.

Janvier 1935: Ông Đỗ đình Vượng diễn thuyết tại hội Trí tri Hà nội.

Janvier 1935: Cô Nguyễn thị Kiêm lại diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài-gòn để tranh luận với Ông Nguyễn văn Hanh.

Novembre 1935: Ông Vũ đình Liên diễn thuyết tại hội Trí tri Nam-định.

Février 1936: Ông Trương Tửu diễn thuyết về thư Bạch nga tại hội Khai trí tiến đức Hà nội.

Trên báo chương cũng luôn luôn có những bài bình vực, khích lệ thơ mới. Ô. Lưu trọng Lự gửi hai bức thư lên Khê thượng nói chuyện thơ mới với Tản Đà [11](#). Ô. Lê tràng Kiều viết tám bài ca tụng các nhà thơ mới để trả lời Ô. Tùng Lâm và Ô. Thái Phỉ [12](#). Ngoài ra còn bao nhiêu bài nữa.

Ở cái xứ vô sự này, câu chuyện văn thơ cơ hồ là câu chuyện độc nhất của một số đông thanh niên nam nữ. Nhưng đã đến lúc những lời hùng biện trở nên vô dụng. Những thi sĩ có danh đã ra đời: Thế Lữ, Lưu trọng Lự, Huy Thông, Nguyễn Nhược Pháp, J. Leiba, Thái Can. Trong khoảng bốn năm, đã sản xuất rất nhiều bài thơ có giá trị. Và những bài thơ ấy, nhất là những bài thơ của Thế Lữ, không trống không kèn, đã bình vực một cách vững vàng cho thơ mới.

1935, cái năm đại náo trong làng thơ, đi qua. Bước sang 1936 sự toàn thắng của thơ mới đã rõ rệt. Đề tựa tập *Những áng thơ hay*, Ô.

Lê trảng Kiều bàn nên xóa bỏ hai chữ thơ mới. Vì "hai chữ thơ mới là biểu hiệu một cuộc cách mạng đương bùng bột" mà "cuộc cách mệnh về thi ca ngày nay đã yên lặng như mặt nước hồ thu". Ô. Lưu Trọng Lư nở một nụ cười kiêu hãnh, đăng trên *Hanoi báo* (19-2-36) một bài thơ thất ngôn sách họa kết bằng hai câu:

Nấn nét miễn sao nên bốn vế,

Chẳng thơ thì cũng cóc cần thơ.

Cái cười khinh mạn của người chiến thắng kể không có gì đáng ưa. Thế Lữ, khôn hơn, chỉ lẳng lặng nói chuyện với người đồng hương - những người trong làng thơ mới. Từ mục "Lá thắm" của *Tinh hoa* đến mục "Tin thơ" của *Ngày nay*, từ Mai 1937 đến Octobre 1938, Thế Lữ chăm chú dạy nghề thơ cho những ai nuôi mộng một ngày kia trở nên thi sĩ.

Thơ mới ra đời ngày một nhiều, cái danh hiệu thơ mới mất dần trên sách báo. Thi đàn đã vắng tiếng cãi nhau. Cho đến hồi Juin năm nay, vì chuyện thơ mới, Ô. Huỳnh Thúc Kháng và Ô. Phan Khôi bắt bẻ lẫn nhau [13](#) *làng* thơ Việt nam không mấy ai để ý đến những lời qua tiếng lại giữa hai ông già ấy.

Tấn-kịch mới cũ trong phạm vi thi ca đã kết liễu. Thơ mới đã dành được quyền sống, đã chiếm hầu hết báo chí sách vở, đã len vào đến học đường ? Mà đã vào học đường, nhất là ở nước ta, tức là thanh thế đã to lắm.

o

Trước sự bành trướng mãnh liệt của thơ mới trước mọi sự hô hào rầm rộ của những người trong phái mới, làng thơ cũ đã phản động như thế nào?

Août 1933: Một tuần sau cuộc diễn thuyết thứ nhất của cô Nguyễn thị Kiêm, Ô. Tân Việt, bình bút báo *Công-luận* [14](#), bênh vực thơ cũ tại diễn đàn hội Khuyến học Sài gòn.

Octobre 1933: *Văn học tạp chí* Hà-nội, chê các nhà thơ mới không biết cân nhắc chữ dùng.

Novembre-Décembre 1934: Tản-Đà nói chuyện thơ mới, thơ cũ trên *Tiểu thuyết thứ bảy*.

Décembre 1934: Trên *Văn học tạp chí*, Ô. Hoàng Duy Từ phản đối bài diễn thuyết của Ô. Lưu-trọng-Lưu tại nhà Học hội Qui-nhơn.

9 Janvier 1935: Ông Nguyễn văn Hanh diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài gòn.

16 Janvier 1935: Ô. Nguyễn văn Hanh lại diễn thuyết tại hội Khuyến học Sài gòn cùng một hôm với cô Nguyễn thị Kiêm (diễn thuyết tranh luận).

Avril 1935: Hai Ô. Tường Vân và Phi Vân xuất bản tập thơ cũ, *Những bông hoa trái mùa* ở Vinh.

Juin 1935: Ô. Tùng Lâm Lê cương Phụng công kích thơ mới trên *Văn nhọc tuần san*, Sài gòn.

Avril 1936: Ô. Thái Phỉ công kích thơ mới trên báo *Tin văn*, Hà-nội.

Août 1937: Ô. Nguyễn văn Hanh diễn thuyết ở hội Quảng trị Huế.

Juin 1941: Ô. Huỳnh Thúc Kháng, sau nhiều lần chỉ trích và mạt sát, nói cả quyết rằng thơ mới đã đến ngày mạt vận.

o

Cũng rộn đấy chứ ! Cái cảnh thơ cũ lúc tàn không đến nỗi buồn tẻ, thảm hại như cái cảnh suy vi của nền Khổng học. Năm 1930, Ô. Phan Khôi viết trên báo *Thần chung* ở Sài gòn một thôi hai mươi mốt bài chỉ trích Khổng giáo. Thế mà những môn đồ đạo Khổng còn sống sót nguội lạnh như không. Tinh thần Khổng giáo ở nước ta đã bạc nhược lắm vậy. Tinh thần thơ cũ [15](#) , có phần tráng-khiến hơn. Gặp cơn nguy biến, còn có người ta tay chống chọi. Nhưng rồi cũng không sao cứu vãn được tình thế. Chỉ có một người hoặc có thể làm nên chuyện. Người ấy là Tản Đà vì Tản Đà là một nhà thơ có tài. Nhưng đối với phong trào thơ mới, Tản Đà lại hết sức dè dặt. Một người nữa, Ô. Hoàng Duy Từ, trên *Văn học tạp chí* cũng nói nhiều câu có lý, nhưng ông lại chủ trương cái thuyết của A. Chénier: tứ mới lời xưa. Và như thế ý kiến ông giống hệt nhiều nhà thơ mới,

Còn các người khác họ lập luận đại khái bất ngoại mấy lối này:

Hoặc họ cho những nhà thơ mới là một bọn mù :

Chẳng khác anh mù lại nói mơ.

Chẳng qua một bọn dốt làm thơ [16](#) .

Ý họ nghĩ rằng người ta làm thơ mới là chỉ vì luật thơ Đường khó. Nhưng từ août 1933, thuật lại cuộc diễn thuyết của Ô. Tân Việt, *Phụ nữ tân văn* đã trả lời trước cho họ: "Thơ tám câu cũng không phải khó gì. Nhiều người chỉ học trong nửa tiếng đồng hồ là thuộc và có thể làm đúng niêm luật. Các báo hằng ngày vẫn đăng luôn bao nhiêu là thơ bát cú của nhiều thi sĩ chỉ học trong có mấy ngày là "thành tài"... Chúng tôi dám quả quyết như vậy là vì từ khi có báo quốc ngữ đến nay, đã vài mươi năm, ở mục văn uyển các báo, thơ tám câu bốn câu mọc ra không phải như hoa lan, hoa huệ, hoa hồng, mà như nấm" [17](#) .

Hoặc họ dẫn ra ít bài thơ mới lủng củng lủng ca để công kích cho tiện rồi kết luận theo lối cái nhà thơ cũ nào đó đã gửi cho Ô. Lam Giang một bài bát cú chê thơ mới:

Nghĩa lý vợ vợ rồi vẫn vẫn,

Thanh âm ngân ngân lại ngơ ngơ.

So với Á học như dưa đắng,

Sánh với Âu văn tựa mít xơ.... [18](#)

Họ quên rằng chính những nhà thơ mới đã công kích thơ mới tàn nhẫn nghĩa là công kích những bài thơ mới bất thành thơ. Phong trào thơ mới xuất hiện được hơn một năm thì trên báo *Phong hóa* đã thấy những bài thơ nhại của Thế Lữ và của Khái-Hưng [19](#) .

Công kích những bài thơ mới lủng củng là một chuyện thừa vậy. Công kích được những bài có giá trị mới mong tiết được mắt thơ mới. Nhưng đã có giá trị thì còn biết công kích thế nào !

Đó là chưa nói đến những người như Ô. Nguyễn văn Hanh. Ba lần Ô. Hanh lên diễn đàn công kích thơ mới là ba lần tai hại cho nền thơ

cũ. Con gấu của La Fontaine cũng không thể vụng về hơn.

Như thế thì làm sao hòng đối phó với một bọn vừa khôn vừa ranh. Họ làm lỗi, họ tự phê bình lấy, không đợi người khác chỉ trích. Mà khi họ đã chỉ trích ai thì khó mà cất đầu lên được. Cô Bích Ngọc đề tựa tập thơ cũ *Những bông hoa trái mùa* khuyên làng thơ nên bỏ "ao ngoài" về tắm "ao nhà". Lê Ta thuật lời khuyên của cô chỉ thêm vào mấy chữ: "... dù ao nhà ấy đầy những bùn, những vẩn. Tôi buồn rằng người thực nữ có duyên đến thế lại kém vệ sinh!"

Nhưng nguy nhất cho những người bệnh vực thơ cũ là trong tám chín năm luôn thơ mới sản xuất ra nhiều nhà thơ có danh, nhiều bài thơ có giá trị, mà họ gần như không sáng tạo ra được một chút gì có thể gọi là thơ [20](#).

Cuộc tranh đấu đã đến hồi không ngang sức. Cả thanh thế Ô. Huỳnh Thúc Kháng, một nhà chí sĩ lão thành, cũng chịu không làm gì được. Thực ra thơ cũ rút quân ra khỏi mặt trận, nhưng không hề cởi giáp lai hàng. Nó lui về các thị xã, ẩn mình trong những thi tập chỉ trao tay trong năm bảy anh em và lưu truyền về sau cho con cháu. Đừng có ai xâm phạm đến những nơi nó đương an nhàn dưỡng lão. Kể viết mấy dòng này đã có lần đụng phải nanh vuốt của nó. Hồi 1937, vì vô ý lạm dụng vào một cuộc bàn cãi về văn chương, tôi đã bị một ông tiến sĩ nói thẳng vào mặt: " Khoa học xin nhường các người ; nhưng thơ văn các người phải để đó cho chúng tôi". Chính ông nghè ấy đã có lần lên án chém Lưu trọng Lự. Cũng may ông nghè chúng ta không làm tể tướng nên họ Lưu vẫn làm thơ mới như thường.

Dầu sao, chút oai thừa cũng không đủ khiến người ta quên cái cảnh tiêu điều của một đám tàn quân thất thế. Thơ cũ trên sách báo ngày một thưa dần. Trừ một đôi tờ không chuyên về văn chương, còn hể đăng thơ cũ là báo chết. Tình cảnh ấy liên lụy đến cả Ô. Phan Khôi, người đã khởi xướng ra thơ mới. Những bài nói chuyện thơ của ông đăng trên *Nam phong tạp chí*, *Đông pháp thời báo*, *Thần chung*, *Phụ nữ tân văn*, *Trung lập*, khoảng 1918-1932, đã được hoan nghênh biết bao. Thế mà hồi 1936 ông góp lại thành tập xuất bản lấy tên là

Chương dân thi thoại thì chẳng mấy ai để ý đến. Mà quyền thi thoại của ông nào có dở cho cam! Nó chỉ có cái tội là nói chuyện thơ cũ.

Đồng thời trên báo thấy đăng một cái quảng-cáo "Nhận làm thuê các thứ văn vui, buồn, thường dùng trong xã hội".

Dưới quảng cáo một tên ký mà lịch sử văn học Việt nam sẽ lưu truyền mãi mãi: Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu !

Đã hết đầu. Sau đó còn một cái quảng cáo nữa bằng thơ nhận đoán lý số Hà Lạc:

Còn như tiền đặt quẻ,

Nhiều năm (5 \$), ít có ba (3 \$) ;

Nhiều ít tùy ở khách,

Hậu bạc kể chi mà. [21](#)

Và dưới quảng cáo này vẫn cái tên ký: Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu.

Thực là thương tâm! Chúng ta, bọn thanh niên, đọc quảng cáo ấy khác gì đọc những lời buộc tội. Cái vui chiến thắng đi qua, chúng ta bắt đầu hối hận.

10 Octobre 1937, *Ngày nay* đăng một bài dịch thơ Đường của Tản Đà với những lời hết sức khen ngợi. Thơ Tản Đà còn được *Ngày nay* đăng nhiều lần nữa; nhóm Tự lực còn tính cả việc xuất bản thi phẩm của người mà hồi trước họ đã chế diễu [22](#) .

Nhưng phá đi dễ mà dựng lên khó. Làng thơ mới đã tàn phá thanh danh của Tản Đà. Dầu sau cũng không thể sớm chiều khôi phục lại được. Phải chờ đến ngày 7 Juin 1939 là ngày Tản Đà mất mới tìm lại được cái không khí hơn mười năm trước. Những bài diễn văn khi hạ huyệt, những bài ca tụng trên báo, những bài diễn thuyết tại hội Trí tri Hà-nội, đã kêu to lòng ái mộ của toàn thể làng thơ. Yêu Tản Đà ta chạnh nghĩ đến người bạn tình của thi sĩ. Trong bộ đồ tang phục trông nàng cũng xinh xinh....

Thế rồi một hôm nàng đến tìm ta và ta thấy nàng khác hẳn. Vẫn khuôn mặt cân ối ấy, vẫn cái dáng đi nghiêm chỉnh ấy, vẫn giọng nói

nhỏ nhẹ ấy, nhưng mặn mà, nhưng đầm thắm y như mấy trăm năm trước, hồi nàng còn thơ. Nàng theo sau một người bạn mới. Người bạn trân trọng giới thiệu nàng. Ta vồn vã đón tiếp cả hai: nhà thơ mới Chế Lan Viên đề tựa *Mùa cổ điển* một tập thơ cũ, đã khép lại một thời đại trong thi ca.

Một thời đại vừa chẵn mười năm.

Trong mười năm ấy, thơ mới đã tranh đấu gắt gao với thơ cũ, một bên giành quyền sống, một bên giữ quyền sống. Cuộc tranh đấu kéo dài cho đến ngày thơ mới toàn thắng. Trong sự thắng lợi ấy, cũng có công những người tả xung hữu đột nơi chiến trường, nhưng trước hết là công những nhà thơ mới. Tôi không so sánh các nhà thơ mới với Nguyễn Du để xem ai hơn ai kém. Đời xưa có thể có những bậc kỳ tài đời nay không sánh kịp. Đừng lấy một người sánh với một người. Hãy sánh thời đại cùng thời đại. Tôi quyết rằng trong lịch sử thi ca Việt nam chưa bao giờ có một thời đại phong phú như thời đại này. Chưa bao giờ người ta thấy xuất hiện cùng một lần một hồn thơ rộng mở như Thế Lữ, mơ màng như Lưu Trọng Lư, hùng tráng như Huy Thông, trong sáng như Nguyễn Nhược Pháp, ảo não như Huy Cận, quê mùa như Nguyễn Bính, kỳ dị như Chế Lan Viên,... và thiết tha, rạo rực, băn khoăn như Xuân-Diệu.

Từ người này sang người khác, sự cách biệt rõ ràng. Cá tính con người bị kiềm chế trong bao nhiêu lâu bỗng được giải phóng. Sự giải phóng có thể tai hại ở chỗ khác. Ở đây nó chỉ làm giàu cho thi ca. Cái sức mạnh súc tích từ mấy ngàn năm nhất đán tung bờ vỡ òa. Cảnh tượng thực là hỗn độn. Nhìn qua ta chỉ thấy một điều rõ: ảnh hưởng phương Tây, hay đúng hơn, ảnh hưởng Pháp.

Nhưng ảnh hưởng Pháp cũng có chia đậm nhạt khác nhau.

Người đầu tiên chịu ảnh hưởng Pháp rất đậm là Thế Lữ. Những bài thơ có tiếng của Thế Lữ ra đời từ đầu 1933 đến cuối 1934 ²³. Giữa lúc người thanh niên Việt nam đương ngập trong quá khứ đến tận cổ thì Thế Lữ đưa về cho họ cái hương vị phương xa. Tác giả *Mấy vần thơ* liền được tôn làm đương thời đệ nhất thi sĩ và nhờ thế đã lập được công lớn, đã mở đường cho các nhà thơ mới sau này.

Chung quanh ngôi sao Thế Lữ châu tuần bao nhiêu hành tinh có tên và không tên, hầu hết các thi sĩ lớn nhỏ hồi bấy giờ: Nguyễn văn Kiện, Vũ đình Liên, Đỗ huy Nhiệm, Tường Bách, Lan Sơn, Việt nữ Hoàng Hương Bình, Thụy An, Nguyễn Nhuệ Thủy, Thanh Tịnh, Thúc Tề, Phi Yến, Lư Khê,... Cả những vì sao vốn ở một trời khác: Vân Đài, Đông Hồ, Mộng Tuyết, cũng ghé về châu tuần một lúc.

Cái vinh quang rực rỡ của Thế Lữ có lẽ đã khiến nhiều người thêm ngưỡng. Trong những người ấy có Huy Thông và Nguyễn Vỹ.

Nguyễn Vỹ là người có chí cao nhưng tài mọn. Cái mộng tây hóa của trường thơ Bạch nga (Nguyễn Vỹ và Mộng Sơn) chỉ lưu lại có một bài: "Sương rơi".

Huy Thông, khá hơn, đã đôi ba lần nhập tịch được vào thơ Việt cái không khí mớ mành của những vở kịch Shakespeare và cái giọng hùng tráng của Victor Hugo. Huy Thông cũng đã lập ra một trường thơ nhỏ trong ấy có: Lam-Giang, Phan Khắc Khoan [24](#) và một nhà thơ sau này sẽ đi xa: Chế Lan Viên.

Nhưng đến 1936, ảnh hưởng Pháp lại thấm thía thêm một tầng nữa. Trong thơ Thế Lữ ta chỉ thấy ẩn hiện đôi nhà thơ Pháp về thời lãng mạn. Xuân Diệu, nhà thơ ra đời hồi bấy giờ, mới một cách rõ rệt. Với Thế Lữ thì nhân ta còn nuôi giấc mộng lên tiên, một giấc mộng rất xưa. Xuân Diệu đốt cảnh bông lai và xua ai nấy về hạ giới. Với một nghệ thuật tinh vi đã học được của Baudelaire, Xuân Diệu diễn tả lòng ham sống bông bột trong thơ de Noailles và trong văn Gide. Lúc bấy giờ Thế Lữ mới tìm đến Baudelaire nhưng nguồn thơ Thế Lữ đã cạn không sao đi kịp thời đại.

Ảnh hưởng Pháp trong thơ Việt đến Xuân Diệu là cực điểm. Qua năm 1938, Huy Cận ra đời, nó đã bắt đầu xuống, mặc dầu Huy Cận cũng chịu ảnh hưởng thơ Pháp gần đây, nhất là ảnh hưởng Verlaine.

Chung quanh đôi bạn Xuân Diệu- Huy Cận có vô số thi sĩ bàn nhì bàn ba: Tế Hanh, Huyền Kiều, Đình Hùng, Phan Khắc Khoan, Thu Hồng, Nguyễn đình Thư, Xuân Tâm, Huy Tân, Huy Chúc, Phan thanh Phước, Nguyễn đức Chính, Tường Đông,... Đôi nhà thơ như

Lan Sơn [25](#) , Thanh Tịnh, lúc này đã thấy một bên Thế Lữ, bây giờ lại kéo nhau về đây. Và Thế Lữ ngồi một mình trong dĩ vãng chừng thấy lẻ loi cũng về đây nốt.

Tôi không biết có nên đi vào xóm Huy Xuân [26](#) hai nhà thơ Phạm Hài và Yến Lan. Tuy thơ cùng một giọng song hình như họ đã trực tiếp với các nhà thơ Pháp, ít khi nhờ Xuân Diệu, Huy Cận đứng làm trung- gian. Cái kín đáo của thơ Pháp gần đây tôi còn thấy ở Đoàn Phú Tứ.

Cùng ra đời một lần với thơ Huy Xuân nhưng kém thanh thế hơn nhiều là lối thơ tả chân. Thơ mới vốn ưa tả chân hơn thơ cũ, nhưng làm những bài thơ tả chân biệt hẳn ra một lối chỉ có Nam Trân, Đoàn Văn Cừ và Anh Thơ. Cũng có thể kể cả Bằng Bá Lân và Thu Hồng. Đoàn Văn Cừ chịu ảnh hưởng Albert Samain (Samain Hy Lạp không phải Samain tượng trưng). Nam Trân, Bằng Bá Lân, Anh Thơ, Thu Hồng có lẽ chỉ đi theo cái xu hướng gần sự thực, dầu sự thực tầm thường là một đặc tính của văn học phương Tây.

Trái hẳn với lối thơ tả chân có lối thơ Hàn Mặc Tử - Chế Lan Viên. Cả hai đều chịu rất nặng ảnh hưởng Baudelaire và, qua Baudelaire, ảnh hưởng nhà văn Mỹ Edgar Poe, tác giả tập *Chuyện lạ* [27](#) . Có khác chăng là Chế Lan Viên đã đi từ Baudelaire, Edgar Poe đến thơ Đường [28](#) , mà Hàn Mặc Tử đã đi ngược lại từ thơ Đường đến Baudelaire, Edgar Poe và đi thêm một đoạn nữa cho gặp Thánh kinh của đạo Thiên chúa. Cả hai đều cai trị trường thơ Loạn và đã chiêu tập một số đồ đệ là Hoàng Diệp [29](#) , Quỳnh Dao, Xuân Khai (tức Yến Lan nhưng không phải Yến Lan vì tiêu biểu cho một lối thơ khác). Tôi vừa nói Chế Lan Viên đi về thơ Đường. Nếu nói đi đến thơ tượng trưng Pháp có lẽ đúng hơn, tuy hai lối thơ này có chỗ giống nhau [30](#) . Điều ấy thấy rõ ở tác phẩm một người rất gần Chế Lan Viên và Hàn Mặc Tử: Bích Khê.

Từ Xuân Diệu, Huy Cận, thơ Việt Nam đã có tính cách của thơ Pháp lối tượng trưng. Nhưng còn dè dặt. Bích Khê và ít người nữa như Xuân-Sanh [31](#) , muốn đi đến chỗ người ta thường cho là cao nhất trong thơ tượng trưng: Mallarmé, Valéry.

Ta vừa lần theo dòng thơ mạnh nhất trong những dòng thơ đi xuyên qua thời đại. Riêng về dòng này, thơ Việt đã diễn lại trong mười năm cái lịch sử một trăm năm của thơ Pháp, từ lãng mạn, đến Thi- sơn [32](#), tượng trưng và những nhà thơ sau tượng trưng. Tinh thần lãng mạn Pháp đã gia nhập vào văn học Việt nam từ trước 1932, cùng một lần với *Tuyết hồng lệ sử*, *Tổ tâm* và *Giọt lệ thu*. Cho nên trong thời đại này nó chỉ còn phảng phất. Thơ tượng trưng được người ta thích hơn, nhất là Baudelaire, người đầu tiên đã khơi nguồn thơ ấy. Có thể nói hầu hết các nhà thơ vừa kể trên, không nhiều thì ít, đều bị ám ảnh vì Baudelaire.

Viết xong đoạn trên này đọc lại tôi thấy khó chịu. Mỗi nhà thơ Việt hình như mang nặng trên đầu năm bảy nhà thơ Pháp. Ấy chỉ vì tôi tìm ảnh hưởng để chia xu hướng. Sự thực đâu có thế. Tiếng Việt, tiếng Pháp khác nhau xa. Hồn thơ Pháp hễ chuyển được vào thơ Việt là đã Việt hóa hoàn toàn. Sự thực thì khi tôi xem thơ Xuân Diệu, tôi không nghĩ đến de Noailles. Tôi phải dằn lòng tôi không cho xôn xao mới thấy thấp thoáng bóng tác giả *Le Coeur innombrable*. Thi văn Pháp không làm mất bản sắc Việt nam. Những sự mô phỏng ngu muội lập tức bị đào thải.

Hướng chi trong hàng thanh niên chịu ảnh hưởng thi văn Pháp nhiều người lại quay về thơ Đường Thanh thế thơ Đường ở nước ta xưa nay bao giờ cũng lớn. Nhưng vì cái học khoa cử, những bài thơ kiệt tác ngâm đi giảng lại hoài đã gần thành vô nghĩa. Nó chỉ còn là những cái máy để đúc ra hàng vạn thí sinh cùng hàng vạn bài thơ dở. Đến khi khoa cử bỏ chữ nho không còn là một con đường tiến thân. Song thiếu niên Tây học vẫn có người xem sách nho. Họ chỉ cốt tìm một nguồn sống tinh thần. Họ đi tới thơ Đường với một tấm lòng trong sạch và mới mẻ, điều kiện cần thiết để hiểu thơ. Cho nên, dầu đốt nát, dầu nghĩa câu nghĩa chữ lắm khi họ rất mờ, họ đã hiểu thơ Đường hơn nhiều tay khoa bảng.

Hồn thơ Đường vắng đã lâu, nay lại trở về trong thơ Việt. Lần đầu tiên (1934) nó đi theo J. Leiba. Leiba giao lại cho Thái Can. Thái Can giàu, Leiba sang. Ở Thái Can cũng như ở Leiba hồn thơ Đường có

cái cốt cách đời thịnh, với Đỗ huy Nhiệm, Vân Đài, Lưu Kỳ Linh, Phan Khắc Khoan [33](#) , Thâm Tâm hoặc nó kín đáo tinh vi hơn, hoặc nó rắn rỏi chắc chắn hơn, nhưng cũng nghèo hơn.

Cái nàng thơ xưa này thực là rắc rối. Có người cả đời phiêu bạt đầu đầu bồng một hôm ghé về, liền được nàng đãi một bài thơ. Người có diễm phúc ấy là Phan thanh Phước.

Lại có người chưa từng gặp, chỉ ngắm dung nhan nàng ở mấy nhà quen, Nguyễn thị Diễm, bà huyện Thanh quan, Nguyễn Du, cũng được nàng hai ba lần gửi yêu: Huy Cận [34](#) .

Thế mà có người say theo thì nàng lại chẳng mặn mà chi, như hai thầy trò Đông Hồ, Mộng Tuyết. Đến nỗi một buổi sáng kia, hai thầy trò, chán nản, bỏ đi tìm duyên mới. Nhưng Đông Hồ, Mộng Tuyết còn may mắn hơn nhiều người khác. Những người này cố ý bưng tai cho đừng nghe thấy tiếng gọi phương xa. Họ quyết giữ trọn nghĩa thủy chung với nàng thơ cũ. Nhưng họ đã bị ruồng rẫy mà không hay. Có phải Nguyễn Giang cũng ở trong bọn những người xấu số ấy?

Cảm được lòng người đàn bà khó chịu kia, họa chỉ có Quách Tấn. Mỗi lương duyên gây nên từ *Một tấm lòng*, đến *Mùa cổ điển* thì thực đậm thắm, *Mùa cổ điển* gồm cả cái giàu sang của Thái Can, Leiba, súc tích lại trong một khuôn khổ rắn chắc. Nhưng Quách Tấn có thực là một nhà thơ cũ hoàn toàn? Có thực Quách Tấn không bao giờ mơ tưởng bạn phương xa ? [35](#)

Tôi muốn xếp riêng vào một dòng những nhà thơ tuy có chịu ảnh hưởng phương Tây nhưng rất ít và cũng không chịu ảnh hưởng thơ Đường. Thơ của họ có tính cách Việt nam rõ rệt.

Đứng đầu dòng này là Lưu trọng Lư. Điều ấy không có gì lạ. Lưu trọng Lư nhắc đọc sách nhất trong các thi sĩ đương thời. Họ Lưu ưa sống trong cuộc đời nhiều hơn trong sách vở. Sách Tàu hay sách Tây cũng vậy. Thi nhân chỉ nhớ mang máng một ít Kiều, một ít Chinh phụ ngâm, năm bảy câu trong bản dịch Tỳ bà hành cùng vài bài cổ phong từ khúc của Tản Đà. Trong những thể thơ ấy, Lưu trọng Lư

đã gửi rất dễ dàng nỗi đau buồn riêng của một người thanh niên Việt nam thời mới.

Một nhà thơ khác cũng tìm cảm hứng trong thi phẩm thời xưa: Phan văn Dật.

Trái lại trong thơ Nguyễn Nhược Pháp chịu không thể thấy dấu tích một nhà thơ xưa nào. Không biết ai đã giúp Nguyễn Nhược Pháp tìm ra nụ cười kín đáo, hiền lành và có duyên ấy. Alfred de Musset chẳng? Dầu sao đây rõ ràng là một nụ cười riêng của người Việt. Thế mà lạ, trong vườn thơ nó chỉ nở ra có một lần. Sau này Nguyễn Bính đi tìm tính chất Việt nam lại trở về ca dao. Thơ Nguyễn Bính có cái vẻ mộc mạc của những câu hát đồng quê. Nguyễn đình Thự cũng có chịu ít nhiều ảnh hưởng ca dao, lại mượn ở ca dao cái vẻ tinh tú. Cho nên Nguyễn đình Thự gần Kiều hơn.

Cuối năm ngoái có xuất bản một tập thơ đáng lẽ được người ta để ý hơn mới phải: *Thơ say* của Vũ Hoàng Chương. Vũ Hoàng Chương rất gần Lưu Trọng Lư, Tản Đà: cả ba đều say. Nhưng cái say của Vũ Hoàng-Chương mới hơn. Cái chán nản cũng thế. Tuy có chịu ảnh hưởng thơ Pháp nhưng trước hết là phản ảnh của cuộc đời mới. Say mà không điên và cái chán nản, dầu có cái vị Baudelaire, vẫn nhẹ nhàng khoáng đãng, không nặng nề u ám như cái chán nản của Baudelaire.

Ngoài Lưu Trọng Lư, Phan văn Dật, Nguyễn Nhược Pháp, Nguyễn - Bính, Nguyễn đình Thự, Vũ Hoàng Chương, trong dòng Việt cơ hồ không còn ai. Hoặc cũng có thể tìm thấy ở đây: Đông Hồ, Nguyễn xuân Huy, Thúc Tề, Nguyễn Vỹ [36](#), T. T. Kh, Hằng Phương, Mộng Huyền, Trần Huyền Trân. Nhưng không lấy gì làm rõ lắm.

Các nhà thơ về dòng này thường có lời thơ bình dị. Họ ít ảnh hưởng lẫn nhau và cũng ít có ảnh hưởng đối với thi ca cận đại. Thi phẩm của họ có tính cách vĩnh viễn hơn tính cách một thời. Vả họ nương vào thanh thế phương Tây cũng ít. Lưu Trọng Lư có thơ đăng báo, trước Thế Lữ. Nhưng đến khi Thế Lữ ra đời, người ta tưởng không có Lưu Trọng Lư nữa. Gần đây trong hàng thanh niên hình

như có người lại sực nhớ tới tác giả *Tiếng thu*. Phải chăng thi ca Việt nam đã đi đến chỗ xoay chiều?

Đó là ba dòng thơ đã đi song song trong mười năm qua. Cố nhiên trong sự thực ba dòng ấy không có cách biệt rõ ràng như thế. Nếu ta nghĩ đến những dòng sông thì đó là những dòng sông nước tràn bờ và luôn luôn giao hoán với nhau. Tuy mỗi dòng mỗi khác nhưng cả ba dòng đều có vài xu hướng chung.

Phong trào thơ mới lúc bộc phát có thể xem như một cuộc xâm lăng của văn xuôi. Văn xuôi tràn vào địa hạt thơ, phá phách tan tành. Một đặc tính của văn xuôi là nói nhiều. Cho nên trong thơ hồi bấy giờ thi tứ hình như giãn ra:

Ta là một khách chinh phụ

Cả ý thơ dồn lại trong hai chữ "chinh phụ", bốn chữ kia thừa. Hãy so sánh câu ấy của Thế Lữ với một câu thơ xưa:

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo

Bảy chữ không một chữ thừa.

Nhưng rồi thơ mới cũng mất dần tính cách văn xuôi: câu thơ càng ngày càng thêm hàm súc. Đôi khi lại còn hàm súc quá. Trong thơ Huy-Cận đã thấy những câu như:

Ngàn năm sực tỉnh, lê thê

Trên thành son nhạt - Chiều tê cú đầu [37](#)

Hai câu ấy còn hiểu được một phần. Thơ của một vài người gần đây lại hàm súc đến nỗi có những câu không ai hiểu gì cả.

Trong mười năm chúng ta đã đi từ thơ đến văn xuôi, rồi lại từ văn xuôi đến thơ và... ra ngoài địa- hạt thơ.

Đồng thời ta thấy mất dần cái hăng hái lúc đầu. Còn nhớ: Ô. Nhất Linh quả quyết rằng thơ Đường luật nếu có hay cũng chỉ hay về văn thể, khó hay về ý tưởng ;

Ô. Lưu trọng Lư công kích tràn, theo họ Lư phép đối trong thơ cũ bất-ngoại "con chó đi ra, con mèo chạy vô"; Ô. Phan Khôi đòi đưa những bài thơ cũ người ta hùa nhau khen hay, "lột tận xương" ra xem cái hay ở đâu. Thực là liều lĩnh! Những câu liều lĩnh như thế mà hỏi bấy giờ bao nhiêu người cho là tự nhiên. Hẳn có sức gì nâng người ta lên trên những điều phải chăng, mực thước. Ấy là một nguồn sống đang rạo rức trong tâm trí thanh niên và trong những văn thơ linh động.

Mười năm qua. Bây giờ chúng ta "biết điều" hơn. Không còn ai làm những câu thơ 27 chữ như Nguyễn thị Kiêm [38](#) , hay có đủ mười hai "chân" như Nguyễn Vỹ. Những cái ngông cuồng trái với tinh thần tiếng Việt đều mất. Hồn thiêng của cha ông còn nương trong tiếng nói đã giữ con cháu không cho làm loạn. Như thế càng hay. Chỉ sợ cùng với cái ngông cuồng ta mất luôn cả tinh thần sáng tạo.

Không biết tương lai sẽ thế nào. Tôi chỉ lo. Một nhà thơ có tài là một nguồn sống. Nhưng nguồn sống vừa xuất hiện màm chết đã đi theo. Tôi gọi bằng màm chết cái thói bắt chước *vô ý thức* nó đang lưu hành trong làng thơ như một cái họa. Không một nhà thơ nào nổi tiếng mà không có một bọn xúm lại bắt chước. Bắt chước rồi tìm ra những vẻ đẹp riêng thì còn nói gì. Đàng này bọn họ như những con thiêu thân chỉ nhảy vào lửa để mà chết.

Nói cho đúng, nhiều người vẫn còn ngông cuồng chán. Phong trào thơ mới đã phá vỡ ít khuôn khổ xưa. Mấy người táo bạo này muốn tiếp tục công việc phá hoại ấy. Họ biến nghĩa tiếng một đi bằng cách sắp đặt tiếng này với tiếng khác một cách bất ngờ. Như thế rất chính đáng. Các nhà thơ chân chính xưa nay đều làm thế để nói cho đúng cái bản sắc của họ [39](#) . Nhưng bao giờ cũng giữ chừng mực. Các Ô. Bích Khê và Xuân Sanh noi theo gương Mallarmé, Valéry không thềm gìn giữ gì hết. Trong tác phẩm của họ vẫn chừng ấy tiếng ta rất quen, nhưng thẳng hoặc ta mới tìm được dấu tích những ý tứ, những tình cảm ta vẫn quen gửi vào đó. Họ chạm trổ rất tỉ mỉ, không phải những rỗng những phượng như ngày trước, mà những gì chẳng ai biết tên. Những gì đó đôi khi cũng đẹp. Đôi khi hình như họ

đã diễn tả được những điều sâu kín, nhưng lời thơ rắc rối quá, dầu sao phần đông chúng ta cũng đành... kính nhi viễn chi.

Không, từ bao giờ đến bây giờ, từ Homère đến Kinh Thi, đến ca dao Việt nam, thơ vẫn là một sức đồng cảm mãnh liệt và quảng đại. Nó đã ra đời giữa những vui buồn của loài người và nó sẽ kết bạn với loài người cho đến ngày tận thế.

Và như thế chẳng có hại gì cho sự phát huy bản sắc của thi nhân. Đoàn thể bao giờ cũng đàn áp cá nhân bằng tất cả sức nặng của ý sáo, chữ sáo. Làm thơ là phản động lại, là lật cái lớp ý sáo, chữ sáo để tìm ở dưới những gì linh động và sâu sắc hơn. Tả tình hay tả cảnh, không quan hệ. Bởi tình hay cảnh đều hòa theo nhịp sống của thi nhân. Nhưng cứ đi sâu vào hồn một người, ta sẽ gặp hồn nòi giống. Và đi sâu vào hồn một nòi giống, ta sẽ gặp hồn chung của loài người. Còn gì riêng cho Nguyễn Du, cho người Việt nam hơn chuyện Kiều? Nhưng chuyện Kiều cũng mãi mãi là chuyện tâm sự của con người không chia màu da, chia thời đại.

Nếu các nhà thơ bí hiểm này chỉ có vài ba người thì chẳng sao. Cái tai nạn lớn nhất có thể xảy ra là tổn giây. Chưa biết chừng họ sẽ làm giàu cho thơ Việt nam cũng nên. Tôi chỉ sợ các thi nhân ta đều đưa nhau vào con đường tối tăm ấy. Rồi thơ sẽ thành món tiêu khiển riêng cho ít người nhàn rồi không còn ăn thua gì đến cuộc đời chung.

Không, muốn tìm một nguồn sống cho thi ca, phải đi theo hướng khác. Ảnh hưởng Pháp đã giúp ta nhận thức cái cá tính của ta. Hoặc trở về thơ Việt xưa, hoặc tìm đến thơ Đường, thơ Pháp, đi đâu thì ta cũng cốt tìm ta. Ta tìm và nhiều lần ta đã gặp. Tôi không biết rồi đây thơ Pháp và thơ Đường, hay nói rộng ra, thơ Trung quốc, còn có thể đưa ta đến đâu [40](#) . Nhưng có một điều rõ ràng là ảnh hưởng thơ xưa của ta hãy còn bạc nhược. Trong ba dòng thơ, dòng Việt luôn luôn bị gián đoạn mà những nhà thơ xếp vào dòng này nhiều khi cũng chỉ nói mỗi cảm của mình một cách tự nhiên không nhờ người xưa làm hướng đạo.

Di sản tinh thần của cha ông đại khái hãy còn nguyên vẹn. Tôi tin rằng nó có thể đưa sinh khí đến cho thơ và cứu các nhà thơ ra khỏi một tình thế chùng như lúng túng. Trong thi phẩm mười năm nay ta đã thấy hiện dần cái hình ảnh mới của người Việt nam. Nếu các thi nhân ta đủ chân thành để thừa hưởng di-sản xưa, nếu họ biết tìm đến thơ xưa với một tấm lòng tre, họ sẽ phát-huy được những gì vĩnh viễn hơn, sâu sắc hơn mà bình dị hơn trong linh hồn nòi giống. Nhất là ca dao sẽ đưa họ về với dân quê, nghĩa là với chín mươi phần trăm số người trong nước. Trong nguồn sống dồi dào và mạnh mẽ ấy họ sẽ tìm ra những văn thơ không phải chỉ dành riêng cho chúng ta, một bọn người có học mới, mà có thể làm nao lòng hết thảy người Việt nam.

Trên kia đã nói đến *Mùa cổ điển* là hết một thời đại trong thi ca.

Làng thơ mới tự mình mở cửa đón mời một người cũ. Họ không nói chuyện hơn thua nữa. Thực hành một ý kiến phát biểu ra từ trước, họ nhã nhặn bỏ luôn cái danh hiệu thơ mới; từ nay thơ họ chỉ gọi nó là thơ [41](#) . Tôi sẵn lòng tin rằng tương lai sẽ chịu theo ý họ. Nhưng Quách Tấn là một người thanh niên có Tây học; người thanh niên ấy hồi 1939 đã xuất bản một tập thơ cũ [42](#) được Tản Đà đề ngang với thơ Yên Đỗ, thơ Hồ Xuân Hương, mà chúng ta lại thấy lạt lạt. Đến nay người cho ra một tập nữa, chúng ta hết sức hoan nghênh, thì trong những nhà thơ cũ chính tông lại ít có người thích. Nội chừng ấy cũng đủ chứng rằng sau này thơ có thể không chia mới cũ, nhưng trong khoảng mười năm qua, mới, cũ là hai sự thực.

Lần theo dòng thời gian đến cuối giai đoạn này của lịch sử, ta hãy dừng lại, để nhận rõ chân tướng của mỗi loại thơ.

Cái danh hiệu thơ cũ ta đã dùng nhiều lần, mỗi người hiểu một cách. Người phái cũ bảo đó là tất cả thi ca Việt nam, tất cả thi ca Trung quốc từ trước tới nay, nghĩa là chỉ trừ những bài quốc văn quái gở mạo danh là thơ mới xuất hiện sau 1932, ngoài ra là thơ cũ hết. Chẳng những thế, họ còn bặn tên thơ cũ cho những bài tuy không đúng niêm luật nhưng vẫn thuộc vào các thể thất ngôn, ngũ ngôn, lục bát..v.v..., do những người trẻ tuổi viết ra. Thành ra khi họ dùng

hai chữ thơ cũ, họ nghĩ đến Khuất Nguyên, Lý Bạch, Đỗ Phủ, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du và bao nhiêu tên rạng rỡ nữa; họ cũng có thể nghĩ đến Lưu Trọng Lư, Thái Can, v... v.... Kể như vậy cũng tiện! Trong các cuộc xung đột họ sẽ đưa những tên ấy ra làm hậu thuẫn thì ai còn dám đương đầu.

Song bọn mới cũng chẳng vừa chi. Họ nhất định cướp cho được Lưu Trọng Lư, Thái Can, v...v..., và dành luôn cả Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Đỗ Phủ, Lý Bạch. Có gì đâu. Trong ý họ thơ cũ là cái mớ thi ca đã xuất hiện khoảng nửa thế kỷ nay, đã trị vì một cách bề vệt trên các sách báo quốc ngữ và hiện đang chiếm một phần lớn cái bộ *Văn đàn bảo giám* của Ô. Trần trung Viên. Hơn nữa, trừ một đôi khi hăng quá hóa liều còn thì nói thơ cũ họ chỉ muốn nói những bài thơ dở gần đây, nhất là những bài thuộc về thể thơ họ căm nhất, thể thơ luật.

Nói tóm lại, thơ cũ hoặc là tinh hoa của mấy ngàn năm văn học, hoặc là căn bã một lối thơ đến lúc tàn.

Định nghĩa như thế thì có thể cãi nhau mãi kiếp cũng chưa xong. Lỗi ấy tại ai? Mới ngó qua thì hình như lỗi những người trẻ tuổi. Nhưng ta hãy nghĩ: danh từ thơ cũ là một danh từ chính họ vừa đặt ra. Ngày xưa không có thơ cũ. Họ cần phải phản động lại một lối thơ rất thịnh hành trong vài ba mươi năm gần đây. Vẫn biết trong lối ấy cũng đã sản xuất ít bài có giá trị, song những bài ấy thừa thớt quá không che được cái tầm thường mệnh mông, cái trống rỗng đồ sộ đương ngự trị trên thi đàn Việt nam. Tinh thần lối thơ ấy đã chết. Họ phải thoát ly ra khỏi xác chết để tìm một đường sống. Không biết gọi xác chết ấy thế nào, họ đặt liều cho nó cái tên: thơ cũ. Chữ dùng có thể sai, nhưng nguyện vọng của họ rất chính đáng. Có bao giờ họ xâm phạm đến các thi hào đời xưa đâu, mà người ta phải nhọc lòng bênh vực [43](#) . Họ chỉ công kích một lối thơ gần đây, một lối thơ - tai hại- nó vẫn giống thơ Lý, Đỗ. Như cái nhăn mặt của Đông Thi vẫn giống cái nhăn mặt của Tây Thi vậy!

Họ không muốn nhăn mặt. Sợ mang cái đại của Đông Thi. Họ tìm những vẻ đẹp khác. Thơ mới ra đời.

Ta hãy định nghĩa thế nào là thơ mới và luôn thể hoặc ta sẽ tìm được cái nghĩa chính đáng của danh từ thơ cũ. Trước hết muốn tránh mọi sự lầm lẫn xin hiểu chữ *thơ* theo nghĩa chữ *thi* trong Kinh Thi hay chữ *poésie* trong tiếng Pháp. Hiểu theo nghĩa rộng vậy. Đã thế, khi nói lối thơ mới chỉ là nói cho tiện, chứ thực ra thơ mới cũng nhiều lối. Bởi không nhận rõ điều ấy nên có đôi người tưởng thơ mới tức là thơ tự do. Đã đành theo cách định nghĩa của người đề xướng ra nó thì chính nó là thơ tự do [44](#), nhưng trong mười năm hàng vạn người đã dùng danh từ thơ mới để chỉ rất nhiều bài thơ khác xa lối thơ tự do. Danh từ này vốn mới đặt ra, người ta trao cho nó nghĩa gì thì nó sẽ có nghĩa ấy. Cho nên phải hiểu nó theo nghĩa thông thường, không thể hiểu theo cách định nghĩa của Ô. Phan Khôi.

Thơ tự do chỉ là một phần nhỏ trong thơ mới Phong trào thơ mới trước hết là một cuộc thí nghiệm táo bạo để định lại giá trị những khuôn phép xưa. Cuộc thí nghiệm bây giờ đã tạm xong. Và đây là những kết quả:

Thể Đường luật vừa động đến là tan. Những bài Đường luật của Quách Tấn dầu được hoan nghênh cũng khó làm sống lại phép đối chữ, đối câu cùng cái nội dung chặt chẽ của thể thơ.

Thất ngôn và ngũ ngôn rất thịnh. Không hẳn là cổ phong. Cổ phong ngày xưa đã thúc lại thành Đường luật. Thất ngôn và ngũ ngôn bây giờ lại do luật Đường giãn và nói ra. Cho nên êm tai hơn. Cũng có lẽ vì nó ưa vần bằng hơn vần trắc.

Ca trù biến thành thơ tám chữ. Thể thơ này ra đời từ trước 1936, nghĩa là trước khi Ô. Thao Thao đề xướng. Yêu vận mất. Phần nhiều vần liên châu.

Lục bát vẫn được trân trọng: Ảnh hưởng chuyện Kiều và ca dao. Song thất lục bát cơ hồ chết, không hiểu vì sao.

Thơ bốn chữ trước chỉ thấy trong những bài vè, nay cất lên hàng những thể thơ nghiêm chỉnh.

Lục ngôn thể trước chỉ thấy trong Bạch vân thi tập thỉnh thoảng cũng được dùng.

Từ khúc mà hồi đầu người ta toan đưa làm thể chính thức của thơ mới, đã chết dần cùng với thơ tự do [45](#).

Luật *đổi thanh* rất tự nhiên trong thơ Việt vẫn chi phối hết thảy các thể thơ [46](#).

Nói tóm lại, phong trào thơ mới đã vứt đi nhiều khuôn phép xưa, song cũng nhiều khuôn phép nhân đó sẽ thêm bền vững. Hẳn tương lai còn dành nhiều vinh quang cho những khuôn phép này. Nó đã qua được một cơn sóng gió dữ dội trong khi các khuôn phép mới xuất hiện đều bị tiêu trầm như thơ tự do, thơ mười chữ, thơ mười hai chữ, hay đương sắp sửa tiêu trầm như những cách gieo vần phóng theo thơ Pháp [47](#).

Đến đây chắc người ta nhắc lại cái câu đã nói nhiều lần: "Không có thơ mới. Cái điều các anh gọi là mới, hơn ngàn năm trước đã có rồi".

Thì ai chẳng nhận thế. Nhưng đã lâu lắm ta chỉ quen với món thất ngôn bát cú. Quen đến ngấy. Bây giờ nếu có gì chưa quen ta cứ gọi là mới, chứ sao. Ở nhà quê mỗi năm một lần ăn cơm mới. Có ai bắt bẻ : " Mới gì thứ cơm ấy, năm ngoái đã ăn rồi" Vậy mặc dầu các lối thơ thông dụng đời nay chỉ là những lối thơ xưa phục hưng, nó vẫn mới như thường.

Hướng chi ta đã thấy những lối thơ xưa phục hưng đều có biến thể ít nhiều. Nó mềm mại hơn. Nhạc điệu câu thơ cũng khác. Vì những chỗ ngắt hơi không nhất định. Nhất là vì cái lối dùng chữ rớt đã được nhập tịch đường hoàng.

Hôm nay tôi đã chết trong người,

Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi.

Hai câu thất ngôn ấy của Xuân Diệu hình dáng khác thơ xưa biết bao. Phép dùng chữ, phép đặt câu đổi mới một cách táo bạo cũng thay hình dáng câu thơ không ít. Những thể thơ, cũng như toàn thể

xã hội Á đông, muốn mưu lấy sinh tồn, không ít thì nhiều cũng phải thay hình đổi dáng.

Nhưng hôm nay tôi chưa muốn nói nhiều về hình dáng câu thơ. Một lần khác buồn rầu hơn chúng ta sẽ thảo luận kỹ càng về luật thơ mới, về những vần gián cách, vần ôm nhau, vần hỗn tạp, về ngữ pháp, cú pháp và nhiều điều rắc rối nữa.

Bây giờ hãy đi tìm cái điều ta cho là quan trọng, hơn: tinh thần thơ mới.

Giá các nhà thơ mới cứ viết những câu như hai câu vừa trích trên này thì tiện cho ta biết mấy. Nhưng chính Xuân Diệu còn viết:

Người giai nhân: bến đợi dưới cây già ;

Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

Và một nhà thơ cũ [48](#) tả cảnh thu lại có những câu nhí nhảnh và lả lơi:

Ô hay! cảnh cũng ưa người nhĩ !

Ai thấy ai mà chẳng ngẩn ngơ?

Giá trong thơ cũ chỉ có những trần ngôn sáo ngữ, những bài thơ chúc tụng, những bài thơ vịnh hết cái này đến cái nọ, mà các nhà thơ mới lại chỉ làm những bài kiệt tác thì cũng tiện cho ta biết mấy. Khốn nỗi, cái tầm thường, cái lố lăng chẳng phải của riêng một thời nào và muốn hiểu tinh thần thơ cho đúng đắn, phải sánh bài hay với bài hay vậy.

Ấu là ta đành phải nhận rằng trời đất không phải dựng lên cùng một lần với thể-hệ chúng ta. Hôm nay đã phối thai từ hôm qua và trong cái mới vẫn còn rớt lại ít nhiều cái cũ. Các thời đại vẫn liên tiếp cùng nhau và muốn rõ đặc sắc mỗi thời phải nhìn vào đại thể.

Cứ đại thể thì tất cả tinh thần thời xưa - hay thơ cũ - và thời nay - hay thơ mới - có thể gồm lại trong hai chữ tôi và ta. Ngày trước là thời chữ ta, bây giờ là thời chữ tôi. Nói giống nhau thì vẫn có chỗ giống nhau như chữ tôi vẫn giống chữ ta. Nhưng chúng ta hãy tìm những chỗ khác nhau.

Ngày thứ nhất - ai biết đích ngày nào - chữ tôi xuất hiện trên thi đàn Việt nam, nó thực bỡ ngỡ. Nó như lạc loài nơi đất khách. Bởi nó mang theo một quan niệm chưa từng thấy ở xứ này: quan niệm cá nhân. Xã hội Việt nam từ xưa không có cá nhân. Chỉ có đoàn thể: lớn thì quốc gia, nhỏ thì gia đình. Còn cá nhân, cái bản sắc của cá nhân chìm đắm trong gia đình, trong quốc gia như giọt nước trong biển cả. Cũng có những bậc kỳ tài xuất đầu lộ diện. Thảng hoặc họ cũng ghi hình ảnh họ trong văn thơ. Và thảng hoặc trong văn thơ họ cũng dùng đến chữ tôi để nói chuyện với người khác. Song dầu tào-bạo đến đâu họ cũng không một lần nào dám dùng chữ tôi để nói chuyện với mình, hay - thì cũng thế - với tất cả mọi người. Mỗi khi nhìn vào tâm hồn họ hay đứng trước loài người mênh mông, hoặc họ không tự xưng [49](#) hoặc họ ẩn mình sau chữ ta, một chữ có thể chỉ chung nhiều người. Họ phải cầu cứu đoàn thể để trốn cô đơn. Chẳng trách gì tác phẩm họ vừa ra đời, đoàn thể đã dành làm của chung, lắm khi cũng chẳng thêm ghi tên của họ. Ở phương Tây, nhất là từ khi có đạo Thiên Chúa, không bao giờ cá nhân lại bị rẻ rúng đến thế.

Bởi vậy cho nên, khi *chữ tôi*, với cái nghĩa tuyệt đối của nó xuất hiện giữa thi đàn Việt nam, bao nhiêu con mắt nhìn nó một cách khó chịu. Nó cứ luôn luôn đi theo

những chữ anh, các bác, chữ ông đã thấy chường. Huống bây giờ nó đến một mình !

Nhưng, ngày một ngày hai, nó mất dần cái vẻ bỡ ngỡ. Nó được vô số người quen. Người ta lại còn thấy nó đáng thương. Mà thật nó tội nghiệp quá!

Thi nhân ta cơ hồ đã mất hết cái cốt cách hiên ngang ngày trước. Chữ ta với họ to rộng quá. Tâm hồn của họ chỉ vừa thu trong khuôn khổ chữ tôi. Đừng có tìm ở họ cái khí phách ngang tàng của một thi hào đời xưa như Lý thái Bạch, trong trời đất chỉ biết có thơ [50](#) . Đến chút lòng tự trọng cần để khinh cảnh cơ hàn, họ cũng không có nữa:

Nỗi đời cay cực đang giờ vuốt,

Cơm áo không đùa với khách thơ.

Không biết trong khi rên rỉ như thế Xuân Diệu có nghĩ đến Nguyễn công Trứ, một người đồng quận, chẳng những đã đùa cảnh nghèo mà còn lấy cảnh nghèo làm vui [51](#) .

Nhưng ta trách gì Xuân Diệu? Xuân Diệu, nhà thơ đại biểu đầy đủ nhất cho thời đại, chỉ nói cái khổ sở, cái thảm hại của hết thấy chúng ta.

Đời chúng ta đã nằm trong vòng chữ tôi. Mất bề

rộng ta đi tìm bề sâu. Nhưng càng đi sâu càng lạnh. Ta thoát lên tiên cùng Thế Lữ, ta phiêu lưu trong trường tình cùng Lưu Trọng Lư, ta điên cuồng với Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên, ta đắm say cùng Xuân Diệu. Nhưng động tiên đã khép, tình yêu không bền, điên cuồng rồi tỉnh, say đắm vẫn bơ vơ. Ta ngơ ngẩn buồn trở về hồn ta cùng Huy Cận.

Cả trời thực, trời mộng vẫn nao nao theo hồn ta.

Thực chưa bao giờ thơ Việt nam buồn và nhất là là xôn xao như thế. Cùng lòng tự tôn, ta mất luôn cả cái bình yên thời trước.

Thời trước, dầu bị oan khuất như Cao bá Nhạ, dầu bị khinh bỏ như cô phụ trên bến Tầm dương, vẫn còn có thể nương tựa vào một cái gì không di dịch. Ngày nay lớp thành kiến phủ trên linh hồn đã tiêu tan cùng lớp hoa hòe phủ trên thi tứ. Phương Tây đã giao trả hồn ta lại cho ta. Nhưng ta bàng hoàng vì nhìn vào đó ta thấy thiếu một điều, một điều cần hơn trăm nghìn điều khác: một lòng tin đầy đủ.

Đó, tất cả cái bi kịch đương diễn ngấm ngấm, dưới những phù hiệu dễ dãi, trong hồn người thanh niên.

Bi kịch ấy họ gửi cả vào tiếng Việt. Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi thế kỷ đã chia sẻ vui buồn với cha ông. Họ dồn tình yêu quê hương trong tình yêu tiếng Việt. Tiếng Việt, họ nghĩ, là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua. Đến lượt họ, họ cũng muốn mượn tấm hồn bạch chung để gửi nỗi băn khoăn riêng.

Nhưng do đó trong thất vọng sẽ nảy mầm hy vọng.

Chưa bao giờ như bây giờ họ hiểu câu nói can đảm của ông chủ báo *Nam phong*: "Truyện Kiều còn, tiếng ta còn ; tiếng ta còn, nước ta còn"

Chưa bao giờ như bây giờ họ cảm thấy tinh thần nòi giống cũng như các thể thơ xưa chỉ biến thiên chứ không sao tiêu diệt.

Chưa bao giờ như bây giờ họ thấy cần phải tìm về dĩ vãng để vin vào những gì bất diệt đủ bảo đảm cho ngày mai.

Novembre 1941

1 Tôi không tin rằng người Việt nam vốn quê hương trên sông Dương tử.

2 Chương dân thi thoại (nhà in Đắc Lập, Huế, 1936) tr. 45-46.

3 Nam-phong tạp chí số 5.

4 Chương dân thi thoại (nhà in Đắc Lập, Huế, 1936, tr. 46.

5 Phụ nữ tân văn ra ngày 24-10-29.

6 Thơ ngũ ngôn của La Fontaine tiên sinh (Trung bắc tân văn, Hà-nội, 1928).

7 Thơ buông (Chân phương, Hà nội, 1918).

8 Tức là ngày xuất bản tờ Phụ nữ tân văn số 122 trong ấy có bài "Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ".

9 TÌNH GIÀ

*Hai mươi bốn năm xưa, một đêm vừa gió lại vừa mưa,
Dưới ngọn đèn mờ, trong gian nhà nhỏ, hai cái đầu xanh, kề
nhau than thở:*

*- "Ôi đôi ta, tình thương nhau thì vẫn nặng, mà lấy nhau hẳn là
khôngặng;*

*"Để đến nỗi tình trước phụ sau, chi cho bằng sớm liệu mà buông
nhau!"*

"Hay! Nói mới bạc làm sao chớ! Buông nhau làm sao cho nỡ?

*"Thương được chừng nào hay chừng nấy, chẳng qua ông Trời
bắt đôi ta phải vậy !*

*"Ta là nhân ngãi, đâu có phải vợ chồng mà tính việc thủy
chung?"*

*Hai mươi bốn năm sau, tình cờ đất khách gặp nhau:
Đôi cái đầu đều bạc. Nếu chẳng quen lung đố có nhìn ra được !
Ôn chuyện cũ mà thôi. Liếc đưa nhau đi rồi! con mắt còn có
đuôi.*

- [10](#) Có trích trong quyển này với nhan đề "Xuân về"
- [11](#) Đăng ở Tiểu thuyết thứ bảy số 29 ra ngày 15-12-34 và số 34 ra ngày 19-1-35.
- [12](#) Đăng ở Văn học tạp chí 1935 và Hanoi báo 1936
Ông Huỳnh viết Tiếng dân, Ông Phan viết Dân báo.
- [13](#) (13) Thơ mới có ở trong chương trình quốc văn ban cao đẳng tiểu học và ban trung học.
- [14](#) Không phải Ô. Tân-Việt, báo Phong hóa.
Hai chữ thơ cũ ở đây xin hiểu theo nghĩa hẹp như các nhà thơ
- [15](#) mới hồi bấy giờ vẫn hiểu (xem đoạn định nghĩa thơ mới, thơ cũ sau này).
- [16](#) Trích trong tập Những bông hoa trái mùa của Tường Vân và Phi Vân xuất bản ở Vinh, 1935.
- [17](#) Phụ nữ tân văn số 211 ra ngày 10-8-33.
- [18](#) Thảo luận luật thơ mới của Lam giang, xuất bản ở Huế, 1939.
- [19](#) Thế Lữ diều Nguyễn Vỹ. Khái Hưng diều chung những kẻ bắt tài nhân phong trào thơ mới thừa cơ muốn nhảy vào, làng thơ.
Quyển Trời xanh thăm của Nguyễn Giang xuất-bản năm 1935, quyển Một tám lòng của Quách Tấn xuất bản năm 1939, không
- [20](#) đủ cho người ta hoan nghênh. Tập thơ cũ rất có giá trị, Mùa cổ điển, của Quách Tấn mới xuất bản hồi Mai năm nay.
- [21](#) Ngày nay số 140 ra ngày 10-12-38.
- [22](#) Nghe đâu Tản Đà không chịu cho Tự lực xuất bản vì sợ in đẹp quá phải bán đắt không phổ cập được trong dân gian
- [23](#) Tuy có bài làm từ 1938.
- [24](#) Trong hai vở kịch Trần Can và Phạm Thái.
- [25](#) Trong tập Thơ của một đời.
- [26](#) Tên nhà xuất bản tưởng tượng đã in quyển Thơ Thơ lần thứ hai.
- [27](#) Baudelaire dịch Edgar Poe.

[28](#) Chế Lan Viên chưa làm thơ Đường nhưng hết sức ca tụng tập thơ Đường Mùa Cỏ điển.

[29](#) Trong tập Màu huyền-diệu.

Hai lối thơ đều ghét lý luận, ghét kể chuyện, ghét tả chân.

[30](#) Nhưng thi nhân đời Đường không bao giờ cố làm mất hẳn cái nghĩa thường từng chữ từng câu để tìm cái đẹp thuần túy như đôi nhà thơ tượng trưng Pháp. Họ gần Verlaine hơn là Mallarmé.

[31](#) Tác phẩm chưa xuất bản nhưng trong làng thơ thường nói đến.

[32](#) La Parnasse.

[33](#) Trong tập Xa xa.

[34](#) Huy Cận nói đã làm những bài có hồn thơ Đường trước khi đọc thơ Đường.

[36](#) Trong bài "Gửi Trương-Tửu" (có trích trong quyển này).

Tôi có nghe người ta nói vốn Huy Cận viết "Chiều tê tái sâu".

[37](#) Nhưng có lẽ vì như thế rõ ràng quá, nên Xuân Diệu chữa lại "Chiều tê cúi đầu". Không rõ sự thực có vậy không.

[38](#) Trong bài "Bà Lafugie" (Phụ nữ tân văn số 239, ra ngày 26- 4- 34).

[39](#) Thí dụ một câu thơ Thế Lữ: "Ái ân bờ cỏ ôm chân trúc". Những chữ "Ái ân" và "ôm" ở đây đã xa cái nghĩa thông thường của nó nhiều lắm. Và cả "bờ cỏ" "chân trúc" cũng nhuộm rất đậm mỗi cảm của thi nhân không còn giữ hình dáng thông thường nữa.

[40](#) Lịch sử thi ca Pháp không phải chỉ có thế kỷ XIX và lịch sử thi ca Trung quốc cũng không phải chỉ có đời Đường.

[41](#) Chế Lan Viên viết: "... Phân chia bờ cõi Thơ bằng hai chữ Mới Cũ chẳng có ý nghĩa gì" (tựa Mùa cỏ điển).

[42](#) Tức là Một tấm lòng.

[43](#) Lâu nay mỗi khi có hứng, tôi toan giở ra ngâm vịnh thì cái hồn thơ của tôi như nó lúng túng, chẳng khác nào cái thân của tôi là lúng túng. Thơ chữ Hán ư? Thì ông Lý, ông Đỗ, ông Bạch, ông Tô choán trong đầu tôi rồi. Thơ nôm ư? Thì cụ Tiên Điền, bà huyện Thanh Quan đè ngang ngực tôi làm cho tôi thở không ra" (Phan Khôi - Phụ nữ tân văn số 122 ra ngày 10-3 -32). "Thơ mới dầu có sản xuất ra được một bức thiên tài lỗi lạc tôi cũng không vì bức thiên tài ấy mà rẻ rúng ông Nguyễn Du thân yêu của tôi,

ông Nguyễn Du bắt diết ; nhà thi sĩ của muôn đời (Lưu trọng Lư - Tiểu thuyết thứ bảy số 29 ra ngày 15-12-34)

[44](#) Xem đoạn trên, tr. 16.

Thơ tự do có khi không vần như thơ Thái Can trong Những nét đan thanh, thường thì có vần. Nhưng dầu có vần nó vẫn khác từ khúc. Nó không bao giờ độc vận. Ba câu cùng một vần đi liền với nhau cũng không mấy khi. Trong một bài từ khúc liền vận thường có vần chệ, vần em như một bản nhạc có âm chính, âm phụ.

[46](#) Hễ câu thơ chia làm hai, ba hay bốn đoạn, những chữ cuối các đoạn phải lần lượt bằng, rồi trắc, hay bằng ngắn (không dấu), bằng dài (có dấu huyền). Tôi gọi luật ấy là luật đổi thanh

Tiếng ta có bằng trắc rõ ràng. Nhiều khi chỉ đổi thanh cũng đủ không cần vần. Đọc mấy câu này của Đoàn phú Tứ:

Duyên trăm năm dứt đoạn

Tình một thuở còn hương

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngát.

[47](#) có ai ngờ là những câu không vần. Còn như trong mấy câu này của Xuân Diệu:

Đây, đây thơ e ấp đã lâu rồi,

Chìm trong có một vườn hoa bỏ vống ;

(Lòng tôi đó: một vườn hoa cháy nắng),

Xin lòng người mở cửa ngó lòng tôi...

giá thay chữ "tôi" cuối câu thứ tư bằng một chữ gì khác không dấu đọc lên vẫn êm. Đại khái gieo vần phỏng theo thơ Pháp đều thừa như thế, mà lắm khi lại còn làm mất cả âm điệu bài thơ.

[48](#) Ô. Dương Quảng Hàm (Quốc văn trích diễm) và Ô. Trần trung Viên (Văn đàn bảo giám) bảo là bà huyện Thanh Quan ; Ô. Cordier (Morceaux choisis d'auteurs annamites) và Ô. Nguyễn hữu Tiền (Giai nhân di mặc) nói là Hồ Xuân Hương.

[49](#) Suốt trong "khúc tự tình" của Cao bá Nhạ dài 538 câu chữ tôi không có đã đành, mà cũng không có lấy một chữ ta.

[50](#) Xem bài nói về Nguyễn-Vỹ.

[51](#) "Ngày ba bữa vỗ bụng rau bình bịch, người quân tử ăn chẳng cầu no ;

Đêm năm canh an giấc ngáy kho kho, đời thái bình cửa thường
bỏ ngõ". (Hàn nho phong vị phú)

"Tin xuân đã có cành mai đỏ
Chẳng lịch song mà cũng biết giêng" (Vui cảnh nghèo)

Thế Lữ

Chính tên là Nguyễn Thứ Lễ. Sinh tháng 10 năm Đinh mùi (1907). Nơi sinh lấy làm lạ thấy người nhà nói là Thái Hà ấp Hà Nội, còn thi sĩ thì cứ tưởng là Lạng Sơn, nơi đã ở từ khi còn bé đến năm 11 tuổi. Mười một tuổi xuống Hải Phòng. Học đến năm thứ ba ban Thành chung thì bỏ để theo sở thích riêng. Sau đó lên Hà Nội học trường Mỹ Thuật, nhưng lại thôi ngay. Bắt đầu viết từ hồi này

Được ít lâu bị đau lại về Hải Phòng tĩnh dưỡng. Những ý thơ và đôi bài thơ đầu tiên, như bài "Lựa tiếng đàn", nảy ra trong lúc này.

Có chân trong Tự lực văn đoàn và trong toà soạn các báo Phong hoá, Ngày nay, Tinh hoa.

Đã xuất bản: *Mấy vần thơ* (1935). *Mấy vần thơ*, tập mới (Đời nay, Hà Nội, 1941).

Luôn trong mấy năm mê theo người người này, người khác, tôi không hề ngâm thơ Thế Lữ. Tôi cứ nghĩ lòng trí tôi đã thay đổi không sao có thể thích những vần thơ không cùng tôi thay đổi. Nhưng hôm nay, đọc lại những câu với tôi vẫn còn quen quen, tôi sung sướng biết bao. Tôi đón đọc những câu thơ ấy với cái hân hoan của khách phiêu lưu lúc trở về cố hương gặp lại những người thân yêu cũ. Dầu nhìn nét mặt một hai người, khách không khỏi ngỡ ngợ...

Nhưng hề chi! Khách vẫn gửi ở đó cái hương vị những ngày âm thầm qua trong gian nhà nọ... Cả một thời xưa tỉnh dậy trong lòng tôi. Tôi sống lại những đêm bình yên đầy thơ mộng.

Độ ấy thơ mới vừa ra đời. Thế Lữ như vàng sao đột hiện ánh sáng chói khắp cả trời thơ Việt Nam. Dẫu sau này danh vọng Thế Lữ có mờ đi ít nhiều, nhưng người ta không thể không nhìn nhận cái công Thế Lữ đã dựng thành nền thơ mới ở xứ này. Thế Lữ chỉ lặng lẽ, chỉ điềm nhiên bước những bước vững vàng, mà trong khoảnh khắc cả hàng ngũ thơ xưa phải tan vỡ.

Bởi vì không có gì khiến người ta tin ở thơ mới hơn là đọc những bài thơ mới hay. Mà thơ Thế lữ về thể cách mới không một chút rụt rè, mới từ số câu, số chữ, cách bỏ vần, cho đến tiết tấu âm thanh. Đọc những câu như:

Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,

Với tiếng gió gào ngàn, với giọng nguồn hét núi,

Với khi thét khúc trường ca dữ dội,

Ta bước chân lên, dũng dạc, đường hoàng,

Lượn tám thân như sóng cuộn nhịp nhàng,

Vờn bóng âm thầm, lá gai cỏ sắc.

Đọc những câu ấy, không ai còn có quyền bữu môi trước cuộc cách mệnh về thi ca đương nổi dậy, Cho đến những bài thất ngôn, ngũ ngôn, lục bát, song thất lục bát của Thế lữ cũng khác hẳn xưa. Thế lữ làm rạn vỡ những khuôn khổ ngàn năm không di dịch. Chữ dùng lại rất táo bạo. Đọc đôi bài, nhất là bài "Nhớ rừng", ta tưởng chừng những chữ bị xô đẩy, bị dằn vặt bởi một sức mạnh phi thường. Thế lữ như một viên tướng điều khiển đội quân Việt ngữ bằng những mệnh lệnh không thể cưỡng được.

Nhưng con người táo bạo ấy vẫn không nở lìa những giấc mơ mộng nên thơ của thời trước. Tuy ảnh hưởng thi ca Pháp về phái lãng mạn và nhất là ảnh hưởng tản văn Pháp đã khiến những mộng ấy có một ít hình dáng mới, ta vẫn có thể nhìn nhận dễ dàng cái di sản của lớp người vừa qua. Thế lữ cũng như phần đông thanh niên ta hồi trước hay buồn nản vẫn vơ.

Người muốn sống cuộc đời ẩn sĩ

Trăm năm theo dõi đám mây trôi

Người lưu luyến cảnh tiên trong tưởng tượng, phảng phất nghe tiếng sáo tiên, mãi mê nhìn những nàng tiên. Muốn gọi trí mơ tưởng cảnh tiên, người không cần chi nhiều. Đương đi giữa đường phố rộn rịp, bỗng trông thấy những cảnh đào cảnh mai là người đã...

tưởng nhớ cảnh quê hương

Bồng lai muôn thửa vườn xuân thắm,

Sán lạn, u huyền, trong khói hương...

Đương cùng bầu bạn uống rượu, vừa ngà ngà say là người đã thoát trần bỏ bạn hữu ở lại để đi về chốn

Lung linh vàng đội cung Quỳnh

Nhịp nhàng biến hiện những mình Tiên nga.

Ở xứ ta từ khi có người nói chuyện tiên, nghĩa là từ khi có thi sĩ, chưa bao giờ ta thấy thế giới tiên có nhiều vẻ đẹp như thế. Phải chăng cõi tiên đã cùng cõi trần Âu hoá.

Nhưng làm tiên, làm ẩn sĩ hay làm chinh phu chỉ là chuyện mộng. Sự thực thì khi nghe tiếng ái ân réo rắt, chỉ có khách chinh phu" đi theo đuổi bước tương lai", còn thi nhân và chúng ta ở lại bên sông cùng thiếu nữ. Sự thực thì giấc mộng ẩn sĩ tan dần trong một căn phòng tại Hà Nội. Và nói cho đúng, thi nhân có lên tiên cũng chỉ để nói chuyện dưới trần. Những áo đào thiên tiên người thấy trong khi say thường pháp phối trên bờ hồ Hoàn Kiếm: Tôi muốn nói Thế lữ vẫn nặng lòng trần, Người say theo những cảnh đẹp của trần gian muôn hình muôn vẻ, từ

Cảnh vĩ đại sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ ;

cho đến

Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay;

Người đã khéo tả hình sắc lại cũng khéo tả âm thanh. Những đoạn thơ tả cảnh, tả tiếng của Thế lữ thực không sao kể xiết. Ngay sau những bài không hay lắm, vẫn có nhiều cái rất thân tình, chẳng hạn như:

Sáng hôm nay, sương biếc tỏa mờ mờ

Như hương khói đượm đầu cau, mái rạ;

Ánh hồng tía rắc ngọc châu trên lá,

Trời trong xanh, chân trời đỏ hây hây.

Nhưng trong "vườn trần gian" còn có gì thắm tươi hơn những thiếu nữ. Cho nên không biết bao nhiêu lần thi nhân tả người đẹp với những nét tinh tế, dịu dàng và âu yếm. Người thấy rõ:

Trên vầng trán ngây thơ, trong sáng

Vẫn vờ qua một áng hương buồn.

Người lặng nhìn:

Đôi mắt cô em như say, như đắm,

Như buồn in hình ảnh giấc mơ xa

Người mãi mê nghe tiếng hát người đẹp:

Tiếng hát trong như ngọc tuyền,

Êm như gió thoảng cung tiên.

Cao như thông vút, buồn như liễu:

Nước lặng, mây ngừng, ta đứng yên.

Có những thi nhân chỉ tìm ý thơ trong tình yêu của một người. Trái lại, trong Thế lữ thấp thoáng hình ảnh không biết bao nhiêu người. Mỗi thiếu nữ đã đi qua trong đời thi nhân hay trong trí tưởng thi nhân đều mang theo một chút hương ân ái. Đối với họ thi nhân chưa đủ thân mật để gọi bằng em; thi nhân chỉ dùng hai tiếng "cô em", nghe lảng lơ, mà xa vời và thiếu tình ấm áp. Có lẽ Thế lữ là một người khát yêu, lòng mở sẵn để đón một tình duyên không thấy tới. Mỗi tình yêu không người yêu ấy man mác khắp cỏ cây mây nước, nên thi nhân thường tả những cảnh đượm tình luyến ái:

Mây hồng ngừng lại sau đèo,

Mình cấy nắng nhuộm, bóng chiều không đi:

Trời có những dải mây huyền thấp thoáng

Như vẩn vương lưu luyến quện lòng ai;

Khiến cho cảnh bồi hồi ngây ngất.

Tiếng sáo chưa nở dứt trên không,
Khiến cho hồ nước mịt mù,
Ngày không muốn hết, ta không muốn về.

Thơ Thế lữ là nơi hẹn hò của hai nguồn thi cảm. Thế lữ đã bắn khoăn trước hai nẻo đường: nẻo về quá khứ với mơ mộng, nẻo tới tương lai và thực tế. Đáng lẽ Thế lữ nên rẽ nẻo thứ hai này. Sau một hồi mộng mị vẩn vơ, thơ Thế lữ như một luồng gió lạ xui người ta biết say sưa cái sản lại của cuộc đời thực tế, biết cười cùng hoa nở chim kêu, biết yêu và biết yêu tình yêu. Thế lữ đã làm giáo sư dạy khoa tình ái cho cả một thời đại.

Nhưng hình như có hồi Thế lữ đã đi làm đường. Bởi người ta nói quá nhiều, nên thi nhân tưởng quê hương mình là tiên giới và quên rằng đặc sắc của người chính ở chỗ tả những vẻ đẹp thực của trần gian.

Tuy vậy, dầu về sau thơ Thế lữ có phần kém trước, nhưng giá những bài thơ ấy là của một người khác, thì vẫn có thể dành cho tác giả nó một địa vị khá trên thi đàn. Bởi vì Thế lữ ít khi ghép những lời suông, khi nào viết cũng có chuyện gì để nói.

Tôi nói về Thế lữ đã quá nhiều rồi. Nhưng còn biết bao nhiêu điều muốn nói nữa. Tôi thấy chung quanh tôi người ta lạnh lùng quá. Thế lữ cơ hồ đã đi theo phần đông thi sĩ trong " Văn đàn bảo giám". Cái cảnh lạt phai ấy sao buồn thế!

Không, ta hãy đi ngược lại thời gian, quên những sở thích nhất thời và trân trọng lấy những bông hoa vẫn thắm tươi như hồi mới nở.

Janvier - 1941

NHỚ RỪNG

(Lời con hổ ở vườn Bách thú)

Gậm một khối căm hờn trong cũi sắt,

Ta nằm dài, trông ngày tháng dần qua.

Khinh lữ người kia ngạo mạn, ngẩn ngơ,

Giương mắt bé diều oai linh rừng thẳm,
Nay sa cơ, bị nhục nhằn tù hãm,
Để làm trò lạ mắt, thứ đồ chơi.
Chịu ngang bầy cùng bọn gấu dở hơi,
Vớ cặp báo chuồng bên vô tư lự.
Ta sống mãi trong tình thương nỗi nhớ,
Thửa tung hoành hống hách những ngày xưa.
Nhớ cảnh sơn lâm, bóng cả, cây già,
Vớ tiếng gió gào ngàn, vớ giọng nguồn hét núi,
Vớ khi thét khúc trường ca dữ dội,
Ta bước chân lên, dõng dạc, đường hoàng,
Lượn tấm thân như sóng cuộn nhịp nhàng,
Vờn bóng âm thầm, lá gai, cỏ sắc.
Trong hang tối, mắt thần khi đã quắc,
Là khiến cho mọi vật đều im hơi.
Ta biết ta chúa tể của muôn loài,
Giữa chốn thảo hoa không tên, không tuổi.
Nào đâu những đêm vàng bên bờ suối,
Ta say mồi đứng uống ánh trăng tan?
Đâu những ngày mưa chuyển bốn phương ngàn,
Ta lặng ngắm giang san ta đổi mới?
Đâu những bình minh cây xanh nắng gội,
Tiếng chim ca giấc ngủ ta tưng bừng?
Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng.
Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,

Để ta chiếm lấy riêng phần bí mật?

- Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

Nay ta ôm niềm uất hận ngàn thâu,

Ghét những cảnh không đời nào thay đổi,

Những cảnh sửa sang, tầm thường, giả dối:

Hoa chăm, cỏ xén, lối phẳng, cây trồng;

Dải nước đen giả suối, chẳng thông dòng

Len dưới nách những mô gò thấp kém;

Dăm vùng lá hiến lành, không bí hiểm,

Cũng học đòi bắt chước vẽ hoang vu

Của chốn ngàn năm cao cả, âm u.

Hỡi oai linh, cảnh nước non hùng vĩ!

Là nơi giống hùng thiêng ta ngự trị.

Nơi thênh thang ta vùng vẫy ngày xưa,

Nơi ta không còn được thấy bao giờ!

Có biết chăng trong những ngày ngao ngán,

Ta đương theo giấc mộng ngàn to lớn

Để hồn ta phảng phất được gần người,

- Hỡi cảnh rừng ghê gớm của ta ơi!

(Mấy vần thơ, tập mới)

o

TIẾNG TRÚC TUYỆT VỜI

Tiếng địch thổi đâu đây,

Cớ sao mà réo rắt?

Lơ lửng cao đưa tận lưng trời xanh ngắt,

Mây bay... gió quuyến mây bay...

Tiếng vi vút như khuyển van, như dừ dặt

Như hắt hiu cùng hơi gió heo may.

Ánh chiều thu

Lướt mặt hồ thu,

Sương hồng lam nhẹ lan trên sóng biếc,

Rặng lau già xao xác tiếng reo khô.

Như khua động nỗi nhớ nhung, thương tiếc

Trong lòng người đứng bên hồ.

Cô em buồn đứng bên hồ

Nghiêng tựa mình cây, dáng thẫn thờ.

Chừng cô tưởng đến ngày vui sẽ mất,

Mà sắc đẹp rõ ràng rồi sẽ tắt

Như bóng chiều dần khuất

Dưới chân trời.

Cho nên cô nghe tiếng trúc tuyệt vời,

- Thẩn thức với lòng cô thẩn thức,

Man mác với lòng cô man mác -

Cô để tâm hồn tê tái, băng khuâng.

Ta muốn nâng

Tấm khăn hồng lau mắt lệ cho ai.

Vì ta sợ má đào kia phai,

Cũng như ta đã ca
Khuyên ngày vui trở lại
Cùng với ánh quanh mình còn mãi.
- Cho người vui cảnh quên già.

o

TIẾNG SÁO THIÊN THAI

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng.
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơ! Xa vắng, mệnh mông là buồn...
Tiên Nga tóc xoã bên nguồn.
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đầu hiu;
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.
Trời cao, xanh ngắt. - Ô kìa
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai.
Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo giòng suối bên người Tiên Nga.
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vất vẻo bên bờ cây xanh,
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc Nữ uốn mình trong không.
Thiên Thai thoảng gió mơ mòng,

Ngọc Chân buồn tưởng tiếng lòng xa bay...

o

BÊN KIA ĐƯA KHÁCH

Tặng tác giả "Đời mưa gió"

Lòng em như nước Trường Giang ấy,
Sớm tối đưa chàng tới Phúc Châu.

(Lời kỹ nữ)

Trời nặng mây mù. Mấy khóm cây
Đứng kia, không biết tỉnh hay say,
Đỗ bờ sông trắng con thuyền bé,
Cạnh lớp lau già, gió lất lay.

Tôi tiễn đưa anh đến tận thuyền
Để dài thêm hạn cuộc tình duyên;
Thuyền đi, tôi sẽ rời chân lại.

Tôi nhớ tình ta, anh vội quên.

Thuyền khách đi rồi tôi vẫn cho
Lòng tôi theo lái tới phương mô?
Bâng khuâng trong cõi sầu vô hạn.
Không khóc, vì chưng mắt đã khô.
Đâu biết rằng anh cũng chỉ là
Khách chơi giây lát ghé chơi qua;

Rồi thôi, nín áo không tình nữa,
Để mặc tình ai khỏi ước mơ.
Tôi chỉ là người mơ ước thôi,
Là người mơ ước hão! Than ôi!
Bình-minh chói lói đâu đâu ấy,
Còn chốn lòng riêng u-ám hoài.
Mà biết vô duyên vẫn cứ mong,
Trăm năm ôm mãi khối tình không,
Trọn đời làm kẻ đưa thuyền khách:
Thuyền chầy bơ vơ đứng với sông.

o

CÂY ĐÀN MUÔN ĐIỀU

Tôi là người bộ hành phiêu lãng
Đường trần gian xuôi ngược để vui chơi
Tìm cảm giác hay trong tiếng khóc, câu cười,
Trong lúc gian lao, trong giờ sung sướng,
Khi phấn đấu cũng như hồi mơ tưởng.
Tôi yêu đời cùng với cảnh lầm than,
Cảnh thương tâm, ghê gớm, hay dị đàng.
Cảnh rục rở, ái ân hay dữ dội.
Anh dù bảo: tính tình tôi thay đổi,
Không chuyên tâm, không chủ nghĩa: nhưng cần chi?
Tôi chỉ là một khách tình si

Ham vẽ Đẹp có muôn hình, muôn thể.

Mượn lấy bút nàng Ly Tao tôi vẽ,

Và mượn cây đàn ngàn phím, tôi ca

Vẽ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ,

Cũng như vẽ Đẹp cao siêu, hùng tráng

Của non nước, của thi văn, tư tưởng.

Dáng yêu kiều tha thướt khách giai nhân;

Ánh tung bừng linh hoạt nắng trời xuân;

Vẽ sâu muợn âm thầm ngày mưa gió;

Cảnh vĩ đại, sóng nghiêng trời, thác ngàn đổ;

Nét mong manh, thấp thoáng cánh hoa bay;

Cảnh cơ hàn nơi nước đọng bùn lầy;

Thú sán lạn mơ hồ trong ảo mộng;

Chí hăng hái đua ganh đời náo động:

Tôi đều yêu, đều kiếm, đều say mê.

Tôi sẵn lòng đau vì tiếng ai bị,

Và tôi cảm khái bởi những lời hăng hái.

Tôi ngợi ca với tiếng lòng phấn khởi,

Tôi thở than cùng thiếu nữ băng khuâng,

Tôi véo von theo tiếng sáo lưng chừng,

Tôi yên ửi với tiếng chuông huyền diệu,

Với Nàng Thơ, tôi có đàn muôn điệu;

Với Nàng Thơ, tôi có bút muôn màu:

Tôi muốn làm nhà nghệ sĩ nhiệm màu:

Lấy thanh sắc trần gian làm tài liệu.

VỀ ĐẸP THOÁNG QUA

Hôm qua đi hái mấy vần thơ,

Ở mãi vườn tiên gần Lạc Hồ:

Cảnh tĩnh trong hoa chim mách lẻo.

- Gió đào mơn trớn liễu buông tơ.

Nước mát hơi thu thấm sắc trời,

Trời xanh, xanh ngắt đượm hồng phai.

Ái ân, bờ cỏ ôm chân trúc,

Sau trúc, ô kìa! xiêm áo ai?

Rẽ lá, thi nhân bước lại bên

Mấy vòng sóng gợn mặt hồ yên,

Nhờn nhớ vùng vầy ba cô tắm

Dưới khóm hoa quỳnh lá biếc xen.

Hồ trong như ngọc tắm thân ngà,

Lồ lộ da tiên thô sắc hoa,

Mỉm miệng anh đào tan tác rụng,

Tóc buông vờn mặt nước say xưa.

Say xưa, người khác lạ bỗng lai,

Giận lũ chim kia khúc khích hoài.

Van khế gió đừng vi vút nữa.

- Nhưng mà chim, gió có nghe ai?

Lời oanh trên liễu, yến bên hồng,
Hạc ở trong không, phụng dưới tùng,
Bỗng chốc cùng nhau cao tiếng hoạ,
Đờn tiên rộn rã khắp tiên cung...
Hoa lá cùng bay bướm lượn qua,
Người tiên biến mất, -- Khách trông ra:
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
- Một áng hương tan, khói toả mờ
.Hoa lá cùng bay bướm lượn qua,
Người tiên biến mất, -- Khách trông ra:
Mặt hồ nước phẳng nghiêm như giận.
- Một áng hương tan, khói toả mờ.

o

GIẤY PHÚT CHẠNH LÒNG

Tặng tác giả "Đoạn tuyệt"

"Anh đi đường anh, tôi đường tôi,
Tình nghĩa đôi ta có thể thôi.
Đã quyết không mong xum họp mãi.
Bận lòng chi nữa lúc chia phôi?
"Non nước đang chờ gót lãng du,
Đâu đây vắng tiếng hát chinh phu,
Lòng tôi phơi phới quên thương tiếc
Đưa tiễn anh ra chốn hải hồ.

"Anh đi vui cảnh lạ, đường xa,
Đem chí bình sinh dãi nắng mưa,
Thân đã hiến cho đời gió bụi
Đâu còn lưu luyến chút duyên tơ?
"Rồi có khi nào ngấm bóng mây
Chiều thu đưa lạnh gió heo may
Dừng chân trên bến sông xa vắng,
Chạnh nhớ tình tôi trong phút giây;
"Xin anh cứ tưởng bạn anh tuy
Giam hãm thân trong cảnh nặng nề,
Vẫn để hồn theo người lận đận;
Vẫn hằng trông đếm bước anh đi.
Lấy câu khẳng khái tiễn đưa nhau,
Em muốn cho ta chẳng thăm sầu.
Nhưng chính lòng em còn thổn thức,
Buồn kia em giấu được ta đâu?
Em đứng nương mình dưới gốc mai,
Vịn ngành sương đọng, lệ hoa rơi,
Cười nâng tà áo đưa lên gió,
Em bảo: hoa kia khóc hộ người.
Rồi bỗng ngừng vui cùng lặng lẽ,
Nhìn nhau bình thản lúc ra đi.
Nhưng trong khoảnh khắc thờ ơ ấy,
Thấy cả muôn đời hận biệt ly.
Năm năm theo tiếng gọi lên đường,

Tóc lộng tôi bởi gió bốn phương.
Mấy lúc thần thờ trông trở lại,
Để hồn mơ tới bạn quê hương.
Ta muốn lòng ta cứ lạnh lùng
Gác tình duyên cũ chẳng đường trông.
Song le hương khói yêu đương vẫn
Phảng phất còn vương vấn cạnh lòng.
Hôm nay tạm nghỉ bước gian nan.
Trong lúc gần xa pháo nổ ran.
Rũ áo phong sương trên gác trọ.
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.
Ta thấy xuân nồng thấm khắp nơi,
Trên đường rộn rã tiếng đua cười,
Động lòng nhớ bạn xuân năm ấy.
Cùng ngắm xuân về trên khóm mai.
Lòng ta tha thiết đượm tình yêu,
Như cảnh trời xuân luyến nắng chiều,
Mắt lệ đăm trông miền cách biệt,
Phút giây chừng mỗi gót phiêu lưu...
Cát bụi tung trời - Đường vất vả
Còn dài - Nhưng hãy tạm dừng chân,
Tưởng người trong chốn xa xăm ấy
Chẳng biết vui buồn đón xuân?
(Mấy vần thơ, tập mới)

Vũ Đình Liên

Sinh ngày 15 tháng 10 năm Quý Sửu (1913) ở Hà Nội

Học: Trường Bảo hộ, trường Luật.

Dạy tư, quản lý Tinh hoa, chủ trương Revue pédagogique.

Hiện làm tham tá Thương chính Hà nội.

Đã đăng thơ: Phong hóa, Loa, Phụ nữ thời đàm, Tinh hoa.

Có những nhà thơ không bao giờ có thể làm được một câu thơ - tôi muốn nói một câu đáng gọi là thơ. Những người ấy hẳn là những người đáng thương nhất trong thiên hạ. Sao người ta thương hại những kẻ bị tình phụ nuôi một giấc mộng ái ân không thành, mà không ai thương lấy những kẻ mang một mối tình thơ u uất chịu để tan tành giấc mộng quý nhất và lớn nhất ở đời; giấc mộng thơ?

Hôm nay trong khi viết quyển sách này, một quyển sách họ sẽ xem như một sự mỉa mai đau đớn, thơ Vũ Đình Liên bỗng nhắc tôi nghĩ đến những con người xấu số kia.

Tôi có cần phải nói ngay rằng Vũ Đình Liên không phải một người xấu số? Trong làng thơ mới, Vũ Đình Liên là một người cũ. Từ khi phong trào thơ mới ra đời, ta thấy có thơ Vũ Đình Liên trên các báo. Người cũng ca tình yêu như hầu hết mọi nhà thơ hồi bấy giờ. Nhưng hai nguồn thi cảm chính của người là lòng thương người và tình hoài cổ. Người thương những kẻ thân tàn ma dại, người nhớ những cảnh cũ người xưa. Có một lần hai nguồn cảm hứng ấy đã gặp nhau và đã để lại cho chúng ta một bài thơ kiệt tác: Ông đồ. Ông đồ năm năm đến mùa hoa đào, lại ngồi viết thuê bên đường phố. "Ông chính là cái di tích tiêu tụy đáng thương của một thời tàn"

¹. Ít khi có một bài thơ bình dị mà cảm động như vậy. Tôi tưởng như đọc lười sấm hối của cả một bọn thanh niên chúng ta đối với lớp người đương đi về cõi chết. Đã lâu lắm chúng ta chỉ xúm nhau lại chế giễu họ quê mùa, mặt sặt họ hủ lậu... Cái cảnh thương tâm của nền học Nho lúc mặt vận chúng ta vô tình như không lưu ý. Trong

bọn họ, chúng ta vẫn có một hai người ca tụng đạo Nho và các nhà nho. Nhưng chế giễu mạt sát không nên, mà ca tụng cũng không được. Phần đông các nhà nho còn sót lại chỉ đáng thương. Không nghiên cứu, không lý luận, Vũ Đình Liên với một tấm lòng dễ cảm nhận ra sự thực ấy và gián tiếp chỉ cho ta cái thái độ hợp lý hơn cả đối với các bậc phụ huynh của ta. Bài thơ của người có thể xem là một nghĩa cử.

Theo đuổi nghề văn mà làm được một bài thơ như thế cũng đủ. Nghĩa là đủ để lưu danh, đủ với người đời. Còn riêng đối với thi nhân thực chưa đủ. Tôi thấy Vũ Đình Liên còn bao nhiêu điều muốn nói, cần nói mà nghẹn ngào không nói được. "Tôi bao giờ - Lời Vũ Đình Liên - cũng có cái cảm tưởng là không đạt ý thơ của mình. Cũng vì không tin thơ tôi có một chút giá trị nên đã lâu tôi không làm thơ nữa" ². Vũ Đình Liên đã hạ mình quá đáng, chúng ta đều thấy. Nhưng chúng ta cũng thấy trong lời nói của người một nỗi đau lòng kín đáo. Người đau lòng thấy ý thơ không thoát được lời thơ như linh hồn bị giam giữ trong nhà tù xác thịt. Có phải vì thế mà hồi 1937, trước khi từ giã thi đàn, người đã gửi lại đôi vần thơ u uất:

Nặng mang mãi khối hình hài ô nhục.

Tâm hồn ta đã nhọc tự lâu rồi!

Bao nhiêu xanh thăm thăm trên bầu trời;

Bao bóng tối trong lòng ta vẫn đục!

Nghĩ cũng tức! Từ hồi 1935 tả cảnh thu, Vũ Đình Liên viết:

Làn gió heo may xa hiu hắt,

Lạnh lùng chẳng biết tiễn đưa ai!

Hai câu thơ cũng sạch sẽ, dễ thương. Nhưng làm sao người ta còn nhớ được Vũ Đình Liên khi người ta đã đọc, bốn năm sau mấy câu thơ Huy Cận cùng một tứ:

Ôi! nắng vàng sao nhớ nhung!

Có ai đàn lẻ tơ chùng?

Có ai tiễn biệt nơi xa ấy

Xui bước chân đây cũng ngại ngừng...

Cũng may những câu thơ hoài cổ của Huy Cận:

Bờ tre rung động trống châu,

Tưởng chừng còn vọng trên lầu ải quan

Đêm mơ lay ánh trăng tàn,

Hồn xưa gửi tiếng thời gian, trống dồn.

Những câu thơ tình nhẹ nhàng, tứ xa vắng chưa đến nỗi làm ta quên cái lòng hoài cổ âm thầm, u tịch của Vũ Đình Liên:

Lòng ta là những hàng thành quách cũ,

Từ ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.

Tháng 9 - 1941

Lòng ta là những hàng thành quách cũ, [3](#)

Dậy đi thôi con thuyền nằm dưới bến,

Vì đêm nay ta lại căng buồm đi

Mái chèo mơ để băng khuâng trôi đến

Một phương trời mây lọc bóng trắng khuya

Gió không thổi, nước sông trôi giá lạnh

Thuyền đi trong bóng tối luỹ thành xưa [4](#)

Trên chòi cao, từ ngàn năm sức tĩnh

Trong trăng khuya bỗng vắng tiếng loa mơ

Từ ngàn năm cả hồn xưa sức tĩnh

Tiếng loa vang giây lát động trăng khuya

Nhưng giây lát lại rơi im hiu quạnh

Cả hồn xưa im lặng trong trăng khuya

Trôi đi thuyền! cứ trôi đi xa nữa
Vỗ trắng khuya bơi mãi! cánh chèo mơ
Lòng ta là những hàng thành quách cũ
Từ ngàn năm bỗng vắng tiếng loa xưa.
(Đăng trên báo Tinh hoa.)

Ông Đồ

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực Tàu, giấy đỏ
Bên phố đông người qua
Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài:
“Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay”
Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ buồn không thấm
Mực đọng trong nghiên sầu...
Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay
Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa

Những người muôn năm cũ

Hồn ở đâu bây giờ?

1936

Đăng trên báo Tinh hoa.

[1](#) Lời Vũ Đình Liên trong một bức thư gửi cho chúng tôi (9.1.41)

[2](#) Cũng trong bức thư đề ngày 9.1.41

[3](#) Làm sao khi xem lễ Nam giao 1936

Đã nói: "lòng ta là những hàng thành quách cũ", rồi lại nói cỡi

"thuyền đi trong bóng tối lữ thành xưa", bài thơ tựa hồ vô nghĩa.

[4](#) Nhưng nếu ta nghĩ rằng chỉ hồn ta mới có thể đi du ngoạn trong
hồn ta thì ta sẽ thấy là tự nhiên vậy.

Lan Sơn

Chính tên là Nguyễn Đức Phòng. Sinh ngày 11- 4-1912 ở Hải Phòng.

Chánh quán: Phủ Anh Sơn(Nghệ An). Học trường Hải Phòng, trường Tourane, trường Bảo hộ Hà nội.

Hiện làm việc ở sở Công chính Hải Phòng.

Đã viết giúp: Hải Phòng tuần báo, Phong hóa, Ngày nay, Tinh hoa.

Đã xuất bản: Anh với em(1934).

Một buổi sáng kia, tình yêu đã đến với Lan Sơn và người học trò ấy bỗng thành thi sĩ.

Tình yêu không đưa Lan Sơn vào một trời đất xa lạ; Lan Sơn chưa từng đi sâu vào những chỗ u ẩn trong lòng người. Người chỉ nói những điều rất tầm thường, nhưng điều ai cũng biết, nhưng giọng nói của người thiết tha, chân thực dễ cảm lòng ta.

Xem như khi người mong thư:...

Thư bạn thôi không có buổi nay!

Người phát thư vừa qua khỏi cửa,

Lòng anh như đại lại như ngây.

cùng khi người tìm bạn:

Em ơi, nói mãi chỉ thêm sầu

Mỗi mắt phương trời chốc bấy lâu,

Phố xá xôn xao, người nhộn nhịp,

Tìm em anh đâu có thấy em đâu.

Kể Lan Sơn còn vụng về nhiều. Lắm lúc người ngập ngừng, bỡ ngỡ. Nhưng cái bỡ ngỡ ấy không phải không có chút duyên riêng. ấy là

cái duyên của người thiếu nữ khi thỏ thẻ những lời ngây ngô mà thành thực:

Em thường nói: "Ai hơn anh được!

Em trông anh thật khác người ta,

Biển tình cho nổi phong ba

Người là người lạ anh là anh em".

Tiếc thay tình yêu ngày một lạt. Lan Sơn hình như chỉ còn giữ lại cái bóng để làm thơ. Nhưng tình hết, thơ Lan Sơn cũng hết. Chỉ có những lúc hồi tưởng lại thời thơ ấu, trong lòng người mới có chút trong trẻo có diễn ra thơ. Con người dễ thương ngày trước, con người mà Ô. Nguyễn Tiến Lãng gọi bằng em trong một bài tựa ¹ con người ấy đã trở nên tối tăm, rắc rối, cầu kỳ, con người ấy tôi không muốn biết nữa.

Septembre - 1941

Vết thương lòng ²

Nắng sớm, em ngồi tựa thủy tiên

Hồn em say đắm cảnh thiên nhiên

Bóng ai thấp thoáng ngoài hiên vắng

Em đã vô tình vội ngẩng lên

Em vội ngừng tuy, vội ngó ra

Dao cằm sầy chạm tới giò hoa

Giò hoa ngày lụi, màng hoa úa

Hoa đã vì em chịu xót xa

Rẽ tuy trong trắng lá xanh tươi

Mầm, nhánh đều xinh đẹp mấy mươi!

Nếu chẳng vì em hoa phải lụi

Trời xuân sao chẳng nhớn nhor cười!

Nhớ nhớ cười với cảnh xuân sang
Với cả bao nhiêu khách rộn đường
Cùng với muôn hoa đua sắc thắm
Vì ai? Đành chịu kém mùi hương!
Mùi hương đã kém, sắc rồi phai
Rồi cũng cùng ai, cũng với ai
Cùng chịu vì em chung số phận
Cùng nhau chất đống để hiên ngoài
Tin anh chung phận với hoa này
Cũng bởi vì em đã sẩy tay
Đã vội mãi trông bao cảnh đẹp
Vết thương mang nặng vẫn còn đây
Còn đây năm cũ vết thương lòng
Ghi lấy tình em chẳng thủy chung
Một phút lòng em mơ bạn mới
Yêu anh sau nữa cũng bằng không!
(Anh với em.)

Tết và người đi qua...

Những cô con gái rất ngây thơ
- Những mộng xin tươi, bé bỏng xưa -
Ta nhón nhao rồi! Quen biết quá!
Nhìn nhau giờ hết vẻ say sưa!

.....

Thủa bé tôi đeo chiếc khánh vàng,

Quần đào xẻ đũng, áo hàng lam,
Chân đi hài đỏ, tay thu pháo,
Nhộn cả nhà lên tiếng hát vang!
Muôn màu tươi sáng, phấn, hoa, hương,
Đời ngọt ngào như có vị đường.
Tôi sống, tôi say và mỗi Tết,
Lòng tơ thêm động chút yêu đương.
Khói pháo say người rượu ái ân,
Cõi lòng thắm nở một vườn xuân.
Nàng thơ năm ấy cười mê đắm,
Trong mắt em Nhung hiện giữa trần.
Nhưng tháng, năm qua, vẫn thế thôi!
Ước mơ tàn lửa với thân đời,
Tiết trinh bán hết cho sương gió,
Làm điểm hai mươi tám tuổi trời!

.....

*Nên đến bây giờ gặp các em,
Gặp ngày xuân tới, bạn xưa quen:
- Em Nhung, em Tuyết hay ngày Tết -
Rượu hả hơi rồi! Hết vị men.
Đăng trên báo Ngày nay.*

Đám ma đi [3](#)

Có những buổi mưa phùn thâm quá,
Cảnh vật trùm trong tấm vải chôn người.

Mảnh gò chèn thay kính vỡ rồi,
Không chắn nổi gió ngoài hơi lạnh giá.
Có những buổi mưa phùn thâm quá,
Gội lên trần cổ ván mỏng chôn người,
Đám ma đi trong hơi sương lạnh giá,
Đi trên đường và đập xéo lòng tôi.
Đám ma kéo lê thê trong lòng tôi lạnh giá,
Đêm chôn đi những kỷ niệm lâu rồi,
Đám ma đi trong mưa phùn thâm quá,
Đi hàng ngày chưa thấy huyết lòng tôi.
(Thơ của một đời)

1 Tựa Anh với em.

2 Hãy so sánh với bài "Le vase brisé" của Sully Prudhomme cùng một đề nhưng kín đáo và ý nhị hơn.

3 Chúng tôi trích bài này vì chiếu theo lời yêu cầu của Ô.Lan Sơn

Thanh Tịnh

Họ Trần, Sinh ngày 12- Décembre 1913 ở làng Dưỡng Nô (Thừa Thiên). Học trường Đông Ba, Trường Pellerin(Huế). Có bằng thành chung. Hiện dạy tư ở Huế.

Đã viết giúp: Phong hoá, Ngày nay, Hà nội báo, Tiểu thuyết thứ năm, Tinh hoa...

Đã xuất bản: Hận chiến trường (1936).

Xem thơ Thanh tịnh cái cảm giác trời nhất của tôi là thấy một cái gì cứ dần trải, dần trải hoài mà lại lỏng. Có lẽ là một mặt hồ, cũng chưa đúng. Hồ còn có bờ, có hình nhất định. Ở đây không có bờ, và nước - âu cũng phải gọi là nước - cứ chảy tràn lan. Những cảnh sắc in hình trên mặt nước vẫn thường xuyên thay đổi: có khi là một cây liễu rủ, có khi là một lũy tre. Nhưng sắc dầu có khác, bao giờ cũng chỉ ngần ấy nước mà thôi. Có một lần người ta bỗng thấy trên mặt nước dựng lên một lâu đài xương máu ¹ ; nhưng khi người ta tới nơi nó lại biến mất. Thì ra một ảo cảnh.

Kể chỗ này cũng trống trải. Hình như đằng xa kia có vài ngọn núi. Nhưng đây vẫn là nơi hò hẹn của những ngọn gió bốn phương. Mỗi lần gió đến mặt nước không buồn cưỡng, cứ tự nhiên lướt theo chiều gió. Có khi người ta còn thấy nó vươn mình lên ngang tầm gió, tưởng chừng như nó muốn hoá thân làm gió. Nhưng qua lại thôi và rồi nó cũng được cái mềm mại, cái ẩn ước là bản sắc của nó.

Septembre - 1941

Mòn mỏi ²

- Em ơi nhẹ cuốn bức rèm tơ

Tìm thử chân mây khói toả mờ

Có bóng tình quân muôn dặm ruổi

Ngựa hồng tuôn bụi cõi xa mơ

- *Xa nhìn bên cõi trời mây*

Chị ơi em thấy một cây liễu buồn.

- *Bên rừng em hãy lặng nhìn theo,*

Có phải chẳng em ngựa xuống đèo?

Chị ngỡ như chàng lên tiếng gọi

Trên mình ngựa hí lạc vang reo.

- *Bên rừng ngọn gió rung cây,*

Chị ơi con nhận lạc bầy kêu sương.

- *Tên chị ai gieo giữa gió chiều,*

Phải chẳng em hỡi tiếng chàng kêu?

Trên dòng sông lặng em nhìn thư?

Có phải chẳng người của chị yêu?

- *Sóng chiều đưa chiếc thuyền lan,*

Chị ơi con sáo gọi ngàn bên sông...

Ô kìa! Bên cõi trời đông

Ngựa ai còn ruổi dặm hồng xa xa

- *Này lặng em ơi, lặng lặng nhìn*

Phải chẳng mình ngựa sắc hồng in?

Nhẹ nhàng em sẽ buông rèm xuống,

Chị sợ trong sương bóng ngựa chìm.

- *Ngựa hồng đã đến bên yên,*

Chị ơi, trên ngựa chiếc yên... vắng người.

(Đăng trên báo Tinh hoa.)

Tơ trời với tơ lòng

Còn nhớ hôm xưa độ tháng này
Cánh đồng xào xạc gió đùa cây.
Vô tình thiếu nữ cùng ta ngắm
Một đoạn tơ trời lững thững bay.
Tơ trời theo gió vương mình ta,
Mỗi khắc bên nàng nhẹ bỏ qua
Nghiêng nón nàng cười, đôi má thắm,
Ta nhìn vợ vẫn áng mây xa.
Tìm dấu hoa xưa giữa cánh đồng.
Bên mình chỉ nhận lúa đầy bông
Tơ trời lơ lững vương mình uốn
Đến nỗi duyên mình với... cõi không.

Thanh Tịnh

(đăng trên Phong Hóa)

¹ Hận chiến trường, mấy vần thơ máu (1936)

² Phỏng theo chuyện "Barbe Bleue" của Perrault. Nhưng Thanh Tịnh đã tạo ra một không khí rất Á đông.

Thúc Tề

Tên chính là Thúc Nhuận. Sinh ngày 17-10-1916 ở Huế.

Học: trường Qui nhơn, trường Quốc học Huế.

Đã viết giúp: Văn học tạp chí 1935, Mai, Dân quyền...

Hiện là chủ bút tuần báo Đông Dương (Sài gòn).

Tôi yêu bài "Trăng mờ" của Thúc Tề. Mở bài ra, hồn thi nhân kéo dài lê trên trang giấy chán nản, uể oải. Có lẽ nó đã nhập vào cái trăng kia, "ềo lả" khi nằm mơ "lười biếng" khi thức dậy, nhưng khi đã tỉnh, nó mới linh động làm sao. Nó uyển chuyển như một người đẹp. Cái mệt mỏi của Dương Quý Phi [1](#) với cái nhẹ nhàng của Yến Phi.

Tháng Octobre 1941

Trăng mờ

Một đêm mờ lạnh ánh gương phai,
Suốt giải sông Hương nước thở dài.
Xào xạc sóng buồn khua bãi sậy,
Bập bênh bên mạn chiếc thuyền ai.
Mây xám xây thành trên núi Bắc,
Nhạc mềm chơi với giữa sương êm.
Trăng mờ mờ ngủ lim dim gật,
Ềo lả nằm trên ngọn trúc mềm.
Dịp cầu Bạch Hổ mấy bóng ma
Biến mất vì nghe giục tiếng gà
Trăng tỉnh giấc mơ, lười biếng dậy,
Động lòng lệ liễu, giọt sương sa.

Lai láng niền trắng tuôn dạ nước
Ngập tràn sông trắng gợn băng khuâng;
Hương trắng quần quýt hơi sương ướt
Ngân dội lời tình điệu hát xuân.
(*Hà Nội báo*, số 6 ngày 12-2-1936)

[1](#) Thị nhi phù khởi kiều vô lực (Bạch cơ Dị)

Huy Thông

Họ Phạm. Sinh tháng 9-1918 ở Hà Nội. Học: trường Thầu dòng, trường A Sarraut trường Luật. Đậu cử nhân luật rồi sang du học tại Pháp. Đã đậu luật khoa tiến sĩ và cao đẳng văn chương; hiện đang soạn thi thạc sĩ học và tiến sĩ văn khoa.

Đã xuất bản: Yêu đương (1933), Anh Nga (1934), Tiếng địch sông Ô (1935), Tàn Ngọc (1937).

Ngoài ra đã đăng báo: Con voi già(tặng Phan Sào Nam), Hận chiến sĩ, Tàn Hồng Châu, Lòng hối hận, Chàng Lưu, Kinh Kha, Huyền Trân Công chúa, Tây Thi...

Người thiếu niên ấy cũng như hầu hết những thiếu niên, đã sống những giấc mộng êm ái êm dịu. Và cũng như hầu hết những thiếu niên, chàng đã tưởng ở đời không có gì quan trọng hơn những vui buồn thương nhớ của mình. Chàng đã kể lẽ đông dài và lắm lúc đã quên rằng người nói đàn không bao giờ chán nhưng người ta rất dễ chán.

Cũng may, thỉnh thoảng Huy Thông biết vờ quên mình đi để những giấc mộng ái ân của người đem một vẻ mơ hồ riêng.

Hoặc người tạo ra một cái không khí là lạ khiến ta nhớ đến những chiêm bao chính ta đã từng trải qua hay những chiêm bao Shakespeare đã đưa lên sân khấu.

Hoặc người cầu cứu đến lịch sử là cái môn người vẫn sở trường dẫn nẻo cho nguồn mơ. Người mượn lời một thiếu nữ trong mộng để gọi lại cảnh xưa:

*Ngân lang! Ngân lang! Chàng còn nhớ,
Chiều xuân xưa, trên ngựa, đỡ kim cầu,
Chàng thảo mấy dòng thơ như nhận mưa
Trên tờ mây thiếp vẫn giữ bên tim sầu?*

Người lưu luyến cái hình ảnh Tây Thi, người ước ao cái sung sướng của Phù Sai, Phạm Lãi. Người gọi bạn:

Đi! Cùng anh tới Cô Tô cảnh cũ

Chờ giăng lên mơ nữa giấc mơ xưa.

Nhưng Huy Thông không phải chỉ biết những giấc mộng ái ân êm dịu. Khi yêu người còn có những khát vọng lạ lùng:

Tôi muốn hoá một con chim

Bay lên cao mơn trớn sợi mây hồng;

Muốn uống vào trong buồng phổi vô cùng

Tất cả ánh sáng dưới gầm trời lồng lộng;

Muốn có đôi cánh tay vô ngần to rộng

Để ôm ghì cả vũ trụ vào lòng tôi!

Một người có những ham muốn dị thường như thế ắt phải ưa sống cái đời những vị anh hùng thời trước, hồi thế giới còn hoang vu, hồi một người trượng phu còn có thể tin rằng mỗi hành vi của mình đều làm xao động cả đất trời. Đặc sắc của Huy Thông chính là ở những bài anh hùng ca như bài Tiếng địch sông Ô tả bước đường cùng của Hạng Tịch. Chưa bao giờ thi ca Việt nam có những lời hùng tráng như trong tác phẩm của người thiếu niên hiền lành và xinh trai ấy. Hãy nghe Hạng Tịch than:

Nén đau thương, vương ngậm ngùi sẽ kể

Niềm ngao ngán vô biên như trời bể.

Ôi! Tấm gan bền chặt như Thái Sơn,

Bao nhiêu thu cay đắng chẳng hề sờn!

Ôi. Những trận mạc khiến "trời long đất lở"

Những chiến thắng từng bừng. Những vinh quang rực rỡ

Ôi! Những võ công oanh liệt chốn sa trường!

Những buổi tung hoành, lăn lộn trong rừng thương!

Những tướng dũng bị đầu văng trước trận...!

Nhưng, than ôi vận trời khi đã tận,

Sức "lay thành nhổ núi" mà làm chi

Hơi văn mà đến thế thực đã đến bậc phi thường. Anh hùng ca của Vitor Hugo tưởng cũng chỉ thế. Giữa cái ẻo lả, cái uỷ mị của những linh hồn đang chờ sa ngã, thơ Huy Thông đã ồ ạt đến như một luồng gió mạnh. Nó cuốn bừa đi. Người xem thơ ngạc nhiên và sung sướng và thấy mình vẫn còn đủ tráng khí để buồn cái buồn Hạng Tịch.

Chỉ tiếc rằng Huy Thông, người anh hùng trong mộng tưởng ấy, lại cũng là một thiếu niên khao khát yêu đương và rất lễ phép với đàn bà. Có khi vô tình người đã phác họa Hạng Tịch theo hình ảnh của mình. Đã đành Hạng Tịch mê Ngu Cơ, đã đành ái tình không chia kim cổ kim, nhưng tình yêu của Hạng Tịch hẳn phải thế nào chứ!

Août - 1941

ANH NGÀ [1](#)

Niềm ái ân chưa được biết bao giờ,

Ta vừa biết phút giây trong giấc mộng.

Mà mộng nọ, than ôi! Còn đâu bóng!

Ta gục đầu thồn thức nhớ điệu đàn

Và âm thầm tưởng tiếc bóng đêm tan.

Huy Thông

Các vai: Anh Nga

Ngân Sinh

Tiếng ca nơi xa xa

Nhịp tiếng tỳ bà đưa

(Tỳ bà vắng vắng)

Các vai: Anh Nga, Ngân Sinh

Một tiếng ca nơi xa xa

Nhịp tiếng tỳ bà đưa

Tiếng ca

Hương muôn hoa êm đêm quyến luyến

Vùng cây khuya nghênh gió dưới trăng ngà.

Nhưng đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,

Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa.

Ngân Sinh

Vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa...

Nhưng, bây giờ, trên không tím,

Lướt sao êm, mây lả thướt tha qua;

Lặng ngấm giăng mơ màng, hoa chúm chím,

Và, bên tường, len lén, gió lay hoa.

Trên đôn xứ nghiêng đờn, ta đứng dậy,

Rồi, nhịp hài, lững thững bước thư sinh...

Ta thấy lòng say sưa... Và lại thấy

Hương ái ân nhẹ quện tim đa tình.

Đêm băng khuâng... giờ ơi! Sao đẹp để!

Nhưng mà... sao tẻ ngắt, sao buồn tênh?

Là vì, Anh Nga ơi! Vườn vắng vẻ,

Thiếu xiêm đào tha thướt dưới trăng chênh.

Hứa cùng ta sẽ trăm năm ân ái,

Nỡ đi đâu để bạn đắng cay lòng?

Để bạn lòng, tro vợ phòng trống trải,

Ấp tim sầu lạnh ngắt như băng đông!

Tiếng ca

Bóng đêm như chan hoà niềm quyến luyến,
Như vuốt ve du khách dưới giăng ngà...
Nhưng đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vùng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa!

Ngân Sinh

Thì tắt nắng chân mây đi! Vùng ô hời!
Vì hơi đêm phơi phới
Vì giăng cao rắc ánh
Trên vườn yên,
Vì sao khuya lóng lánh
Xứ muôn tiên...
Vì cảnh đẹp dưới giăng xanh tuy êm ái,
Nhưng lòng ta còn mãi
Nhớ thương người đẹp cũ chốn dạ đài.

Anh Nga

Dạ đài trống trải,
Ôm lòng đau, ta cũng mãi nhớ thương ai.

Ngân Sinh

Bên khóm phù dung giăng mạ biếc,
Ai băng khuâng, nhớ tiếc,
Hay chờ mong?

Anh Nga

Hỡi thơ sinh thồn thức dưới giăng trong!
Nơi thiếp mơ mau lẹ gót mơ mòng!

Chàng có thấy, bên phù dung lả lướt,
Bóng ai đi tha thướt
Như tiên nga thấp thoáng tuổi Thiên thai?

Ngân Sinh

Bóng ai đi tha thướt...?
Hay hồn êm kẻ khuất chốn dạ đài?

Tiếng ca

Hãy cùng ai, nơi hương hoa quyến luyến,
Ngắm vườn lam ngây ngất dưới trăng ngà!
Vì đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vừng hồng tắt nắng chân mây xa!

Anh Nga

Chàng... Chàng tới gần nơi hương hoa quyến luyến!
Kẻo nắng hồng dầm tắt chân mây xa...

Ngân Sinh

Hỡi giai nhân!
Nàng là ai mà diễm lệ, thanh tân?
Nàng là ai mà âm thầm, huyền ảo,
Để, xuyên qua liên tiền thảo,
Ánh giăng xuân
Nhẹ nhàng vờn trên dung nhan kín đáo?
Nàng là người trong Quảng diệu hay Chiêu quân?
Hay tiên nga lạc cánh xuống phàm trần?

Anh Nga

Thiếp là người chàng mơ tưởng, nhớ thương.

Ngân Sinh

Nàng?

Anh Nga

Chàng làm chi mà bỗng dưng bàng hoàng?

Ngân Sinh

Nàng?

Nàng là người ta mơ tưởng, nhớ thương?

Là người tiên ta tiếc bóng bao đêm trường?

Anh Nga

Ngân lang, chàng hỡi! Bao đêm trường!

Ngân Sinh

Nhưng không! Không, nàng quyết chẳng phải ai!

Vì Anh Nga còn đâu nữa trên trần ai!

Anh Nga

Ngân lang! Ngân lang! Chàng còn nhớ,

Chiều xuân xưa, trên ngựa, đỡ kim cầu,

Chàng thảo mấy dòng thơ như nhận mưa

Trên tờ mây thiếp vẫn giữ bên tim sầu?

Ngân Sinh

Hỡi kẻ ta chờ mong...! Nhưng chẳng phải!

Vì mỹ nhân xiêm thoáng trên lầu xưa

Đã lặn bóng như làn mây êm ái

Và ngàn năm đã lịm giấc say sưa!

Tiếng ca

Hãy cùng ai, nơi hơi đêm quyến luyến,

Đứng đê mê tình tự dưới giếng ngà!
Vì đêm biếc rồi tàn, giếng xuân biến,
Và vầng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa,

Anh Nga

Chàng ơi! Chàng ở lại,
Chờ vầng hồng tắt nắng chân mây xa...
Và, biệt chàng, thiếp xin đi, đi mãi mãi!
Vì, than ôi! Chàng quên lãng bóng Anh Nga,

Ngân Sinh

Anh Nga! Anh Nga!
Nàng đừng hài hỷ đứng dưới vòm hoa!

Anh Nga

Ngân lang, chàng hỡi!
Giờ ái ân mơ hồ như gió thổi,
Mà đành lòng chẳng để hững hờ qua!
Bên phòng sách, thướt tha,
Ai uốn liễu?
Và tỳ bà đâu đưa vắng vắng điệu?

Ngân Sinh

Ôi!
Người đâu mà yếu điệu như nàng Thôi?
Người đâu mà tươi thắm, dịu dàng,
Mà đoá môi phảng phất sự mơ màng,
Mà tóc huyền bay óng như mây qua,
Mà mắt đưa như ngọc ánh dưới giếng ngà?

Anh Nga

Phù dung tươi, nếp tường, như kiếng gót
Ngắm tre đằng rũ tóc dịu dàng ngân.
Bên vành giăng, lóng lánh áng mây vằn,
Và cỏ mềm bằng khuâng bên cát bạc.
Vườn ướp trong hương thơm, như man mác
Biết bao lời mây nước đắm say lòng...
Tình làng! Chàng hãy để tim mơ mòng,
Lặng tắm dưới lưu ly hồ mộng tưởng!
Cho tim mê tưởng nhằm: giờ vui sướng
Sẽ kéo dài mãi mãi với thời gian.

Tiếng ca

Nhịp lời lòng... ai ơi! Lời quyến luyến
Với lời tơ ẩn hiện dưới giăng ngà!
Kẻo đêm biếc rồi tàn, giăng xuân biến,
Và vầng hồng sẽ tắt nắng chân mây xa,

Ngân Sinh

Đêm giăng! Hãy dừng lại trong vườn hoa!
Và, vầng ô khe khát!
Chớ vội vàng tắt nắng chân mây xa!
Ta muốn không bao giờ sao kia tắt,
Không bao giờ phơ phát ánh đông hồng!
Muốn đêm dài nặng phủ khối sương bông
Và ôm ấp vườn say cho tới mãi!
Ta ước nghe, ngàn đời, lời ân ái

Trong đêm mờ, hoà nhịp... giấc mơ điên.
Cho hồn mơ lướt tới cõi u uyen,
Nơi Suối Đào nao nao trong vắt chảy...
Rồi, tay ôm đờn tình man mác gầy,
Ta uốn lời luyến sắc Anh Nga nương!

Anh Nga

Giăng nghiêng ánh. Bóng tường se sẽ ngã.
Và giờ đông, lát nữa, sẽ dần tươi...
Nhưng, trước lúc ven giờ thoa son thắm,
Hãy để lòng say đắm một đêm nay!

Ngân Sinh

Đêm nay và mãi mãi...! Tình nương ơi!

Anh Nga

Gió im lìm chơi vơi trong vườn vắng
Và tiếng tỳ văng vẳng đưa từng hơi...
Nhưng, đến buổi, than ôi! đèn giăng tắt,
Bóng Anh Nga vợ vắt cõi mộng lung.

Ngân Sinh

Vợ vắt cõi mộng lung?

Nhưng...

Nhưng Anh Nga, nàng hỡi!... hình như nàng...

Hình như nàng...

Ai, năm xưa... bảo khuất dưới Suối Vàng?

Anh Nga

Suối vàng...

Nơi muôn năm... u uất nỗi mơ màng...

Tiếng ca

Khách đa tình còn băng khuâng quyến luyến
Giấc mơ xuân đầm thắm dưới giếng ngà,
Mà đêm biếc sắp tàn, giếng xuân biến,
Và vừng hồng gần tắt nắng chân mây xa.

Anh Nga

Chàng ơi! Chàng!
Anh Nga là một bóng dưới Suối Vàng,
Nơi muôn năm u uất nỗi mơ màng...
Nên, chàng ơi! Khi giờ đêm ửng sáng,
Vong hồn thiếp sẽ không còn lảng vảng
Trong vườn hoa, để ngắm áo chàng bay...

Ngân Sinh

Bao nhiêu nỗi đau lòng dù quên lãng,
Trăm năm còn ôm mãi khối hận này...

Anh Nga

Và, góc vườn, ghen lệ lúc chia tay,
Thiếp ra đi ngàn thu không giờ lại...

Ngân Sinh

Để những đêm âm thầm giếng sông dài,
Bình lòng càng trĩu chất nỗi buồn thương...

Anh Nga

Bình minh tươi phơn phớt sau rèm sương
Và tinh tú mờ phai trên giờ lặng...

Ngân Sinh

Nàng băng khuâng dần lùi trên cát trắng,
Êm như hơi và chậm tựa mây chiều...

Anh Nga

Tay run run cổ nín dãi the điều,
Chàng thồn thức nhẹ lần theo bước thiếp...

Ngân Sinh

Vườn đìu hiu vẫn mơ màng thêm thiếp:
Hãy dừng chân, nàng hỡi...! phút giây thôi!

Anh Nga

Xin từ đây vĩnh quyết, hỡi chàng ôi!

Tiếng ca

Vườn vắng vẻ, thư sinh còn quyến luyến
Cảnh thần tiên huyền ảo dưới giếng ngà.
Nhưng đêm biếc đã tàn, giếng xuân biến,
Và vầng hồng đã tắt nắng chân mây xa

Ngân Sinh

Vầng hồng đã tắt nắng chân mây xa.

Và...

Dưới ánh giếng tà...

Đâu mất...?

Nàng Anh Nga đi đâu mất dưới giếng tà?

(Đêm 16-17/7/1935)

Đăng trên Hà Nội báo.

KHÚC TIÊU THIỀU

Ngồi dưới liễu du dương ta nhẹ nhấc

Cây nhả tiêu đồn dập nhạc mơ hồ.

- Gió ngang mơ hàng cây chưa tỉnh giấc;

Bình minh xuân êm ái như lời mơ.

Kìa Tây Thi! sao mây chưa được trắng

Anh tới đây chưa kịp gọi hồn tiêu,

Em đã sớm cong mình trên nước lặng

Cho nước trông ngược vẽ dáng yêu kiều?

Đừng rũ vội...? Giờ im còn tắm tối,

Cầu Nhượng Gia chưa kẻ bám tre lần...

Quảng lạp thắm bên nguồn đừng rũ vội,

Em lên nghe anh gọi tiếng chim thần!

Em hay chăng? Ngày xưa khi vua Thuấn

Chúm môi thiêng say thổi khúc tiêu này,

Phượng sánh hoàng từng không theo nhịp uốn;

Ngàn muôn chim giao cánh chập chờn bay.

Đòn xuôi bỗng lên cung - và chan chứa

Những câu ca tươi sáng ánh u uyên.

Nụ trúc đào quên thu đưa thắm nở;

Gió trên trần dầu dặt ngát hương tiên...

Ngày nay, cạn lời khua trong ống rỗng,

Không bao giờ thấy nữa cảnh huyền xưa.

Suối thờ ơ, mây gió lười cảm động;

Chim xa xôi lạ điệu Tiêu thiều ca

Tiêu chẳng khiến giời đêm kia thôi tối,
Hơi xuân qua vẫn lạnh... nhưng cần chi?
Vì, mỗi lần rung hơi anh đấm thối,
Em lắng nghe lời trúc, hơi Tây Thi!
(Tây Thi)

Không hiểu sao Huy Thông lại viết thành một bản kịch. Có nhiều
[1](#) câu - mà lại là những câu hay - cần phải là lời của tác giả, không
thể là lời các nhân vật

Nguyễn Vỹ

Sinh năm 1910 ở làng Tân Hội(sau đổi thành Tân Phong) huyện Đức Phổ(Quảng Ngãi). Học trường Quảng Ngãi, trường Qui Nhơn. Đã từng cạo đầu đi tu, gánh cát ở bãi sông Cái, bán kẹo ở Hà Nội, bán báo ở Sài Gòn. Hiện nay ở Hà Nội sông bằng nghề văn.

Đã viết: Ami du peuple, Le Cygne, Văn học tạp chí 1935, Hanoi báo, Phụ nữ.

Đã xuất bản: Tập thơ đầu 1934

Nguyễn Vỹ đã đến giữa làng thơ với tiếng chiêng trống xập xoè inh cả tai. Chúng ta đổ nhau ra xem. Nhưng chúng ta lại từng hững hờ vào vì ngoài cái lối ăn mặc và những điệu bộ lố lăng lúc đầu ta thấy con người ấy không có gì.

Táo bạo thì táo bạo thực, nhưng trong văn thơ táo bạo không đủ đưa người ta ra khỏi cái tầm thường. Khi Nguyễn Vỹ hô hào:

Ta hãy truyền một thi hứng cho thế kỷ hai mươi,

Ta hãy ký thác trong văn thơ những tình sâu ý hiểm

Người có biết rằng trong hai câu này không có lấy một chút "tình sâu ý hiểm" và mặc dù cái lối mới rành rành của chúng, chúng vẫn có thể nằm xếp hàng với những câu sáo nhát xưa và nay mà không chút... ngượng. Tránh tầm thường mà lại rơi vào tầm thường là thế.

Nguyễn Vỹ quả là muốn loè những kẻ tầm thường là bọn chúng ta. Thực ra chúng ta cũng dễ bị loè. nhưng ở chỗ nào khác kia, chứ trong văn chương thì hơi khó. Một hai người có thể lắm; năm mười người; trăm ngàn người có thể lắm; chứ cả đám người mênh mông không tên tuổi kia thì ít khi nhầm lẫn. Chúng ta có thể lầm trong một hai năm chứ lầm luôn trong năm bảy năm hay lâu hơn nữa, là chuyện thẳng hoạc mới có.

Tôi tin rằng linh hồn chung của một lớp người đủ phức tạp để cảm thông với hầu hết những văn thơ văn có giá trị. Một bài thơ như bài"

Sương rơi" được nhiều người thích. Người ta thấy Nguyễn Vỹ đã sáng tạo ra một nhạc điệu riêng để tả một cái gì đương rơi. Cái gì đó có thể là những giọt sương cũng có thể là những giọt lệ hay những giọt gì rơi đều đều, chậm chậm trong lòng ta mỗi lúc vẫn bơ vơ buồn ta đứng một mình trong lặng lẽ.

Nhưng "Sương rơi" còn có vẻ một bài văn." Gửi Trương Tửu" mới thực là kiệt tác của Nguyễn Vỹ. Trong lúc say, Nguyễn Vỹ đã quên được cái tật cố hữu của người, cái tật loè đời. Người ta đã quên những câu thơ hai chữ và những câu thơ mười hai chữ. Người dùng một lối thơ rất bình dị, rất xưa lối thất ngôn tràng thiên liên vận và liên chân. Lời thơ thống thiết, uất ức, đủ dãi nỗi bi phần cho cả một hạng người. Một hạng người nếu có tội với xã hội thì cũng có chút công, một hạng người đã đau khổ nhiều lắm, hạng sống bằng nghề văn. Hãy cho là họ không có gì xuất chúng đi thì ít nhất họ cũng đã nuôi những giấc mộng to lớn khác thường. Nhưng đời không chiều họ; đụng vào sự thực, những giấc mộng của họ đều tan tành và lần lượt họ bỏ thân dọc đường hay một căn phòng bỏ thí.

Nguyễn Vỹ đã làm bài thơ này trong một lúc vô cùng buồn giận cái nghiệp văn chương. Nhưng ai cùng một cảnh huống xem thơ tưởng có thể khóc lên được. Trong lời văn còn một chút ngênh ngang từ đời xưa lưu lại. Nhưng ta đã xa lắm rồi cái kiêu ngạo phi thường của Lý Bạch, chỉ có văn chương còn khinh hết thấy:

Khuất Bình từ phú huyền nhật nguyệt

Sở vương đài tạ không sơn khâu;

Hưng cam lạc bút giao ngũ nhạc

Thi thành tiểu ngạo lăng thương châu.

Với Nguyễn Vỹ chúng ta đã mất hẳn cái cười kiêu ngạo ấy và ngờ ngác thấy sắp cùng hàng với... chó.

Cái lối sắp hàng kỳ quái ấy đã làm phật ý Tản Đà. Một hôm say rượu, Tản Đà trách Nguyễn Vỹ: "Sao anh lại ví nhà văn chúng mình với chó? Anh không sợ xấu hổ à?" Nguyễn Vỹ đáp lại, cũng trong

lúc say: "Tôi có ví như thế thì chó xấu hổ chứ chúng ta xấu hổ nỗi gì?"

Septembre - 1941

SƯƠNG RƠI

Sương rơi

Nặng trĩu

Trên cành

Dương liễu...

Nhưng hơi

Gió bắc

Lạnh lùng

Hiu hắt

Thấm vào

Em ơi,

Trong lòng

Hạt sương

Thành một

Vết thương!..

Rồi hạt

Sương trong

Tan tác

Trong lòng,

Tả tơi

Em ơi!

Từng giọt

Thánh thót,
Từng giọt
Điêu tàn
Trên nấm
Mồ hoang!...
Rơi sương
Cành dương
Liều ngã
Gió mưa
Tơi tả
Từng giọt,
Thánh thót
Từng giọt,
Tơi bời
Mưa rơi,
Gió rơi,
Lá rơi,
Em ơi!...

Văn học tạp chí, 1935.

GỬI TRƯỞNG TỬU

(Viết trong lúc say)

Nay ta thêm rượu nhớ mong ai!

Một mình nhấp nhém, chẳng buồn say!

Trước kia hai thằng hết một nệm,

Trò chuyện đông dài mặt đỏ sẫm.
Nay một mình ta, một be con:
Cạn rượu rồi thơ mới véo von!
Đạo ấy chúng mình nghèo xơ xác,
Mà vẫn coi tiền như cỏ rác!
Kiếm được đồng nào đem tiêu hoang,
Rủ nhau chè chén nói huênh hoang,
Xáo lộn văn chương với chả cá,
Chửi Đông, chửi Tây chửi tất cả,
Rồi ngủ một đêm, mộng với mê,
Sáng dậy nhìn nhau cười hê hê!!
Thời thế bây giờ vẫn thấy khó,
Nhà văn An nam khổ như chó!
Mỗi lần cầm bút viết văn chương,
Nhìn đàn chó đói gặm trơ xương,
Và nhìn chúng mình hì hục viết,
Suốt mấy năm giờ kiết vẫn kiết,
Mà thương cho tôi, thương cho anh,
Đã rụng bao nhiêu mái tóc xanh!
Bao giờ chúng mình thật ngất ngưỡng?
Tôi làm Trạng nguyên, anh Tể tướng?
Rồi anh bên Võ, tôi bên Văn,
Múa bút tung gươm hả một phen?
Cho bố cầm hờn cái xã hội
Mà anh thường kêu mục, nát, thối?

Cho người làm ruộng, kẻ làm công
Đều được an vui, hớn hở lòng?
Bao giờ chúng mình gạch một chữ
Làm cho đảo điên pho Lịch sử?
Làm cho bốn mươi thế kỷ xưa
Hất mồ nhúm dây cười say sưa
Để xem hai chàng trai quắc thước
Quét sạch quân thù trên Đất Nước?
Để cho toàn thể dân Việt Nam
Đều được tự do muôn muôn năm?
Để cho muôn muôn đời dân tộc
Hết đói rét, làm than, tang tóc?
Chứ như bây giờ là trò chơi,
Làm báo làm bung chán mới đời!
Anh đi che tàn một lũ ngốc,
Triết lý con tùu, văn chương cóc! ¹
Con tôi bưng thúng theo đàn bà,
Ra chợ bán Vắn, ngày tháng qua! ²
Cho nên tôi buồn không biết mấy!
Đời còn nhớ nhặng ta chịu vậy!
Ngồi buồn lấy rượu uống say sưa,
Bực chí thành say mấy cũng vừa!
Mẹ cha cái kiếp làm Thi sĩ!
Chơi nước cờ cao gặp vận bĩ!
Rồi đâm ra điên, đâm vẩn vơ,

Rốt cuộc chỉ còn... mộng với mơ!

(Viết rồi hãy còn say)

Báo *Phụ nữ*.

- [1](#) Hồi bây giờ Trương Tửu viết giúp báo Ích Hữucủa Lê Văn
- [2](#) Trương: Nguyễn Vỹ giúp báo Phụ Nữ của bà Nguyễn thị Thảo

Đoàn Phú Tứ

Sinh ngày 10-9-1910 ở Hà Nội. Học ở Hà Nội. Có bằng tú tài Tây.

Viết văn từ năm 1925, lúc còn học lớp Nhất. Những bài văn đầu tiên là những bài từ khúc đăng báo Đông Pháp. Sau này thỉnh thoảng viết giúp Phong Hoá, Ngày nay. Năm 1937, chủ trương tờ Tinh hoa. Chuyên viết kịch. Làm thơ rất ít.

Hắn có kể sẽ sẽ ngạc nhiên thấy Đoàn Phú Tứ trong quyển này. Người ta vẫn nghĩ Đoàn Phú Tứ chỉ có tài viết kịch và diễn kịch. Nhưng thơ hay không cần nhiều. Đoàn Phú Tứ chỉ làm thơ có dăm bảy bài mà hầu hết là những bài đặc sắc. Ấy là một lối thơ rất tinh tế và rất kín đáo. Thi nhân ghi lại bằng những nét mong manh những cảm giác rất nhẹ nhàng. Người xem thơ cũng biết rằng đây là hình ảnh một đôi mắt đời, nhưng hình ảnh mờ quá không thể đoán những mắt đời kia như thế nào. Có khi cả ý nghĩa bài thơ cũng không hiểu rõ.

Nhiều người khi làm thơ chỉ biết có mình, không giấu giếm gì hết; thơ làm ra in lên báo lên sách thì được, nhưng không thể đưa đọc trước người khác vì quá sỗ sàng. Đoàn Phú Tứ không thể. Tôi tưởng Đoàn Phú Tứ có thể đọc thơ mình trước mọi người mà không sợ ngượng.

Tháng 5-1941

o

MÀU THỜI GIAN [1](#)

Sớm nay tiếng chim thanh

Trong gió xanh

Địu vương hương [2](#) ấm thoảng xuân tình

Ngàn xưa không lạnh nữa, Tàn phi [3](#)

Ta lặng dâng nàng

Trời mây phẳng phát nhuộm thời gian ⁴

Màu thời gian không xanh

Màu thời gian tím ngát ⁵

Hương thời gian không nồng

Hương thời gian thanh thanh ⁶

Tóc mây một món chiếc dao vàng ⁷

Nghìn trùng e lệ phụng ⁸ quân vương

Trăm năm tình cũ lia không hận

Thà nép mảy hoa thiếp phụ chàng ⁹

Duyên trăm năm đứt đoạn

Tình một thuở còn hương

Hương thời gian thanh thanh

Màu thời gian tím ngát ¹⁰

1. Báo Ngày nay, số 198 (số Tết), ngày 27-1-1940

Bình

Nói về toàn thể nên chú ý đến điệu thơ. Bài thơ bắt đầu bằng những câu dài ngắn không đều : âm điệu hoàn toàn mới. Kể đến bốn câu ngũ ngôn cổ phong, một lối thơ cũ mà các thi nhân gần đây cũng thường dùng. Bỗng chuyển sang thất ngôn : điệu thơ hoàn toàn xưa. Lối thơ cũng xưa với những chữ "phụng quân vương" và những chữ lấy lại ở câu Kiều "tóc mây một món dao vàng chia hai". Nhưng với hai câu thất ngôn dưới thi nhân đã từ chuyện người xưa trở về chuyện mình. Những chữ "thiếp phụ chàng" đưa dần về hiện tại. Rồi điệu thơ lại trở ngũ ngôn với hương màu trên kia.

Thành ra lời thơ, ý thơ, điệu thơ cùng với hồn thi nhân đi từ hiện tại về quá khứ, từ quá khứ gần đến quá khứ xa, rồi lại dần dần trở về hiện tại. Hiện tại chỉ mờ mờ nhạt nhạt, nhưng càng đi xa về quá khứ,

câu thơ càng thiết tha, càng rục rở. Nhất là chỗ từ ngũ ngôn chuyển sang thất ngôn câu thơ đẹp vô cùng. Tôi tưởng dầu không hiểu ý nghĩa bài thơ người ta cũng không thể không nhận thấy cái vẻ huy hoàng, trang trọng của câu thơ. [10](#)

Trong thơ ta có lẽ không có bài nào khác tinh tế và kín đáo như thế.

[1](#) Không ai ngờ một cái đầu đề có tính cách triết học như thế lại dùng để nói một câu chuyện tâm tình

[2](#) Hãy để ý cái âm điệu vương vấn của mấy chữ này

Thi nhân mượn sự tích người xưa để giữ vẻ kín đáo cho câu chuyện. Xưa có người cung phi, nàng Lý phu nhân lúc gần mất nhất định không cho vua Hán Võ để xem mặt, sợ trông thấy nét mặt tiêu tụy vua sẽ hết yêu. Cái tên Tàn phi thi nhân đặt ra vì một lẽ riêng. Ngàn xưa không lạnh nữa: Chuyện xưa đã hầu quên nay nhớ lại lòng thấy nôn nao.

Thi nhân muốn nói dâng hồn mình cho người yêu. Song nói như thế sẽ sỗ sàng quá. Vả người thấy mình không có quyền nói thế, vì tình yêu ở đây chưa từng được san sẻ. Nên phải mượn cái [4](#) hình ảnh "Trời mây phẳng phất nhuốm thời gian" để chỉ hồn mình. Chữ "nhuốm" có vẻ nhẹ nhàng không nặng nề như chữ "nhuộm". Chữ "dâng" hơi kiểu cách.

Người Pháp thường bảo thời gian màu xanh. Nhưng thi nhân [5](#) nhớ lại thời xưa, hồi người đương yêu, cứ thấy màu thời gian tím ngát vì người riêng thích một thứ hoa tím, và màu hoa lẫn với màu yêu.

Hương thời gian là hương thứ hoa kia mà cũng là hương yêu, [6](#) một thứ tình yêu qua đã lâu rồi, nên chỉ thấy thanh sạch, nhẹ nhàng.

[7](#) Nàng Dương Quý Phi lúc mới vào cung, tính hay ghen, bị Đường Minh Hoàng đưa giam một nơi. Nhưng nhà vua nhớ quá sai Cao Lặc sĩ ra thăm. Dương Quý Phi cắt tóc gửi vào dâng vua. Vua trông thấy tóc, thương quá, lại vời nàng vào cung.

Đoàn Phú Tứ hợp chuyện này và chuyện Lý phu nhân làm một và tưởng tượng một người cung phi lúc gần mất không chịu để vua xem mặt chỉ cắt tóc dâng, gọi là đáp lại trong muôn một mối

tình triu mến của đấng quân vương.

Ở đây không có chuyện cắt tóc nhưng có chuyện khác cũng tương tự như vậy.

8 Chữ "phụng" rất kín đáo, chữ "dâng" sẽ quá xa vời, chữ "tặng" quá suồng sã.

9 Ý nói: thà phụ lòng mong mỏi của chàng, còn hơn gặp chàng trong lúc dung nhan tiều tụy để di hận về sau.

10 Tím ngắt tả đúng mỗi tình dịu dịu. "Tím ngắt" sẽ đau đớn quá.

Nhạc sĩ Nguyễn Xuân Khoát có đưa cả bài thơ này vào đàn.

11 Đoạn đầu bài nhạc đi rất mau, rồi chậm dần. Đến đoạn thất ngôn nhạc lên giọng majestoso. Ồi cùng còn thêm một đoạn lấy lại âm điệu mấy câu đầu

Xuân Diệu

Họ Ngô, sinh ngày 2-2-1917. Người làng Trảo Nha, huyện Can Lộc (Hà Tĩnh). Học ở Qui Nhơn, Huế, Hà Nội. Có bằng tú tài Tây. Hiện làm tham tá Thương chánh ở Mỹ Tho (Nam kỳ).

Có chân trong Tự lực văn đoàn.

Đã viết giúp: Phong Hoá, Ngày nay, Tinh hoa.

Đã xuất bản: Thơ thơ (Đời nay, Hà Nội 1938).

Bây giờ khó mà nói được cái ngạc nhiên của làng thơ Việt Nam hồi Xuân Diệu đến. Người đã tới giữa chúng ta một y phục tối tân và chúng ta đã rụt rè không muốn làm thân với con người có hình thức phương xa ấy. Nhưng rồi ta cũng quen dần, vì ta thấy người cùng ta tình đồng hương vẫn nặng.

Ngày một ngày hai cơ hồ ta không còn để ý đến những lối dùng chữ đặt câu quá Tây của Xuân Diệu, ta quên cả những ý tứ người đã mượn trong thơ Pháp. Cái dáng dấp yêu kiều, cái cốt cách phong nhã của điệu thơ, một cái gì rất Việt Nam, đã quyến rũ ta. Đọc những câu:

Nếu hương đêm say dậy với trăm rằm,

Sao lại trách người thơ tình lợi lả?

Hay là:

Chính hôm nay gió đại tới trên đồi,

Cây không hẹn để ngày mai sẽ mát;

Trời đã thắm, lẽ đâu vườn cứ nhạt?

Đẩn đo cho lỗ mộng song đôi!

Ta thấy cái hay ở đây không phải là ý thơ, mà chính là cái lối làm duyên của Xuân Diệu, cái vẻ đài các rất hiện hành của điệu thơ.

Nhưng thơ Xuân Diệu chẳng những diễn đạt được cái tinh thần cố hữu của nòi giống. Vả chẳng tinh thần một nòi giống có cần gì phải bất di dịch. Sao lại bắt ngày mai phải giống hết ngày hôm qua? Nêu ra một mớ tính tình, tư tưởng tục lệ, rồi bảo: người Việt Nam phải như thế, là một điều tối vô lý. Thơ Xuân Diệu còn là một nguồn sống rào rạt chưa từng thấy ở chốn nước non lặng lẽ này. Xuân Diệu say đắm tình yêu, say đắm cảnh trời, sống vội vàng, sống cuống quýt, muốn tận hưởng cuộc sống ngắn ngủi của mình. Khi vui cũng như khi buồn, người đều nồng nàn, tha thiết. Nhưng sự sống muôn hình thức mà trong những hình thức nhỏ nhất thường lại ẩn náu một nguồn sống dồi dào. Không cần phải là con hổ ngự trị trên rừng xanh, không cần phải là con chim đại bàng bay một làn chín vạn dặm mới là sống. Sự bông bột Xuân Diệu có lẽ đã phát biểu ra một cách đầy đủ hơn cả trong những rung động tinh vi. Sau khi đọc đi đọc lại nhà thơ có tâm hồn phức tạp này, sau khi đã tìm kiếm Xuân Diệu hoài, tôi thấy đây mới thực là Xuân Diệu. Trong cảnh mùa thu rất quen với thi nhân Việt Nam chỉ Xuân Diệu mới để ý đến

Những luồng run rẩy rung rinh lá...

cùng cái

Cành biếc run run chân ý nhí.

Nghe đàn dưới trăng thu chỉ Xuân Diệu mới thấy

Lung linh bóng sáng bỗng rung mình

và mới có cái xôn xao gửi trong mấy hàng chữ lạ lòng này:

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời;

Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi.

Long lanh tiếng sỏi vang vang hận:

Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người.

Cũng chỉ Xuân Diệu mới tìm được nơi đồng quê cái cảnh

Mây biếc về đâu bay gấp gấp

Con cò trên ruộng cánh phân vân

Từ con cò của Vương Bột lặng lẽ bay với ráng chiều đến con cò của Xuân Diệu không bay mà cánh phân vân, có sự cách biệt của hơn một nghìn năm và của hai thế giới.

Cho đến khi Xuân Diệu yêu, trong tình yêu của người cũng có cái gì rung rinh. Người hồi tưởng lại:

Rượu nơi mắt với khi nhìn ước thử;

Gắm trong lòng và khi đứng chờ ngây;

Và nhạc phấn dưới chân mừng sánh bước

Và tơ giảng trong lời nhỏ khơi ngòi;

Tà áo mới cũng say mùi gió nước;

Rặng mi dài xao động ánh dương vui.

Còn rất nhiều câu có thể tiêu biểu cho nỗi xúc cảm riêng của Xuân Diệu. Tôi chỉ dẫn một thí dụ này nữa. Trong bản dịch Tỳ bà hành của Phan Huy Vịnh có hai câu:

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt

Một vừng trăng trong vắt lòng sông

Tả cảnh chung quanh thuyền sau khi người Tỳ bà phụ vừa đánh đàn xong. Một cái cảnh lặng lẽ, lạnh lùng ẩn một nỗi buồn âm thầm, kín đáo. Thế Lữ có lẽ đã nhớ đến hai câu ấy khi viết:

Tiếng diều sáo nao nao trong vắt,

Trời quang mây xanh ngắt màu lơ.

Mặc dầu hai chữ "nao nao" có đưa vào trong câu thơ một chút rung động, ta vẫn chưa xa gì cái không khí bình yên trên bến Tầm Dương. Với Xuân Diệu cả tình lẫn cảnh trở nên xôn xao vô cùng. Người kỹ nữ của Xuân Diệu cũng bơ vơ như người tỳ bà phụ nhưng nàng không lặng lẽ buồn ta thấy nàng run lên vì đau khổ:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;

Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

Ngay từ khi trăng mới lên, nàng đã thấy:

Gió theo trăng từ biển thoáng qua non;

Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.

Chỉ có trong thơ Xuân Diệu mới có những thoáng buồn rờn rợn như vậy. Ngay lời văn Xuân Diệu cũng có vẻ chơi vơi. Xuân Diệu viết văn tựa trẻ con học nói hay như người ngoại quốc mới võ vẽ tiếng Nam. Câu văn tuồng bỡ ngỡ nhưng cái dáng thơ bỡ ngỡ ấy chính là chỗ Xuân Diệu hơn người. Dòng tư tưởng quá sôi nổi không thể đi theo những đường có sẵn. Ý văn xô đẩy khuôn khổ câu văn phải lung lay. Nhưng xét rộng ra, cái náo nức, cái xôn xao của Xuân Diệu cũng là cái náo nức xôn xao của thanh niên Việt Nam bây giờ. Sự đụng chạm với phương tây đã làm tan rã bao nhiêu bức thành kiên cố. Người thanh niên Việt nam được dịp ngó trời cao đất rộng, nhưng cũng nhân đó mà cảm thấy cái thê lương của vũ trụ, cái bi đát của kiếp người. Họ tưởng có thể nhắm mắt làm liều, lấy cái cá nhân làm cái cứu cánh cho cá nhân, lấy sự sống làm mục đích cho sự sống. Song đó chỉ là một cách dối mình. "Chớ để riêng em phải gập lòng em", lời khấn cầu của người kỹ nữ cũng là lời khấn cầu của con người muôn thuở. Đời sống của cá nhân cần phải vịn vào một cái gì thiêng liêng hơn cá nhân và thiêng liêng hơn sự sống bởi Xuân Diệu đã gửi trong thơ của người lẫn với một chút hương xưa của đất nước bao nhiêu nỗi niềm riêng bây giờ - Xuân Diệu mới nhất trong các nhà thơ mới - nên chỉ những người còn trẻ mới thích đọc Xuân Diệu, mà đã thích thì phải mê. Xuân Diệu không như Huy Cận vừa bước vào làng thơ đã được người ta dành ngay cho chỗ ngồi yên ổn. Xuân Diệu đến giữa chúng ta tới nay đã ngót năm năm mà những tiếng khen chê chưa ngót. Người khen, khen hết sức; người chê, chê không tiếc lời. Xong những ai chê Xuân Diệu, tưởng Xuân Diệu có thể trả lời theo lối Lamartine ngày trước: "Đã có những thiếu niên, những thiếu nữ hoan nghênh tôi".

Với một nhà thơ còn gì quý hơn cho bằng sự hoan nghênh của tuổi trẻ.

Juillet – 1941

TRĂNG

*Trong vườn đêm ấy nhiều trăng quá,
Ánh sáng tuôn đầy các lối đi.
Tôi với người yêu qua nhẹ nhẹ...
Im lìm, không dám nói năng chi.
Bâng khuâng chân tiếc giậm lên vàng,
Tôi sợ đường trăng tiếng dậy vang,
Ngỡ ngác hoa duyên còn núp lá,
Và làm sai lỗi nhịp trăng đang.
Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh,
Cho gió du dương điệu múa cành;
Cho gió đượm buồn, thôi náo động
Linh hồn yếu điệu của đêm thanh.
Chúng tôi lặng lẽ bước trong thơ,
Lạc giữa niềm êm chẳng bến bờ.
Trăng sáng, trăng xa, trăng rộng quá!
Hai người nhưng chẳng bớt bơ vơ.
(Thơ Thơ in lần thứ tám)*

HUYỀN DIỆU

*Les parfums, les couleurs et les sons se répondent
Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
Như hương thấm tận qua xương tủy,
Âm điệu, thần tiên, thấm tận hồn.*

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du Dương
Ngừng hơi thở lại, xem trong ấy
Hiện hiện hoa và phảng phất hương...
Hãy nghe lẫn lộn ghé bên tai
Giọng suối, lời chim, tiếng khóc người;
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc
Ngọt ngào kêu gọi thuở xa khơi.
Rồi khi khúc nhạc đã ngừng im
Hãy vẫn ngừng hơi nghe trái tim
Còn cứ run hoài, như chiếc lá
Sau khi trận gió đã im lìm.
(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

TÌNH TRAI

Tôi nhớ Rimbaud với Verlaine,
Hai chàng thi sĩ choáng hơi men,
Say thơ xa lạ, mê tình bạn,
Khinh rẻ khuôn mồn, bỏ lối quen.
Những bước song song xéo dẫm trường
Đôi hồn tươi đậm ngát hoa hương,
Họ đi, tay yếu trong tay mạnh,
Nghe hát ân tình giữa gió sương.
Kể chi chuyện trước với ngày sau;
Quên gió môi son với áo màu;

Thây kệ thiên đường và địa ngục!

Không hề mặc cả, họ yêu nhau.

(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

NHỊ HỒ

Tặng Thạch Lam

Trăng vừa đủ sáng để gây mơ,

Gió nhịp theo đêm, không vội vàng;

Khí trời quanh tôi làm bằng tơ.

Khí trời quanh tôi làm bằng thơ.

Cây cỏ bình yên; khuya tĩnh mịch.

Bỗng đâu lên khúc *Lạc âm thiếu*

Nhị hồ để bốc niềm cô tịch,

Không khóc, nhưng mà buồn hiu hiu...

Điều ngã sang bài *Mạnh Lệ Quân*

Thu gồm xa vắng tự muôn đời,

Sương nương theo trăng ngừng lưng trời,

Tương tư nâng lòng lên chơi vơi...

Tiếng đàn thầm dịu dẫn tôi đi,

Qua những sân cung rộng hải hồ.

Có phải A Phòng hay Cô Tô?

- Lá liễu dài như một nét mi

... Và nàng Lộng Ngọc lấy Tiêu Lang,

Cưỡi hạc một đêm bay lên trời.

Vua Trần Hậu Chúa ngắm trăng vàng,

Khúc Hậu Đình Hoa đang lên khơi.
Linh hồn lưu giữa bể du dương...
Tôi thấy xiêm nghiê nổi gió lửa:
Những nàng cung nữ ước mơ vua,
Không biết bao giờ người nhớ thương.
Tôi yêu Bao Tự mặt sầu bi
Tôi yêu Ly Cơ hình nhíp nhàng.
Tôi tưởng tôi là Đường Minh Hoàng
Trong cung nhớ nàng Dương Quý Phi.

ĐÂY MÙA THU TỚI

Tặng Nhất Linh
Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng;
Đây mùa thu tới - mùa thu tới
Với áo mơ phai dệt lá vàng.
Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.
Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngần ngơ...
Non xa khỏi sự nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...
Mây vẫn từng không, chim bay đi,

Khí trời u uất hận chia ly.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

VỘI VÀNG

Tặng Vũ Đình Liên

Tôi muốn tắt nắng đi
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại
Cho hương đừng bay đi.
Của ong bướm này đây tuần trăng mật;
Này đây hoa của đồng nội xanh rì;
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si.
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi;
Mỗi sáng sớm, thần vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa:
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân.
Xuân đang tới, nghĩa là xuân đang qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất.
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật,
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,

Nếu đến nữa không phải rằng gặp lại.
Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng, năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông, núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Cơn gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi,
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?
Chẳng bao giờ, ôi! Chẳng bao giờ nữa...
Mau đi thôi! Mùa chưa ngả chiều hôm,
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng
Cho no nê thanh sắc của thời tươi;
- Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!
(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

CHIỀU

Hôm nay trời nhẹ lên cao,
Tôi buồn không hiểu vì sao tôi buồn...

Lá hồng rơi lặng ngổ thôn
Sương trinh rơi kín từ nguồn yêu thương.
Phất phơ hồn của bông hường,
Trong hơi phiêu bạt còn vương má hồng.
Nghe chừng gió ý' qua sông,
E bên lau lách thuyền không vắng bờ
Không gian như có dây tơ
Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tiêu
Êm êm chiều ngẩn ngơ chiều
Lòng không sao cả, hiu hiu khẽ buồn.
(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

VIỄN KHÁCH

Đương lúc hoàng hôn xuống,
Là giờ viễn khách đi
Nước đượm màu ly biệt,
Trời vương hương biệt ly!

Mây lạc hình xa xôi
Gió than niềm trách móc.
Mây ôi và gió ôi!
Chớ nên làm họ khóc.

Mắt ghen nhìn thấu dạ;
Môi khô hết nín lời...
Chân rời, tay muốn rã...

Kẻ khuất... kẻ trông vời...

Hôm nào như hôm qua

Má kẻ trên gối sánh ?

Anh đi, đường có hoạ..

Tôi nằm trong tuổi lạnh,

Buổi chiều ra cửa sổ;

Bóng chụp cả trời tôi !

-Ôm mặt khóc rưng rức;

Ra đi là hết rồi

(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

TƯƠNG TƯ CHIỀU

Bữa nay lạnh mặt trời đi ngủ sớm,

Anh nhớ em, em hỡi ! Anh nhớ em.

Không gì buồn bằng những buổi chiều êm,

Mà ánh sáng nhoà dần cùng bóng tối.

Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rồi;

Vài miếng đêm u uất lẫn trong cành;

Mây theo chim về dãy núi xa xanh

Từng đoàn lớp nhịp nhàng và lặng lẽ.

Không gian xám tưởng sắp tan thành lệ.

Thôi hết rồi ! Còn chi nữa đâu em !

Thôi hết rồi, gió gác với trăng thềm,

Với sương lá rụng trên đầu gần gũi.

Thôi đã hết hờn ghen và giận dữ.
(Được giận hờn nhau ! Sung sướng bao nhiêu !)
Anh một mình, nghe tất cả buổi chiều
Vào chầm chậm ở trong hồn hiu quạnh.

Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh.
Anh nhớ em, anh nhớ lắm ! Em ơi !
Anh nhớ anh của ngày tháng xa khơi,
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời,
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm.
Em ! xích lại ! và đưa tay anh nắm !
Gió bao lần, từng trận nhớ thương đi,
- Mà kỷ niệm ôi, còn gọi ta chi...
(*Thơ Thơ*, in lần thứ hai)

LỜI KÝ NỮ

Khách ngồi lại cùng em trong chốc nữa;
Vội vàng chi, trắng sáng quá, khách ơi.
Đêm nay rằm: yến tiệc sáng trên trời;
Khách không ở, lòng em cô độc quá.
Khách ngồi lại cùng em ! Đây gối lả,
Tay em đây mời khách ngả đầu say;
Đây rượu nồng. Và hồn của em đây,
Em cung kính đặt dưới chân hoàng tử.
Chớ đập hồn em !
Trăng từ viễn xứ

Đi khoan thai lên ngự đỉnh trời tròn.
Gió theo trăng từ biển thổi qua non;
Buồn theo gió lan xa từng thoáng rợn.
Lòng kỹ nữ cũng sầu như biển lớn,
Chớ để riêng em phải gặp lòng em;
Tay ái ân du khách hãy làm rèm,
Tóc xanh tốt em xin nguyên dặt võng.
Đẩy hộ hồn em triền miên trên sóng,
Trôi phiêu lưu không vọng bến hay gành;
Vì mình em không được quán chân anh,
Tóc không phải những dây tình vướng víu.
Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương dạ
Người giai nhân: bến đợi dưới cây già,
Tình du khách: thuyền qua không buộc chặt.

Lời kỹ nữ đã vỡ vì nước mắt.
Cuộc yêu đương gay gắt vị làng chơi.
Người viễn du lòng bận nhớ xa khơi,
Gỡ tay vướng để theo lời gió nước.

Xao xác tiếng gà. Trăng ngà lạnh buốt.
Mắt run mờ, kỹ nữ thấy sông trôi.
Du khách đi.
- Du khách đã đi rồi.

(Ngày nay)

NGUYỆT CẦM

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần
Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Mây vắng trời trong đêm thủy tinh
Lung linh bóng sáng bỗng run mình
Vì nghe nương tử trong câu hát
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh càng thêm nguyệt tỏ ngời,
Đàn ghê như nước, lạnh trời ời...
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận
Trăng nhớ Tầm Dương, nhạc nhớ người...
Bốn bề ánh nhạc: biển pha lê
Chiếc đảo hồn tôi rộn bốn bề...
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở
Nghe sâu âm nhạc đến sao Khuê.
(Ngày nay)

GIỤC GIÃ

Mau với chứ, vội vàng lên với chứ,
Em, em ơi, tình non đã già rồi;
Con chim hồng, trái tim nhỏ của tôi,

Mau với chứ ! Thời gian không đứng đợi

Tình thổi gió, màu yêu lên phấp phới

Nhưng đôi ngày, tình mới đã thành xưa,

Nắng mọc chưa tin, hoa mọc không ngờ,

Tình yêu đến, tình yêu đi ai biết !

Trong gặp gỡ đã có mầm ly biệt:

Những vườn xưa, nay đoạn tuyệt dấu hài

Gấp đi em, anh rất sợ ngày mai;

Đời trôi chảy, lòng ta không vĩnh viễn.

Vừa xịch gối chăn, mộng vàng tan biến;

Dung nhan xê động, sắc đẹp tan tành.

Vàng son đương lộng lẫy buổi chiều xanh,

Quay mặt lại: cả lầu chiều đã vỡ

Vì chút mây đi, theo làn vút gió.

Biết thế nào mà chậm rãi, em ơi ?

Sớm nay, sương xê xích cả chân trời,

Giục hồng nhận thiên di về cõi bắc.

Ai nói trước lòng anh không phản trắc,

Mà lòng em, sao lại chắc trơ trơ ?

- Hái một mùa hoa lá thuở măng tơ,

Đốt muôn nén sánh mặt trời chói lọi;

Thà một phút huy hoàng rồi chợt tối,

Còn hơn buồn le lói suốt trăm năm.

Em vui đi, rặng nở ánh trắng rằm,
Anh hút nhụy của mỗi giờ tình tự.
Mau với chứ ! Vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi ! Tình non sắp già rồi...
(Ngày nay)

THU

Nồn nà sương ngọc quanh thềm đậu;
Nắng nhỏ băng khuâng chiều lữ thì.
Hư vô bóng khói trên đầu hạnh;
Cành biếc run run chân ý nhi.

Gió thâm, mây lặng, dáng thu xa,
Mới tạnh mưa trưa, chiều đã tà.
Buồn ở sông xanh nghe đã lại,
Mơ hồ trong một tiếng chim qua.

Bên cửa ngừng kim thêu bức gấm,
Hây hây thực nữ mắt như thuyền.
Gió thu hoa cúc vàng lưng giậu,
Sắc mạnh huy hoàng áo trạng nguyên.
(Ngày nay)

BUỒN TRĂNG

Gió sáng bay về, thi sĩ nhớ;
Thương ai không biết, đứng buồn trăng.

Huy hoàng trăng rộng, nguy nga gió,
Xanh biếc trời cao, bạc đất bằng.
Mây trắng ngang hàng tự thuở xưa,
Bao giờ viễn vọng đến bây giờ.
Sao vàng lẻ một, trăng riêng chiếc;
Đêm ngọc tê ngời men với tợ..
Khắp biển trời xanh, chẳng bến trời,
Mắt tìm thêm rợn ánh khơi vơi,
Trăng ngà lặng lẽ như bông tuyết.
Trong suốt không gian, tịch mịch đời
Gió nọ mà bay lên lên nguyệt kia,
Thêm đêm sương lạnh xuống đầm đìa
Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ,
Hoa bưởi thơm rồi : đêm đã khuya.
(Ngày nay)

HOA ĐÊM

Chen lá lục, những búp lài mở nửa
Hóp bóng trắng đầy miệng nhỏ xinh xinh
Vì gió im và đêm cứ làm thình
Đoàn giây phút cũng lần khân, nghỉ đã.

Trăng ở đó, đất vườn thêu bóng lá
Trời trên kia vàng mạ, sáng như băng
Lá lim dim trên mấy ngọn bằng bằng
Cánh lả lả chờ tay ai đón đầy

Ôi vắng lặng ! - Trong giờ mơ ngủ ấy
Bông hoa lài thức dậy sáng từng đôi
Hoa lài xanh dưới ánh nguyệt tuôn trời;
Ánh nguyệt trắng trên hoa lài đúc sữa

Sao họ khéo nỡn nà mà bợ ngợ
Những nàng hoa chờ đợi gió phong lưu !
Đáng yêu thay trong vẽ khế nghiêng đầu
Lá xanh đỡ yêu yêu thân tuyết bạch.

Nguyệt lác đác tiếng nữ giòn lách tách
Lòng phơi phơi chừng đợi cái ong châm....
Miệng thở ra hương, hương tỏa tình ngấm
Hoa kỳ nữ đã mở lời trêu ghẹo...

Chàng gió lạ đi khuya ngoài khuất nẻo
Nghe tiếng thơm liêu liệu đến tìm hương
Cánh du lang tha thướt phấn qua tường;
Áo công tử dải là vương não nuốt.

Này hoa ngọc đã giặt mình trắng muốt
Thoảng tay tình gió vuốt - bỗng lao đao...
Hương hiu hiu bên gió cũng ngạt ngào
Hôn nho nhỏ mà đầu hoa nặng trĩu

Là màu sắc hay chỉ là âm điệu ?

Là hương say hay ấy chính rượu thơm ?
Gió canh khuya hay nghìn cánh tay ôm ?
Trăng mỗi láỉ phủ màng tơ mơ mộng...

Gió chấp cánh cho hương càng tỏa rộng
Xốc nhau đi vào khắp cõi xa bầy...

Và hương bay, thì hoa tưởng hoa bay...

(Sách Tết Đòi Nay 1941)

Huy Cận

Cù Huy Cận sinh ngày 31 Mai 1919. Quê quán: làng Ân phú, huyện Hương sơn (Hà tĩnh). Học: lớp năm ở trường tổng, lớp tư đến khi đậu tú tài tây ở Huế. Hiện học trường Cao đẳng Nông lâm.

Hồi 1936, có viết giúp Tràng an, Sông Hương (ký Hán quỳ). Từ 1938, đăng thơ ở Ngày nay.

Đã xuất bản: Lửa Thiêng (Đời nay, Hà-nội, 1940).

Đã có hồi người ta tưởng muốn làm thơ hay phải là người hay khóc và thi nhân mỗi lần cầm bút là một lần phải "nâng khăn lau mắt lệ". Nhưng buồn mãi cũng chán. Trên tao đàn Việt nam bỗng phe phẩy một ngọn gió yêu đời, tuy không thổi tan những đám mây sầu u ám, song cũng đã mấy lần ngân lên những tiếng reo vui. Người thính tai sẽ nhận thấy trong những tiếng kia còn biết bao nhiêu vui gượng, nhưng dầu sao sự cố gắng đau đớn của cả một lớp người đi tìm vui, cái cảnh ấy ai thấy mà chẳng động lòng? Than ôi! ngày vui ngắn ngủi, chưa được mấy năm nỗi buồn đã trở về, thảm đạm và nặng nề hơn xưa.

Nó đã trở về trong tập "Lửa Thiêng". Với những tính cách khác hẳn. Cái buồn "Lửa Thiêng" là cái buồn tỏa ra từ đáy hồn một người cơ hồ không biết đến ngoại cảnh. Có người muốn làm thơ phải tìm những cảnh nên thơ. Huy Cận không thế. Nguồn thơ đã sẵn trong lòng, đời thi nhân không cần có nhiều chuyện. Huy Cận có lẽ đã sống một cuộc đời rất bình thường, nhưng người luôn luôn lắng nghe mình sống để ghi lấy cái nhịp nhàn lặng lẽ của thế giới bên trong. Ai đã so sánh Las Mocedades del Cid của Guillen de Castro với le Cid của Corneille hay Kim Vân Kiều truyện của Thanh tâm tài nhân với Đoạn trường tân thanh của Nguyễn Du đều nhận thấy trong Đoạn trường tân thanh và trong le Cid nhiều tình mà ít chuyện. Nếu ta so sánh thơ Huy Cận với thơ hồi trước, ta cũng sẽ thấy như thế.

Huy-Cận đi lượm lặt những chút buồn rơi rác để rồi sáng tạo nên những vần thơ ảo não. Người đời sẽ ngạc nhiên vì không ngờ với một ít cát bụi tầm thường thi nhân lại có thể đúc thành bao nhiêu châu ngọc. Ai có ngờ những bước chân đã tan trên đường kia còn ghi lại trong văn thơ những dấu tích hằn không bao giờ tan được?

Thôi đã tan rồi vụn gót hương

Của người đẹp tới tỵ trăm phương.

Tan rồi những bước không hò hẹn

Đã bước trùng nhau một ngã đường.

Lại có khi xuôi buồn thương cứ tụt trong thâm tâm chảy ra lai láng không vướng chút bụi trần:

Ôi! nắng vàng sao mà nhớ nhung !

Có ai đàn lẻ để tơ chùng?

Có ai tiễn biệt nơi xa ấy

Xui bước chân đây cũng ngại ngừng....

Phải tinh lắm mới thấy rõ lòng mình như thế giữa cái ồ ạt, cái rộn rịp của cuộc đời hằng ngày. Đây có lẽ là một điều Huy Cận đã học được trong thơ Pháp. Nhưng với trí quan sát rèn luyện trong nền học mới, Huy-Cận đã làm một việc táo-bạo: tìm về những cảnh xưa, nơi bao nhiêu người đã sa lầy - tôi muốn nói sa vào khuôn sáo. Người nói cùng ta nỗi buồn nơi quán chát đèo cao, nỗi buồn của sông dài trời rộng, nỗi buồn của người lữ thứ dừng ngựa trên non, buồn đêm mưa, buồn nhớ bạn. Và cũng như người đã làm thơ với những cái hình như không có gì nên thơ, người tìm ra thơ trong những chốn ta tưởng không còn có thơ nữa. Người đã gọi dậy cái hồn buồn của Đông Á, người đã khơi lại cái mạch sầu mấy nghìn năm vẫn ngấm ngầm trong cội đất này. Huy-Cận triền miên trong cảnh xưa, trò chuyện với người xưa, luôn luôn đi về trên con đường thời gian vô tận. Có lúc hình như thi nhân không phân biệt mộng với thực, ngày trước với ngày nay. Cảnh trước mắt người mơ màng như

đã thấy ở một kiếp nào; tình mới nhóm người tưởng chừng đã hẹn đâu "từ vạn-kỷ".

Nhưng con đường về quá khứ đi càng xa, càng cô tịch; tư bề càng vắng lặng, mênh mông. Có lẽ thi nhân trong cuộc viễn du đã có lần nhác thấy cái xa thẳm của thời gian và không gian, có lẽ người đã nghe trong hồn hơi gió lạnh bắt từ vô cùng đưa đến. Một Pascal hay một Hugo trong lúc đó sẽ rùng mình, sẽ hốt hoảng. Với cái điềm đăm của người phương Đông thời trước, Huy-Cận chỉ lặng-lẽ buồn:

Một chiếc linh hồn nhỏ:

Mang mang thiên cổ sầu.

Tôi nhớ lại cái buồn của một thi nhân khác, Trần tử Ngang, ngàn năm trước, cũng đã có một cuộc viễn du tương tự như thế:

Ai người trước đã qua?

Ai người sau chưa đến?

Nghĩ trời đất vô cùng,

Một mình tuôn giọt lệ. ¹

Tuy nhiên điềm đăm đến đâu người ta cũng không thể một mình đứng trước vô cùng. Người ta cần phải nương tựa vào một cái gì cho đỡ lẻ loi: một lòng tin, hay ít nữa, một tình yêu, theo nghĩa thông thường và chân chính của chữ yêu. Huy Cận có lẽ đã thiếu tình yêu, mà Thượng đế của người lại chỉ là một cái bóng, để gửi ít câu thơ thì được, để an ủi thì không. Cho nên người thấy mình lạc loài giữa cái mênh mông của đất trời cái xa vắng của thời gian. Lời thơ vì thế buồn rười rượi. Nhưng thương nhất là những đoạn thơ vui (chẳng hạn bài "Tình tự"). Ta thấy một người hiền lành lắm và non dại lắm, vui hấp tấp, vui cuống quýt, vì trong lúc vui người cũng biết buồn đương chờ mình đâu đó.

Nhưng thương hay mến có làm gì. Thương mến không đủ làm tan nổi bơ vơ. Khoảng trống trong lòng thi nhân họa tình yêu mới lấp được muôn một.

Có người sẽ bảo thơ Huy Cận già. Già vì buồn, già vì hay kể lể những chuyện xa, những chuyện xưa. Nhưng trong đời người ta còn có tuổi nào hay buồn hơn tuổi hai mươi ² . Còn có tuổi nào hay vẫn vợ hơn. Tôi thấy thơ Huy Cận trẻ lắm. Huy Cận đã đưa tôi về khoảng đời tôi bảy tám năm trước. Tôi bùi ngùi thương chàng niên thiếu hồi bấy giờ đã sống luôn mấy năm trong hiu quạnh. Chàng cũng mang một tấm lòng chứa chan yêu dấu đi tìm tình yêu trong tình bạn. Và vì thế chàng cũng đã đi lầm đường. Chàng thấy cảnh trời đẹp, chàng gặp những tâm hồn cao quý, chàng được vô số mến thương. Nhưng đẹp làm gì, cao quý làm gì, thương mến làm gì, nếu lòng chàng không hề đón được tí hương ân ái. Vũ trụ bao la quá, lòng chàng giá lạnh quá, chàng muốn quên mình, quên hết thấy trong tình yêu của một người, vô luận người nào. Chàng gõ cửa hết nơi nọ chốn này song bao nhiêu tâm tư đều đóng kín.

Nỗi lòng xưa, nay sức tỉnh. Đọc thơ Huy Cận, tôi đã gặp lại một người em.

Chỉ một người em ? Không. Năm tháng dầu đi qua, đời tôi dầu có khác, nhưng tuổi hai mươi đã thực chết trong lòng tôi?

Mars 1941

Buồn đêm mưa

Đêm mưa làm nhớ không gian,

Lòng run thêm lạnh nỗi hàn bao la....

Tai nương nước giọt mái nhà

Nghe trời nặng nặng, nghe ta buồn buồn.

Nghe đi rời rạc trong hồn

Những chân xa vắng dặm mồn lẻ loi....

Rơi rơi... dù dụi rơi rơi....

Trăm muôn giọt nhẹ nỗi lời vu vơ....

Tương tư hướng lạc, phương mờ....

Trở nghiêng gối mộng, hững hờ nằm nghe.
Gió về, lòng rộng không che,
Hơi may hiu hắt bốn bề tâm tư....
(Lửa Thiêng)

Tình - tự

Sáng hôm nay hồn em như tử áo,
Ý trong veo là lượt xếp từng đôi.
Ao đẹp chưa anh! Hoa thắm thêu đời,
Áo mơ ước anh bận giùm chiếc nhé.
Và rạng cùng xanh, hồng cười với tía,
Xin mời anh chọn hình sắc yêu đương.
Hồn em đây đủ muôn ánh nghề thường,
Anh hãy bận hồn em màu sáng chói.
Anh có biết, hôm nay là ngày hội
Của lòng ta. Em trần thiết, trang hoàng.
Anh đã về; em nghe dưới chân vang
Hoa lá nở với chuông rền giọng thắm.
Thửa chờ đợi, ôi, thời gian rét lắm,
Đời tan rơi cùng sao rụng canh thâu ;
Và trăng lu xế nửa mái tình sâu,
Gió than thở biết mấy lời van-vĩ?
Lòng em nhớ lòng anh từ vạn kỷ,
Gặp hôm nay nhưng hẹn đã ngàn xưa.
Yêu giữa đời mà hồn ở trong mơ,

Tình rộng quá, đời không biên giới nữa.
Đây cửa mộng lòng em, anh hãy mở ;
Màu thanh-thiên rời rơi, gió long lanh:
Hồn nhớ thương em dệt áo dăng anh.
(Lửa Thiêng)

Đi giữa đường thơm

Đường trong làng: hoa dại với mùi rơm....
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm,
Lòng giắt sẵn ít hương hoa tưởng tượng.
Đất thêu nắng, bóng tre rồi bóng phượng
Lần lượt buông màn nhẹ vướng chân lâu:
Lên bề cao hay đi xuống bề sâu?
Không biết nữa – có chút gì làm ngộp
Trong không khí... hương với màu hòa hợp...
Một buổi trưa không biết ở thời nào
Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ
Mà đôi lứa đứng bên vườn tình tự
Buổi trưa này xưa kia ta đã đi
Phải cùng chăng? Lòng nhớ rõ làm chi!
Chân bên chân, hồn bên hồn, yên lặng.
Người cùng tôi đi giữa đường rải nắng
Trí vô tư cho da thở hương tình.
Người khẽ nắm tay, tôi khẽ nghiêng mình

Như sắp nói, nhưng mà không: – Khóm trúc
Vừa động lá, ta nhận vào một lúc
Cả không gian hồn... rất thơm tho;
Gió hương đưa mùi, dịu dịu phất phơ...
Trong cảnh lặng, vẫn đưa mùi gió thoảng...
Trí băng quơ nghĩ thoáng nhưng buồn nhiều:
“Chân hết đường thì lòng cũng hết yêu”
Chân đang bước bỗng e dè đứng lại...
- Ở giữa đường làng, mùi rơm, hoa dại ...

(Lửa Thiêng)

ĐẸP XƯA

Ngập ngừng mép núi quanh co
Lưng đèo quán dựng, mưa lò mái ngang...
Vi vu gió hút nẻo vàng.
Một trời thu rộng mấy hàng mây nao.
Dừng cương nghĩ ngựa non cao
Dặm xa lữ thứ kẻ nào héo hon...
Đi rồi, khuất ngựa sau non;
Nhỏ thừa tràng đặc, tiếng còn tịch liêu...
Trơ vơ buồn lợt quán chiều
Mái nghiêng nghiêng gửi buồn theo hút người
(Lửa Thiêng)

TRÀNG GIANG

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài

H.C

Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.
Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu.
Bèo giạt về đâu, hàng nối hàng;
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gọi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.
Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ: bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà.

VẠN LÝ TÌNH

Người ở bên trời ta ở đây;
Chờ mong phương nọ, ngóng phương này.
Tương tư đôi chốn, tình ngàn dặm,
Vạn lý sầu lên núi tiếp mây.
Nắng đã xế về bên xứ bạn;
Chiều mưa trên bãi nước sông đầy.

Trông vời bốn phía không nguôi nhớ,
Dời động hoàng hôn thấp thoáng bay.
Cơn gió hiu hiu buồn tiễn biệt,
Xa nhau chỉ biết nhớ vơi ngày.
Chiều chẵn không ấm người nằm một -
Thương bạn chiều hôm, sầu gối tay.
(Lửa Thiêng)

NHẠC SẦU

Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế!
Chiều mờ cội, đời rét mướt ngoài đường;
Phố chiều hiu màu đá cũ lên sương.
Sương hay chính bụi phai tàn lả tả?
Từng tiếng lệ: ấy mộng sầu úa lá.
Chim vui đâu? Cây đã gãy vài cành.
Ôi chiều buồn! Sao nắng quá mong manh!
Môi tái nhạt nào cười mà héo vậy?
Ai chết đó? Trục xoay và bánh đẩy,
Xe tang đi về tận thế giới nào?
Chiều đông tàn, lạnh xuống tận trời cao,
Không lửa ấm, chắc hồn buồn lắm đó.
Thê lương vậy mà ai đành lìa bỏ
Trần gian sao? Đây thành phố đang quen,
Nhưng chốc rồi nẻo vắng đã xa miền
Đường sá lạ thôi lạnh lòng biết mấy!

Và ngựa ời, đi nhíp dằm chớ nhảy
Kéo thân đau, chưa quên nệm giường đời.
Ai đi đưa, xin đưa đến tận nơi,
Chớ quay lại nửa đường mà làm tủi
Người đã chết - Một vài ba đầu cúi,
Dằm bẫy lòng thương xót đến bên mồ
Để cho hồn khi sắp xuống hư vô
Còn được thấy trên mặt người ấm áp
Hình dáng cuộc đời từ đây xa tấp.
Xe tang đi, xin đường chớ gập ghềnh!
Không gian ôi, xin hẹp bớt mông mênh,
Ảo não quá trời buổi chiều vĩnh biệt!
Và người nữa, tiếng gió buồn thê thiết
Xin lặng giùm cho nhẹ bớt cô đơn.
Hàng cờ đen là bóng quạ chập chờn
Báo tin xấu, dẫn hồn người đã xé...
Ai chết đó? Nhạc buồn chi lắm thế?
Kèn đám ma hay ấy tiếng đau thương
Của cuộc đời? Ai rút tọt trong xương
Tiếng nước nở gởi gió đường quanh quẽ!
Sầu chi lắm trời ời! Chiều tận thế!
(Lửa Thiêng)

NGẬM NGÙI

Nắng chia nửa bãi, chiều rồi...

Vườn hoang trinh nữ xếp đôi lá rầu.
Sợ buồn con nhện giăng mau,
Em ơi! Hãy ngủ... anh hầu quạt đây.
Lòng anh mở với quạt này,
Trăm con chim mộng về bay đầu giường.
Ngủ đi em, mộng bình thường!
Ru em sẵn tiếng thủy dương mấy bờ...
Cây dài bóng xế ngẩn ngơ...
- Hồn em đã chín mấy mùa thương đau?
Tay anh em hãy tựa đầu,
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi...
(Lửa Thiêng)

THU RỪNG

Bỗng dưng buồn bã không gian
Mây bay lững thấp giăng màn âm u.
Nai cao gót lẫn trong mù
Xuống rừng nẻo thuộc nhìn thu mới về.
Sắc trời trôi nhạt dưới khe;
Chim đi lá rụng, cành nghe lạnh lùng.
Sầu thu lên vút song song.
Với cây hiu quạnh, với lòng quạnh hiu.
Non xanh ngây cả buồn chiều,
- Nhân gian e cũng tiêu điều dưới kia.
(Lửa Thiêng)

ÁO TRẮNG

Áo trắng đơn sơ, mộng trắng trong,
Hôm xưa em đến, mắt như lòng
Nở bừng ánh sáng. Em đi đến,
Gót ngọc dồn hương, bước toả hồng.
Em đẹp bàn tay ngón ngón thon;
Em duyên đôi má nắng hoe tròn.
Em lùa gió biếc vào trong tóc
Thổi lại phòng anh cả núi non.
Em nói, anh nghe tiếng lẫn lời;
Hồn em anh thở ở trong hơi.
Nắng thơ dẹt sáng trên tà áo,
Lá nhỏ mừng vui phát cửa ngoài.
Đôi lúa thân tiên suốt một ngày.
Em ban hạnh phúc chứa đầy tay.
Dịu dàng áo trắng trong như suối
Toả phát đôi hồn cánh mộng bay.
(Lửa Thiêng)

CHIỀU XUÂN

Xuân gọi tràn đầy
Giữa lòng hoan lạc,
Trên mình hoa cây...
Nắng vàng lạt lạt
Ngày đi chầy chầy...

Hai hàng cây xanh
Đâm chồi hy vọng...
Ôi duyên tốt lành!
Én ngàn đưa võng
Hương đồng lên hanh.
Kề bên đường mòn
-- Mùa đông đã tạnh
Cỏ mọc bờ non...
Chiều xuân tươi mạnh
Gió bay vào hồn.
Có bàn tay cao
Trút bình ấm dịu
Từ phương xa nào...
Người cô yếu điệu
Nghe mình nao nao...
Nhạc vượn lên trời:
Đời măng đang dậy
Tưng bừng muôn nơi...
Mái rừng gió hây
Chiều xuân đầy lời.
(Lửa Thiêng 1940)

¹ Theo bản dịch của Ô. Võ Liêm Sơn trong Cô lầu mộng, Nguyên văn chữ Hán:
Tiền bất kiến cổ nhân
Hậu bất kiến lai giả

Niệm thiên địa chi du du
Độc thương nhiên nhi lệ hạ.

2 Tuổi hai mươi, không phải hai mươi tuổi.

Tế Hanh

Họ Trần. Sinh ngày 15 tháng 5 năm Tân Dậu (1921) ở làng Đông Yên, phủ Bình Sơn(Quảng Ngãi). Chánh quán: làng giao Thủy, cách làng kia một con sông Đâu sơ học rồi ra Huế học trường Khải Định. Ở đó quen Huy Cận, và được Huy Cận chỉ vẽ cho nhiều. Hiện học năm thứ hai ban trung học.

Những bài thơ trích sau đây trong tập Nghẹn ngào đã được giải khuyến khích của Tự lực văn đoàn năm 1939.

Tôi thấy Tế Hanh là một người tinh tế lắm. Tế Hanh đã ghi được đôi nét rất thần tình về cảnh sinh hoạt chốn quê hương. Người nghe thấy cả những điều không hình sắc, không âm thanh như "mảnh hồn làng" trên "cánh buồm giương", như tiếng hát của hương đồng quế rữ con đường quê nho nhỏ. Thơ Tế Hanh đưa ta vào một cái thế giới rất gần gũi thường ta chỉ thấy một cách mờ mờ, cái thế giới những điềunhững tình cảm ta âm thầm trao cho cảnh vật: sự mỏi mệt say sưa của con thuyền lúc trở về bến, nỗi khổ đau chất chứa trên toa hàng nặng trĩu, những vui buồn sầu tủi của một con đường. Tế Hanh luôn nói đến những con đường. Cũng phải. Trên những con đường ngưng lại biết bao nhiêu băng khuâng hồi hộp!

Nhưng Tế Hanh sở dĩ nhìn đời một cách sâu sắc như thế là vì người sẵn có một tâm hồn tha thiết. Hôm đầu gặp người thiếu niên ấy, người rụt rè ngượng nghịu như một chàng rể mới. Nhưng tôi vẫn nhớ đôi mắt. Đôi mắt nồng nàn lạ. Tôi nghĩ ở một người như thế những điều cảm xúc, những nỗi đau xót quá mực thông thường và có khi khác thường. Như khi yêu, người thấy:

Kìa em, lên! Rực rỡ bốn phương trời;
Đôi mắt to ném lửa sáng nơi nơi;
Vùng trán rộng, hào quang loà chói rực,
Ta thấy sáng! Hồn phiêu diêu thoát tục,

Lòng lâng lâng không muốn ước mơ chi,

Mắt lim dim đầu cúi gục chân quỳ...

Tuy lời thơ còn có gì lệch với hồn thơ nhưng không có một tâm hồn đắm đuối không thể viết nên nhưng lời thơ như thế.

Khi thất vọng thi nhân ước cho người yêu chết đi để được ngồi trên mồ nhỏ từng giọt nước thấm xuống tấm thân lạnh lẽo.

Tệ hơn nữa, người muốn hưởng cái thú tàn nhẫn được thấy người yêu, tiếng khóc.

Rách đau thương như lụa xé tơ bời.

Chúng ta sẽ ngạc nhiên và băn khoăn không biết ở những chỗ sâu kín trong lòng ta có gì giống như thế không. Đầu sao, sự thành thực của thi nhân không thể ngờ được.

Nhưng tôi chưa muốn nói nhiều về Tế Hanh. Tế Hanh còn trẻ và cũng mới vào làng thơ, chưa có thể biết rõ những con đường người sẽ đi.

Avril -1941

QUÊ HƯƠNG

Làng tôi ở vốn làm nghề chài lưới:

Nước bao vây cách biển nửa ngày sông.

Khi trời trong, gió nhẹ, sớm mai hồng,

Dân trai tráng bơi thuyền đi đánh cá:

Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã

Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang.

Cánh buồm trương, to như mảnh hồn làng

Rướn thân trắng bao la thâu góp gió...

Ngày hôm sau, ồn ào trên bến đỗ

Khắp dân làng tấp nập đón ghe về.
“Nhờ ơn trời, biển lặng cá đầy ghe”,
Những con cá tươi ngon thân bạc trắng.
Dân chài lưới, làn da ngăm rám nắng,
Cả thân hình nồng thở vị xa xăm;
Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm
Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.
Nay xa cách lòng tôi luôn tưởng nhớ
Màu nước xanh, cá bạc, chiếc buồm vôi,
Thoáng con thuyền rẽ sóng chạy ra khơi,
Tôi thấy nhớ cái mùi nồng mặn quá!
(Nghen ngào 1939)

LỜI CON ĐƯỜNG QUÊ

Tôi, con đường quê nhỏ chạy lang thang
Kéo nỗi buồn không dạo khắp làng
Đến cuối thôn kia hơi cỏ vương
Hương đồng quỳn rĩ hát lên vang
Từ đây mình tôi cỏ mọc đầy
Dọc lòng hoa dại ngát hương lây
Tôi ôm đám lúa, quanh nương sắn
Bao cái ao rêu nước đục lây
Những buổi mai tươi nắng chói xa
Hồn tôi lóng lánh ánh dương sa
Những chiều êm ả tôi thư thái

Như kẻ nông phu trở lại nhà
Tôi đã từng đau với nắng hè
Thịt da rạn nứt bởi khô se
Đã từng điều đứng khi mưa lụt
Tôi lở, thân tôi rã bốn bề
Chia sẻ cùng người nỗi ấm no
Khi mùa màng được, nỗi buồn lo
Khi mùa màng mất. Tôi vui cả
Với những tình quê buổi hẹn hò
Tôi sống mê man tránh tẻ buồn
Miệt mài, hể hả, đắm say luôn
Tôi thâm tê tái trong da thịt
Hương đất, hương đồng chẳng ngớt tuôn...
(Nghen Ngào 1937)

VU VƠ

Những ngày nghỉ học tôi hay tới
Đón chuyến tàu đi, đến những ga
Tôi đứng bờ vờ xem tiễn biệt
Lòng buồn đau xót nỗi chia xa
Tôi thấy tôi thương những chuyến tàu
Ngàn đời không đủ sức đi mau
Có chi vương víu trong hơi máy
Mấy chiếc toa đầy nặng khổ đau
Bánh nghiền lăn lăn quá nặng nề

Khói phì như ghen nổi đau tê
Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ;
Lòng của người đi kéo kẻ về
Kẻ về không nói bước vương vương
Thương nhớ lan xa mấy dặm đường
Lẽo đẽo tôi về theo bước họ
Tâm hồn ngơ ngẩn nhớ muôn phương.
(Ghen ngào)

AO ƯỚC

Anh là kẻ say mê, nhưng nhút nhát;
Không hiểu giùm, em lại nở cho anh
Là không yêu, là một kẻ vô tình.
Anh tức quá, đem lòng ao ước tệ:
Nếu em chết! Chắc là anh có thể
Tổ mối tình lặng lẽ quá sâu thâm:
Anh đến nơi em nghỉ giấc ngàn năm
Ngồi điên dại sầu như cây liễu rủ
Anh không uống, anh không ăn, không ngủ,
Anh khóc than, than khóc đến bao giờ
Nước mắt anh lầy lội cả năm mờ
Nhỏ từng giọt xuống thân em lạnh lẽo.
Rồi anh chết, anh chết sầu, chết héo;
Linh hồn anh thất thủ đổi hồn em.
Và ở đâu kia, ở cõi đời đêm

Chắc em chẳng nghi ngờ tình anh nữa...

(Nghẹn ngào)

Yến Lan

Chính tên là Lâm thanh Lang. Sinh năm 1918 ở làng An ngãi, phú An nhơn (Bình định). Chỉ học quanh mấy trường trong tỉnh.

Đã đăng thơ: Phụ-nữ, Tiểu-thuyết thứ năm, Nghệ thuật.

Hai bài trích dưới đây rút trong tập Bến My Lăng chưa xuất bản.

Xuân Diệu có hai câu thiệt hay :

Con đường nhỏ nhỏ, gió xiêu xiêu,

Lả lả cành hoang nắng trở chiều.

Chính là hai câu tả cảnh. Nhưng cảnh như muốn theo lời thơ mà tan ra. Nó chỉ mất một tí rõ ràng để được thêm rất nhiều thơ mộng. Yến Lan cũng làm thơ lối ấy, nhưng Yến Lan đi quá xa. Xem thơ Yến Lan tôi mơ màng như đi trong mây mù. Khi đầu thì cũng hay hay, nhưng dần lâu cơ hồ ngạt thở. Chỉ thấy mờ mờ những con đường chảy, êm như những dòng sông, và nhất là cái vùng trắng vẫn thường ám ảnh các nhà thơ Bình định. Ngoài ra chịu không biết sau màn mây mù ấy có gì không.

Dưới đây tôi chỉ trích vài bài mà cái không khí lạ lạ nhưng nhẹ nhàng dễ khiến người ta thích.

Octobre 1940

Bến My Lăng

Bến My Lăng nằm không, thuyền đợi khách,

Rượu hết rồi, ông lái chẳng buông câu.

Trăng thì đầy rơi vàng trên mặt sách,

Ông lái buồn để gió lén mơn râu.

Ông không muốn run người ra tiếng địch,

Chở mãi hồn lên tấm bến trắng cao.
Vì điều hiu, điều hiu, trời tĩnh mịch,
Trời vờ vàng, trời thiếu những vì sao.
Trôi quanh thuyền, những lá vàng quá lạnh
Tơ vương trời, nhưng chỉ giải trắng trắng,
Chiều ngui ngút dài trôi về nẻo quanh,
Để đêm buồn vây phủ bến My Lăng.
Nhưng đêm kia đến một chàng kỵ mã,
Nhúng đầy trăng màu áo ngọc lưu ly.
Chàng gọi đò, gọi đò như hồi hải,
Sợ trăng vàng rơi khuất lối chưa đi.
Ông lão vẫn say trăng, đầu gối sách,
Để thuyền hồn bơi khỏi bến My Lăng.
Tiếng gọi đò, gọi đò như oán trách,
Gọi đò thôi run rẩy cả ngành trăng.
Bến My Lăng còn lạnh, bến My Lăng,
Ông lái buồn đợi khách suốt bao trăng...

(Bến My Lăng)

Bến My Lăng chỉ là tên tưởng tượng, không có thật. Trích lời tâm sự của tác giả: *“những ai đã có một lần đứng đợi một chuyến đò ngang... và nhất là những ai có nỗi hy vọng lớn lao phải chờ đợi... Bến My Lăng ở trong lòng tôi và có thể ở trong lòng bạn”*.

NHỚ

Một buổi trong rừng, chim "hít cô"

Nhẹ nhàng buông nhẹ xuống hư vô

Những tràng ngọc tiếng lằng trong gió.
Theo những dòng mây chảy lặng lờ.
Tôi nhớ trên đường bao vẫy lá.
Mà thu vàng rụng những ngày khô...
Ừ sao không nhớ người trai trẻ,
Trò chuyện cùng tôi dưới ánh trăng?
Đêm qua tan hội trong làng cuối,
Khi đứng bên cầu buộc giải khăn...
(Bến My Lăng)

Phạm Hầu

Con quan nguyên thượng thư Phạm Liệu. Sinh ngày 3 Mars 1920 ở Trùng giang, phủ Điện Bàn (Quảng nam). Học: trường Quốc học Huế, trường Mỹ thuật Hà nội.

Đã đăng thơ: Tao đàn, Mùa gặt mới.

Lần đầu tôi xem thơ Phạm Hầu trên tạp-chí " Tao-đàn", những bài thơ in bằng một thứ chữ chắc chắn, đậm nét. Lần ấy tôi bỏ qua. Hôm nay đại khái cùng những bài thơ ấy, tôi lại thích. Sự thay đổi đó tôi tin rằng một phần cũng vì những bài tôi xem hôm nay đều do tay tác giả chép bằng một lối chữ khác hẳn lối chữ Tao đàn ngày trước. Những chữ mảnh khảnh, nhỏ nét, nằm trên trang giấy như còn e thẹn, ngập ngừng. Lối chữ này đã giúp tôi hiểu Phạm Hầu dễ dàng hơn. Ở đời có những người nói to bước vững; Phạm Hầu quyết không phải trong hạng ấy. Ở giữa đời, Phạm Hầu là một cái bóng, chân đi không để dấu trên đường đi. Người còn mãi sống với mình và con người ta tưởng không có gì là một người giàu vô hạn. Lòng người là cả một vụng hải đài ¹, người chỉ việc đứng trên đài lòng mà ngắm ; qua lại thiếu gì mây sớm gió chiều. Một buổi trưa bình yên người thấy:

Có cái gì chuyển thay đây với đó,

Một cái gì lên xuống mãi không thôi.

Lắng càng lâu càng nghe mãi xa-xôi....

Một tiếng nhẹ trong tiếng nào nhẹ nữa.

Cho đến khi yêu, người vẫn ưa nhìn lòng mình hơn nhan sắc người yêu:

Gặp tình cờ song chẳng biết vì đâu

Chân em trắng vậy mà lòng anh lạnh.

Cái màu trắng kia tưởng ở trong lòng người thơ nhiều hơn là trên chân người đẹp.

Thơ như thế mà in ra bằng một thứ chữ chắc chắn, đậm nét thì thực lịch lạc cả. Hồn thơ là một cái gì rất mong manh, có khi chỉ một tí cũng đủ làm tiêu tan hết. Không lẽ mỗi bài thơ - không, mỗi câu thơ - in một thứ chữ, nhưng phải như thế mới có nghĩa.

Octobre 1941

Chiều buồn

Tôi đã dám cầu xin hai giọt lệ
Trên mi nàng huyền bí vẽ say mê
Cho điệu buồn man mác tự đâu về
Đưa ngọn cỏ theo chiều mây lặng lẽ
Cho tôi được nghiêng kề nàng thả thẽ
Vì lời yêu rên siết ẩn trong tôi
Chỉ khi buồn may mới thoáng qua thôi
Mà hương lệ đó là trang sổ quý
Buồn len lỏi trên đầu cây, thi vị
Gieo lệ vàng trên ngấn nắng chiều trôi
Tôi kề nàng môi chạy kiếm làn môi
Lời tôi lặn trên môi nàng rung động
Yêu đương đến tất cả chiều mơ mộng
Buồn nhẹ nhàng trong làn khói thu không
Buồn mơn man trên đầu tóc rối bồng
Và vợ vẫn bên đôi người vô tội
Nàng và tôi, nhánh sâu chung rễ cội
Kề vai nhau khi lệ với chiều, rơi

Khi giọt sương âu yếm nhỏ lên người
Nàng và tôi là hai dòng lệ nối.

(Tao đàn)

VỌNG HẢI ĐÀI

Chẳng biết trong lòng ghi những ai
Thềm tim từng dội gót vân hài
Hỡi ôi! Người chỉ là du khách
Một phút dừng chân vọng hải đài
Cơn gió nào lên có một chiều
Ai ngờ thời tạt mối tình kiều
Tháng ngày đi rước tương tư lại
Làm rã chân thành sắp sửa xiêu
Trống trải trên đài du khách qua
Mây ngày vơ vẩn, gió đêm là
Muôn đời e hãy còn vương vấn
Một sắc không bờ trên biển xa
Lòng xiêu xiêu, hồn nước hương mai
Rạng đông về thức giấc hoa lai
Đưa tay ta vẫy ngoài vô tận
Chẳng biết xa lòng có những ai?
(Tao Đàn)

[1](#) Xem bài "Vọng hải đài" trích theo đây.

Xuân Tâm

Chính tên là Phan Hạp. Sinh ngày 1 Janvier -1916 ở làng Bảo An, phủ Điện Bàn (Quảng Nam). Học: trường Chaigneau, trường Quốc học (Huế) có bằng thành chung. Hiện làm việc ở sở Kho bạc Tourane.

Đã đăng thơ: Tân Văn, Sông Hương

Đã xuất bản: Lời tim non (1941)

Học trò trong Quảng ra thi

Thấy cô gái Huế chân đi không đành.

Tôi thấy rõ Xuân Tâm, người học trò Quảng ấy, có phải lòng một cô gái Huế không? Nhưng cảnh Huế cũng là một cô gái và cô gái này đã quyến rũ lòng non trẻ của Xuân Tâm.

Mặc dầu cảnh Huế cơ hồ Xuân Tâm không nói đến, không khí sông Hương núi Ngự vẫn mang mác trong thơ Xuân Tâm. Tìm kiếm Xuân Tâm hoài, tôi chỉ thấy một ít Xuân Diệu, một Huy Cận không buồn mênh mông, một xứ Huế không có cái băng khuâng của Phan Văn Dật, cái vẻ tài hoa của Nguyễn Đình Thự, cái dáng non yếu của Mộng Huyền, cái vẻ ngây thơ của Thu Hồng cái ả ước của Thanh Tịnh. Huế ở đây trong sạch đứng đắn và nhất là có chừng mực. Nhà văn sĩ Pháp Pujarniscle viết về Huế có câu: "*Thành phố mỉm cười khi thương đau, thở than khi vui vẻ*". ¹

Quả có thể. Vui hay buồn ở Xuân Tâm đều có vẻ dịu dàng vừa phải. Ta hãy xem khi người buồn:

Đám cưới người ta vui vẻ nhĩ;

Pháo tràng gieo đỗ, tiệc liên miên;

Riêng tôi đi tránh, buồn và nghĩ:

- Cảnh ấy nào đâu phải cảnh tiên...

và khi vui:

Thấy chiều, hớn hờ tôi ra đón

Như đưa trẻ con thấy mẹ về.

Chiều buồn, chiều đẹp, chiều mơn chớn,

Chiều ru êm ái khúc lòng tê.

Vui hay buồn cũng phẳng phất như nhau.

Còn khi Xuân Tâm giận dữ thì thực... buồn cười: người như Xuân Tâm có lẽ không giận dữ được. Người mến tình yêu, ghét dục vọng. Muốn giữ về thiêng liêng cho tình yêu, người hung hăng quát tháo:

Ôi khốn nạn! Ôi điên rồ! Giận tức!

Đuổi đi mau Xác thịt, đuổi đi mau!

Dắt nó ra, ném nó xuống lầu

Đẹp dễ và nguy nga tình Yêu mến...

Tôi tưởng tượng cái cười ranh mãnh của Xác thịt, trong khi bị nhà thơ đuổi. Nó biết cái người hét nhiều và nói nhiều ấy chỉ tức giận vờ, và đã ân cần bảo "dắt nó ra" thì chẳng có gan nào ném nó đi đâu!

Đứng trước cuộc đời, Xuân Tâm có vẻ dè dặt. Cảnh trời hay tình người, Xuân Tâm chỉ muốn hưởng ở xa xa. Có khi mơ tưởng cảnh Đế thiên, người thấy những tượng đá thử thách Thời gian. Nhưng Thời gian chịu thua:

Mưa không tuôn, gió lặng, sấm không vang,

Trời nhạt nhạt sắp buông lời thân thiện...

Ấy bất cứ đề gì lời thơ vẫn một giọng nhẹ nhẹ, êm êm. Nó chậm chậm đi vào hồn ta như một buổi chiều Xuân Diệu.

Octobre- 1941

μ

XA LẠ

Chân ngắn quá không đi cùng Trái Đất

Để mắt nhìn cảnh lạ trải bên đường.

Hãy bằng lòng tấm tranh đóng trên tường

Và hình ảnh muôn màu in lá sách.

Mùi giấy mới thơm tho và trong sạch

Thế hương hoa ngào ngạt chốn xa vời...

Đây con tàu lướt sóng giữa mù khơi,

Mang với nó vui mừng hay chán nản;

Nơi quê cũ, đứng trên bờ hải cảng,

Có tình lang trông ng'ng quả tim yêu;

Mỗi chấm đen là hy vọng ít nhiều,

Mỗi làn khói là một trời luyến ái...

Đây băng tuyết, giữa mùa đông tê tái,

Rơi, rơi, rơi... và bao phủ đồng quê;

Con đường làng hiu quạnh ngủ say mê,

Cây trắng xoá, cửa nhà đều trắng xoá...

Người ta tưởng lạc loài vào đồng mã,

Chung quanh mình vây kín bức màn tang...

Đây hoàng hôn. Vài tia nắng gần tàn

Còn sáng sót trên đồi cây xanh đậm;

Lũ xe gổ nặng nề bò chậm chậm

Chờ nho về. Mấy thiếu nữ xinh tươi,

Chân bước theo và môi nở nụ cười,

Đôi má chín hơn buồng nho chín thắm...

Đây dòng suối reo cười. Đua lội tắm,

Đoàn tiên nga để lộ tấm thân ngà;
Nước hôn chân... Sương thoa phấn màu da,
Hoa cỏ mơn trạnh nhau cài mái tóc...
Cặp ngỗng trắng xinh xinh như bạch ngọc
Ngẩng cổ nhìn, say đắm đẹp thần tiên...
Đây nghênh ngang, pho tượng đá Đế Thiên
Lăn tròn mắt tròn xoe, đang đồ thách
Thời gian thử gọi phai màu cẩm thạch,
Nhưng thời gian khuất phục muốn xin hàng:
Mưa không tuôn, gió lặng, sấm không vang,
Trời nhạt nhạt sắp buồn lời thân thiện...
... Bao cảnh ấy trong trí tôi hiển hiện,
Nổi bật lên trước mắt nhắm lờ mờ
Mỗi khi thềm xa lạ, tôi ngồi mơ,
Và mở cửa thả hồn đi du lịch...
Lời tim non)

NGHỈ HÈ

Sung sướng quá, giờ cuối cùng đã hết
Đoàn trai non hơn hờ rủ nhau về
Chín mươi ngày nhảy nhót ở miền quê
Ôi tất cả mùa xuân trong mùa hạ!
Một nét mặt trăm tiếng cười rộn rã
Lời trên môi chen chúc nói nghìn câu
Chờ đêm nay, sáng sớm bước lên tàu

Ăn chẳng được, lòng nôn nao khó ngủ.
Trong khoảnh khắc sách, bài là giấy cũ
Nhớ làm chi. Thầy mẹ đợi, em trông
Trên đường làng huyết phượng nở thành bông
Và vườn rộng nhiều trái cây ngon ngọt.
Kiểm soát kỹ có khi còn thiếu sót
Rương chật rồi khó nhốt cả niềm vui
Tay bắt tay, hồn không chút bụi ngùi
Các bạn hỡi, trời mai đầy ánh sáng.
(Lời tim non)

[1](#) Ville où le deuil sourit, où la joie soupire

Thu Hồng

Sinh ngày 19 Juillet-1922 ở Tourane. Chánh quán: làng Thần Phù, huyện Hương Thủy (Thừa Thiên).

Học: trường Tourane, trường Đồng Khánh, Huế.

Đã xuất bản: Sóng thơ (1940)

Người ta vẫn nói giọng huế phải nghe từ miệng con gái Huế mới có duyên. Lần thứ nhất trên thi đàn ta được nghe giọng một người con gái Huế, mà lại là một con người trong Hoàng tộc: Tôn nữ Thu Hồng.

Giá Thu Hồng chịu làm những câu trơn tru mà trống rỗng, chắc chẳng khó gì. Ai mà không làm được những câu trơn tru, trống rỗng? Nhưng người có cái ý muốn rất đáng quý là diễn đúng hình dáng riêng của hồn mình. Có phải vì thế mà giọng nói của người có vẻ ngọng nghịu rất ít có trong thơ ta. Ngọng nghịu khi ôn lại quãng đời thơ ấu đã đành; ngọng nghịu cả những khi ca ngợi cảnh trời:

Cảnh đẹp cứ dần thêm bước bước

Lời ngợi khen mỗi phút lại thay thay.

Những tình ý người lớn trong giọng nói trẻ con ấy thực dễ thương.

Thực ra Thu Hồng cũng chỉ trẻ con ở cái giọng. Khi người ta muốn sống hoài trong thời thơ ấu, hẳn người ta không còn thơ ấu nữa. Người thiếu nữ ấy đã biết tình yêu là "mầm chán nản" và người ước ao:

Mầm chán nản chớ len vào niên thiếu,

Chớ len vào sớm quá, tội em mà!

Em nghe như thời ấy vẫn còn xa

Em chậm chậm để mong còn xa mãi;

Hãy là hoa, xin hãy khoan là trái;

Hoa nồng hương mà trái lấm khi chua.

Ta tưởng nghe nhưng lời Xuân Diệu. Nhiều chỗ khác cũng xui ta nghĩ đến Xuân Diệu, nhất là khi Thu Hồng bắn khoăn muốn cắt nghĩa tình yêu. Bốn câu thơ của người không bóng bẩy, không tinh vi như bốn câu thơ Xuân Diệu [1](#) nhưng cũng thật thà dễ thương:

Chỉ biết hôm xưa, một buổi chiều,

Cùng người trò chuyện chẳng bao nhiêu.

Người đi, tôi thấy sao mong nhớ!

Và cảm quanh mình nỗi tịch liêu.

Xem thơ Thu Hồng, tôi còn nghĩ đến vài người nữa, nhất là Nam Trân. Thu Hồng đã học được của Nam Trân cái lối ghi chép những hình sắc xứ Huế và ngòi bút của nữ sĩ đã vẽ nên đôi bức tranh nho nhỏ, có lẽ chưa được nổi nhưng có một vẻ linh hoạt riêng:

Đêm, trăng rạng rỡ soi

Thuyền ai thong thả trôi

Đàn hát chảy theo nước,

Không gian bỗng nô cười!

Ở xứ này, nói đến những thiếu nữ làm thơ người ta thường mỉm cười. Hình như thơ là một cái gì to chuyện lắm. Thu Hồng đã tránh được cái mỉm cười mỉa mai ấy vì người rất bình dị, rất hồn nhiên không lúc nào ra vẻ muốn làm to chuyện.

Tháng 9-1941

TƠ LÒNG VỚI ĐẸP

Kìa trăng vỡ trong hồ khi nước động,

Sóng lao xao lấp loáng, ánh xa ngời.

Và búp hoa nghênh dậy đón hương trời,

Cây tuôn bóng, lững lơ, đò chẳng lướt!

Cảnh đẹp cứ dần thêm bước bước,
Lời ngợi khen mỗi phút lại thay thay.
Tơ lòng với đẹp đêm nay
Rộn ràng thồn thức vì say nhiệm màu.
(Sóng thơ 1940)

ÊM ĐỀM

Hồi tưởng nhiều mai, dưới ánh dương,
Em vừa tỉnh giấc, dậy bên giường,
Mẹ em đôi mắt đầy âu yếm,
Vây bọc chim khua, rộn giấc hường.
Vạn buổi êm trời, dịu mát hương
Chưa bằng đôi mắt chứa yêu đương!
Mẹ hiền tựa cửa, khi chờ ngóng,
Em thấy lòng vui, lướt dặm đường.
Cũng có nhiều đêm, gió rít vang,
Mẹ em ốm nặng thức trong màn,
Em ngồi mơ sách người xưa ước,
Nếu có thì em cũng ước tràn.
Nếu có thì em: "ước mẹ lành,
Cha cho nhiều bánh với nhiều tranh,
Cây me cao quá, bên vườn bắc,
Nghiêng xuống cho em bẻ một cành".
Có lắm hoàng hôn, mãi cọt dừa,
Quên rằng bãi bể sóng chiều khua.

Và nhà cơn đợi, chờ em vắng,
Em sắp hàng năm, để chạy đua.
Rồi đến trăng nhô mới vội về,
Cha cười, song cũng chỉ roi đe:
"Mai còn chơi chậm thì con liệu
Sắm sửa vài mo để đón che".
Ai có như em, một ấu thời?
Đi tìm bướm bắt để nuôi chơi,
Búp bê đem tắm hơi cho ấm,
Lửa bén vào! Thôi, cháy mất rồi!
Rõ là em cũng quá lôi thôi,
Ai chả còn ghi quãng ấu thời,
Đằng đẳng đường trường cơn gió bụi,
Duy còn ôn lại những ngày vui.
(Sóng thơ 1940)

MẢNH HỒN THƠ

Em muốn thơ em hoàn toàn vui,
Đừng sầu lá rụng, khóc hoa rơi,
Đừng than thở, tiếc ngày qua chóng.
Ước nguyện đành không đạt nguyện rồi!
Ô hay! Đâu thoát khỏi triền miên,
Hồn lặn trong mê, ý dậy phiền.
Đời ít khi vui, hoài cảm xúc,
Thương sen lẫn lộn sống bên bùn!

*Cho nên nhiều lúc, muốn thơ cười,
Chợt nghĩ quanh mà bút bỗng rơi!
Ôm mảnh hồn thơ, đường oán hận,
Em dùng hồn thức, dải nên lời.*
(Sóng thơ 1940)

Làm sao cắt nghĩa được tình yêu!
1 Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu...

Bàng Bá Lân

Sinh năm 1913 (tháng Chạp năm Nhân Tí) ở phố Tân Ninh, Phủ Lạng Thương (Bắc Giang). Chánh quán: làng Đôn Thư, phủ Bình Lục (Hà Nam). Học trường Vôi (Bắc Giang), trường Phủ Lý, trường Phủ Lạng Thương, trường Bảo Hộ Hà Nội. Có bằng thành chung.

Đã xuất bản: Tiếng thông reo (1934). Xưa (hợp tác với Anh Thơ, 1941)

Đồng quê xứ Bắc đã gây cảm hứng cho nhiều nhà thơ. Nhưng mỗi nhà thơ xúc cảm một cách riêng. Nguyễn Bính nhà quê hơn cả nên chỉ ưa sống trong tình quê mà ít để ý đến cảnh quê. Anh Thơ không nhà quê tí nào, Anh Thơ là một người thành thị đi du ngoạn nên chỉ thấy cảnh quê ¹. Bàng Bá Lân gần Anh Thơ hơn gần Nguyễn Bính. Nhưng người hiểu cảnh quê hơn Anh Thơ; hiểu hơn vì mến hơn. Thơ Bàng Bá Lân và "Bức tranh quê" đều là những bông hoa khả ái từ xa mới về, nhưng bông hoa Bàng Bá Lân ra chiều thuộc thủy thổ hơn. Cho nên sắc hương của nó cũng khác.

Bàng Bá Lân không có cái tỉ mỉ của Anh Thơ, không nhìn đủ hình dáng đời quê như Anh Thơ. Anh Thơ có khi nhìn cảnh không mến cảnh, Bàng Bá Lân có khi lại mến cảnh quên nhìn, nhưng đã lưu ý đến cảnh nào, Bàng Bá Lân thường lưu luyến cảnh ấy. Như khi người ta tả một buổi sáng:

Cổng làng rộng mở. Ôn ào

Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Ta thấy rõ người mến cảnh ấy lắm: lòng người cùng rộng mở với cổng làng và cùng vui với nông phu trong nắng sớm.

Bởi thế có lúc người đã cảm được hồn quê vẫn bàng bạc sau cảnh vật. Tôi không biết làm thế nào nói cho ra điều này. Ấu là cứ trích ít câu thơ của Bàng Bá Lân:

Quán cũ nằm lười trong song nắng,

Bà hàng thừa khách ngả thiu thiu,

Nghe mờ hơi chảy đầm như tắm...

Đứng lặng lẽ trong mây một cánh diều.

Cả cái hồn lặng lẽ ngây ngất của đông quê dưới nắng trưa như ngưng lại trong mấy câu ấy.

Một lần khác, tả cảnh trưa hè trong một gian nhà tranh tịch mịch, người viết:

Bụi nằm lâu chán xà nhà

Nhẹ nhàng rơi phủ bàn thờ buồn thiu.

Mười bốn chữ, chữ nào cũng mang nặng một chút hồn! Thiết tưởng người ta không thể đi sâu vào cảnh vật xứ quê hơn nữa.

Ấy cũng vì Bàng Bá Lân sau khi đã hấp thụ ở thành thị một nền học khá, liền về ở nhà quê luôn. Người sống cuộc đời thông dong một ông chủ trại, thì giờ để làm ruộng ít hơn là để làm thơ. Chuyện mộng của nhiều người, với Bàng Bá Lân đã thành chuyện thực. Có nhiều người thanh niên làm gì thì làm vẫn ước ao thú điền viên, cái thú thân yêu của nhà nho ngày trước. Họ không đủ can đảm sống lam lũ như những dân quê thực. Nhưng thành thị thì họ chán ghét lắm rồi. Họ tức tối mỗi lần nghĩ đã đưa giọt máu trong sạch và cường tráng của ông cha đến nơi hèn hò của bệnh tật, của tội lỗi...

Octobre-1941

TRƯA HÈ

Dưới gốc đa già, trong vũng bóng,

Nằm mát, đàn trâu ngấm ngấm nhai.

Ve ve rung cánh, ruồi say nắng;

Gà gáy trong thôn những tiếng dài.

Trời lơ cao vút không buông gió;

Đồng cỏ cào phô cánh lướt hồng,

Êm đềm sóng lúa trôi trên lúa;
Nhạc ngựa đường xa rắc tiếng đồng.
Quán cũ nằm lười trong sóng nắng,
Bà hàng thừa khách ngủ thiu thiu
Nghe mờ hơi chảy đầm như tắm...
Đứng lặng trong mây một cánh diều.
Cành thưa, nắng tưới, chim không đứng;
Quả chín bâng khuâng rụng trước hè.
Vài cô về chợ buông quang thúng
Sửa lại vành khăn dưới bóng tre.
Thời gian dừng bước trên đồng vắng;
Lá ngập ngừng sa nhẹ lướt ao.
Như mơ đường khói lên trời nắng;
Trường học làng kia tiếng trống vào.
(Tiếng sáo diều)

CỔNG LÀNG

Chiều hôm đón mát cổng làng,
Gió hiu hiu đẩy mây vàng êm trôi
Đồng quê vờn lượn chân trời,
Đường quê quanh quất bao người về thôn.
Sáng hồng lơ lửng mây son,
Mặt trời thức giấc véo von chim chào.
Cổng làng rộng mở. Ôn ào,
Nông phu lững thững đi vào nắng mai.

Trưa hè bóng lạng nắng oi,
Mái gà cục cục tìm mỗi dất con.
Cổng làng vài chị gái non
Dừng chân uể oải chờ cơn gió nồm.
Những khi gió lạnh mưa buồn,
Cổng làng im ỉm bên đường lội trơn.
Nhưng khi trăng sáng chập chờn,
Kìa bao nhiêu bóng trên đường thướt tha.
Ngày mùa lúa chín thơm đưa...,
Rồi Đông gầy chết, Xuân chưa vội vàng.
Mừng xuân ngày hội cổng làng,
Là nơi chen chúc bao nàng ngây thơ.

*

Ngày nay dù ở nơi xa,
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng;
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng,
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre.
(Tiếng sáo diều)

[1](#) Tôi không muốn nói đến Đoàn văn Cù ở đây

Nam Trân

Chính tên là Nguyễn Học Sỹ. Sinh ngày 15- 2-1907 ở làng Phú Thứ Thượng, Huyện Đại Lộc (Tỉnh Quảng nam). Học chữ Hán đến năm 12 tuổi và đã tập làm những lối văn trường ốc. Sau học trường quốc học Huế, trường Bảo Hộ Hà nội. Có bằng Tú tài bản xứ. Hiện làm: Tham tá toà khâm sứ Huế. [1](#)

Đã đăng thơ: An nam tạp chí, Phong hoá, Tràng an.

Đã xuất bản: Huế, Đẹp và thơ, Tập đầu (1939).

Huế đẹp, Huế nên thơ. Ai chẳng nói thế? Ai chẳng thấy thế? Nhưng sao hình ảnh Huế trong thi ca lại tầm thường thế? Có lẽ cảnh Huế huyền diệu, quá mơ màng khôn biết tả thế nào cho thoát sáo. Cũng có lẽ ngắm cảnh Huế, Người ta khó tránh được cái buồn vơ vẩn đó là khí vị riêng của cửa xứ này và lòng người ta không đủ thần nhiên để ghi lấy hình sắc riêng của mỗi vật. Kể có ít câu của Thu Hồng và hai câu này của Quỳnh Giao cũng được:

Một hàng tôn nữ cười trong nón.

Sông mở lòng ra đón bóng yêu.

Nhưng tả cảnh Huế chưa ai bằng Nam Trân. Nam Trân không rơi vào khuôn sáo là vì người không mơ màng cũng không buồn vơ vẩn. Ở Huế mà ghét Nam Ai, nội chừng ấy cũng đã lạ [2](#) . Người chỉ thần nhiên nhìn cảnh vật chung quanh và ghi lại những nét già dặn.

Thơ Nam Trân thường mỗi bài là một bức tranh nhỏ trong ấy thế nào cũng có ít điều nhận xét đặc sắc. Thỉnh thoảng người cũng ghép vào trong cảnh một ít tình. Nhưng đầu người có nói đến tình yêu, lời thơ vẫn mực thước, vẫn không mất vẻ thiên nhiên. Điều ấy thấy ngay ở bài đầu quyển "Huế, Đẹp và Thơ" [3](#) : một mẫu cảnh xinh xinh, một chút tình phẳng phất trong những vằn nhịp nhàng và lặng lẽ như giò Hương Thủy trong veo. "Sóng lòng" thi nhân có xao động cũng chỉ trong khoảng khắc nhưng mặt nước sông kia mà thôi,

ý thơ nhẹ nhàng, điệu thơ uyển chuyển. Ta nên để ý bài thơ này sáu câu trên thất ngôn mà bốn câu dưới lục bát. Thất ngôn tả vẻ thần nhiên của người đẹp, lục bát tả chút xao động trong lòng người thơ. một cảnh hai tình, nên thơ cũng một bài hai điệu.

Về âm điệu, thơ Nam Trân thực dồi dào. Thi nhân không theo điệu nào nhất định. Trước mỗi cảnh, mỗi tình, người lại cố tạo ra một điệu thơ thích hợp. Câu thơ luôn luôn biến hoá: số chữ thay đổi từ một đến mười. Điệu thơ đó là điều tối quan hệ với Nam Trân; người luôn luôn tìm kiếm, vì người nghĩ rằng chỉ có người mới chịu nằm hoài trong một khuôn khổ.

Những điệu thơ cũng như ý thơ, ở Nam Trân, đều là kết quả của sự dẫn đo kỹ lưỡng, sự suy tính siêng năng. Nam Trân luôn luôn tự chủ ngòi bút của mình một cách chắc chắn, không bao giờ phóng cho nó đi theo những nhạc điệu âm thầm một đôi khi vẫn thao thức trong lòng ta.

Cho nên muốn thưởng thức thơ Nam Trân ta cũng phải luyện lấy tâm trí cho bình thản. Hãy xếp thơ Nam Trân lại những lúc lòng ta có chuyện xôn xao.

Lối thơ tả chân vốn xưa ta không có đây đó rải rác cũng nhặt được đôi câu, nhưng đến Nam Trân mới biệt thành một lối. Nam Trân đã tìm ra được một khoảnh đất mới và ở đó người ta đã dựng nên - ý chừng để sát nhập làng thơ Việt - cái cảnh núi Ngự sông Hương.

Thiết tưởng vị tình láng giềng đất Quảng Nam không thể gửi ra xứ Huế món quà nào quý hơn nữa: lần thứ nhất những vẻ đẹp xứ này được diễn ra thơ.

Octobre-1941

ĐẸP VÀ THƠ

(Cô gái Kim luân)

Kim Luân nhiều ả mỹ miều

Trăm thương, trăm nhớ, trăm liều, trăm đi.

Vua Thành Thái

Thuyền nan dừng đĩnh sau hàng phượng,

Cô gái Kim Luân yếu điệu chèo.

Tôi xuống thuyền cô, cô chẳng biết

Rằng Thơ thấy Đẹp phải tìm theo.

Thuyền qua đến bến; cô lui lại,

Vẫy chiếc chèo ngang: giọt nước gieo.

Đăm đăm mắt mỗi vì chèo,

Chèo cô quấy nước trong veo giữa dòng.

Biết không? Cô hỏi, biết không?

Chèo cô còn quấy, sóng lòng còn xao!

(Huế, Đẹp và Thơ)

HUẾ, ngày hè

Lửa hạ bùng bùng cháy,

Làn ma trốt trốt bay.

Tiếng ve rè rè mãi

Đánh đổ giấc ngủ ngày.

Đường sá ít người đi,

Bụi cây lấm kẻ núp,

Xơ xác quán nước chè,

Ra vào người tấp nập.

Phe phẩy chiếc quạt tre,

Chú nài ngồi đầu voi

Thỉnh thoảng giơ tay bẻ

Năm ba chùm nhẩn còi.
Huê phượng như giọt huyết,
Giỏ xuống phủ lễ đường.
Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.
(Huế, đẹp và thơ, 1939)

HUẾ, đêm hè
Trời nóng băm bốn độ.
Đèn, sao khắp đế đô,
Mặt trăng vàng, tròn trên
Nấp sau nhánh phượng khô.
Ba dịp cầu Trường Tiền
Đứng dày người hóng mát;
Ngọn gió Thuận An lên,
Áo quần kêu sột sạt.
Đứng đỉnh chiếc thuyền nan
Qua, lại bến sông Hương...
Tiếng đàn chen tiếng hát,
Thánh thót điệu Nam Bường.
Hai tay xách hai vịn,
Một vài mụ le te,
Tiếng non rao lạnh lói:
Chốc chốc: "Ai ăn chè?"
(Huế, đẹp và thơ, 1939)

TRƯỚC CHÙA THIÊN MỤ

(Phỏng theo điệu bài "Đăng Vương các" của Vương Bột)

Êm êm dòng nước Hương Giang chảy,

Xúm xít thuyền con chỗ ba, bảy.

Tiếng hát ngư ông đắm bóng cây

Như luồng khói nhẹ, lên, lên mãi.

Tháp cao dòm nước: vết meo trôi.

Đồi thấp sừng trăng dỗi dỗi soi.

Mờ ớ, xa xa gà gáy sáng...

Trong chùa cảnh cảnh tiếng chuông hồi.

(Huế, Đẹp và Thơ)

MÙA ĐÔNG

Cánh đồng An Cựu

Lá bàng

Như lá vàng

Rụng.

Ôi! đìu hiu

Cảnh chiều

Đông!

Ruộng ngập: menh mông

Nước phẳng.

Cò bay, yên lặng,

Quanh đồng.

Thi tứ viễn vông:

Thần Tượng tượng
Như đàn có đôi lượn
Đồng không.
(Huế, Đẹp và Thơ)

GIẶN KHÚC NAM AI

Đừng kể nữa những mảnh tình tan tác.
Hãy đứng lên, Nhạc sỹ, với tôi, đi!
Tôi ghét anh mê giọng hát sầu bi
Và tung mãi tâm hồn thừa truy lạc.
Hãy đứng dậy! Vứt chiếc cầm ảo não!
Tôi cần nghe những khúc nhạc rất hùng
-Thét ngựa lòng phi mãi chẳng chồn chân -
Sáng như gương tuốt, mạnh như luồng bão.
Ôi nhạc sỹ, thật anh người thậm tệ:
Quan hoài chi những lối hát mê ly,
Những câu ca không Đẹp lại không Thi
Của kỹ nữ vọc cuộc đời ê chệ?
Hãy cung kính nhượng các ngài tuổi tác
Những bản đờn, dịp hát thiếu tinh thần.
Hãy ra nghe sóng vỗ, ngắm mây vùn
Rồi sáng chế cho tôi vài điệu khác
(Huế, Đẹp và Thơ)

NẮNG THU

Hát bài hát ngô nghê và êm ái,

Bên sườn non, mục tử cỡi trâu về,
Nắng chiều rây vàng bột xuống dân quê,
Lúa chín đổ theo gió nồm sắp mái.
Trên suối nhỏ, chiếc cầu treo hỏ lánh
Tốp người qua, lầy bầy vịn thanh ngang
Lũ trẻ con sung sướng nỗ cười vang
Đùa với bóng chảy theo giòng nước lạnh.
Dãy núi tím bồng thay màu xanh ngắt
Rồi ồ làn trong giây khắc nhá nhem.
Âm thầm cảnh vật vào Đêm:
Vết rắng đỏ, tiếng còi xa cũng tắt.
(Huế, đẹp và thơ, 1939)

-
- [1](#) Đã được cải bổ vào chính phủ Nam Triều, hiện giữ chức Tả lý Bộ lại (Lời chú in lần thứ hai)
 - [2](#) Xem bài "Giận khúc Nam ai"
 - [3](#) Tức bài "Đẹp và Thơ"

Đoàn Văn Cừ

Những hình ảnh cuộc đời Việt Nam xưa còn lưu lại trong thời này chẳng bao lâu nữa sẽ mất hết. Nếu ta không gấp gấp ghi chép lấy thì còn biết tìm kiếm vào đâu. Gần đây đã có một ít nhà văn viết tiểu thuyết truyện đồng quê, nơi nương náu cuối cùng của dĩ vãng. Nhưng đời sống ở đồng quê có một nhịp nhàng riêng, thể văn tiểu thuyết không diễn ra được. Phải có thơ. Trong các nhà thơ đồng quê, không ai có ngòi bút dồi dào mà rục rờ như Đoàn Văn Cừ.

Những bức tranh trong thơ Đoàn Văn Cừ không phải chỉ đơn sơ vài nét như các bức tranh xưa của Á Đông. Bức tranh nào cũng đầy dẫy sự sống và rộn rịp những hình sắc tươi vui. Mỗi bức tranh là một thể giới linh hoạt. Người xem tranh hoa mắt vì những nét những màu hình như rối rít cả lại; nhưng nhìn kỹ thì màu nào nét nào cũng ngộ nghĩnh vui vui.

Đây, trong chợ Tết, bên cạnh thầy khoá đương gò lưng viết:

*Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhắm đọc vài hàng câu đối đỏ*

Kia, giữa đám hội nhà quê;

*Chiếc ô đen lẳng lẳng bước ra cầu,
Tìm đến chiếc san màu bay trước gió.*

Đoàn Văn Cừ đã biết nhận xét rất tinh lại sẵn hồn thơ phong phú, hai điều thường ít đi với nhau. Phải có hồn thơ mới thấy được dưới ánh bình minh.

Tia nắng nháy hoài trong ruộng lúa.

Thỉnh thoảng giữa những câu chặt chẽ, chen vào một câu bất ngờ, vụt ngời lên như một luồng sáng giữa bức tranh:

*Bà cụ bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gọi tắc trắng phau phau.*

Và bao giờ cuối bài thơ cũng có một vài câu khêu gợi. Cuối bài "Chợ tết":

*- Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rơi rụng rơi trên quán chợ.*

Cuối bài thơ: "Đám cưới mùa xuân":

*Chỉ nghe vắng vắng tiếng chim xuân
Ca ánh ỏi trên cành xanh tắm nắng.*

Những câu ấy đều khép lại một thế giới và mở rộng ra một thế giới: khép một thế giới thực, mở một thế giới mộng. Cảnh trước mắt vừa tan thì tình trong lòng cũng vừa nhóm. Mắt ta không thấy gì nữa nhưng lòng ta băng khuâng.

Đoàn Văn Cừ trước sau đăng báo chỉ có sáu bảy bài thơ. Bài nào cũng hay. Cũng có bài đăng "Ngày nay" số thường, nhưng nghĩ đến Đoàn Văn Cừ là tôi lại nghĩ đến cái Tết. Cái tên Đoàn Văn Cừ trong trí tôi đã lẫn với màu bánh chưng, mùi thuốc pháo, vị mít gừng. Cứ mỗi lúc xuân về người lại gửi trên báo một chuỗi cười ngủ sắc. Tiếng cười ta còn nghe vắng vắng thì người đã biến đâu rồi và ta đành chờ mùa xuân khác. Thế rồi báo chết, tâm tích người cũng mất. Cho đến hôm nay, viết mấy lời giới thiệu thơ Đoàn Văn Cừ, tôi vẫn chưa biết gì thêm về con người ấy. ¹

Octobre – 1941

CHỢ TẾT

*Dải mây trắng đỏ dần trên đỉnh núi,
Sương hồng lam ôm ấp nóc nhà tranh,
Trên con đường viền trắng mép đồi xanh,*

Người các ấp tưng bừng ra chợ Tết.
Họ vui vẻ kéo hàng trên cỗ biếc;
Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
Vài cụ già chống gậy bước lom khom,
Cô yếm thắm che môi cười lạng lẽ.
Thằng em bé nép đầu bên yếm mẹ,
Hai người thôn gánh lợn chạy đi đầu,
Con bò vàng ngộ nghĩnh đuổi theo sau.
Sương trắng rõ đầu cành như giọt sữa,
Tia nắng tía nháy hoài trong ruộng lúa,
Núi uốn mình trong chiếc áo the xanh,
Đôi thoa son nằm dưới ánh bình minh.
Người mua bán ra vào đầy cổng chợ.
Con trâu đứng vờ rim hai mắt ngủ,
Để lắng nghe người khách nói bô bô.
Anh hàng tranh kiu kịt quấy đôi bờ,
Tìm đến chỗ đông người ngồi giờ bán.
Một thầy khoá gò lưng trên cánh phản,
Tay mài nghiên hí hoáy viết thơ xuân.
Cụ đồ nho dừng lại vuốt râu cằm,
Miệng nhắm đọc vài hàng câu đối đỏ.
Bà cụ lão bán hàng bên miếu cổ,
Nước thời gian gội tóc trắng phau phau.
Chú hoa man đầu chít chiếc khăn nâu,
Ngồi xếp lại đồng vàng trên mặt chiếu.

Áo cụ lý bị người chen sấn kéo,
Khăn trên đầu đang chít cũng bung ra.
Lũ trẻ con mãi ngắm bức tranh gà,
Quên cả chị bên đường đang đứng gọi.
Mấy cô gái ôm nhau cười rữ rựi,
Cạnh anh chàng bán pháo dưới cây đa.
Những mẹt cam đỏ chót tựa son pha.
Thúng gạo nếp đông đầy như núi tuyết,
Con gà trống mào thâm như cục tiết,
Một người mua cầm cẳng dốc lên xem.
Chợ tưng bừng như thế đến gần đêm,
Khi chuông tối bên chùa vắng vắng đánh,
Trên con đường đi các làng hẻo lánh,
Những người quê lũ lượt trở ra về.
Ánh dương vàng trên cỏ kéo lê thê,
Lá đa rụng rơi bởi quanh quán chợ.
Báo Ngày nay 1939

ĐÁM CƯỚI MÙA XUÂN

Ngày ửng hồng sau màn sương gấm mỏng,
Nắng dát vàng trên bãi cỏ non xanh.
Dịp cầu xa lồng bóng nước long lanh,
Đàn cò trắng giăng hàng bay phấp phới.
Trên cành cây, bỗng một con chim gọi
Lũ người đi lí nhí một hàng đen

Trên con đường cát trắng cỏ lam viền
Họ thong thả tiến theo chiều gió thổi,
Dưới bầu trời trong veo không mảy bụi,
Giữa cánh đồng phơn phớt tựa màu nhung.
Một cụ già râu tóc trắng như bông,
Mặc áo đỏ, cầm hương đi trước đám.
Đăm sáu cụ áo mền bông đỏ sẫm,
Quần nâu hồng, chống gậy bước theo sau.
Hàng ô đen thong thả tiến lên sau.
Kế những chiếc mâm đồng che lưa đở.
Bọn trai tơ mặt mày coi hớn hở,
Quần lụa chùng, nón dứa áo sa huê.
Một vài bà thanh lịch kiểu nhà quê,
Đầu nón nghệ, tay cầm khăn mặt đỏ.
Bà lão cúi lom khom bên cháu nhỏ,
Túi đựng trầu chăm chăm giữ trong tay.
Thằng bé em mẹ ẵm, má hây hây,
Đầu cạo nhẵn, áo vàng, quần nâu sẫm.
Cô bé để cút chèo người xăm mẫm,
Đi theo bà váy lĩnh, dép quai cong.
Một chị sen đầu đội chiếc khăn hồng,
Đặt trên cái hòm da đen bóng lộng.
Người cô dâu hôm nay coi choáng lộn.
Vành khuyên vàng, áo mớ, nón quai thao.
Các cô bạn bằng tuổi cũng xinh sao,

Hai má thắm, ngậy thơ nhìn trời biếc.
Dắm bảy cô phủ mình trong những chiếc
Áo đồng lằm, yếm đỏ, thắt lưng xanh.
Một lúc sau đi tới chỗ vòng quanh,
Nếp chùa trắng in hình trên trời thắm,
Thì cả bọn dần dần cùng khuất lẩn
Sau trái đồi lấp lánh ánh sương ngân.
Chỉ còn nghe văng vẳng tiếng chim xuân
Ca ánh ỏi trên cành xanh tẩm nắng.
Báo Ngày nay 1940

ĐÁM HỘI

Mùa xuân ấy, ông tôi lên tận tỉnh
Đón tôi về xem hội ở làng bên.
Suốt ngày đêm chuông trống đánh vang rền
Người lớn bé, mê man về hát bội.
Những thằng cu tha hồ khoe áo mới
Và tha hồ nô nức kéo đi xem.
Các cụ già uống rượu mãi gần đêm,
Tổ tôm điểm chơi đều không biết chán.
Những con bé áo xanh đòi chị ẵm
Để đi theo đám rước lượt quanh làng.
Các bà đồng khăn đỏ chạy loăng quăng.
Đón các khách thập phương về dự hội,
Một chiếc kiệu đương đi dừng bước lại,

Rồi thình lình quay tít mãi như bay.
Một bà già kính cẩn chấp hai tay,
Đứng vái mãi theo đám người bí mật.
Trên bãi cỏ dưới trời xuân bát ngát,
Một chị đương đu ngựa tít trên không.
Cụ lý già đứng lại ngừng đầu trông,
Mắt hấp háy nhìn qua đôi mục kính.
Mấy cô gái nép gần hai chú lính.
Má đỏ như bẽn lễn đứng ôm nhau.
Chiếc ô đen lẳng lẳng tiến ra cầu
Tìm đến chiếc san màu bay trước gió,
Bác nhà quê kiểng chân nhìn ngáp ngó,
Rồi leo lên cho ai nấy cùng trông
Đoàn trái dài vùn vụt giữa dòng sông
Người lố nhố chèo trên làn nước lạnh.
Bọn đô vật trước đình thi sức mạnh
Mình cời trần gân cốt nổi như lươn;
Tiếng reo hò khuyến khích dậy từng cơn
Lẫn tiếng trống bên đường khua rộn rã.
Bên mấy chiếc khăn vuông hình mỏ quạ,
Đứng chen vào chiếc mũ trắng nghênh ngang.
Bọn trai quê bá cổ cạnh cô hàng
Vờ mua bán để tìm câu chuyện gẫu.
Một chú xầm dạo đàn bên chiếc chạu,
Mắt lơ mờ nghe ngóng tiếng gieo tiền.

Thằng bé em đòi mẹ bế lên đèn
Xem các cụ trong làng ra cử tế;
Tiếng chiêng trống chen từng hồi lặng lẽ,
Những bóng người trịnh trọng khẽ đi lên;
Những cánh tay áo thụng vái mơ huyền,
Đang diễn lại cả một thời quá khứ
Mà đất nước non sông cùng cây cỏ
Còn thuộc quyền sở hữu của Linh thiêng.
Khi tế xong một cụ đứng trên thềm,
Giơ bánh pháo cho người kia lại đốt.
Bọn trai gái đứng xem đều chạy rạt,
Một thằng cu sợ hãi khóc bi be.
Người đi xem nhiều bọn đã ra về
Trên đường vắng lá đề rơi lác đác,
Ốc xa rúc từng hồi trong xóm mạc,
Trời đỏ hồng sau những trái đồi xanh,
Đàn chim hôm nhón nhác gọi trên cành
Vệt tháp trắng in dài trên đồng vắng,
Tiếng chuông tối nhạt khoang trong yên lặng.
Lẫn trống chèo vắng vắng phía làng xa.
Của đám dân nô nức dưới trăng tà...
(Ngày nay)

TRĂNG HÈ

Tiếng võng trong nhà kéo kệt đưa

Đầu thêm con chó ngủ lơ mơ
Bóng cây lơ lả bên hàng đậu
Đêm vắng, người im, cảnh lặng tờ
Ông lão nằm chơi ở giữa sân
Tàu cau lấp loáng ánh trăng ngân
Thằng cu đứng vịn bên thành chõng
Ngắm bóng con mèo quện dưới chân
Bên giếng, dăm cô gái xứ quê
Từng đàn vui vẻ rủ nhau về
Trên vai nặng trĩu đôi thùng nước
Kịu kịt đi vào lối cổng tre
Trong xóm giờ lâu quá nửa đêm
Tiếng chày giã gạo đã ngừng im
Trăng tà hạ xuống ngang đầu núi
Đom đóm bay qua dải nước đen
Tiếng ốc trên chòi rúc thiết tha
Gió lay cót kết rặng tre già
Sao trời từng chiếc rơi thành lệ
Sương khói bên đồng ủ bóng mơ.
(Ngày nay)

Khi quyền sách này đưa in, chúng tôi vẫn chưa biết gì thêm về Ô.
¹ Đoàn văn Cừ, tuy đã hỏi rất nhiều người. Vậy xin mạn phép ông
trích mấy bài thơ. Ông ở đâu làm ơn cho chúng tôi biết

Anh Thơ

Chính tên là Vương Kiều Ân Vương họ cha, Kiều họ mẹ. Sinh tháng Janvier 1919 tại Ninh giang. Học từ năm lên bảy, năm 13 tuổi mới lên lớp ba (Hải dương, Thái bình, Bắc giang). Bỏ học sau một buổi bị cô giáo phạt quỳ.

Đã đăng thơ: Hanoi báo (ký Hồng Anh), Tiểu thuyết thứ năm, Ngày nay, Phụ nữ. Được giải thưởng khuyến khích về thơ của Tự lực văn đoàn năm 1939.

Đã xuất bản: Bức tranh quê (Đời nay, Hà-nội 1941), Xưa (hợp-tác với Bàng Bá Lân, 1941).

Một hôm tôi nhận được bức thư đề: M. Hoài- Thanh, professeur, l'instituteur Thuận hóa. Tôi đã không dám khinh thường người viết thư mà lại còn kính phục thêm nữa. Vì tôi biết người viết thư là một nữ thi sĩ có danh: Anh Thơ. Đã đành hay thơ Việt không cần phải giỏi tiếng Pháp. Nhưng trong tình thế nước ta bây giờ một người thiếu niên muốn có một nền học vấn vừa vừa mà không cần đến tiếng Pháp quả là một điều thiên nan vạn nan. Cứ xem văn của Anh Thơ ai cũng phải bảo là người có học. Thế mà cái lối viết rõ ràng và chắc chắn ấy, Anh Thơ không từng học được trong tiếng Pháp. Càng kính phục người, ta càng mừng cho nền quốc văn. Quốc văn ta ngày

một thêm phong phú và hiện nay đã có thể làm lợi khí đào luyện tinh thần cho một người như Anh Thơ.

Tôi vừa nói đến lối viết của tác giả "Bức tranh quê", tập thơ này cũng thuộc về lối thơ của người có học. Vẫn biết làm thơ đạo tình không phải bao giờ cũng là người ít học, nhưng thường người ít học chỉ có thể làm thơ đạo tình. Phải là người có học mới có thể đưa vào thơ cái cảnh

Chó le lười ngồi thừ nhìn cũi đóng,

Lợn trói nằm hồng học thở căng dây.

Anh Thơ từ lâu chỉ chuyên lối thơ tả cảnh, mà lại tả những cảnh rất tầm-thường: một phiên chợ, một đứa bé quét sân, một vài mụ đàn bà ngồi bắt chấy. Thơ của người biệt hẳn ra một lối. Có kẻ sẽ cho Anh Thơ là người vô tình. Nhưng có thiếu nữ nào hai mươi tuổi mà lại vô tình? Anh Thơ bắt đầu cũng đã làm những bài kể nỗi lòng mình. Hẳn người đã tập luyện nhiều lắm mới có thể đi đến cái thần nhiên, cái dửng dưng mà độc-giả "Bức tranh quê" ắt phải lấy làm lạ. Nhiều lúc tôi tưởng người đã đi quá xa. Tranh quê có bức chỉ là bức ảnh; cái thần nhiên, hàm xúc của nghệ sĩ đã nhường chỗ cho cái thần nhiên trống rỗng của nhà nghề.

Theo gót thi nhân đến đó, ta thấy uất ức khó thở: người dẫn ta vào một thế giới tù túng rồi không cho ta mơ tưởng đến một trời đất nào khác nữa.

Không, thơ phải là một tia sáng nổi cỗi thực và cỗi mộng, mặt đất với các vì sao. Thơ không cốt tả mà cốt gọi, gọi cảnh cũng như gọi tình. Cho nên mỗi lần Anh Thơ chịu đi ra ngoài lối tù túng đó để nhìn cảnh vật một cách sâu sắc hơn, lối thơ bỗng trở nên rộng rãi không ngờ và ta thấy khoan khoái biết bao. Sau câu thơ ta mơ hồ thấy một cái gì: có lẽ là hồn thi nhân. Như khi người tả cảnh bên đò trưa hè:

Mây đi vắng, trời xanh buồn rộng rãi

Sông im dòng động nắng đứng không trôi

hay tả cảnh một buổi sáng trong trẻo :

Gió man mát bờ tre rung tiếng sẻ,

Trời hồng hồng đáy nước lắng sơn mây

Làn khói xám từ nóc nhà lặn lẽ

Vươn mình lên như tỉnh giấc mơ say.

Cảnh trong thơ cũng bắt tất phải mênh mông. Một cái vỏ ốc đủ khiến ta nghe cả tiếng sóng biển rào rạt. Chỉ có ít bông hoa mướp, một lũ chuồn chuồn mà Anh Thơ gọi nên cả cái không khí thu;

Hoa mướp rụng từng đóa vàng rải rác ;

Lũ chuồn chuồn nhớ nắng ngẩn ngơ bay

Thường người cũng không cần đến những cảnh vốn sẵn nên thơ như thế. Với một vài điều nhỏ nhặt hầu như thô lậu, người hé mở cho ta một cảnh trời. Chỗ này, giữa đám người ồn ào và đông đúc, vài ông thầy bói lạng-lẽ đi

Bước gậy lần như những bước chiêm bao.

Chỗ kia, đêm ba mươi Tết, chung quanh nồi bánh chưng sôi sùng sục:

Đĩ lớn mơ chiếc váy sồi đen nhức,

Bà lão nằm tính tuổi sắp thêm năm.

Cho hay, vô cùng chỉ có thế giới bên trong. Và hình sắc đẹp là những hình sắc khéo dẫn người ta vào thế giới ấy.

Août 1941

CHIỀU XUÂN

Mưa đổ bụi êm êm trên bến vắng,

Đò biếng lười nằm mặc nước sông trôi;

Quán tranh đứng im lìm trong vắng lặng

Bên chòm xoan hoa tím rụng tơi bời.

Ngoài đường đề cỏ non tràn biếc cỏ,

Đàn sáo đen sà xuống mổ vu vơ

Mấy cánh bướm rập rờn trôi trước gió.

Những trâu bò thong thả cúi ăn mưa.

Trong đồng lúa xanh rờn và ướt lặng

Lũ cò con chốc chốc vụt bay ra,

Làm giật mình một cô nàng yếm thắm.

Cúi cuốc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

(Bức trang quê)

TRƯA HÈ

Trời trong biếc không qua mây gọn trắng,

Gió nồm nam lộng thổi cánh diều xa.

Hoa lựu nở đầy một vườn đỏ nắng,

Lũ bướm vàng lơ đãng lướt bay qua.

Trong thôn vắng, tiếng gà xao xác gáy,

Các bà già đưa võng hát, thiu thiu...

Những đĩ con ngồi buồn lê bắt chấy

Bên đàn ruồi rạc nắng hết hơi kêu.

Ngoài đê thăm, không người đi vắng về

Lũ chuồn chuồn giỡn nắng, đuổi nhau bay.

Nhưng thỉnh thoảng tiếng nhạc đồng buồn tẻ

Của vài người cỡi ngựa đến xua ngay.

(BỨC TRANH QUÊ)

BẾN ĐÒ NGÀY MƯA

Tre rũ rọi ven bờ chen ướt át

Chuối bơ phờ đầu bến đứng dầm mưa.

Và dầm mưa dòng sông trôi rào rạt

Mặc con thuyền cấm lại đậu chờ vờ.

Trên bến vắng, đắm mình trong lạnh lẽo

Vài quán hàng không khách đứng xo ro.

Một bác lái ghé buồm vào hút điếu

Mặc bà hàng sù sụ sặc hơi, ho.
Ngoài đường lội họa hoằn người đến chợ
Thúng đội đầu như đội cả trời mưa.
Và họa hoằn một con thuyền ghé chở
Rồi âm thầm bến lại lặng trong mưa.
(Bức Tranh Quê)

RẼM THÁNG BẢY

Gió hiu hắt gieo vàng muôn cánh lá,
Trời âm u mây xám bóng sương chiều.
Làng xóm ngập nhà nhà trong khói tỏa
Vẳng đưa lời khóc mã lạnh hiu hiu.
Trong chùa, điện hương đèn nghi ngút sáng
Tiếng mõ, chuông hòa nhịp trống bên đình.
Lời cầu cúng truyền theo làn khói thoảng
Quyên cô hồn nương gió lại nghe kinh.
Ngoài đê rộng bờ dài nghiêng đổ cháo
Lễ chúng sinh từng bọ một ăn mày.
Cùng lẳng lặng như bóng ma buồn nảo
Dắt nhau tìm nơi cúng để xin may.
(bức tranh quê)

Hàn Mạc Tử

Chính tên là Nguyễn Trọng Trí. Sinh ngày 22-9-1912 ở Lệ Mỹ (Đồng Hới), mất ngày 11-11-1940, trú ngụ ở Qui Nhơn từ nhỏ. Nhà nghèo, Cha mất sớm. Học trường Qui Nhơn đến năm thứ ba. Làm sở Đặc điền một độ, bị đau rồi mất việc. Vào Nam làm báo ít lâu lại trở về Qui Hoà. Kế đó mắc bệnh hủi, đưa vào nhà thương Qui Hoà rồi mất ở đó.

Làm thơ từ ngày mười sáu tuổi (lấy hiệu là Phong Trần rồi Lệ Thanh). Đến năm 1936, khi chủ trương tờ phụ trương văn chương báo Saigon mới đổi hiệu là Hàn Mạc Tử.¹

Đã đăng thơ: Phụ nữ tân văn Saigon, Trong khuê phòng, Đông Dương tuần báo, Người mới.

Đã xuất bản: Gái quê (1936).

Tôi đã nghe người ta mạt sát Hàn Mạc Tử nhiều lắm. Có người bảo: "Hàn Mạc Tử. Thơ với thần gì! toàn nói nhảm." Có người còn nghiêm khắc hơn nữa: "Thơ gì mà rắc rối thế! Mình tưởng có ý nghĩa khuất phục, cứ đọc đi đọc lại hoài, thì ra nó lừa mình!". Xuân Diệu có lẽ cũng nghĩ đến Hàn Mạc Tử rong khi viết đoạn này: "Hãy so sánh thái độ can đảm kia (thái độ những nhà chán thi sĩ) với những cách đột nhiên mà khóc đột nhiên mà cười, chân nhảy, miệng vừa kêu: Tôi điên đây! Tôi điên đây! - Điên cũng không dễ làm như người ta tưởng đâu. Nếu không biết điên, tốt hơn là cứ tỉnh táo như thường mà yên lặng sống".²

Nhưng tôi cũng đã nghe những người ca tụng Hàn Mạc Tử. Trong ý họ, thi ca Việt Nam chỉ có Hàn Mạc Tử. Bao nhiêu thơ Hàn Mạc Tử làm ra họ đều chép lại và thuộc hết. Mà thuộc hết thơ Hàn Mạc Tử đâu phải chuyện dễ.

Đã khúc mắc mà lại nhiều: tất cả đến sáu bảy tập. Họ thuộc hết và chọn những lúc đêm khuya thanh vắng họ sẽ ca giọng ngâm một

mình. Bài thơ đã biến thành bài kinh và người thơ đã trở nên một vị giáo chủ. Chế Lan Viên nói quả quyết:

"Tôi xin hứa hẹn với các người rằng, mai sau, những cái tầm thường, mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại của cái thời kỳ này chút gì đáng kể đó là Hàn Mạc Tử ". [3](#)

Ngót một tháng trời tôi đã đọc thơ Hàn Mạc Tử [4](#) . Tôi đã theo Hàn Mạc Tử từ lối thơ Đường đến vở kịch bằng thơ Quần Tiên hội. Và tôi đã mệt lả. Chính như lời Hàn Mạc Tử nói trong bài tự Thơ điên, vườn thơ của người rộng rinh không bờ bến càng đi xa càng ớn lạnh.

Bây giờ đã ra khỏi cái thế giới kỳ dị ấy và đã trở về với cuộc đời tầm thường mà ý nhị, tôi xếp đặt lại những cảm tưởng hỗn độn của tôi.

THƠ ĐƯỜNG LUẬT- Theo Ông Quách Tấn Phan Sào Nam [5](#) hồi trước xem thơ Đường luật Hàn Mạc Tử có viết trên báo đại khái nói: "Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc âm cũng khá nhiều, song chưa gặp bài nào hay đến thế [6](#)... Ôi hồng nam nhận bắc, ước ao có ngày gặp gỡ để bắt tay nhau cười lên một tiếng lớn ấy là thỏa hồn thơ đó". Thơ Đường luật Hàn Mạc Tử làm ra nhiều nhưng bị thất lạc gần hết, tôi không được xem mấy bài. Song trong những bài tôi được xem, tôi cũng đã gặp ít câu hay, chẳng hạn như:

Nằm găng đã không thành mộng được,

Ngâm tràn cho đỡ chút buồn thôi.

Dầu sao tôi vẫn nghĩ cái khuôn khổ bó buộc của luật Đường có lẽ không tiện cho sự nảy nở một nguồn thơ rào rạt và lạ lùng như nguồn thơ Hàn Mạc Tử.

GÁI QUÊ- Nhiều bài có thể là của ai cũng được. Còn thì tả tình quê trong cảnh quê. Lời thơ dễ dàng, tứ thơ bình dị. Nhưng tình ở đây không có cái vẻ mơ màng thanh sạch như mối tình ta vẫn quen đặt vào trong khung cảnh những vườn tre, những đồi thông. Ấy là một thứ tình nồng nàn, lơ lửng, rạo rực, đầy hình ảnh khêu gợi. Ông Phạm Văn Ký đề tựa tập thơ ấy phải lắm; "Gái quê", và "Une voix sur la voie" đều bắt nguồn trong tình dục.

Thơ Điên - Thơ điên gồm có ba tập:

1. Hương thơm.
2. Mật đắng.
3. Máu cuồng và hồn điên.

HƯƠNG THƠM - Ta bắt đầu bước vào một ánh trắng, ánh nắng, tình yêu và cả người yêu đều muốn biến ra hương khói. Một trời tình ái mới dựng lên đầu đây. Tuy có đôi vầng đẹp, cảm giác chung nhạt tẻ thế nào.

MẬT ĐẮNG - Ta vẫn đi trong mờ mờ. Nhưng thỉnh thoảng một luồng sáng lạ chói cả mắt. Nguồn sáng toả ra từ một linh hồn vô cùng khổ não. Ta bắt gặp dấu tích còn hoi hóp của một tình duyên vừa chết yểu. Thất vọng trong tình yêu, chuyện ấy trong thơ ta không thiếu gì, nhưng thường là một thứ buồn rầu có thắm thía vẫn dịu dịu. Chỉ trong thơ Hàn Mạc Tử mới thấy một nỗi đau thương mãnh liệt như thế. Lời thơ như dính máu.

MÁU CUỒNG VÀ HỒN ĐIÊN - Đến đây ta hoàn toàn ra khỏi cái thế giới thực và cả thế giới mộng của ta. Xa lắm rồi. Ta thấy những gì xung quanh ta? Trắng, toàn trắng, một ánh trắng gắt gao, ghê tởm linh động như một người hay đứng hơn như một yêu tinh. Trắng ở đây cũng ghen, cũng giận, cũng cay nghiệt, cũng trơ tráo và cũng náo nức dục tình. Hàn Mạc Tử đi trong trắng há miệng cho máu tung ra làm biển cả, cho hồn văng ra và rú lên những tiếng ghê người... Ta rùng mình, ngơ ngác, ta đã lục lọi khắp trong đáy lòng ta, ta không thấy có tí gì giống cái cảnh trước mắt. Trời đất này thực của riêng Hàn Mạc Tử ta không hiểu được và chắc chắn cũng không ai hiểu được. Nghĩ thế ta bỗng thương con người cô độc. Đã cô độc ở kiếp này và e còn cô độc đến muôn kiếp. Hàn Mạc Tử chắc cũng biết thế nên lúc sinh thời người đã nguyện với Chúa sẽ không bao giờ cho xuất bản Thơ điên. Một tác phẩm như thế ta không có thể nói hay hay dở, nó đã ra ngoài vòng dân gian, nhân gian không có quyền phê phán. Ta chỉ biết trong văn thơ cổ kim không có gì kinh dị hơn. Ta chỉ biết ta đương đứng trước một người sượng sẩm vì bệnh hoạn, điên cuồng vì đã quá đau khổ trong tình yêu. Cuộc tình duyên

ra đời với tập Hương thơm, hấp hối với tập Mặt đất, đến đây thì đã chết thiết rồi, nhưng khí lạnh còn toả lên nghi ngút.

Một nhà chuyên môn nghiên cứu những trạng thái kỳ dị của tâm linh người ta xem tập Máu cuồng và Hồn điên có lẽ sẽ lượm được nhiều tài liệu hơn một nhà phê bình văn học. Tuy thế, đây đó ta gặp những câu rất hay.

Như tả cảnh đồi núi một đêm trăng có câu:

*Ngả nghiêng đồi cao bọc trăng ngủ
Đầy mình lổm đóm những hào quang.*

Lên chơi trăng có câu:

*Ta bay lên! Ta bay lên.
Gió tiến đưa ta tới nguyệt thiềm
Ta ở cõi cao nhìn trở xuống:
Lâng lâng mây khói quện trăng đêm.*

Đọc những câu ấy có cái thú vị ở xứ lạ gặp người quen, vì đó là những cảm giác ta có thể có. Lại có khi những cảm giác ở ta rất thường mà trong trí Hàn Mặc Tử rất dễ sợ. Một đám mây in hình dưới dòng nước thành ra:

*Mây chết đuối ở dòng sông vắng lặng.
Trôi thây về xa tận cõi vô biên.*

Cái ý muốn mượn lời thơ để tả tâm sự mình cũng chớ nên điên cuồng và đau đớn dị thường:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút;
Mỗi lời thơ đều lính não tâm ta.
Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt,*

*Như mê man chết đuối cả làn da.
Cứ để ta ngất ngây trong vũng huyết,
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh;
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đương siết
Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.*

Tôi trích ra vài đoạn có thể thích được còn bao nhiêu đoạn nữa tuy ta không thích vì nó không có gì hợp với lòng ta, nhưng ta cũng biết rằng với Hàn Mặc Tử hẳn là những câu tuyệt diệu. Nó đã tả đúng tâm trạng của tác giả. Lời thơ có vẻ thành thực thiết tha lắm.

XUÂN NHƯ Ý - Mùa xuân Hàn Mặc Tử nói đây có khi ở đâu hồi trời đất mới dựng nên, có khi ra đời một làn tới Chúa Jésus, có khi hình như chỉ là mùa xuân đầu năm. Nhưng dầu sao cũng không phải là một mùa xuân thường với những màu sắc, những hình dáng ta vẫn quen biết. Đây là một mùa xuân trong tưởng tượng, một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, đầy rẫy những lời kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, từng ánh trắng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ. Với Hàn Mặc Tử thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng đế mà cũng để nối người ta với Thượng đế, để ban phước cho cả thiên hạ. Cho nên mỗi lần thi sĩ há miệng - sao lại há miệng? - Cho thơ trào ra là chín từng mây náo động, muôn vì tinh tú xôn xao. Người ta sẽ thấy:

*Đường thơ bay sáng láng như sao xa
Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc
Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.*

Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo không gì giống như vậy. Hàn Mặc Tử đã dựng riêng một ngôi đền thờ Chúa. Thiếu lòng tin, tôi chỉ là một du khách bơ ngỡ không thể cùng quỳ lạy với thi nhân. Nhưng lòng tôi có dửng dưng, trí tôi làm sao không ngợp cái vẻ huy hoàng, trang trọng, lung linh, huyền ảo của lâu đài

kia? Có những câu thơ đẹp một cách lạ lùng, đọc nên như rưới vào hồn một nguồn sáng láng. Xuân như ý rõ ràng là tập thơ hay nhất của Hàn Mạc Tử.

Với Hàn Mạc Tử Chúa gần lắm. Người đã tìm lại những rung cảm mạnh mẽ của các tín đồ thời Thượng cổ. Ta thấy phảng phất cái không khí Athalic. Cho nên mặc dầu thỉnh thoảng còn sót lại một hai dấu tích Phật giáo, chắc những người đồng đạo chẳng vì thế mà làm khó dễ với di thảo của thi nhân.

Hướng chi thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiết là những tình cảm đã thấm đượm tận đáy hồn đoàn thể.

THƯỢNG THANH KHÍ - Một vài bài đặc sắc ghi lại những cảnh thấy trong chiêm bao, ở đâu giữa khoảng các vì tinh tú trên kia. Đại khái không khác cảnh "Xuân như ý" mấy, chỉ thiếu tính cách tôn giáo, huyền bí nhưng không thiêng liêng.

CẨM CHÂU DUYÊN - Một hai năm trước khi mất, sự tình cò đưa đến trong đời Hàn Mạc Tử hình ảnh một giai nhân có cái tên khả ái: nàng Thương Thương. Nàng Thương có lẽ chỉ yêu thơ Hàn Mạc Tử và Hàn Mạc Tử hình như cũng không biết gì hơn hai chữ Thương Thương. Nhưng như thế cũng đủ thi nhân đưa nàng vào "tháp thơ". Nàng sẽ luôn luôn đi về trong những giấc mơ của người. Có khi người thơ thấy mình là Tư Mã Tương Như đương nghe lời Trác Văn Quân năn nỉ:

Đã mê rồi! Tư mã chàng ôi!

Người thiếp lao đao sựong cả người.

Ôi! Ôi! Hăm bót cung cầm lại

Lòng say đôi má cũng say thôi.

Song những phút mơ khoái lạc ấy có được là bao. Tỉnh dậy, người thấy:

Sao tr�u mến thân yêu đâu vắng cả?

*Trơ vơ buồn và không biết kêu ai!
Bức thư kia sao chẳng viết cho dài,
Cho khăng khít nồng nàn thêm chút nữa.*

Ta tưởng nghe lời than của Huy Cận.

Nhưng cuộc đời đau thương kia đã đến lúc tàn, và nguồn thơ kia cũng đã đến lúc cạn, Hàn Mặc Tử chốc chốc lại ra ngoài biên giới thơ, lạc vào thế giới đồng bóng.

DUYÊN KỲ NGỘ VÀ QUẦN TIÊN HỘI - Mỗi tình đối với nàng Thương Thương còn khiến Hàn Mặc Tử viết ra hai vở kịch bằng thơ này nữa. Quần tiên hội viết chưa xong và không có gì. Duyên kỳ ngộ hay hơn nhiều. Đây là một giấc mơ tình ái, ngắn ngủi nhưng xinh tươi, đặt vào một khung cảnh tuyệt diệu. Thi nhân dẫn ta đến một chốn nước non thanh sạch chưa từng in dấu chân người. Ở đó tiếng chim hót, tiếng suối reo, tiếng tiêu ngân đều biến thành những lời thơ tình tứ. Ở đó Hàn Mặc Tử sẽ gặp nàng Thương Thương mà người không mong được gặp mặt ở kiếp này. Nàng sẽ nói với những lời nồng nàn âu yếm khiến chim nước đều say sưa. Nhưng rồi người sẽ cùng tiếng tiêu cùng đi như vụt nhớ đến cái nghiệp nặng nề đương chờ người nơi trần thế. Và giữa lúc nàng gục đầu khóc, cảnh tiên lại rộn rã tiếng suối ca.

Trong thi phẩm Hàn Mặc Tử có lẽ tập này là trong trẻo hơn cả. Còn từ thơ Đường luật với những câu thơ:

Bóng nguyệt leo song sờ sẫm gối;

Gió thu lọt cửa cọ mài chăn.

Cho đến "Gái quê", "Xuân như ý" và các tập khác, lời thơ thường vẫn đục.

*

Tôi đã nói hết cảm tưởng của tôi trong lúc đọc thơ Hàn Mặc Tử. Không có bao giờ tôi thấy cái việc phê bình thơ tàn ác như lúc này. Tôi nghĩ đến người đã

sống trong túp lều tranh phải lấy bì thư và giấy nhựt trình che cho mái nhà đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến người không sao nuốt được vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh khủng đã bắt người chịu bao nhiêu phũ phàng, bao nhiêu ruồng rẫy. Sau cùng người bị vứt hẳn ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết thấy mọi người thân thích. Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn cảnh thể phách lẫn linh hồn tan rã...

Một người đau khổ như ông ấy, lúc sống ta hững hờ bỏ quên, bây giờ mất rồi ta xúm lại kẻ chê người khen. Chê hay khen tôi đều thấy có gì bất nhẫn.

Mai- 1941

BẾN LẾN

Trăng nằm sóng soải trên cành liễu

Đợi gió đông về để lả lơi

Hoa lá ngây tình không muốn động

Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi

Trong khóm vi vu rào rạt mãi

Tiếng lòng ai nói? Sao im đi?

Ô kìa, bóng nguyệt trần tròng tắm

Lộ cái khuôn vàng dưới đáy khe

Vô tình để gió hôn lên má

Bến lến làm sao lúc nửa đêm

Em sợ lang quân em biết được

Nghi ngờ tới cái tiết trinh em

(Gái quê)

TÌNH QUÊ

Trước sân anh thơ thẩn.

Đăm đăm trông nhận về;

Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đôi quê;
Gió chiều quên ngừng lại;
Giòng nước quên trôi đi...
Ngàn lau không tiếng nói;
Lòng anh dường đê mê.
Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thề;
Dầu ai không mong đợi.
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục.
Tiếng hờn trong lũy tre.
Dưới trời thu man mác.
Bàng bạc khắp sơn khê.
Dầu ai trên bờ liễu.
Dầu ai dưới cành lê...
Vội ngày xuân hờ hững,
Cố quên tình phu thê,
Trong khi nhìn mây nước,
Lòng xuân cũng náo nề...
(Gái quê)

MÙA XUÂN CHÍN

*Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.*

Sột soạt gió trêu tà áo biếc,
Trên giàn thiên lý. Bóng xuân sang.
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi;
- Ngày mai trong đám xuân xanh ấy,
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...
Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi,
Hồn hể như lời của nước mây,
Thăm thĩ với ai ngồi dưới trúc,
Nghe ra ý vị và thơ ngây...
Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,
Lòng trí băng khuâng sực nhớ làng:
- “Chị ấy, năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?”
(Hương thơm)

TRƯỜNG TƯƠNG TƯ

Hiểu gì không ý nghĩa của trời thơ?
Của hương hoa trong trắng lờn lợt bầy
Của lời câm muôn vì sao áy náy
Hiểu gì không em hỡi! Hiểu gì không?
Anh ngâm nga để mở rộng cửa lòng
Cho trăng xuân tràn trề say chơi với
Cho nắng hường vẩn vương muôn ngàn sợi
- Cho em buồn trời đất ứa sương khuya

Để em buồn, để em nghiệm cho ra
Cái gì kết lại mới thành tinh tú?
Và uyên ương bởi đâu không đoàn tụ?
Và tình yêu sao lại dở dang chi?
Và vì đâu gió gọi giạt lời đi?
- Lời đi qua một chiều trong kẽ lá
Một mùi thơm mới nửa lừng sa ngã
Anh mẩn rồi ý vị của làn mơ?
Lệ Kiều ơi! Em còn giữ ý thơ
Trong đôi mắt mùa thu trong leo lẻo
Ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo
Bên kia trời, hãy chụp cả lòng anh
Hãy van lơn ở dưới chân Bàn thành
Cho yêu ma muôn năm vùng trở dậy
Náo không gian cho lửa lòng bùng cháy
Và để cho kinh động đến người tiên
Đang say sưa ở thế giới hảo huyền
Đang trững giốn ở bên sông Ngân biếc...
Anh rõ trước: sẽ có ngày cách biệt
Ngó như gần song vẫn thiệt xa khơi!
Lau mắt đi đừng cho lệ đầy vơi
Hãy mừng tượng một người thơ đang sống
Trong im lìm lẻ loi trong dãy động
- Cũng hình như em hồi, động Huyền Không
Mà đêm nghe tiếng khóc ở đáy lòng

Ở trong phổi, trong tim, trong hồn nữa...

Em cố nghĩ ra một chiều vàng úa

Lá trên cành héo hắt, gió ngừng ru:

"Một mối tình nức nở giữa âm u

"Một hồn đau rã lần theo hương khói

"Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi

"Một lời run hoi hóp giữa không trung

"Cả niềm yêu ý nhớ cả một vùng

"Hoá thành vũng máu đào trong ác lặn."

Đây là: tất cả người anh tiêu tán

Cùng Trăng Sao bàng bạc xứ say mơ

Cùng tình em tha thiết những văn thơ

Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế

12-1939

(Mật đắng)

AVE MARIA

Như song Lộc triều nguyên ơn phước cả

Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng

Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng

Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể

Và Tổng lãnh Thiên thần quỳ lạy Mẹ

Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa

Hương xông lên lời ca ngợi sum hoà

Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thân tử thấy long nhan.
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thắm nhuần ơn triu mến.
Lạy Bà là Đấng trinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi.
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm luy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rưng rưng hai hàng lệ
Dòng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
But tôi reo như châu ngọc đền vua
Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị
Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí
Và trong tay nắm một nắm hoà quang
Tôi no rồi ớn vỡ lộ hoà chan.
Tấu lạy Bà. Bà rất nhiều phép lạ
Ngọc như Ý vô tri còn biết cả
Huống chi tôi là Thánh thể kết tinh
Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen
Hỡi Sứ Thần Thiên Chúa Ga-bri-en
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú

Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời
Để ca tụng - bằng hương hoa sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân rất đổi anh linh
Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp
Khói nghiêm trang sẽ dâng lên tràn ngập
Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
Cho sáng sủa, cho mê mên nguyện ước.
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
Cho tình tôi nguyên vẹn tơ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu
Cho vỡ lở cả muôn nghìn tình đầu
Cho mê mên âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng
Lòng vua chúa cũng như lòng thê thú
Sẽ ngắt ngây bởi chưng thư đầy ứ
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi.
Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đâu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.
(Xuân như ý)

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN

Tặng cả và thiên hạ

Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay...
Đây là hương quý trọng thấm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiều diễm, [8](#) /p>
Câu tàn tạ, không khen long cả phẩm:
Bút Xuân Thu [8](#) mùa nhạc đến vừa khi
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi:
Cây bằng gấm, và lòng sông toàn ngọc!
Và đầu hôm một vì sao liền mọc
Ở phương Nam màu nhiệm biết ngàn mô!
Vì muôn kinh dồn dập cõi thơm tho
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo
Ta chấp hai tay quỳ hoan hảo
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian [9](#)
Để vừa dâng vừa hiện bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.

*

Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa
Đương cầu xin ọc thơ ra đường sữa

Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...
Trên chín tầng, diêu động cả trần châu
Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết,
Nhịp song đôi: này đây, cung cầm nguyệt
Ướp lời thơ thành phước lộc đường tu
Tôi van lơn, thăm nguyện chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối,
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.
(Xuân như ý)

RA ĐỜI

Một chiều xanh - một chiều xanh huyền hoặc
Sáng bao vây lút khỏi thiên không. ;
Xuất thế gian [10](#) chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi Bát giác
Hương cảm dorme người trong khoái lạc
A ! a ! a !
Thiên địa đắm hoang mang
- Là đang khi thờ lạy cả Thiên đàng
Bay những tiếng ; tung hô Thánh đức
Muôn thần phẩm trong lằng lằng châu chực
Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly
Ôi, cao sang khôn ví trọng ai bì

Trên nước cả có vô vàn châu báu.
Trí rất ngổn bởi chưng xuân hồn hậu,
Đã ra đời, theo lệnh của Ngôi Hai.
Ôi thánh tai, [11](#) thánh tai và thánh tai.
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác
Rất phương phi [12](#) , trên hết cả anh hoa
Xuân ra đời ! Điềm ngọc ấm như ngà
Thơ có tuổi và chiêm bao có tích,
Và tâm tư có một điều rất thích,
Không nói ra vì sợ bột say sưa !...
- "Chàng ơi ! [13](#) Chàng ơi, sự lạ đêm qua !
Mùa xuân tới mà không ai biết cả...
(Xuân như ý)

Chúng tôi còn muốn trích ít bài nữa. Nhưng Ô. Quách Tấn, người giữ bản quyền thơ Hàn Mac Tử, yêu cầu chúng tôi chỉ trích năm bài trở xuống trong những tập chưa in thành sách.

-
- [1](#) Hai chữ "hàn mạc" trong tự điển không cộ chỉ có "hàn mặc" nghĩa là văn chương.
 - [2](#) "Thơ của người" (*Ngày nay* ra ngày 7-8-38)
 - [3](#) *Người mới* số 5 ra ngày 23-11-40.
 - [4](#) Do Ô. Trần Thanh Địch cho mượn.
 - [5](#) *Người mới* số 6 ra ngày 30-11-40.
 - [6](#) Chỉ ba bài "Thức khuya", "Chúa hoang", "Gái ở chùa" củA Hàn Mạc Tử mà Phan Sào Nam đã họa lại cả ba.
 - [7](#) Nhon đức trọn lành

8 Ý nói sự ngợi khen có văn vẻ như trong sách Xuân Thu

Ý nói cầu nguyện rất sốt sắn cảm động được màu sắc của

9 không giann biết từ sắc xám hay đen ra trắng, hoặc nói cầu nguyện từ đầu hôm đến sáng bạch

10

11 Danh từ biểu lộ sự hoan hỉ và cung kính đối với Thiên Chúa

12 Tiếng nhạc trên trời rất màu nhiệm, hình dung được cả sự phương phi.

13 Chàng đây là thi sĩ, không phải chàng của thiếp

Chế Lan Viên ¹

Sinh năm 1920. Quê ở Bình Định. Học trường Qui Nhơn. Có bằng thành chung.

Đã đăng thơ: Tin văn, Tiểu thuyết thứ bảy, Phụ nữ, Trong khuôn phòng, Người mới.

Đã xuất bản: Điêu tàn (1937).

Tôi cầm bút viết bài này thì vắng vắng bên tai tôi giọng ca Nam Bình đưa sang từ nhà bên cạnh. Giọng ca âm thầm ai oán, mỗi lần tôi nghe lại khiến tôi bồn chồn, chân tay tôi rời rã.

Cũng lạ! Bị chinh phục đến tiêu diệt mà cảm được lòng những kẻ đã diệt mình một cách sâu sắc như thế để chỉ có dân tộc Chiêm Thành. Những nhạc công của chúng ta luôn ca nỗi oán hờn của họ. Bao nhiêu thi nhân của ta đã bị ám ảnh vì nỗi oán hờn của họ. Chúng ta lại còn dành riêng cho họ một nhà thơ, để vì họ giải dùm cho những uất ức bao nhiêu năm như nghẹn ngào trên sông núi này... Vong linh đau khổ của nòi giống họ đã nhập vào Chế Lan Viên; cho nên, dẫu không phải người họ Chế, Chế Lan Viên vẫn là một nhà thơ Chiêm Thành. Quyển Điêu tàn đã đột ngột xuất hiện ra giữa làng thơ Việt Nam như một niềm kinh dị.

Nó dựng lên một thế giới đầy sợ dứa, xương máu, cùng yêu ma.

Chỗ này một yêu tinh nghe tiếng trống cầm canh chợt nhớ nơi trần thế.

Rồi lấy ra một khớp xương rợn trắng

Nút bao dòng huyết đẫm khí tanh hôi

Tìm những "miếng trần gian" trong tử cạn,

Rồi say sưa, vang cát tiếng reo cười.

Chỗ kia trong:

... Những cảnh ngàn sâu cây lá ngọn

Muôn ma Hời sờ soạng dất nhau đi.

Đừng hỏi ai những cảnh ấy thi nhân đã thấy ở đâu "Hãy nghĩ lại! Có ai thấy vào buổi chiều, rụng ở trong tháp một viên gạch cũ mà hỏi: viên gạch ấy chu vi, diện tích là bao nhiêu? Đúc từ đời nào? Ở đâu? Bởi ai? Và để làm gì? ". Chế Lan Viên đã trả lời như vậy. ²

Ta hãy theo dõi thi nhân trong cái thế giới lạ lùng ấy. Có khi ngồi trên bờ bể Chế Lan Viên bàng hoàng tự hỏi:

Ai kêu ta trong cùng thẳm Hư vô?

Ai réo gọi trong muôn sao chói vói?

và say sưa nhớ lại một đêm ân ái giữa khoảng các vì sao. Có khi Chế Lan Viên điên cuồng...

... Ngục lặn trong ánh vàng hỗn độn

Cho trắng ghì, trắng riết cả làn da.

Lại có khi đứng suốt đêm với một bóng ma hay nhìn một chiếc quan tài đi qua mà tưởng thi thể mình nằm trong đó.

Hắn có người sẽ nghĩ: Thơ muốn hay chữ muốn lạ thì khó gì, cứ nói trái sự thực là được. Sự thực người ta ngủ trong nhà thì cứ việc nói người ta ngủ trong sao.

Đừng tưởng! Lịch sử văn học cổ kim không từng có hai Bồ Tùng Linh. Nói láo đành dễ, những cái khó là nói láo mà vẫn không biết mình nói láo; cái khó là có thể tin lời mình nói. Mà Chế Lan Viên tin lời mình ghê lắm. Khi Chế Lan Viên kêu:

Hồn ai trú ẩn ở đâu ta?

Ý của ai trào trong đáy óc,

Để bay đi theo tiếng cười, điệu khóc?

tôi nhất quyết là thi nhân thành thực hơn khi tôi nói, chẳng hạn: tờ giấy kia trắng. Vì câu nói của tôi là một câu nói hời hững, xuất tự tri giác, tôi vẫn tin mà không để vào đó tất cả lòng tin. Chế Lan Viên,

trái lại, đã để trong tiếng kêu hốt hoảng của mình, một lòng tin đau đớn.

Ấy, người thường có người nổi đau tựa hồ vô lý vậy mà thành thực vô cùng. Trong một năm người ưa nhất mùa thu. Mùa thu qua được một ngày người ta đã nhớ:

Ô hay, tôi lại nhớ thu rồi...

Mùa thu rớm máu rơi từng chút

Trong lá bàng thu đỏ ngập trời.

Đường về thu trước xa lắm lắm,

Mà kẻ đi về chỉ một tôi!

Nếu một nỗi đau đớn như thế mà có thể cho là bày đặt thì ở đời này không còn gì tin được nữa.

Một lần khác, cũng nhớ thu, Chế Lan Viên than:

Chao ôi! Mong nhớ! Ôi mong nhớ

Một cánh chim thu lạc cuối ngàn

Nỗi mong nhớ ở đây đã thành thực, mà còn to lớn lạ lùng. Con người này quả là người của trời đất, của bốn phương, không thể lấy kích thước mà hòng đo được.

Ưa nhìn mùa thu, ghét mùa xuân, trong khi xuân đến, người muốn:

Ai đâu trở lại mùa thu trước

Nhặt lấy cho tôi những lá vàng?

Với cửa hoa tươi muôn cánh rã

Về đây, đem chấn nẻo xuân sang!

Ý muốn ngông cuồng, ngộ nghĩnh? Đã đành. Trong cái ngộ nghĩnh, cái ngông cuồng ấy tôi còn thấy một sức mạnh phi thường. Chấn một luồng gió, chấn một dòng sông, chấn những đợt sóng hung hăng ngoài biển cả, nhưng mà "chấn nẻo xuân sang!" Sao người ta lại có thể nghĩ được như thế?

Ngày xưa Tản Đà chán nản than:

Đêm thu buồn lắm, chị Hằng ơi!

Trần giới em nay chán nữa rồi!

Cái chán nản hiền lành của người Việt. Nó khác xa với cái chán nản gay gắt, náo nùng của Chế Lan Viên:

Trời hỡi trời! Hôm nay ta chán chết

Những sắc màu hình ảnh của trần gian.

Có phải cái chán nản mạnh mẽ và to lớn dị thường? Người ta chán đời người ta cầu một mảnh vườn, hay hơn chút nữa, một khoảnh núi để sống riêng. Chế Lan Viên chón đời lại nghĩ đến một vì sao!

Hãy cho tôi một tinh cầu giá lạnh,

Một vì sao trơ trọi cuối trời xa!

Để nơi ấy tháng ngày tôi lẩn tránh

Những ưu phiền, đau khổ với buồn lo ³

Cái mạnh mẽ, cái to lớn ấy, những đau thương vô lý mà da diết ấy, cái thế giới lạ lùng và rùng rợn ấy, ai có ngờ ở trong tâm trí một cậu bé mười lăm mười sáu tuổi. Cậu bé ấy đã khiến bao người ngạc nhiên. Giữa đồng bằng văn học Việt Nam ở nửa thế kỷ hai mươi, nó đứng sừng sững như một cái tháp Chàm, chắc chắn và lẻ loi, bí mật. Chúng ta, người đồng bằng, thỉnh thoảng trèo lên đó- có người trèo đuôi sóc mà trầm ngâm và xem gạch rụng, nghe tiếng rên rỉ của ma Hời cũng hay, nhưng trèo miên trong đó không nên. Riêng tôi mỗi lần nấn ná trên ấy quá lâu, đầu tôi choáng váng: Không còn biết mình là người hay ma. Và tôi sung sướng biết bao lúc thoát khỏi giấc mơ dữ dội, tôi trở xuống, thấy chim vẫn kêu, người ta vẫn hát, cuộc đời vẫn bình dị, trời xa vẫn trong xanh.

Octobre -1941

THỜI OANH LIỆT ⁴

Rồi cả một thời xưa tan tác đổ
Dấu oai linh hùng vĩ thấy gì đâu?
Thời gian chảy, đá mòn, sông núi lở
Lòng ta luôn còn mãi vết thương đau!
Vẻ rực rỡ đã tàn bao năm trước
Bao năm sau còn dội tiếng kêu thương
Sầu hận cũ tim ta ai biết được?
Người vui tươi, ta mãi mãi cảm hờn
Ta đã khóc, ta vẫn còn phải khóc
Cả thời xưa cho đến cả thời nay
Ngày phải tàn, ánh dương rồi phải tắt
Vỡ tan đi, đến cả quả cầu đây
Mà thân ta phải nào không tiêu diệt
Ở trần gian và ở trí muôn người?
Trong những lúc còn xa xôi cõi chết
Cứ khóc đi những cảnh ở chân trời
Lệ ta nay muôn năm sau còn an ủi
Linh hồn ta ở tận đáy mồ sâu,

.....

.....

TA

Sao ở đâu mọc lên trong đáy giếng
Lạnh như hồn u tối vạn yêu ma?
Hồn của ai trú ẩn ở đầu ta?

Ý của ai trào lên trong đáy óc
Để bay đi theo tiếng cười, điệu khóc?
Biết làm sao giữ mãi được Ta đây
Thịt cứ chiều theo thú dục chua cay!
Máu cứ nhảy theo nhịp cuồng kẻ khác!
Mắt theo dõi Tinh hoa bao màu sắc!
Đau đớn thay cho đến cả linh hồn
Cứ bay tìm Chán Nản với U Buồn
Để đỉnh sọ trơ vơ trần ý thịt!
Mà phải đâu đã đến ngày tiêu diệt!
Ai bảo giùm: Ta có có Ta không?
(Điều tàn)

TRÊN ĐƯỜNG VỀ

Một ngày biếc thị thành ta rời bỏ
Quay về xem non nước giống dân Hời

.....
.....

Đây, những Tháp gầy mòn vì mong đợi
Những đền xưa đổ nát dưới Thời Gian
Những sông vắng lê mình trong bóng tối
Những tượng Chàm lở lói rỉ rên than
Đây, những cảnh ngàn sâu cây lả ngọn
Muôn Ma Hời sờ soạng dất nhau đi
Những rừng thẳm bóng chiều lan hỗn độn

Lùng hương đưa, rộn rã tiếng từ qui!
Đây, chiến địa nơi đôi bên giao trận
Muôn cô hồn tử sĩ hét gầm vang
Máu Chàm cuộn thác ngày niền oán hận
Xương Chàm luôn rào rạt nổi căm hờn
Đây, những cảnh thái bình trong Chiêm quốc
Những cô thôn vàng nhuộm nắng chiều tươi
Những Chiêm nữ nhẹ nhàng quay lại ấp
Áo hồng nâu phủ phát xỏa lời vui
Đây, điện các huy hoàng trong ánh nắng
Những đền đài tuyệt mỹ dưới trời xanh
Đây, chiến thuyền nằm mơ trên sông lặng
Bầy voi thiêng trầm mặc dạo bên thành
Đây, trong ánh ngọc lưu ly mờ ảo
Vua quan Chiêm say đắm thịt da ngà
Những Chiêm nữ mơ màng trong tiếng sáo
Cùng nhịp nhàng uyển chuyển uốn mình hoa
Những cảnh ấy Trên Đường Về ta đã gặp
Tháng ngày qua ám ảnh mãi không thôi
Và từ đáy lòng ta luôn tràn ngập
Nỗi buồn thương nhớ tiếc giống dân Hời
(Điều tàn)

Sau Điều tàn Cế lan Viên còn có đăng ít nhiều thơ ở các báo xin trích ra đây một bài nhẹ nhàng và kín đáo khác hẳn các bài khác cùng một tác giả

TRƯA ĐƠN GIẢN

Trưa quanh vườn. Và vũng gió an lành

Ngang phòng trưa, ru hồn nhẹ cây xanh.

Trưa quanh gốc. Và mộng hiền của bóng

Bống run theo... lá... run theo... nhịp vũng

Trưa lên trời. Và xanh thắm bầu trời,

Bống mê ly, nằm thấy, trắng, mây trôi...

Trưa! Một ít trưa, lạc vào lãng tằm,

Nhập làm hồn những tượng xưa u thắm.

Trưa theo tàu, bước xuống những sân ga

Dừng buồn lên xa gửi đến Muôn Xa.

Đây trưa hiện hình trong căn trường nhỏ

Đưa tay lên thoa những hàng kính vỡ.

Trưa gọi kêu, nâng ngực gió lên trời:

Bên vú trái tròn, lá bống run môi.

*

Tiếng ai ca, buồn theo song cửa sổ:

- "Nâng không gian trưa đặt giữa lòng người."

(Người mới)

1 Chế Lan Viên không ưng cho chúng tôi đề tên thật và in ảnh của người.

2 Trong tựa Điều tàn.

3 Tiếc câu sau không xứng mấy câu trên

4 Bài này không biết đăng ở tờ báo nào, chúng tôi chỉ chép theo trí nhớ, hai câu cuối quên mất.

Bích Khê

Chính tên là Lê Quang Lương. Quê quán: Thu Xà (Quảng Ngãi).

Đã đăng thơ: Tiếng dân, Tiểu thuyết thứ năm. Người mới... (ký Lê Mộng hoặc Bích Khê).

Đã xuất bản: Tinh huyết (1939).

Tôi đã gặp trong "Tinh huyết" những câu thơ hay vào bậc nhất trong thơ Việt Nam.

*Ô! Hay buồn vương cây ngô đồng
Vàng rơi! Vàng rơi! Thu mênh mông.*

hay mấy câu này trích trong bài "Tranh loã thể":

*Dáng tầm xuân uốn trong tranh Tố nữ.
Ô tiên nương! Nàng lại ngự nơi này?
Nàng ở mô! Xiêm áo bỏ đâu đây?
Đến triển lãm cả tấm thân kiều diễm.
Nàng là tuyết hay da nàng tuyết điểm?
Nàng là hương hay nhan sắc lên hương?
Mắt ngời châu rung ánh sóng nghệ thường;
Lệ tích lại sắp tuôn hàng đũa ngọc
Đêm y huyền ngủ mơ trên mái tóc
Và chút trắng say động ở làn môi*

Mấy câu ấy đã được Hàn Mặc Tử phẩm bình bằng những lời xúng đáng: "Thi sĩ Bích Khê là người có đôi mắt rất mơ, rất mộng ảo, nhìn vào thực tế thì sự thực sẽ thành chiêm bao, nhìn vào chiêm bao lại thấy xô sang địa hạt huyền diệu... Ở "Tranh loã thể", sự trần trụi

dâm dăng đã nhường lại cho ý vị nên thơ của hương, của nhạc, của trăng, của tuyết. Quả nhiên là một sự không khen thanh tao quá đến ngọt lịm cả người và cả thơ". [1](#)

Vừa bước vào đã thấy vàng ngọc sáng ngời như thế, ai không tin đây là biệt thự một nhà triệu phú. Huống chi chủ nhân còn nói: "Không, quý gì những vật mọn ấy! Kho tàng của tôi chính ở trong mấy phòng kia" [2](#) . Nhưng tôi chưa thể nói nhiều về Bích Khê. Tôi đã đọc không biết mấy chục lần bài Duy Tân [3](#) . Tôi thấy trong đó những câu thật đẹp. Nhưng tôi không dám chắc bài thơ đã nói hết cùng tôi những nỗi niềm riêng của nó. Hình như vẫn còn gì nữa... Còn các bài khác hoặc chưa xem hoặc mới đọc có đôi ba lần. Mà thơ Bích Khê, đọc đôi ba lần thì cũng như chưa đọc.

Novembre- 1941

DUY TÂN

Đường kiến trúc nhịp nhàng theo điệu mới

Của lời thơ lóng đẹp. Hạt châu trong [4](#)

Hạt châu trong ngời nhỏ giọt vô lòng [5](#)

Tràn âm hưởng như chiều thu sóng nắng.

Trong vòm xanh. Màu cười màu, bình lặng,

Gây phương phi: chiếu sáng ngả sang mờ

Vì hình dung những sắc mát, non, tơ,

Như mặt trời mọc qua khóm liễu, một

Hoàng hôn. Ôi đàn môi, chim báu tới:

Chữ biến hình ảnh mới, lúc trong ngâm

Chữ điêu khắc, tả nghệ thuật sâu thâm,

Đầy thắm mỹ như một pho thần tượng.

Lúc trong ngâm, giữa kho vàng mộng tưởng,

Múa song song khiêu vũ dưới đêm hồng
(Những con cừu tim trẻ mướt như lông
Nên da thịt lên làn sa lụa mỏng,
Mỗi con cừu bốc lên men hy vọng...)
Thơ nhịp nhàng ý nhị nhịp theo Thơ.
Tôi cắn vào trái bồ vỏ xanh mơ
Tìm chất quý thơm tinh mùi khoái lạc
Bằng hơi mộng, trong hàm răng, tản mát
Mộng?
Thiên tài?
Trên hỗn độn khoả thân
Đẹp tỉ mỉ, hơi *Rung động* truyền thần
Ròng âm nhạc của lòng trai ấp mái
Người hoạ điệu với thiên nhiên, ân ái
Buồn, và xanh trời (Tôi trôi với bờ
Êm biếc - khóc với thu: lời úa ngô
Vàng... khi cách biệt - giữa hồn xây mộ -
Tình hôm qua - dài hôm nay thương nhớ,
Im lặng nhìn bông ý, lặng lẽ lên
Những dáng hình thanh khí...) Giữa mộng mênh,
Đường nhiếp ảnh, sắc khua màu - Tiếng thờ
Hỡi hội hoạ, đến muôn đời nức nở.
Ta nhịp nhàng ý nhị nhịp theo ta
Lời nói lời bố thí lộc *Tinh hoa*
Của *Âm điệu*, mơ màng run lấy bấy

Một hỗn hợp đẹp xô bồ say dậy
Bằng cảm tình, bằng hình ảnh yêu thương
Và mới mẻ - trên viễn cổ Đông phương!
(Ai có nghe sức tiềm tàng bí mật?)
Thơ loã thể! - Giai nhân tuần trăng mật,
Nữ thần ơi! Ta nô lệ bên người!
(Người mới)

XUÂN TƯỢNG TRƯNG [6](#)

Hỡi lời ca man dại
Điệu nhạc thở hơi rừng
- Đêm nay xuân đã lại
Thuần túy là tượng trưng -
Nâng lên núm vú đôi
Sữa trắng nhi nhĩ giọt
Bay qua cụm liễu khơi
Những cườm tay điểm hột
Sương. Phất phơ lau lách
Khẽ uốn mình giai nhân:
Đường non kheo điêu khắc
Những dáng hình khoả thân:
Lụa mây nẩy vàng chạm
Tía ngọc bén màu ngân...
Chủ xuân đang triển lãm
Lời ca như hạc theo

Gió lên. (Tình mùa reo
Những điệu vàng châu báu
Dường có con chim báu
Rỉa cánh trên ngai lòng)
Loè xoè màu lông công
Vườn thơm khua sắc mát:
Rồng uốn vóc từng cong
Áo bạch mai khoát khoát
Môi đào chờ khoái lạc...
Hồn tôi như đỉnh hương
Bốc lên mình thánh giá!
Ý xuân mát đến xương
Ngậm tuyết phun lã chã!
(Người mới)

1 Tựa Tình Huyết

Trong một bức thư gửi cho chúng tôi đề ngày 7 -1 – 41, Bích Khê nói rằng ba bài người thích nhất là "Duy Tân" "Nắm mộ Bích Khê"

2 "Giờ trút linh hồn". Trong một bức thư khác đề ngày 25 – 10 – 41, Bích Khê lại nói người thích bài "Xuân tượng trưng" hơn cả

3 Trích theo đây

4 Mời sửa. Trên Người mới

- Cửa lời thơ lòng đẹp. Tiếng ươm hương

5 Tiếng ươm hương hòa nhạc vận du dương

6 Chúng tôi, trích bài này vì chịu theo lời yêu cầu của Ô.Bích Khê.

J. Leiba

Chính tên là Lê Văn Bái. Sinh năm 1921 ở Yên Bái. Chánh quán: làng Nam Trục, phủ Nam Trục (Nam Định). Học trường Bảo hộ Hà Nội đến năm thứ ba rồi bỏ đi theo một bọn giang hồ mãi võ trót một năm. Sau về quê học chữ Hán. Năm 1935 đậu Thành chung, rồi vào ngạch thư ký toà sứ Bắc kỳ. Vì đau nặng nên được nghỉ phép dài hạn (Đã mất rồi. Lời chú lần in thứ hai).

Đã viết giúp: Ngọ báo, Loa, Tin văn, L'Annam Nouveau, Tiểu thuyết thứ bảy. Ích hữu, Việt Báo, Nam Cường (ký Thanh Tùng Tử và sau J. Leiba)

Thơ đăng báo Loa với một tên ký chẳng Việt nam tí nào, thế mà vừa ra đời Leiba liền được người ta thích.

Người ta thích những vần thơ có giọng Đường rõ rệt, mà lại nói được nỗi lòng riêng của người thời nay. Trong khuôn khổ xưa, cái hương vị mới ấy rất dễ say người. Thơ Leiba ra đời (1934) giữa lúc ai nấy đều cảm thấy mình như trẻ lại. Các nhà thơ đương thời, Thế Lữ, Đông Hồ, Thái Can, kể trước người sau, đều tả bằng người nét âu yếm nỗi lòng của người thiếu nữ lúc mới bén tình yêu. Nhưng không ai nói được đầy đủ như tác giả bài "Năm qua" ¹ người giai đoạn của một cuộc yêu đương nhóm lên từ hồi tóc còn xoắn bỏ vai. Ít ai nói được như Leiba những vui buồn của người xuân nữ. Những câu như:

Hoa tặng vừa tàn bông thược được,

Tìm chàng bỗng vắng, bóng chàng xa...

hay là:

Sầu đối gương loan, bóng lạ người,

Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?

có thể đề ngang những câu tuyệt hay trong thơ cổ.

Hồi ấy là hồi đẹp nhất trong lời thơ Leiba. Về sau thơ Leiba không được hồn nhiên như thế nữa. Không rõ những gì đã đến trong đời thi nhân. Nhưng lời thơ như vương tí cận của những đêm phóng túng. Hình như Leiba đã đau khổ nhiều lắm. Người tức tối lúc nghĩ đến nắm cỏ đương chờ mình:

Ví biết phù sinh đời có thể,

Thông minh, tài bộ, thế gia chi!

Học thành, danh đạt, chung quy hão:

Mất nhắm, tay buông, giữ được gì?

Thà chọn sinh vào nhà ấu phụ,

Cục cằn, mất dạy, lại ngu si.

Leiba là một người bao giờ cũng có dáng điệu quý phái, ưa cái không khí quý phái, tin ở tài năng, ở dòng dõi mình, và rất tự trọng, cả trong những lúc buông tuồng. Một người như thế mà nói những lời như thế hẳn phải chán nản lắm.

Chán nản đưa người về tôn giáo. Thơ Leiba hồi sau có bài đượm mùi Phật, mặc dầu chưa đúng hẳn với tinh thần đạo Phật. Bài "Bến giác" [2](#) chẳng hạn có một giọng lạnh lùng, chua chát chưa phải là giọng của kẻ đã dứt hết trần duyên. Cho đến cái bình tĩnh của nàng Kiều khi ở trong am Giác Duyên lần thứ hai, Leiba cũng chưa có [3](#). Tuy thế người gần đạo Phật hơn hết các nhà thơ bấy giờ.

Thơ Leiba đã thay đổi theo một hai điều thay đổi trong tâm trí thanh niên khoảng bảy tám năm nay. Xem thơ ta có thể thấy khi tỏ khi mờ hình ảnh của thời đại.

Octobre-1931

Còn chen vào chốn bụi hồng làm chi!

NĂM QUA

Em nhớ năm em mới lên mười,

Tóc em buông xõa chấm ngang vai.
Ngây thơ nào biết em xinh đẹp,
Cùng trẻ bên đường đánh "chất" chơi.
Anh đi qua đó đứng nhìn em,
Em vút sành đi vội đứng lên,
Dắt tay cười nói thi nhau chạy,
Em vấp vào anh ngã xuống thềm.
Me em chạy lại bế em hôn,
Êm ái đe em sẽ đánh đòn.
Em phải nhịn đau không dám khóc,
Vì em trông thấy vẻ anh buồn...

.....

Em nhớ năm em lên mười hai,
Một mình em lấy trộm gương soi,
Đường ngôi đương kẻ thì anh đến,
Anh đến bên em mỉm miệng cười.
Em then, quăng gương chạy xuống nhà,
Nín hơi anh gọi cũng không thưa.
Sau màn lấp ló em nhìn trộm,
Em đợi anh về mới dám ra...

.....

Em nhớ năm em lên mười lăm,
Cũng ngày đông cuối sắp sang xuân.
Mừng xuân em thấy tim hồi hô.p.
Nhìn cái xuân sang khác mỗi lần.

Ba mươi, em đứng ngắt hoa đào;
Nghỉ học anh về qua trước ao,
Ngẩng mặt vừa khi anh ngó thấy,
Ném hoa em vội chạy ngay vào.
Mồng hai anh lễ Tết nhà em,
Em đứng nhìn anh, nấp bóng rèm,
Mười sáu xuân rồi anh đã lớn;
Tìm em rầu rĩ vẽ anh nhìn.
Em thấy tim em đập rộn ràng,
Muốn ra lại ngại chấy tâm can.
Me em rót nước mời anh uống,
Anh tủi, em rầu, ai khổ hơn?
Năm ấy xuân em có một mình,
Ai vui em những ngẩn ngơ tình.
Này quân tam cúc năm xưa đó,
Nào lúc vui đùa, em với anh?
Mồng một, vui xuân hai chúng ta,
Em mười ba tuổi, tính còn thơ,
Em anh còn cãi nhau như trẻ,
Em dối, anh nhìn, dạ ngẩn ngơ...
Xuân nay xuân trước cách bao rồi!
Nhớ buổi xuân nào, tiếc phút vui.
Em ước đôi ta cùng bé lại:
Vui xuân lại được đánh bài chơi!
Ngày nay nhớ lại buổi vô tình,

Anh lặng yêu em, em nhớ anh.

Rồi nữa xuân qua, xuân lại lại

Biết rằng sau có vẹn ba sinh?

.....

Hôm qua em đến mái đông lân,

Cô gái khâu thêu về ngại ngần.

Tơ lụa bộn bề quần áo cưới,

Vội vàng cho khách kịp ngày xuân.

Duyên mình hờ hững hộ duyên ai,

Cô gái đông lân đáng ngậm ngùi

Ngán nỗi năm năm đưa chỉ thắm,

Phòng không may áo cưới cho người!...

Anh ơi! Anh mãi đứng công danh,

Để phụ cho nhau một mối tình

Nhánh liễu vườn xuân, ai nấy chủ?

Chờ ai biết có khỏi trao cành?

Má đỏ, xuân em chỉ có thì,

Xuân qua, phó lẽ đợi anh về,

Tương tư lệ nhỏ phai màu phấn,

Anh hỡi! yêu nhau há đợi gì?

Danh lợi như mây nổi giữa trời;

Hồng nhan phải giống mãi trên đời?

Đợi anh áo gấm xuân sau lại,

Chỉ sợ nghiêng giành hết quả mai!

(Loa)

MAI RỤNG

Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,

Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài,

Bên gốc mai già, xuân vắng vẻ,

Âu sầu thiếu nữ khóc hoa mai...

Hoa mai đã tạ, lá mai vàng,

Vàng úa đầu cành, ủ bóng dương,

Lác đác mai già rơi mặt đất:

Hoa xưa thành quả, quả nay tàn!

Quả tàn héo rụng gốc cây khô;

Thiếu nữ âu sầu tưởng mộng xưa.

Vạch cỏ, ngậm ngùi nghiêng giỏ hốt;

Rạt rào hoa rụng cánh như mưa.

Giỏ chưa đầy quả, lệ chan sầu,

Vứt giỏ bên mình, kéo áo lau.

Gió đuổi hoa tàn bay xón xác,

Má hồng sầu ủ, ủ làn châu...

..."Năm xưa em ở chốn phòng khuê.

Yêu, nhớ, ngây thơ đã biết gì."

Mai nở, mai tàn, mai lại rụng,

Tường đông xuân sắc mặc đi về.

Tường đông, xuân ấy gặp tình lang,

Chàng nhủ cùng em nỗi nhớ thương.

Ngơ ngẩn em về, sầu chẳng mối:

Ngây thơ, em mới biết yêu chàng.
Yêu chàng, em cố chuốt hình dung
Tô cặp môi son, điểm má hồng,
Em thấy xuân nay hoa nở đẹp,
Cảm tình Thanh đế, tạ đông phong,
Vườn tình hoa ánh cánh song sa,
Rẽ liễu cùng chàng dựa bóng hoa.
Hoa tặng vừa tàn bông thược dược,
Tìm chàng bỗng vắng, bóng chàng xa...
Xuân tàn, hạ cổ, cảnh thu sầu,
Mờ mịt hơi đông ám ngọn lau.
Xuân tới cảnh đào hoa lại nở,
Mong chàng mỗi mắt, thấy chàng đâu?
Gió xuân lại thổi chốn vườn xưa,
Lệ đầm khăn là, dạ ngẩn ngơ.
Hoa cỏ thương người, xuân ử bóng.
Đâu ngày xuân thấm buổi ngây thơ?
Sầu đối gương loan, bóng lạ người,
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?
Bơ phờ tóc rối, vành khăn lệch,
Ủ rũ hoa gầy, má đỏ phai.
Phấn mốc, hương bay, chiếu lệch giường,
Song thưa, gió ném cánh hoa tàn.
Ba xuân những biếng thăm vườn cũ,
Trước cửa rêu dày, lớp cỏ lan.

*

Phòng không chi tưởng cảnh xuân tình,
Nhánh liễu phai tơ rụng trước màn.
Chợt nghĩ vườn xuân, xuân sắp hết.
Gượng vui, khoác áo dạo hoa đình.
Xuân hết, đào phai, lý rụng rồi,
Hoa đình tịch mịch vẽ xuân phai.
Tơi bời ong bướm bay qua ngõ,
Những tưởng màu xuân ở xóm ngoài.
Xuân buồn như nhắc cảnh xuân vui
Gió thổi lay cành, rụng quả mai,
Thương dấu xuân tàn, nghiêng giỏ hót
Thương xuân, xuân hỡi, có thương người?
Lệ chan má phấn, ủ mây ngày.
Thấm thoát màu xuân có thể thôi
Cảnh cũng như người, chung hỡi hận:
Chàng không lại nữa, đẹp cùng ai?

....

Nụ hồng rải lối, liễu tơ phai,
Vườn cũ rêu lan, cỏ mọc dài,
Bên gốc mai già, xuân vắng vẻ.
Âu sầu thiếu nữ khóc hoa mai.

(Loa)

HOA BẠC MỆNH

Tháng ba, hoa bạc mệnh

Tàn trước mọi cảnh xuân

(Dịch thơ cổ)

Người đẹp vẫn thường hay chết yếu

Thi nhân đầu bạc sớm hơn ai

Ba xuân muôn thắm thêu cảnh biếc

Bạc mệnh hoa kia đã rụng rồi!

Héo trước trăm hoa: hoa bạc mệnh

Đang xuân, để khỏi thấy xuân tàn.

Chúa xuân vì biết tình hoa thế

Xin kiếp sau đừng nở thế gian.

Hồn kết gió hương trời Nhược thủy

Cánh viên mây thắm động Thiên Thai

Hoá thành những giọt mưa thơm ấy

Tươi nở trăm hoa đã héo rồi!

(Nam Cường, tập mới)

BẾN GIÁC

Phù thế đã nhiều duyên nghiệp quá!

Lệ lòng mong cạn chốn am Không

Cửa thiền một đóng duyên trần dứt

Quên hết người quen chốn bụi hồng.

(Nam Cường, tập mới)

[1](#) Trích theo đây

[2](#) Trích theo đây

3 Xin nhắc lại Kiều nói với Vương ông khi tái hợp:
Mùi thiên, đã bén muối dưa
Màu thiên, ăn mặc đã ưa nâu sồng.
Sự đời đã tắt lửa lòng.

Thái Can

Sinh ngày 22-10 -1910 ở Văn Lâm, phủ Đức Thọ (Hà Tĩnh). Học Trường phủ, trường Vinh, trường Bảo hộ, trường Thuốc Hà Nội. Tốt nghiệp y khoa bác sĩ năm 1940, hiện ở nhà học chữ Hán và làm thơ chữ Hán.

Thơ Thái Can phần nhiều đã đăng ở Phong hoá, Tiểu thuyết thứ bảy, Hanoi báo, Văn học tạp chí 1935. Những bài thơ đầu (ký Th.C) đã in trong quyển Những nét đan thanh. Ngân Sơn từng thư, Huế, xuất bản 1934.

Tôi đã cố đọc lại thơ Thái Can để mong tìm lại cái say sưa ngày trước. Nhưng lòng tôi cứ dửng dưng. Sao bây giờ tôi thấy thơ Thái Can sáo quá mà người thiếu nữ trong thơ Thái Can thì hầu hết ẻo lả đến khó chịu. Nhất là những nụ cười. Những nụ cười sao mà vô duyên, mà trơ trẽn thế!

Thơ Thái Can vẫn như trước. Dễ lòng tôi đã khác xưa? Một người thơ cũng như một người tình, yêu đó rồi bỏ đó sao cho đành. May thay tôi vẫn có thể thích được dăm bảy bài. Kể những bài đó đều phỏng theo lối thơ xưa. Chữ dùng cũng xưa. Nhưng có cái gì bảo ta rằng ở đây có một người khóc cười thật. Ở đây không còn cái thói khóc gượng cười vờ nó vẫn lưu hành trên sân khấu tuồng cổ và trên thi đàn Việt Nam khoảng vài mươi năm trước.

Khóc bạn, Nguyễn Khuyến viết:

Rượu ngon, không có bạn hiền,

Không mua, không phải không tiền không mua,

Câu thơ nghĩ, đắn đo không viết;

Viết đưa ai, ai biết mà đưa.

Giường kia treo những hững hờ:

Đàn kia gảy những ngân nga tiếng đàn.

Tôi tưởng đó toàn chuyện bịa. Nguyễn Khuyến hẳn không treo giường để chờ người bạn họ Dương đã đành. Cả cái chuyện thơ rượu cũng bịa nốt. Ba năm không gặp nhau ¹ chắc Nguyễn Khuyến vẫn thơ rượu như thường, thơ rượu nào cần phải có Dương Khuê. Nhưng chuyện không thực mà tình thực, chuyện mượn người xưa, mà tình là tình Nguyễn Khuyến.

Thái Can cũng mượn những chữ sẵn của người xưa nhưng người đã gửi được nỗi lòng mình trong đó. Khi ta đọc những câu:

Vó ngựa trập trùng trên ải Bắc;

Tuyết sương lạnh lẽo giá rêu mây!

Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ,

Ngựa hí vang lừng gió trận may.

ta thấy trong những câu này, cũng như trong lời ngâm của Nguyễn Khuyến, mỗi cảm của thi nhân đã phát lộ ra bằng những âm thanh, bằng một nhịp lối nhịp nhàng riêng.

Thơ Thái Can nhạc điệu không có nhiều lối và cũng chỉ nằm trong khuôn khổ thơ thất ngôn, nhưng trong những câu thơ hay bao giờ cũng thấm thía. Một người kỹ nữ, lúc canh khuya sau lúc khách làng chơi đã ra về, một mình ngồi nhìn phía quê nhà và than:

Biết đâu mà gửi lòng thương nhớ,

Mà biết cùng ai gửi nhớ thương.

Một thiếu niên gọi bạn tình trong mộng tưởng:

Thu liễu em ơi, có biết không?

Những là ngày ngày nhớ lại đêm mong.

Thu này người tưởng cùng em gặp,

Dưới nguyệt đôi ta tỏ chút lòng.

Có gì sáo hơn những câu ấy. Nhưng có những lúc ta buồn và mỗi không muốn tìm tòi gì: ta buông xuôi tay, ta buông xuôi lòng cho trôi

theo những lời, dầu sáo, dầu cũ miễn là âm điệu khi lên khi xuống cùng ăn nhịp với lòng ta. Những lúc đó ngâm thơ Thái Can thì tuyệt.

Cho đến những bức tranh thảnh thoảng ta gặp trong thơ Thái Can cũng không phải là những bức tranh tô bằng nét, bằng màu, mà chính là hoà bằng nhạc điệu:

Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng,

Trâm ngọc quên cài tóc bỏ rơi.

Sương toả bên mình như khói nhẹ;

Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.

Hãy đọc đi đọc lại bốn câu này. Có phải lời thơ yếu điệu và mềm mại như một người đẹp?

Những lúc thi nhân tìm được âm điệu thích hợp để diễn đạt nỗi lòng mình, ta thấy người khoan khoái như được giải thoát. Nếu không, người ra chiều uất ức, khó chịu. Người phân vân trước những ham muốn, những mộng tưởng nhiều khi trái ngược nhau. Tâm hồn Thái Can rất phức tạp. Tuy vẫn thường mơ tưởng cái cảnh thanh gươm yên ngựa, song nhác thấy bóng khăn san áo màu thời nay, người cũng không muốn hững hờ qua. Người thực lòng thương những gái giang hồ, người thống trách xã hội đã dẫn họ vào đường truy lạc, song những yến diên có ca nhi điểm vui, tất cả cái hào hoa, cái êm dịu của cuộc đời phú quý người cũng không nỡ từ. Người muốn gây một sự nghiệp, người không muốn sống vô ích, người gét hữu hạn và khao khát vô cùng.

Bấy nhiêu điều trái ngược chỉ có thể đưa người ta đến chán nản. ta hãy nghe Thái Can khuyên người ca nhi vừa tự sát mà không chết:

Đứng dậy em ơi! Sống cõi đời

Đời dầu khổ nhục đến mười mười,

Em nên điểm phấn tô son lại

Ngạo với nhân gian một nụ cười.

Trong hai người, thi nhân và kỹ nữ, dễ đã biết ai chán hơn ai? Cho đến ái ân thi nhân cũng không thiết nữa:

Thôi! Thế lòng anh mãi nguyện rồi

Vì tình là mộng đó mà thôi,

Lòng em một phút yêu anh đó

Cũng thể yêu anh suốt một đời.

Thái Can nói mãi nguyện mà lại đau đớn hơn người lời oán hận của một thi nhân khác, Lan Sơn:

Một phút lòng em mơ bạn mới

Yêu anh sau nữa cũng bằng không.

Août - 1941

CẢNH ĐÓ NGƯỜI ĐÂU

Gặp em thơ thần bên vườn hạnh

Hỏi mãi mà em chẳng trả lời

Từ đó Bắc Nam, người một ngả

Bên vườn hoa hạnh bóng trăng soi

(Những nét đan thanh)

ANH BIẾT EM ĐI ... [2](#)

Anh biết em đi chẳng trở về,

Dặm ngàn liễu khuất với sương che.

Em đừng quay lại nhìn anh nữa:

Anh biết em đi chẳng trở về.

Em nhớ làm chi tiếng ái ân.

Đàn xưa đã lỡ khúc dương cầm...
Dây loan chẳng đuợm tính âu yếm,
Em nhớ làm chi tiếng ái ân.
Bên gốc thông già ta lỡ ghi
Tình ta âu yếm lúc xuân thì.
Em nên xoá dấu thề non nước
Bên gốc thông già ta lỡ ghi.
Chẳng phải vì anh chẳng tại em:
Hoa thu tàn tạ rụng bên thềm.
Ái tình sớm nở chiều phai rụng:
Chẳng phải vì anh chẳng tại em.
Bể cạn, sao mờ, núi cũng tan,
Tình kia sao giữ được muôn vàn...
Em đừng nên giận tình phai nhạt:
Bể cạn, sao mờ, núi cũng tan.
Anh biết em đi chẳng trở về
Dặm ngàn liễu khuất với sương che.
Em đừng quay lại nhìn anh nữa;
Anh biết em đi chẳng trở về.

CHIỀU THU

Hoa hồng rũ cánh bay đầy đất
Trĩu nặng sương thu mấy khóm lan
Mỹ nhân lững thững xem hoa rụng
Ta ngỡ Hằng Nga nấu Quảng hàn.

Mỹ nhân lưỡng thững thăm hoa rụng
Trâm ngọc quên cài tóc bỏ lơ
Sương tỏa bên mình như khói nhẹ
Xiêm y tha thướt mái hiên ngoài.
Ta đứng bên hiên kiếm ý thơ
Mỹ nhân vô ý bước đi qua
Cánh hồng quyến luyến bên chân ngọc
Như muốn cùng ai sống phút thừa
Chẳng được như hoa vương gót nàng
Cõi lòng man mác, giá như sương
Ta về nhặt lấy hoa thu rụng
Đặng giữ bên lòng nỗi nhớ thương.
(Phong hóa)

CẢNH ĐOẠN TRƯỜNG

Em chỉ nói rằng: "Đời em buồn".

Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.

(Tâm sự một cô gái nháy)

Anh nhớ năm xưa trong yến diên
Hợp mặt ba kỳ, trăm sinh viên.
Rót chén rượu nồng cùng vui chơi
Trước khi chia tay người mỗi nơi.
Điểm vui yến tiệc bọn ca nhi
Ba bảy mai kia đương vừa thì.
Hoa khô hôm ấy là em đó,

Liếc mắt đưa tình đá cũng mê.

Hôm nay nước nở sầu ảm đạm

Kể lại đời em nghe thê thảm:

Không quê, không quán, không mẹ cha,

Như cánh bèo trôi không chỗ bám.

Em dấn thân vào hồng lâu

Lụy từ nô bộc đến công hầu.

Rồi lại giạt trôi trường khiêu vũ

Hết lòng chiều khách lại chiều chủ.

Liều bỏ sức vóc được bao nhiêu

Dạn gió dày sương thực đến điều.

May thay em gặp khách phiêu lưu

Cảm thấy tình em thắm đậm nhiều,

Nhặt cánh hoa tàn rơi dưới đất

Chung tình trong một mối thương yêu.

Khách nhớ quê xa trở gót về.

Đêm trường nhớ khách dạ đề mê,

Cảm thấy đời em buồn lạnh, tẻ,

Ngoài đường sương lạnh bước ra đi.

Ra đi gió lạnh tạt ngang mình,

Nghĩ đến đời em, em khiếp kinh,

Kinh khiếp vì đời như vực thẳm

Xui em trụy lạc hồi trời xanh!

Nếu cũng như ai có mẹ cha,
Buồng xuân rủ gấm với phong là,
Thời em ngày tháng cùng vui sương
Hơn hờ nô đùa với cỏ hoa.

Rồi ngày đào lý nở nhành bông,
Em cũng như ai được tấm chồng
Quyền cả chức cao trong xã hội
Êm đêm chia ngọt sẻ bùi chung.

Than ôi! Em có được như người:
Hoa tạ lia cành trước gió rơi
Lăn lóc cát lăm hoen cánh ngọc
Đem thân làm thú vạ muôn người.

◦

Lững thững em đi bên vệ đường,
Âm thầm buồn bã; gió cùng sương
Ướt cả áo xiêm, em chẳng biết...
Lòng em mang nặng dấu đau thương.

Chán nản quay đầu em lại nhìn
Cuộc đời quá khứ tựa đêm đen.
Tương lai bước tới chân chồn mỗi,
Một bước đau lòng, một bước thêm!

Lầu các, kìa ai vợ với chồng
Êm đềm trong giấc phụng loan chung.
Riêng em lững thững bên hè vắng
Khóc mãi, mắt em úa đỏ hồng.

Ôi thôi! Em quyết chỉ quyên sinh
Quyết bỏ trần gian, bỏ ái tình.
Trong một gian buồng thuê buổi tối
Đau lòng, em uống thuốc quyên sinh.

Khinh thay! Những gái tiếng con nhà
Vì tính buông tuồng phải trụ sa
Vào chỗ bùn lầy nghề kỹ nữ;
Nhưng em... nào phải muốn giăng hoa.

Giời đất này! Hãy chứng minh:
Vì chung xã hội quá bất bình.
Thân em thật đã bùn than lấm
Lòng tuyệt, em còn giữ tiết trinh.

Mang tấm thân lòng đau xuống suối vàng
Ai người nhân thể chạnh lòng thương?
Ai người biết được em đau khổ?
Đêm lạnh... thân ôi! Cảnh đoạn trường.

Cõi đời dần tối, giấc âm thầm
Hình ảnh ngàn xưa cũng xoá dần,

Sau rót cảm nghe như mẹ ẵm
Và lời ân ái khách xa xăm.

Sáng sớm người ta vào buồng ngủ,
Thất đảm kinh hồn người la rú
Vội vàng đưa em đến nhà thương,
Để em lạnh lẽo nằm trên giường.
Hồi lâu thuốc thang em tỉnh dậy
Mở mắt, lạ lòng nhìn thế gian;
Bất giác hai hàng lệ em tràn.

Chung quanh em, những người săn sóc
Gạn ghẽ dò la hết cỗi gốc
Em chỉ nói rằng: "Đời em buồn",
Rồi em nức nở lệ sầu tuôn.

o

- Anh cũng như em, chán cõi đời,
Nhưng mà quả quyết sống mà chơi.
Đời càng bạc bẽo cùng mình lắm
Mình cũng yên vui, cũng nói cười!

Cười đời bạc bẽo khinh thế gian
Cho biết rằng ta chẳng phải hèn
Ta sống vì chúng ta quả quyết
Đạp bằng muôn vạn nỗi gian nan.

Đứng dậy, em ơi! Sống cõi đời,

Đời dầu khổ nhục đến mười mười,
Em nên điểm phấn tô son lại,
Ngạo với nhân gian một nụ cười.

Ngày mai ở mãi chốn chân trời
Trong cảnh gia đình ấm áp vui
Một phút trầm ngâm anh sẽ khấn
Cho em trở lại được tươi cười.
(Hanoi báo)

TRÔNG CHÔNG

*Khuê trung thiếu phụ bất tri sầu
Xuân nhật ngưng trang thượng thúy lâu
Hốt kiến mạch đầu dương liễu sắc
Hối giao phu tế mịch phong hầu
(Vương Xương Linh)*

Chinh phu ruổi ngựa lên miền Bắc
Tiếng địch bên thành thổi véo von
Mây bạc lưng trời bay lững thững
Chim trời tan tác bóng hoàng hôn
Vó ngựa chập chùng lên ải Bắc
Tuyết sương lạnh lẽo giá râu mày!
Gươm thiêng lấp lánh bên lưng nhẹ
Ngựa hí vang lừng trận gió may
Đứng tựa bên thành xiêm áo lịch,
Kìa ai trông ngóng ải Phiên ngoài

Bóng cờ phát phới xa xa, lạt...
Tình cũ xin nguyên chẳng lạt phai...
Mang ấn phong hầu khi trở lại,
Rõ ràng chinh phụ nét cười tươi
(Phong hóa)

-
- 1 Trong bài Nguyễn Khuyến có câu: "Trước ba năm gặp bác một lần".
 - 2 Chép theo một bức thư (1934).

Vân Đài

Vợ một ông chủ sự vô tuyến điện. Sinh ngày 29-Janvier-1908.

Quên quán ở Hà Nội.

Đã đăng thơ: Phụ nữ tân văn, Phong hoá, Ngày nay, Tinh hoa, Đàn bà.

Chọn thơ Vân Đài tôi phân vân quá. Bài nào cũng được. Không có gì sâu sắc. Vân Đài chỉ là một người chơi thơ. Nhưng lời thơ bao giờ cũng nhẹ nhàng, êm ái. Ít khi tiếng nam có vị ngọt ngào như thế. Ấy cũng vì Vân Đài ưa nói những gì rất mong manh, rất bình yên.

Những câu xôn xao nhất như:

Gió xuân đâu biết cho lòng thiếp

Ôm ấp bên mình thiếp mãi chi?

thì lại là những câu phỏng theo thơ Đường. Ai ngờ thơ Đường còn có thể gửi cho thơ Việt thời nay chút hương sắc dục.

Octobre – 1941

TIẾNG ĐÊM

Vườn trăng tha thướt cành in bóng

Từng giọt tà tiêu điểm tiếng sương

Cỏ nép chân cây, cành rũ lá

Vài tia gió nhẹ rợn hoa tường

Song thưa từng mảnh sáng trăng qua

Thức giấc tôi thềm lên bước ra

Rón rén lướt đi như gió thoảng

Sợ làm kinh động giấc mơ hoa.
Bên gốc tôi nghe có những lời
Rủ rỉ trong đám lá khô rơi
Tưởng hồn thu thảo trong khuya vắng
Rủ rỉ cùng hoa nói chuyện đời.
Lại thoảng tình hương ở các bông
Bay ra lan đượm khắp không trung;
Trong cơn ngây ngất say sưa ấy
Chợt động cành cây tiếng lá rung.
Tiếng gió lùa qua thức mộng chim
Phá tan hương khói giấc êm đêm
Lại thêm tiếng khánh chùa xa thẳm
Quen đến buồng tôi lúc nửa đêm.
(Đàn bà)

Đỗ Huy Nhiệm

Sinh ngày 16-3-1915 ở Nam Định. Chính gốc người Phú Yên, họ Hồ sau đổi thành họ Đỗ. Học trường Nam Định đến đậu thành chung, lên Hà Nội học đến tú tài. Hiện làm sở Trước bạ Hà Nội. Viết báo thường ký Đỗ Phủ, Thiếu Lăng.

Đã xuất bản: Khúc ly tao (1934), Thiên diễm tuyệt (1936).

Đỗ Huy Nhiệm kể:

*Lắm khi đứng tựa bên cây,
Thần thờ đôi mắt đắm say nhìn trời.
Nhưng đến lúc cắt lời để gọi
Thì nàng như làn khói thoảng tan
Mặc tôi đứng sửng mơ màng,
Một mình với một chiếc đàn chùng dây.*

Nàng đây lại là Nàng Thơ và câu này là một câu tâm sự. Quả Đỗ Huy Nhiệm đã ôm ấp một mối tình lãng mạn đi theo dõi Nàng Thơ luôn trong bảy tám năm trời, từ "Khúc ly tao", đến "Thiên diễm tuyệt", từ "Phụ nữ thời đàm" hỏi ông Phan Khôi chủ trương đến "Tân thiếu niên, Tiến hoá, Văn học tạp chí 1935, Hanoi báo, Tiểu thuyết thứ năm, Trào phúng, Đông thanh, Đông Á, Tin mới,...". hầu hết trên các báo chí bắc Nam. Nàng Thơ có lẽ không nở phụ người có công. Một đôi lần Nàng đã gặp con người tình cờ trở nên người họ Đỗ và cố ý mạo danh Đỗ Phủ, Thiếu Lăng. Các cuộc gặp gỡ ấy đều ghi lại bằng những vần thơ phảng phất giọng Đường với một chút xôn xao mới.

Octobre- 1941

ĐIỀU HIU

Cơn gió điều hiu lướt mặt hồ

Thổi rơi xuống nước chiếc hoa khô
Giật mình, làn nước cau mày giận
Tan cả vừng trăng toả lững lờ
(Hà Nội báo)

HOA TỬ

Vườn xuân, nắng mới hoa đương đẹp,
Em lạnh lùng qua, chẳng đoái hoài.
Em hỡi! vô tri hoa biết tử:
Đằm đìa châu lệ, hạt sương mai.
(Thiên điểm tuyết)

SAY

Đêm xuân một trận nô cười
Dưới đèn chẳng biết rằng người hay hoa
Khi vui quên cả cái già
Khi say chẳng dốc giang hà cũng say
Kim tịch thị hà tịch?
Mảnh gương nga đã tếch lồi non đoài
Đó kìa ai ba, bốn, bốn, năm người
Người đâu tá? còn chơi trong mộng thế
Nhãn ngoại trần ai không nhất thế
Hung trung khối lữ thuộc tiền sinh
Kiếp say sưa đã chấm sổ thiên đình
Càng đắm sắc, mê thanh, càng mãi miết
Say lắm về: say mệt, say mê, say như, say tí

Trong làng say, ai biết nhất ai say
Mảnh hình hài quen giả trá xưa nay
Chúng sinh tương lúc này coi mới hiện
Thôi sếp cả nguyệt hoa hoa nguyệt
Cảnh bông lai trải biết gọi làm duyên
Tửu trung ượng thị thần tiên
(Tiểu thuyết thứ năm)

Lưu Kỳ Linh

Chính tên là Lưu trọng Lai. Sinh năm 1907 ở Cao-lao hạ, huyện Bồ trạch (Quảng-bình).

Học: trường Đồng hới, trường Quốc học Huế (đến năm thứ ba).

Đã đăng thơ: Hanoi báo, Tao-đàn, Tiểu thuyết thứ bảy

Lưu Kỳ-Linh là anh ruột Lưu trọng Lự. Nhưng thơ em nhiều người biết mà thơ anh ít ai hay. Kể cũng đáng tiếc. Thơ Lưu Kỳ Linh tuy mới nhưng đôi bài có cái nhẹ nhàng, cái kín đáo, cái vi diệu của những vần thơ xưa. Nó không huy hoàng, lộng lẫy. Trong vườn thơ nó chỉ là những bông hoa màu nhạt, hương thanh, e lệ nở trong một góc tường. Nhưng ai dám bảo là những bông hoa không quý?

Juillet 1941

ĐỢI CHỜ

Đêm xuân mộng chữa về thăm

Cửa lòng rộng mở, em nằm nghe sương

Tỉ tê gọi gió lên đường

Nghe trăng âu yếm đổ hương trên cành

Gà vô ý giục tàn canh

Cửa lòng vội khép cho tình ngủ thôi

CÀNH HOA THU MUỘN ¹

Muộn-màng thu nở một cành hoa.

Còn một chiều nay hoa với ta.

Muốn tặng người yêu, không nở hái;

Bóng vàng như đã rụng non xa....

CON BƯỚM TRẮNG

Bướm kia ai biết là thi sĩ

Kiếp trước đã tình lại hóa thân.

L. K. L.

Vùng hồng phun ánh hồng tươi,
Cả một vườn xuân loáng nét cười.
E lệ cánh trà so cánh huệ,
Hương lan thầm kín mĩa hương mai.
Những loài hoa mới bỗng xôn xao:
Con bướm lang thang đâu... lạc vào
Phơ phất dịu dàng đôi quạt trắng,
Đu cánh thấp chán nhún cánh cao.

Lời bình của thi sĩ trong một bức thư:

"Tất cả tình tứ của tôi đối với thu đều ngưng đọng lại, sắc đặc lại ở bốn câu đó.

1 "Với người yêu, ai có tiếc gì; người ta có thể ném cá kho tàng châu ngọc như không. Thế mà một cảnh hoa thu muộn, tôi không nhớ.... Anh để ý chỗ không liên lạc giữa hai câu 3, 4-

Nguyễn Giang

Con nhà văn hào Nguyễn Văn Vĩnh. Trên ba mươi tuổi. Đã du học bên Pháp. Về nước chủ trương Âu Tây tư tưởng và Đông Dương tạp chí.

Họa sĩ hơn là thi sĩ.

Đã xuất bản : Trời xanh thăm (1935)

"... Ký giả lại nghĩ rằng nếu trong một bức tranh, cái Đẹp chẳng phải là ở riêng vật nào, mà là cách ta để cái vật này gần cái vật khác để cho hình nọ với hình kia nó cân đối nhau, thì trong văn thơ cái Đẹp cũng chẳng phải là một vật riêng nào, một chữ, một câu nào, mà là cái toàn thể cả bài thơ, ở cái tình cảnh tương đối và hoà hợp nhau". Câu này Nguyễn Giang viết trong tựa Trời xanh thăm (t.17-18). Tôi chép lại đây để thấy rõ quan niệm của Nguyễn Giang về thi ca: làm thơ là tìm cái Đẹp mà cái Đẹp là "cái cách tình cảnh tương đối và hoà hợp với nhau".

Có hiểu quan niệm đặc biệt ấy, cái quan niệm từ nghề vẽ chuyển sang nghề thơ, họa may vì thú thật tôi không dám chắc là đã hiểu được. Tôi quá nặng lòng trần tục mà lối thơ này quá thuần túy chẳng? Tôi không hiểu được những nhà thơ nghệ sĩ chẳng? Dầu sao, xem thơ tôi muốn tìm những tâm hồn. Mà sau câu thơ Nguyễn Giang ít khi tôi thấy có gì. Sự tương đối, sự hoà hợp của những tình, những cảnh trong thơ Nguyễn Giang thấy tầm thường quá, không đủ để rung động tôi. Người ta bảo lối thơ Đường bao giờ cũng thế. Nhưng tôi đã đọc thơ của Lý Bạch, của Đỗ Phủ những bài thơ khiến tôi rung cảm biết bao!

Đã vậy, sao tôi lại nói đến thơ Nguyễn Giang trong một quyển sách chỉ nói đến những nhà thơ và những bài thơ tôi thích? Ấy là vì đọc Nguyễn Giang tôi bỗng không dám hoàn toàn tin tôi. Ấy cũng vì những ý nghĩ thành thực và ngộ ngộ giải bày trong bài tựa dài đầu quyển Trời xanh thăm. Vậy tôi xin trích ra đây ba bài thơ tôi để ý

nhất (bài nào câu cuối cũng hay). Hoặc giả bạn đọc sẽ thấy có gì chẳng, ngõ hầu khỏi mai một nhà thơ có chân tài biết đâu?

Septembre – 1941

XUÂN

Gió xuân phơ phất thổi trong cành
Lớp lớp bên đường bóng lá xanh
Cây cỏ cười tươi hoa mუმ mုံ
Học sinh qua lại áo phong phanh
Chim non ngoài nắng bay chi chít
Đàn sáo trong cây vắng khúc tình
Bờ suối chờ ai chưa thấy lại
Nhìn cô áo đẹp bước đi nhanh.
(Trời xanh thắm)

CON ĐƯỜNG NẮNG

La route des Baux

Près St – Rémy de Provence

Xào xạc đường trưa vắng bóng người
Bốn bề nắng hạ phẳng bằng soi
Lơ thơ dưới núi hàng thông cỗi
Trắng xóa bên trời tảng đá vôi
Một bước ngạt ngào trăm thức cỏ
Trước sau thăm thẳm một màu trời
Dừng chân ngắm cảnh bên bờ đá
Kìa cánh hoa vàng tưởng nhớ ai

(Trời xanh thẳm)

MẸ

St Cirq Lapopie

Chiều hôm đàn quạ lượn ven sông

Chi chít cành cao tiếng náo nùng

Non biếc rừng thưa thu lạnh lẽo

Sông chiều mội dải tối mêng mông

Ngắm chim rộn rã trăm âu yếm

Nhớ mẹ ngày đêm một tấm lòng

Xã hội còn mong khi rạng mặt

Mà cơn thơ vẫn đứng nhìn trông

(Trời xanh thẳm)

Quách Tấn

Sinh ngày 23 tháng 11 năm Kỷ Dậu (24 Janvier 1910) ở làng Trường Định, huyện Bình Khê (Bình Định). Hiện làm Phán sự toà sứ Nha Trang. Ông thân là người Tây học, bà thân là người Hán học. Bắt đầu học chữ Hán, năm mười một tuổi mới học chữ Quốc ngữ. Học trường Qui Nhơn. Có bằng thành chung.

Đã xuất bản: Một tấm lòng (1939), Mùa cổ điển (1941).

Đêm đã khuya, tôi ngồi một mình xem thơ Quách Tấn. Ngoài kia có lẽ trăng sáng lắm. Nhưng trời về thu, khí trời lạnh lạnh, cửa sổ bên bàn viết đóng kín. Ngọn nến trên bàn tỏa ra một bầu ánh sáng chỉ đủ sáng chỗ tôi ngồi. Chung quanh tối cả. Tối và im. Một thứ im lặng dày đặc. Trong ấy có muôn ngàn thứ tiếng ta không nghe. Lúc này chính là lúc xem thơ xưa. Tôi lắng lòng tôi để đón một sứ giả đời Đường, đời Tống. Đời Đường có lẽ đúng hơn. Đời Đường mới có cái âm u ấy. Thơ Tống dầu xem được ít tôi nhớ hình như quang đãng và bình yên, không như thế.

Theo gót nhà thơ, tôi đi dần vào một thế giới huyền diệu. Ở đây người ta nói rất khẽ, bước rất êm. Những tiếng khóc rộn rảng, những lời reo vui vẻ đều kiêng. Một sức mạnh vô hình, rất mềm mại nhưng rất chắc chắn nặng nề lên hết thảy. Tình cảnh ở đây không còn là người tình cảnh ta vẫn thường quen biết. Tình cảnh ở đây đã biến thành một thứ hương màu nhiệm. Nó quyến lấy mình ta và chân ta tự nhiên bước theo một điệu nhịp nhàng dìu dặt. Ta không thấy gì, ta không nghe gì. Nhưng ta biết thế giới này giàu sang lắm. Chốc chốc một cảnh rực rỡ vụt hiện ra trước mắt ta rồi vụt biến đi:

Trời bến Phong Kiều sương thấp thoáng,

Thu sông Xích Bích nguyệt mờ màng.

Bồn chồn thương kẻ nường song bạc

Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng?

Ta có thể lơ đãng không thấy rõ sương trên bến Phong Kiều, trắng trên dòng Xích Bích. Không thấy cả cái giếng sâu rưng. Nhưng sắc vàng kia! Cái sắc vàng trong giây phút chiếu sáng cả trời thơ!

Rồi tất cả lại trở lại trong mờ mờ. Hương thiêng vẫn quán quít bên mình ta, ta đã xa lắm những vui buồn lộn xộn, rộn rịp của cuộc đời; nhưng sao thỉnh thoảng giữa im lặng ta nghe như có tim ai thổn thức. Đây là lời than của một người mồ côi:

Cảnh có núi sông nhiều thú lạ,

Đời không cha mẹ ít khi vui.

Đây tiếng rên rỉ thấy mình bơ vơ trơ trọi:

Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ.

Nhớ gửi vào thơ nghĩ tới thơ!

Tiếng khóc âm thầm của con người dè dặt, kín đáo ấy, nó mới náo lòng làm sao! Quách Tấn đã tìm được những lời thơ rung cảm chúng ta một cách thấm thía. Người đã thoát hẳn cái lối chơi chữ nó vẫn là môn sở trường của nhiều người trong làng thơ cũ.

Octobre- 1941

ĐALAT ĐÊM SƯƠNG

Bóng trắng lóng lánh mặt hồ im

Thời khắc theo nhau lả rả chìm

Đứng dựa non sao bờ suối ngọc

Hồn say dịu dịu mộng êm êm

Một luồng sương bạc bỗng từ mô

Lên cuốn vừng trăng, cuốn mặt hồ

Cuốn cả non sao bờ suối ngọc

Người lơ lửng đứng giữa hư vô.

- Trời đất tan ra thành thủy tinh-
Một bàn tay ngọc đắm hương trinh
Âm thầm mơn trớn bên đôi má
Hơi mát đê mê chạy khắp mình
(Một tấm lòng)

VỀ THĂM NHÀ CẢM TÁC

(Một tấm lòng)
Quê người dong ruổi biết bao lâu
Vườn cũ về thăm cảnh dài dẫu !
Trống trải ba gian nhà nhện choán,
Ngựa nghiêng bốn mặt đậu bìm leo !
Cội tùng bóng ngả sương rơi lệ ! [1](#)
Ngổ trúc mây che cuộc giục sầu !
Lẳng lẳng bên thềm ôn chuyện cũ ...
... Giật mình ngỡ đến chốn nào đâu ?
(Một tấm lòng)

ĐÊM THU NGHE QUẠ KÊU

Từ Ô y hạng rử rê sang, [2](#)
Bóng lẩn đêm thâm tiếng rộn ràng...
Trời bến Phong kiều sương thấp thoáng
Thu sông Xích Bích nguyệt mờ màng.
Bồn chồn thương kẻ nường song bạc.
Lạnh lẽo sầu ai rụng giếng vàng ?
Tiếng dội lưng mây đồng vọng mãi

Tình hoang mang gọi tứ hoang mang
(Mùa cổ điển)

ĐÊM TÌNH

Giấc thắm tình duyên non gỏi nước,
Mán sương để lọt ánh sao băng.
Hồn hoa chợ mộng thơm hồn gió;
Tóc liễu dừng thơ đón tóc trăng.
Muôn điệ u tư lòng run sẽ sẽ,
Nửa vời sóng nhạc giợn lân g lân.
Phòng hương thương kẻ ngồi nương triện
Tình gọi mây xa lệ ngập ngừng.
(Mùa cổ điển)

MỘNG THẤY HÀN MAC TỬ

Ơi Lệ Thanh! Ơi Lệ Thanh!
Một giấc trưa nay lại gặp mình
Nhan sắc châu pha màu phú quý,
Tài hoa bút trở nét tinh anh.
Rượu tràn thú cũ say sưa chuyện,
Hương tạ trời cao bát ngát tình.
Tôi khóc tôi cười vang cả mộng...
Nhớ thương đưa lạc gió qua màn.
(Mùa cổ điển)

TÌNH XƯA

Từ buổi thuyền đưa khách thuận dầm
Trông chừng bến cũ biệt mù tăm...!
Cảm thương chiếc lá bay theo gió
Riêng nhớ tình xưa ghé đến thăm.
(Mùa cổ điển)

TRƠ TRỢI

Tình cũng lơ mà bạn cũng lơ!
Bao nhiêu khăng khít bấy ơ hờ!
Sầu mong theo lệ khôn rơi lệ
Nhớ gởi vào thơ nghĩ tội thơ!
Mưa gió canh dài ngăn lối mộng
Bèo mây bến cũ quyện lòng tơ...
Hỏi thăm tin tức bao giờ lại?
Con thước qua song lại ỡm ờ!
(Mùa cổ điển, 1941)

CHIỀU XUÂN

Chim mang về tổ bóng hoàng hôn
Vàng lững lơ non biếc đọng còn
Cành gió hương xao hoa tĩ muội
Đôi sương sóng lượn cỏ vương tôn
Khói mây quanh quẩn hồi chuông vọng
Trời biển nôn nao tiếng địch đồn.
Thưởng cảnh ông câu tình tự quá
Thuyền con chở nguyệt đến cô thôn

(Mùa cổ điển)

BÊN SÔNG

Gió rủ canh đi ngàn liễu khóc,
Sông đưa lạnh tới bóng trắng run...
Thuyền ai tiếng hát bên kia vắng?
Ghé lại cho nhau gởi chút buồn.

(Mùa cổ điển)

Cội tùng: Một cảnh trong vườn. Cây này có mượn ý câu ca dao:
Một mai bóng ngả cội tùng
Mũ rơm ai đội, áo mừng ai mang

1 Ngõ trúc : Một cảnh trong vườn. Câu này có mượn ý câu :

Nghe con sắp được nghỉ hè
Thần thơ ngõ trúc, rào tre canh chừng.
Trong bài ca " Nhớ con" của bà thân chúng tôi.

(Lời chú của Quách Tấn)

Ồ y hạng nghĩa là xóm áo đen, tên một xóm đời xưa bên Tàu.

2 Xóm ấy có hai họ Vương. Ta là hai họ lớn con cháu thường mặc
áo đen. Vậy chữ "Ồ" ở đây không có nghĩa là con quạ. Quách
Tấn dùng điển sai nhưng điều ấy tưởng chẳng có quan hệ gì lắm.

Phan Khắc Khoan

Sinh nào khoảng Juin 1916 ở làng Yên Lãng, huyện Yên Thành (Nghệ an). Mồ côi mẹ thuở bé. Năm 15 tuổi cha bị mù. Học trường huyện, trường Vinh. Có bằng thành chung.

Đã đăng thơ: Phong Hoá (ký chàng Chương), Thế giới, Mới (ký Hồng Chương), Hà Nội tân văn, Tri tân.

Hai năm trước tôi đã nói đến "Xa xa", tập thơ đầu của Phan Khắc Khoan. Nhưng ngoài tập Xa xa, Phan Khắc Khoan [1](#) còn làm một số thơ. Nhân hỏi xem, tôi đã nhận được một lần mười một tập [2](#) kèm với một lá thư đại khái nói: "Đây chỉ chừng một nửa thi phẩm của tôi, nhưng tôi không muốn anh phải mệt vì thơ tôi hơn nữa". Dầu thế, tôi đã mệt vì thơ Phan Khắc Khoan nhiều lắm. Không phải đây đó tôi không lượm được những vần thơ dễ thương. Nhắc lại một mối tình hờ hững, Phan Khắc Khoan có những câu:

Đã chót tương phùng trong một quán

Dấu trà ôi, chuyện nhạt cũng là duyên.

Có khi lòng băng khuâng, người muốn:

Hạ mái tình xưa: sương về gió tạt

Nghiêng nghiêng hồn cho trút nhẹ chua cay

Có khi thấy lẻ loi, người than:

Thơ vụng quá, sắm vai gì trên sân khấu?

Hồn đơn cô, trông ngơ ngác chợ đời!...

.....

Ồ! Những lúc bốn bên tường hiu quạnh

Thời gian không ngừng thoát một ly nào

Mà trong phòng hồn tôi cứ nao nao!

*Bình yên lại, sao mà non yếu thế?
Lòng mơ khát gì đây chẳng? Có lẽ,
Kìa mang ý lạ tự đâu về
Ngập hồn tôi như nước chảy tràn đê,
Rồi bút mực tình tự cùng giấy trắng.*

Còn có thể tìm được nhiều lời khả ái như thế, nhất là trong những bài tả sự thờ ơ, sự phản trắc trong tình bạn. Nhưng cái tính dễ dãi của Phan Khắc Khoan thực sự dễ sợ! Ai lại đi xe lửa hạng tư chạt không một chỗ đứng, từ Huế ra Thanh, mà làm luôn một thôi năm bài thơ dài! Cho nên Phan Khắc Khoan, thường không hay đi sâu vào hồn mình để tìm thấy những điều riêng biệt.

Đi lại, tập Xa xa vẫn là tập thơ trội hơn cả. Hình như một cuộc tình duyên không toại đã vì tác giả khơi nguồn thơ. Người ta lắm khi cần phải có một mối thất vọng lớn mới sáng mắt mà nhìn rõ mình và tạo vật. Có lẽ Phan Khắc Khoan đã nhờ thế mà cảm được cái phong vị đặc biệt của cảnh trời biển miền Nam. Cả tập Xa xa đượm một nỗi buồn vô hạn, một nỗi nhớ không nguôi. Tuy chỉ là nỗi buồn riêng, nhưng lời thơ nhân đó có cái buồn bát ngát, cái nhớ nhung khó hiểu của những nơi trời nước mênh mông. Người đọc thơ tưởng nghe điệu buồn dàu dàu muôn năm vẫn thì thầm trên bãi biển.

Những bức tranh nho nhỏ, xinh xinh, thu gọn trong bốn câu bảy chữ, đều buồn lây cái buồn kín đáo và man mác của thi nhân. Vì nói tình hay nói cảnh, người cũng chỉ nói lòng mình, nói cho một mình mình nghe. Hình ảnh người yêu luôn luôn theo dõi người trong lúc người muốn quên, muốn xa, đã đưa người về cuộc đời bên trong đầy ý nhị.

Juillet- 1941

I

Nón ngả sau lưng trước gió chiều,
Áo hồng nô gió cũng bay theo;

Tay nâng tà áo, tay vin nón,
Khi tóc huyền tuôn những nét yêu.

II

Lá rung như vẫy người xa tới
Viếng cảnh vườn im dưới bóng mây
Thì ra thu đã về đây với
Én liệng từng không gió lất lay

III

Tiếng đâu chiêm-chiếu? Trời u-ám
Trong bóng nào đâu thấy cánh chim?
Buồn chưa! Trên nước chiều đen xám
Bóng chiếc thuyền con, đứng lặng im !

IV

Nước chiều đã cạn, sông bày cát,
Nhưng chiếc đò ngang vẫn đợi chờ.
Người thưa, khách vắng... buồn man mác ;
Cô lái buồn trông dãy núi mờ.

V

Ai đứng trông buồn mong mỗi bạn
Trở về với những khúc ca hoan?
- Tổ chim bỏ vắng trên cành nhạn
Đã kể cho người nổi hợp tan.

VI

Cây vượn trên nước rủ bờ phờ.
Gió nhẹ vờn sương thổi vật vờ;

Chiều đuối, chiều tàn, chiều lặng-lẽ
Đò qua sông vắng lướt như mơ.

VII

Chỉ thấy cành rung ngọn lắt lay
Xạc xào vang rộn tiếng heo may.
Ngoài kia có lẽ mông mênh quá,.
Gió lạnh len vào núp dưới cây.

VIII

Ngoài kia chân vẫn tìm ra lối,
Sao dưới hàng keo bóng phủ dày?
Hình như tất cả đêm khuya tối
Tất cả chui vào dưới rặng cây.

IX

Buồm ai thấp thoáng ngoài xa mịt?
Ta chẳng quen người cũng ngó theo....
Ai người chẳng biết buồn ly biệt
Lúc cánh buồm giương ai nhỏ neo?

X

Tôi vừa ra đó quên cầm sách,
Gió đã lòn vào dờ đếm trang.
- À mà trong vắng trong xa cách
Có lẽ bao nhiêu nỗi phụ phàng !
(Xa xa)

2 Ngoài ra còn 2 kịch thơ nữa : *Phạm Thái* và *Trần Can*.

Thâm Tâm

Chính tên là Nguyễn Tuấn Trình. Sinh ngày 12 - Mai- 1917 ở Hải Dương. Học ở Hải Dương.

Hiện viết giúp: Tiểu thuyết thứ bảy, Truyền bá.

Bài thơ này trích dưới đây rút ra ở tập Thơ Thâm Tâm chưa xuất bản.

Thơ thất ngôn của người ta bây giờ thực có khác thơ thất ngôn cổ phong. Nhưng trong bài dưới đây lại thấy sống lại cái không khí riêng của nhiều bài thơ cổ. Điều thơ gấp. Lời thơ gắt. Câu thơ rắn rỏi, gân guốc. Không mềm mại uyển chuyển như phần nhiều thơ bây giờ. Nhưng vẫn đượm chút băng khuâng khó hiểu của thời đại.

Novembre – 1941

TÓNG BIỆT HÀNH

Đưa người, ta không đưa qua sông,
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy
Một giã gia đình, một dửng dưng...
- Ly khách! Ly khách! Con đường nhỏ,
Chí nhớn chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại!
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

*

Ta biết người buồn chiều hôm trước.
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị, hai chị cùng như sen
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.
Ta biết người buồn sáng hôm nay:
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ đôi mắt biếc
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực!
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi
Em thà coi như hơi rượu say.
Mây thu đầu núi, giá lên trăng
Cơn lạnh chiều nao đổ bóng thềm
Ngừng ở ven trời nghe tiếng khóc
Tiếng đời xô động, tiếng lòng cầm.
(1940)

Phan Thanh Phước

Dòng dõi Phan Thanh Giản. Chánh quán ở Nam kỳ. Sinh ở Huế năm 1916. Học ở Quản Trị, Faifo, Huế. Có bằng thành chung. Hiện làm việc ở nam Triều.

Bài thơ trích sau đây rút trong tập Vương hương chưa xuất bản.

o

Phan Thanh Phước nói: "Một bài thơ của tôi xong là tôi tự thấy sút kém một tí sức trong sức khoẻ của tôi, như vậy tức nhiên có một phần sức khoẻ của tôi đã vào trong thơ tôi, tôi tự hỏi thế là trong thơ tôi có cả hồn lẫn xác tôi chẳng". ¹

Ai đọc hết tập Vương hương chắc cũng có cảm giác ấy: trong thơ Phan Thanh Phước quả có cả hồn lẫn xác và cái xác đã làm tội cái hồn. Một bài thơ hay, dầu nhẹ nhàng vui vẻ, dầu sâu nảo thương đau, bao giờ cũng là một sự giải thoát. Giải thoát ra khỏi cái u tối của xác thịt để sống cái sáng láng của linh hồn. "Tự giác nhi giác tha", cái tôn chỉ của nhà Phật cũng là tôn chỉ nhà thơ. Phan Thanh Phước ít khi đạt được tôn chỉ ấy. Ta thấy người khổ sở lắm, mỗi bước mỗi ngập ngừng, mỗi bước mỗi vấp vào xác thịt. Tập Vương hương với cái tên yêu kiều, đã bày ra một cuộc hỗn chiến gay go, đau đớn giữa xác và hồn.

Kể cũng đáng tiếc, mỗi lần Phan Thanh Phước thoát ly được ra ngoài cái vương vís của xác thịt, người tỏ ra có bản lĩnh lắm.

Tôi vẫn biết người có tính ưa lập dị, nhưng dầu sao cũng là một tâm hồn phong phú hay hay.

Khi người yêu, mối tình của người luôn luôn thắc mắc. Người có ngồi suốt đêm nhìn người yêu hay không, không ai biết được. Nhưng người đã có những cảm giác của một người thức đêm như thế:

Anh đã thức trọn đêm không biết nhọc

Ngồi lặng yên cho mắt ngắm em say;

Đời vắng xa, xa hết những chua cay

Còn em đẹp mềm thơm và chua ngọt.

Song gần nhau lâu rồi cũng có khi chán. Lúc bấy giờ người sẽ sống lại cái vui xưa:

Muốn sống êm ta gọi phút yêu đầu,

Anh bỏ ngõ say em người xa lạ.

Thiết tưởng ta vẫn có thể để hy vọng vào những tác phẩm sau này của Phan Thanh Phước.

Octobre- 1941

ĐÊM TẦN

(Tặng Vương sương Linh)

Canh trắng sương dẫn phiên về,

Buồn thao thức động bốn phương nghiêm lâu;

Sân mê ngậm bóng cây sầu:

Liều nghiêng tóc rũ trước lầu gió se.

Địch rầu giọng kéo lê thê

– Thơ ai khuya lạnh ngã đề tương tư? –

Nén hao lệ ứa từ từ,

Ngẩn ngơ tựa gối nàng như mất hồn.

(Vương hương)

¹ Trong một bức thư gửi cho chúng tôi ngày 24.3.41

Lưu Trọng Lư

Sinh năm 1912 ở Cao Lao Hạ, huyện Bồ Trạch (Quảng Bình). Học trường Quốc học Huế đến năm thứ ba, ra Hà Nội học tư rồi bỏ đi làm báo, làm sách cho đến nay.

Chủ trương Ngân sơn tùng thư, Huế (1933- 1934).

Đã viết giúp: Phụ nữ tân văn, Phụ nữ thời đàm, Tiến hoá, Hanoi báo, Tân thiếu niên, Tao đàn...

Đã xuất bản: Tiếng thu (1939).

Lư đang nằm trên giường xem quyển "Tiếng thu" bỗng ngồi dậy cười to:

- A ha! Thế mà mấy bữa ni cứ tưởng...

-?

- Hai câu:

Giật mình ta thấy bờ hơi lạnh,

Mộng đẹp bên chăn đã biến rồi.

mấy bữa ni tôi ngâm luôn mà cứ tưởng là của Thế Lữ...

Thì ra hai câu ấy của Lư!

Ở đời này, ít người lơ đãng hơn. Thi sĩ đời nay họ khôn lắm, có khi ranh nữa, Và yêu thơ, thường ta chẳng nên biết người: thiệt thòi cho họ và thiệt thòi ngay cho mình. Nhưng yêu thơ Lư mà quen Lư vô hại, thì đời Lư cũng như một bài thơ. Nếu quả như người ta vẫn nói, thi sĩ là một kẻ ngờ ngờ ngác ngác, chân bước chập chững trên đường đời, thì có lẽ Lư thi sĩ hơn ai hết. Giá một ngày kia Lư có nhảy xuống sông ôm bóng trăng mà chết ta cũng không nên ngạc nhiên tí nào.

Trong thơ Lư, nếu có tả chim kêu hoa nở, ta chớ tin, hay ta hãy tin rằng tiếng kia màu kia chỉ có ở trong mộng. Mộng! Đó mới là quê

hương của Lư. Thế giới thực của ta với bao nhiêu thanh sắc huy hoàng Lư không nghe thấy gì đâu. Sống ở thế kỷ hai mươi, ngày ngày nện gót giày xuống các con đường Hà Nội, mà người cứ mơ màng thấy mình gò ngựa ở những chốn xa xăm nào.

Cảnh mộng có khi cũng có màu sắc như chiếc cánh diều lững thững trên sườn núi hay con nai vàng ngơ ngác trong rừng thu. Nhưng thường ta chỉ thấy những cảnh rất mơ hồ, không có ở thời nay mà cũng không có ở thời nào. Hãy đọc bài "Thơ sầu rụng": Bóng người con gái quay tơ trong đó ẩn sau một màn mây mờ. Ta biết có nàng nhưng ta không thấy nàng và ta cũng chớ nên tìm nàng làm chi... Cứ để lòng trôi theo cái âm hưởng đặc biệt của bài thơ, ngân nga, dằng dặc, buồn buồn, đều như tiếng guồng xa... Sau bài thơ bát ngát một trời đất ta không hiểu, thi nhân cũng không hiểu.

Nhưng dầu sao con người mơ mộng ấy cũng đã rơi xuống giữa cõi trần, người đã sống một cuộc đời rất thực ở trần gian. Có điều mỗi khi kể lại những chuyện thực trong đời mình, người để xen vào rất nhiều chuyện trong mộng. Nhưng chuyện dầu chuyện mộng, tình bao giờ cũng thực. Và mỗi tình chan chứa trong bài thơ bắt ta phải bồi hồi.

Đặc sắc của Lư chính là ở chỗ này. Từ những kỷ niệm tươi sáng về người mẹ đã khuất, cho đến bao nhiêu buồn thương, bao nhiêu chán nản, bao nhiêu đau khổ vì tình yêu, cả cái cảnh đời giá lạnh của đôi vợ chồng lúc "tình đà xế bóng", cùng cái thú ngây ngất của cuộc đời "giang hồ". Lư đều kể cho ta nghe một cách rất cảm động.

Một điều rõ ràng: Đọc thơ người khác ta có thể tìm thấy nhiều bài âm điệu tinh tế hơn, nhiều hình ảnh xinh đẹp hơn, nhưng ít bài cảm động như thơ Lư. Ấy, chỉ vì Lư thành thực hơn. Hãy xem: tuy chẳng phải là người của gia đình Lư đã không ngần ngại mà nói đến vợ đến con, một điều các thi nhân ta gần đây hình như kiêng kị.

Tôi bỗng nhớ câu nói của Pascal: "Tuởng kẻ viết là một nhà văn, không ngờ lại gặp một người".

Tôi biết có kẻ trách Lư cầu thả, lười biếng, không biết chọn chữ, không chịu khó gọt dũa câu thơ. Nhưng Lư có làm thơ đâu, Lư chỉ

để lòng mình tràn lan trên mặt giấy. Tình đã gửi trong lời thơ, Lư không còn đoái hoài đến nữa. Lư vớt chỗ này một bài, chỗ khác một bài, với cái phóng khoáng cả một kẻ khinh hết thấy những cái gì gọi là quý ở đời này. Sánh với những người yêu thơ Lư, Lư là người thuộc thơ mình ít nhất. Ấu cũng là điều bất lợi. Một điều bất lợi nữa là trong khi thơ Việt Nam đương đi tìm nghệ thuật mới lạ, những tình cảm khuất khúc, những hình sắc phiền phức của thiên nhiên, thì Lư cũng chỉ có một ít khúc đàn bình dị, một ít khúc đàn xưa, dầu có đổi xoang đổi điệu cũng vẫn là những khúc đàn xưa.

Nhưng ngoài cái sở thích nhất thời còn những sở thích đời đời không thay đổi.

Bao giờ còn có những cặp vợ chồng nhớ tiếc buổi tân hôn thì những câu như:

Còn đâu ánh trăng vàng

Mơ trên làn tóc rối?...

.....

Đêm ấy xuân vừa sang

Em vừa hai mươi tuổi.

Vẫn khiến họ băng khuâng.

Bao giờ còn có những kẻ say đắm tình yêu và đau khổ vì yêu thì những câu như:

Ta mơ trong đời hay trong mộng?

Vùng cúc bên ngoài động dưới sương.

hay:

Đợi đến luân hồi sẽ gặp nhau

Cùng em nhắc lại chuyện xưa sau.

Chờ anh dưới gốc sim già nhé!

Em hái đưa anh đóa mộng đầu.

vẫn tìm thấy những tiếng dội trong lòng người.

Dầu chưa lặn lóc trong trường tình, đọc thơ Lưu người ta cũn phải bồi hồi vì cảnh phong ba ngoài kia, nơi thi nhân đương trôi nổi. Qua khung cửa bài thơ, ngọn gió lạnh ngoài khơi đưa tới, người ta sẽ thấy xao động cho dầu đã khép chặt cỗi lòng để sông một cuộc đời êm ả.

Sao lại có người có thể đọc những câu như thế mà vẫn đứng vững. Họ bảo những nỗi đau thương ấy thường quá. Vâng thường, thường lắm thường như hầu hết những nỗi đau thương thành thực của loài người. Tôi không muốn nói nhiều. Trước sự đau thương của người bạn, tôi muốn im lìm kính cẩn. Tôi chỉ biết, dầu có ưa thơ người này hay người khác, mỗi lúc buồn đến, tôi lại trở về với Lưu Trọng Lư. Có những bài thơ cứ vương vấn trong trí tôi hằng tháng, lúc nào cũng như văng vẳng bên tai. Bởi vì Lưu nhiều bài thực không phải là thơ, nghĩa là những công trình nghệ thuật, mà chính là tiếng lòng thổn thức của lòng ta.

Mars 1941

NẮNG MỚI

Tặng hương hồn thầy me

Mỗi lần nắng mới hắt bên song,

Xao xác gà trưa gáy náo nùng,

Lòng rượi buồn theo thời dĩ vãng,

Chập chờn sống lại những ngày không.

Tôi nhớ me tôi, thuở thiếu thời

Lúc người còn sống tôi lên mười;

Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội,

Áo đỏ người đưa trước dậu phơi.

Hình dáng me tôi chữa xóa mờ
Hãy còn mừng tượng lúc vào ra:
Nét cười đen nhánh sau tay áo
Trong ánh trưa hè trước dậu thưa.
(Tiếng thu)

THƠ SẦU RỤNG

Vùng trắng từ độ lên ngôi.
Năm năm bền cũ em ngồi quay tơ.
Để tóc vương vẩn thơ sầu rụng,
Mái tóc buồn thơ cũng buồn theo.
Năm năm tiếng lụa xe đều...
Những ngày lạnh rớt, gió vèo trong cây.
Nhẹ bàn tay, nhẹ bàn tay,
mùi hương hàng xóm bay đầy mái đông.
Nghiêng nghiêng mái tóc hương nồng,
thời gian lặng rớt một dòng buồn tênh.
(Tiếng thu)

GIANG HỒ

Mời anh cạn hết chén này
Trắng vàng ở cuối non tây ngậm buồn
Tiếng gà đã rộn trong thôn
Nửa đời phiêu lãng chỉ còn đêm nay
Để lòng với rượu cùng say
Chừ đây lời nói chua cay lạ thường

Chừ đây đêm hầy đầy sương
Con thuyền còn buộc, trăng buông lạnh lòng
Chừ đây trăng nước nảo nùng
Chừ đây hoa cỏ bên sông rĩ buồn
Tiếng gà lại rộn trong thôn
Khoan đừng tơ tưởng vợ con chuyện nhà
Giờ này còn của đôi ta
Giang hồ rượu ấy còn pha lệ người
Ồ sao rượu chẳng kể môi
Lời đâu kiêu diễm cho nguôi lòng chàng

*

Tay em nâng chén hoàng hoa
Sá gì hớp rượu vì ta bận lòng
Hãy gượng lắng nghe dòng sông chảy
Gió đưa trăng trên bãi lạnh lòng
Sá gì hớp rượu, bận lòng
Đợi gì môi nhấp rượu nồng mới say
Hãy nhích lại đưa tay ta nắm
Hãy buông ra đắm thắm nhìn nhau
Rồi trong những phút giây lâu
Mắt sầu gợn sóng, lòng đau gợn tình
Phút giây ấy, ta mình ngây ngất
Bỗng con thuyền buộc chặt, rời cây
Cho ta khát chén rượu này
Vì ta em hãy lựa dây đoạn trường

Khoan để đốt chút hương trầm đã
Đợi trầm bay rộn rã lời ca
Nghe xong ta ngắm trời xa
Dòng sông ngân đã nhạt mờ từ lâu
Tiếng gà đã gáy mau trong xóm
Bình minh đã rạng khóm tre còn
Trông nàng môi nhạt màu son
Giật mình ta nhớ vợ con ở nhà
Từ đây chẳng bao giờ phiêu lãng
Niềm thê nhi ngày tháng quen dần
Đôi phen nhớ cảnh phong trần
Bóng nàng ẩn hiện xa gần đâu đây
Tưởng nghe tiếng gọi nơi hồ hải
Mắt lệ mờ ta mãi trông theo
Trong buồng bỗng tiếng con reo
Vội vàng khép cửa gió heo lạnh lòng

*

Đêm ấy rượu nàng ta không uống
Từ sau thề không uống rượu ai
Đôi phen ngồi ngóng trên trời
Chẳng bao giờ nghĩ đến đời phiêu lưu
Ngoan ngoãn như con cừu non dại
Cỏ quanh vườn cần mãi còn ngon
Sau lưng nghe tiếng cười dòn
Vội vàng ngoảnh lại...thằng con vẫn cười

Nó đưa ta một chai rượu bé
Bảo rằng: "đây rượu mẹ dâng cha"
Giật mình ta mới nhớ ra
Là ngày sinh nhật vợ ta đó mà
Ta uống chẳng hóa ra lỗi hẹn
Mà từ nan đâu vẹn đạo chồng
Than ôi, trời giá đêm đông
Máu du tử thực trong lòng hết sôi
Chén lại chén kẻ môi thủ thi
Càng vui càng túy lúy càng đầy!
Lúc tỉnh rượu lặng ngồi bên án
Trông vào gương, lẫn chán có vui
Vợ con khúc khích đứng cười
Còn ta vô ý lệ rơi xuống bàn
Hết say vẫn bàng hoàng trong mộng
Xót xa thay cái giống giang hồ
Ngón đàn thêm một đường tơ
Mà người sương gió nghìn thu nhọc nhằn

*

Thôi rồi ra chốn nước non
Lòng son lại để sổ con chim trời
Thú hồ bể cuốn mời du tử
Niềm thê nhi khôn giữ được người
Biết sao trái được tính trời
Giang hồ cốt ấy trọn đời phiêu linh...

(Tiếng thu)

Nguyễn Nhược Pháp

Con nhà văn hào Nguyễn Văn Vĩnh. Sinh ngày 12-12-1914 ở Hà Nội, mất ngày 19-11-1938. Học ở Hà Nội. Có bằng tú tài Tây.

Làm thơ từ năm 1932. Ngoài thơ có viết nhiều truyện ngắn và kịch.

Có viết giúp: Annam nouveau, Hanoi báo, Tinh hoa, Đông Dương tạp chí.

Đã xuất bản: Ngày xưa (1935).

Thơ in ra rất ít mà được người ta mến rất nhiều, tưởng không ai bằng Nguyễn Nhược Pháp.

Không mến sao được? Với đôi ba nét đơn sơ, Nguyễn Nhược Pháp đã làm sống lại cả một thời xưa. Không phải cái thời tráng lệ hay mơ màng của Huy Thông, mà là một thời xưa gồm những màu sắc tươi vui, những hình dáng ngộ nghĩnh. Thời xưa ở đây đã mất hết cái vẻ rầu rĩ cổ hủ và đã biết cười, cái cười của những "thắt lưng dài đỗ hoe", những đôi "dép cong" nho nhỏ. Những cảnh ấy vốn có thực. Nhưng dầu sự thực không có thì nhà thơ sẽ tạo ra, khó gì Mặc cho những nhà khảo cổ cặm cụi tìm nguyên do câu chuyện hai vị thần giành nhau một nàng công chúa, thi nhân cứ cho là có thực và người thấy khi Thuỷ Tinh đã bắt quyết gọi mưa để khoe tài, thì Sơn Tinh chẳng chịu thua, liền:

Vung tay niệm thần chú. Núi từng dải,

Nhà lớn, đôi con lồm cồm bò

Chạy mưa.

Sáng hôm sau, Thuỷ Tinh cưỡi rồng vàng đến xin cưới:

Theo sau cua đỏ và tôm cá,

Chia độ năm mươi hòm ngọc trai,

Khập khểnh bò lê trên đất lạ;

Trước thành tấp tễnh đi hai hàng.

Nhưng chậm mất rồi. Sơn Tinh đã đến trước. Tức quá Thủy Tinh liền ra lệnh cho bọn đồ đệ dương oai:

Cá voi ngoác mồm to muốn đớp;

Cá mập vẫy đuôi cuồng nhe răng;

Càng cua lồm chồm giờ như mác;

Tôm kình chạy quắp đuôi xôn xao.

Ai xem những cảnh ấy mà không buồn cười. Thi nhân cũng chỉ muốn thế: kiếm chuyện cười chơi.

Cũng có khi người cười những nhân vật chính người đã tạo ra, như cái cô bé đi chùa Hương trong thiên ký sự chép những câu thật thà:

Em đi, chàng theo sau.

Em không dám đi mau,

Ngại chàng chê hấp tấp,

Số gian nan không giàu.

Có khi chẳng biết người muốn cười ai. Sau khi tả cái đẹp của My Nương, người thêm một câu:

Mê nàng bao nhiêu người làm thơ,

Người vờ ngớ ngẩn để kiếm cớ giễu mình chơi, hay người muốn giễu những kẻ đứng trước gái đẹp bỗng thấy hồn thơ lai láng?

Lại có khi không giễu mình không giễu người, thi nhân cũng cười: cười vì cảnh ngộ. Như khi Sơn Tinh và Thủy Tinh cùng đến hỏi My Nương, Hùng Vương sung sướng nhìn con.

Nhưng có một nàng mà hai rể,

Vua cho rằng thế cũng hơi nhiều.

Đọc thơ Nguyễn Nhược Pháp, lúc nào hình như cũng thoáng thấy bóng người đương khúc khích cười. Nhưng cái cười của Nguyễn Nhược Pháp khác xa những lối bông lơn khó chịu của các ông tú, từ

Tú Xuất, Tú Xương, đến Tú Mỡ. Nó hiền lành và thanh tao. Nội chừng ấy có lẽ cũng đủ cho nó một địa vị trên thi đàn. Nhưng còn có điều này nữa mới thật đáng quý: với Nguyễn Nhược Pháp nụ cười trên miệng bao giờ cũng kèm theo một ít cảm động trong lòng. Những cảnh, những người đã khiến thi nhân cười cũng là những cảnh, những người thi nhân mến. Người mến cô bé đi chùa Hương và cùng cô bé san sẻ mọi nỗi ước mơ, sung sướng, buồn rầu. Người mến nàng My Nương. Lúc My Nương từ biệt cha đi theo chồng, người thấy:

Lầu son nàng ngoái trông lần nữa,

Mi xanh lệ ngọc mờ hơi sương.

rồi:

Nhìn quanh khói tỏa buồn man mác,

Nàng kêu: "Phụ vương ôi! Phong Châu!"

Một điều lạ là những câu tình tứ như thế ghép vào bên cạnh những câu buồn cười mà không chút bờ ngỡ. Cái duyên của Nguyễn Nhược Pháp là ở đó. Chắc Nguyễn Nhược Pháp không chịu ảnh hưởng của A.France, nhưng xem Ngày xưa tôi cứ nhớ đến cái duyên của tác giả "Le livre de mon ami". Phải chăng Nguyễn Nhược Pháp cũng hay giễu đời và thương người như A.France? Không? nói giễu đời e không đúng. Nguyễn Nhược Pháp chỉ muốn tìm những cảnh, những tình có thể mua vui. Dầu sao tôi thấy Nguyễn Nhược Pháp già lắm, khác hẳn người bạn chí thân của người là Huy Thông. Người nhìn đời như một ông già nhìn đàn trẻ con rất ngộ nghĩnh và cũng rất dễ yêu, mặc dầu người vẫn còn trẻ lắm. Người mất năm hai mươi bốn tuổi, lòng trong trắng như hồi còn thơ.

Octobre-1941

TAY NGÀ

Đêm nay chờ giăng mợc

Ngồi thần thơ trong vườn

Quanh lá hoa róc rách
Như đua bắt làn hương
Ta ngồi bên tảng đá
Mơ lều chiếu ngày xưa
Mơ quan Nghè, quan Thám
Đi có cò lọng đưa
Rồi bao nàng yếu điệu
Ngấp nghé bay trên lầu
Vừa leng keng tiếng ngựa
Lệ gót tiên gieo cầu
Tay vợ cầu ngũ sắc
Má quan Nghè hây hây
Quân hầu reo chuyển đất
Tung cán lọng vừa quay
Trên lầu mấy thị nữ
Cùng nhau rúc rích cười:
"Thưa cô đừng thẹn nữa
Quan Nghè trông lên rồi"
Cúi đầu nàng tha thướt
Yêu kiều như mây qua
Mắt xanh nhìn man mát
Mỉm cười về cảnh hoa
Ta còn đang luyến mộng
Yêu bóng người vẫn vợ
Tay ngà ai phủ trán?

- Hiu hắt ánh trăng mờ

2-5-1934 (Ngày xưa)

CHÙA HƯƠNG

(Thiên ký sự của một cô bé ngày xưa)

Hôm nay đi chùa Hương.

Hoa cỏ mờ hơi sương

Cùng thầy me em dậy.

Em vẫn đầu soi gương.

Khăn nhỏ, đuôi gà cao;

Lưng đeo dải yếm đào;

Quần lĩnh, áo the mới ;

Tay cầm nón quai thao.

Mẹ cười: "Thầy nó trông!

Chạy đi đôi dép cong

Con tôi xinh xinh quá!

Bao giờ cô lấy chồng?"

- Em tuy mới mười lăm

Mà đã lắm người thăm

Nhờ mối mai đưa tiếng,

Khen tươi như trăng rằm.

Nhưng em chưa lấy ai,

Vì thầy bảo người mai

Rằng em còn bé lắm,

Ý đợi người tài trai

Em đi cùng với mẹ
Me em ngồi cáng trẹ
Thầy theo sau cưỡi ngựa,
Thắt lưng dài đỏ hoẹ
Thầy me ra đi dò,
Thuyền mấp mênh bên bờ.
Em nhìn sông nước chảy,
Đưa cánh buồm lô nhô.
Mơ xa lại nghĩ gần.
Đời mấy kẻ tri âm?
Thuyền nan vừa lẹ bước,
Em thấy một văn nhân...
Người đâu thanh lạ thường!
Tướng mạo trông phi thường.
Lưng cao dài, trán rộng.
Hỏi ai nhìn không thương?
Chàng ngồi bên me em
Me hỏi chuyện làm quen:
"Thưa thầy đi chùa ạ?
Thuyền đông giòi ôi chen!"
Chàng thưa vâng thuyền đông
Rồi ngắm giòi mênh mông,
Xa xa mờ núi biếc,
Phơn phớt áng mây hồng.
Giòng sông nước đục lờ.

Ngâm nga chàng đọc thơ!
Thầy khen hay, hay quá!
Em nghe ngời ngẩn ngơ.
Thuyền đi, bến Đục qua,
Mỗi lúc gặp người ra,
Thẹn thùng em không nói:
"Nam vô A di-đà!"
Réo rắt suối đưa quanh.
Ven bờ, ngọn núi xanh,
Nhịp cầu xa nho nhỏ.
Cảnh đẹp gần như tranh.
Sau núi Oản, Gà, Xôi,
Bao nhiêu là khỉ ngời
Tới núi con voi phục,
Có đủ cả đầu đuôi
Chùa lấp sau rừng cây,
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày
Em đi, chàng theo sau,
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,
Số gian nan không giàu
Thầy me đến điện thờ,
Trầm hương khói tỏa mờ

Hương như là sao lạc
Lớp sóng người lô nhô.
Chen vào thật lắm công.
Thầy me em lễ xong
Quay về nhà ngang bảo:
"Mai mới vào chùa trong"
Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
"Mai ta vào chùa trong"
Đêm hôm ấy em mừng!
Mùi trầm hương bay lừng.
Em nằm nghe tiếng mõ,
Rồi chim kêu trong rừng.
Em mơ, em yêu đời
Mơ nhiều... Viết thể thôi
Kẻo ai mà xem thấy,
Nhìn em đến nực cười
Em chưa tỉnh giấc nồng,
Mây núi đã pha hồng.
Thầy me em sắp sửa
Vàng hương vào chùa trong.
Đường mây đá cheo veo,
Hoa đỏ, tím, vàng leo
Vì thương me quá mệt,

Săn sóc chàng đi theo
Mẹ bảo:"Đường còn lâu
Cứ vừa đi ta cầu
Quan- thế- âm Bồ-tát
Là tha hồ đi mau"
Em ư? Em không cầu,
Đường vẫn thấy đi mau
Chàng cũng cho như thế.
(Ra ta hợp tâm đầu)
Khi qua chùa Giải Oan
Trông thấy bức tường ngang,
Chàng đưa tay lẹ bút
Thảo bài thơ liên hoàn.
Tám tắc thầy khen hay
Chữ đẹp như rồng bay
(Bài thơ này em nhớ
Nên chẻ chép vào đây)
Ôi! Chùa trong đây rồi!
Động thăm bóng xanh ngời
Gấm thêu trần thạch nhũ,
Ngọc nhuộm hương trầm rọi
Mẹ vui mừng hả hê:
"Tặc! con đường mà ghê!"
Thầy kêu mau lên nhé,
Chiều hôm nay ta về.

Em nghe bỗng rụng rời!
Nhìn ai luống ngẹn lời!
Giờ vui đời có vậy,
Thoáng ngày vui qua rồi!
Làn gió thổi hây hây
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thở!
Chàng ôi, chàng có hay?
Đường đây kia lên giờ
Ta bước tựa vai cười,
Yêu nhau, yêu nhau mãi!
Đi, ta đi, chàng ôi!
Ngun ngút khói hương vàng,
Say trong giấc mơ màng,
Em cầu xin Giới Phật
Sao cho em lấy chàng.

(Thiên ký sự đến đây là hết. Tôi tin hai người lấy nhau, vì không lấy nhau thì cô bé còn viết nhiều. Lấy nhau rồi là hết chuyện).

(Ngày xưa)

Chúng tôi còn muốn trích hai bài nữa : "Sơn Tinh, Thủy Tinh" và "Một Buổi Chiều Xuân" nhưng không thể được vì phải chịu theo lời yêu cầu của Ô.Nguyễn Giang. Các bạn chịu khó tìm xem quyển "Ngày xưa"

Phan Văn Dật

Sinh ngày 17-8-1909 ở làng Phú Xuân, huyện Hương Trà (Thừa Thiên). Chánh quán: làng Đạo Dầu, phủ Triệu Phong (Quảng Trị). Học trường Quốc học Huế đến đậu thành chung. Hiện làm thư ký ngạch trước bạ Huế.

Viết văn từ 1924, đến 1927 có đăng Nam Phong, Thần Kinh, Rạng Đông, (ký Tiêu Lang và Thường Nga Phố).

Đã xuất bản: Băng Khuâng (1935).

Hồi tháng 12-1935 tôi có viết trên báo Tràng An một bài về quyền Băng Khuâng. Nay xem lại thơ Phan Văn Dật cảm tưởng vẫn không khác xưa. Vậy xin trích mấy đoạn chính trong bài thơ ấy.

Trong làng thơ, Phan Văn Dật thuộc về phái thanh niên. Nhưng có lẽ thanh niên vì tuổi hơn vì thơ. Giữa lúc ấy một luồng không khí mới thúc giục người ta thoát ly gia đình, Phan Văn Dật đã dám ca tụng cái tình cha con, anh em; sách của người, người đề tặng song thân, tưởng ngày nay cũng là một điều ít có.

Những điều người mơ ước cũng giống hết những điều mơ ước của các cụ ta ngày xưa: một cuộc đời bình dị nơi thôn dã. Tôi thấy ở người cái lòng chán nản, hơn nữa cái lòng căm giận những nơi đô hội. Mỗi hận dài trong thơ Phan Văn Dật sẽ chẳng là cái hận của Dương Quý Phi bị hy sinh vì lẽ nước, nó là cái hận một người đàn bà bị sức quyến rũ của thành thị cướp mất chồng con. Nguyễn Nhược Pháp với tập "Ngày xưa" đã nhìn vào cảnh vật xưa bằng con mắt một người thời nay, Phan Văn Dật với tập "Băng khuâng" đã nhìn cảnh vật ngày nay sau bức màn một tâm hồn xưa.

Giữa cuộc đời náo động, người ngoảnh mặt làm ngơ và tự tạo cho mình một thế giới riêng, một thế giới lặng lẽ đầy mơ mộng. Cuộc đời như thế ắt sẽ bằng phẳng vô sự. Nhưng chỉ vô sự đối với những con mắt không tinh. Thực ra trong lòng thi nhân không phải là vô sự: thi

nhân không thiết chuyện hằng ngày nhưng vẫn luôn luôn sống với một cuộc đời đã qua rất phong phú:

Tôi không hay hưởng cùng cái hiện tại.

Hững hờ, tôi thường để nó đi qua.

Chuyện ngày nay sau tôi sẽ xót xa,

Tôi chỉ tiếc những giờ không trở lại.

"Những giờ không trở lại" đó, Phan Văn Dật nhắc đến một cách âu yếm. Nào những mối tình xưa, xa hơn nữa, những cảm hoài thời thơ ấu, những khi nô đùa với những trẻ con hàng xóm, những khi anh em dắt tay nhau vợ vẫn trong vườn:

Vào buổi bình minh, năm ấy xưa,

Trong vườn đào lý, phủ sương mờ,

Dắt tay hai trẻ tìm hoa rụng,

Mơ chuyện thần tiên, nghĩ vẫn vợ.

Những cảnh ấy đã qua trong đời mình có khi thi nhân để lẫn với những cảnh đã qua mấy mươi năm đời trước. Nhân biệt một người bạn, Phan Văn Dật đã thay lời người đàn bà xưa tiễn chồng đi lính viết lên những câu nhịp nhàng và cảm động. Nỗi buồn riêng ấy của thi nhân còn khiến người nghĩ liên miên đến những nỗi đau đớn của người xương phụ cùng cái ngao ngán vì mọi cuộc tang thương. ¹

Nói cho đúng, thi nhân chẳng phải hoàn toàn sống trong cảnh xưa cảnh mộng và cái thế giới chung quanh tuyệt không có trong con mắt thi nhân. Người cũng biết say vì cảnh đẹp thoáng qua trước mắt. Có lúc bỗng sực nhớ mình là một trai trẻ đương tuổi yêu, nghệ sĩ nắn mấy vần thơ:

Ca ngợi tình yêu, vẽ đẹp em,

Lời thơ réo rắt tôi sẵn tìm.

Cậy người mang tặng cho em đọc,

Em để vào ngăn em chẳng xem.

Thì xưa nay vẫn thế!

Thơ Phan Văn Dật không rục rờ không réo rắt, không hùng tráng, không làm ta bồi hồi ngây ngất, nhưng vẫn khiến ta ưa đọc: nó là những vần thơ dễ thương. Ta không cảm phục mà ta lưu luyến, cũng như ta lưu luyến đất Kinh đô là nơi quê hương của thi nhân. Người yêu vẫn sẽ xem thi nhân như bạn nếu không thể xem như thầy.

Chính Phan Văn Dật cũng không muốn làm thầy ai. Người vốn biết:

Sự hoàn toàn tìm kiếm chỉ thêm hoài.

Ngọc lành là chuyện nói mà chơi,

Chớ kể ngọc nào không có vết!

Décembre -1935

TIỀN ĐƯA

(Lời một người đàn bà xưa đưa chồng đi lính)

Ngày mai chàng lên đường,

Thân gió bụi tuyết sương,

Tối nay còn với thiếp

Xin cạm chén quỳnh tương.

Chàng mặc áo nhung này,

Thiếp vì chàng mới may,

Thiếp dù xa chân ngựa,

Tơ lòng theo chàng bay. [2](#)

Đừng nghĩ đến ngày mai!

Hôm nay biết hôm nay,

Thiếp đây mà chàng đó,

Chừng ấy là đủ rồi.

Ngày mai chàng ruỗi xa,
Mặc kẻ nước mắt sa,
Yên ngựa rong đường thẳng.
Thức dậy lúc canh gà.
Ngày mai khi chàng về,
Thiếp dù chống gậy lê,
Xin vì chàng dâng rượu,
Tình xưa, cạn chén thề. ³
Rồi bên chàng có thiếp,
Giấc hoà cùng thêm thiếp.
Yêu nhau đến trăm năm
Phong trần cho bỏ kiếp.

19.10.1927 (Bâng Khuân)

BI. XUÂN NƯƠNG

(Một người khách qua chơi xóm bình khang gặp kẻ cố nhân là Bi Xuân Nương, nhân hỏi vì sao đến đây. Bi Xuân Nương rơi lụy mà tặng cho khách bài này)

Em là gái giang hồ,
Hầu hạ người khách du;
Vì tiền khách bán thịt
Mặc lòng khách giày vò.
Khách bảo gì em vâng,
Dám thương chút bụi trần,
Hôm nay em của khách,
Quì gối, tùy lượng xuân,

Em đã bán mình rồi,
Nhị đào người chán chơi.
Mình bằng từ bùn nhuộm
Hoa trôi mặc sóng dồi.
Khách nhắc gì chuyện cũ?
Nẫu ruột đứa xương phụ!
Hãy bằng lòng mình em,
Hồn em tha cho nó!
Gặp nhau đừng nhớ nhau,
Em đau mà khách đau.
Đừng trêu nhau nợ cũ,
Dòng châu thả dòng châu.
Muốn hỏi xin đừng hỏi
Biết ra chi thêm tủi.
Cố nhân gì em đây?
Đồ chơi cho trăm mối
Thương nhau còn một quên!
Quên là thương nhau bền.
Khách không hay em đã...
Em còn được khách tin.
Gạt lệ thôi làm lỡ,
Khách vui mà em nhờ,
Mấy lời muôn thu giận
Ruột tằm chưa hết tơ.

29-10-1927

NGƯỜI CON GÁI HỌ DƯƠNG

Năm xưa ta lại chốn này,

Hồ thu nước mới chau mày với thu.

Nàng Dương mười bốn hái dâu,

Hoa non đâu đã biết sầu vì thu.

Năm sau ta đến chốn này,

Nàng Dương tóc đã đến ngày cài trâm.

Chiều xuân hoen hoén trắng rằm,

Con ong lén gửi thơ thắm ngoài hiên.

Qua năm ta lại chốn này,

Ngựa xe chen bước dấu dầy in sân.

Phòng khuê cửa đóng mấy tầng,

Chim xanh mỗi cánh mấy lần về không.

Rồi năm ta lại chốn này,

Nàng Dương mở cửa suốt ngày đợi tin.

Thềm ba khách vắng rêu in,

Cành hoa năm ngoái ai vin năm này?

Năm nay ta lại chốn này,

Lầu không chim vắng, chim bay đẳng nào?

Hỏi người có biết tấm hao,

Láng giềng rằng có cô nào đâu đây!

29-10-1927 (Bâng khuân)

[1](#) Xem ba bài trích theo đây

[2](#) Thi sĩ mới sửa lại trong tập Bâng khuâng: "Khởi tình theo chàng

bay"

3 Trong tập Băng khuâng: "Tiếp theo chén hôm ni"

Đông Hồ

Chính tên là Lâm Tấn Phác. Sinh ngày 16 tháng 2 năm Bính Ngọ (10-3-1906) ở làng Mỹ Đức (Hà Tiên). Thôi học nhà trường năm 16 tuổi. Chịu ảnh hưởng tạp chí Nam Phong.

Lập trí đức học xá. Chủ trương báo Sống (1935).

Đã viết giúp: Nam Phong, Trung bắc tân văn, Đông Pháp thời báo, Kỳ lân báo...

Đã xuất bản: Thơ Đông Hồ (1932), Cô gái xuân (1935).

Hoàn cầu dễ ít có thứ tiếng được âu yếm, nâng niu như tiếng Nam. Âu cũng vì tiếng Nam đương ở trong cảnh khốn cùng, đương bị nhiều người rẻ rúng. Thói thường con nhà nghèo vẫn thương yêu cha mẹ hơn con nhà sang trọng.

Nhưng yêu quốc văn mà đến như Đông Hồ kể cũng ít. Thắt học từ năm mười lăm, mười sáu; từ đó người chỉ học quốc văn, viết quốc văn, rồi mở trường chuyên dạy quốc văn. Cả những lúc người đi cơm bầu nước cùng học trò đi chơi các vùng thắng cảnh đất Phương thành, các đảo dữ miền duyên hải, tôi tưởng cũng chỉ vì quốc văn: người đi tìm cảm hứng vậy.

Khốn nỗi, người ra đời vào lúc văn học nước nhà đương hồi tàn tạ. Vốn tính hiền lành, không đủ táo bạo để gây nên giữa làng văn một cuộc biến động cần phải có, lúc đầu người chỉ cam tâm hiến mình cho những lối xưa ràng buộc, và người cũng không hề lấy thế làm bút rút khó chịu, chưa bao giờ người có ý muốn thoát ly.

Mặc dầu sự tình cờ đã đôi lần đưa người ra ngoài khuôn sáo. Trong tập Thơ Đông Hồ, giữa bao nhiêu câu trơn tru mà tầm thường, bỗng dưng đột nhiên ta gặp đôi lời dường như trong ấy ẩn náu một linh hồn. Như những lời thuật hoài sau khi nàng Linh Phượng đã thành người thiên cổ:

Mối sầu khôn dãi cùng trời đất;

Chén rượu dành khuây với nước non.

Cùng những lời nhớ bạn, hoặc thật thà:

Khi biệt dễ dàng khi gặp khó;

Chốn vui ai nhớ chốn sầu chi.

hoặc kín đáo

Cái oanh đâu bỗng ngoài hiên gọi:

Đã hai lần rồi xuân vắng mai (1)

Với nỗi thắc mắc ấy, với nỗi buồn man mác ấy, Đông Hồ đã đi xa trường thơ Nam Phong nhiều lắm.

Nhưng trong tập Thơ Đông Hồ, lạ nhất là bài "Tuổi xuân", người ta có thể tưởng nó đã ở đâu lạc tới. Đến khi tác giả đưa in lại vào tập *Cô gái xuân*, ta mới thấy nó tìm được hoàn cảnh tự nhiên của nó. Bởi vì trong bài "Tuổi xuân" có cái bông bột, cái trịnh trọng trước tình yêu mà cả thế hệ trước đây không từng quen biết: họ quen xem người đàn bà như một thứ đồ chơi.

Đông Hồ vẫn là người của thế hệ bây giờ vậy. Cho nên phong trào thơ mới vừa nổi lên là người nhận ngay được con đường của mình. Với phong trào thơ mới tưởng không có sự đặc thắng nào vẻ vang hơn.

Từ nay, Đông Hồ sẽ chỉ ca tình yêu và tuổi trẻ. Ngòi bút của thi nhân riêng âu yếm những nỗi lòng của thiếu nữ, khi bình yên lặng lẽ, khi phới phới yêu đương. "*Cô gái xuân*" của Đông Hồ tỏ thể những lời đến dễ thương, những lời tuồng như là lời mà vẫn trong sạch. Ta thấy trong lời nàng cả cái êm dịu cái mơn trớn vuốt ve của tình ái. Nghe nàng nói lòng nào không xiêu? Nhất là khi nàng kể cảnh ái ân trên bãi biển ta khó có thể không cùng nàng mơ tưởng đến những cảnh ấy. Đông Hồ là người thứ nhất đã đưa vào thi ca Việt nam cái vị bát ngát của tình yêu dưới ánh trăng thanh tiếng sóng.

Ai cũng thấy thơ Đông Hồ và *Cô gái xuân* khác nhau xa. Tuy vậy, nếu trong Thơ Đông Hồ ta thấy khơi nguồn thơ *Cô gái xuân* thì trong *Cô gái xuân* vẫn còn lại lóng cái buồn những vần thơ cũ.

Août-1941

CÔ GÁI XUÂN

Trong xóm làng trên, cô gái thơ,
Tuổi xuân mơn mớn vẽ đào tơ
Gió đông mơn trớn bông hoa nở,
Lòng gái xuân kia vẫn hững hờ.
Lững thững lên trường buổi sớm chiều,
Tập tành nghiên bút, học may khâu
Quần đen, áo trắng, khăn hồng nhẹ,
Ngọn xoã ngang vai, tóc bỏ đều
Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang,
Cô em dừng bước nghỉ bên đường,
Cởi khăn phủi giọt mồ hôi trán,
Gió mát lòng cô cũng nhẹ nhàng.
Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,
Lòng cô phát phới biết bao tình.
Vội vàng để vở bên bờ cỏ,
Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh.
Áo trắng khăn hồng gió phát phơ,
Nhẹ nhàng vui vẽ nét ngây thơ
Trông cô hớn hờ như đàn bướm,
Thong thả trời xuân mặc nhởn nhơ.
Đàn bướm bay cao, cô trở về,
Sửa khăn, cấp sách lại ra đi,

Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,
Vì bướm ngày xuân chẳng thiếu chi!
Cũng xóm làng trên cô gái thơ,
Tuổi xuân hơn hớn vẻ đào tơ.
Gió đông mơn trớn bông hoa nở,
Lòng gái xuân kia náo nức chờ.
Tưng bừng hoa nở, bóng ngày xuân,
Rực rỡ lòng cô, hoa ái ân.
Như đợi, như chờ, như nhớ tưởng,
Đợi, chờ, tưởng, nhớ bóng tình quân.
Tình quân cô; ấy sự thương yêu,
Đằm thắm, xinh tươi, lắm mỹ miều
Khao khát, đợi chờ, cô chưa gặp,
Lòng cô cảm thấy cảnh đều hiu.

*

Một hôm, chợt thấy bóng tình quân,
Gió lộng mây đưa thoáng đến gần.
Dang cánh tay tình, cô đón bắt,
Vô tình mây gió cuốn xa dần.
Gót ngọc phẳng phẳng cô đuổi theo:
“Tình quân anh hỡi! Hỡi người yêu!
“Gió mây xin để tình quân lại;
“Chậm chậm cho em nói ít điều...”
Han ôi! Mây gió vẫn vô tình,
Cuồn cuộn bay trên ngọn núi xanh.

Nhìn ngòi núi xanh, mây khói toả,
Mắt cô, đôi giọt lệ long lanh.
Lá rợp cành xoài bóng ngả ngang,
Cô em dừng bước nghỉ bên đường.
Cởi khăn phủ gió mờ hôi trán,
Gió mát, lòng cô những cảm thương.
Lủi thủi bên đường, cô ngẩn ngơ
Chốn này, đuổi bắt bướm ngày xưa,
Cô buồn, cô tiếc, cô ngui ngậm,
Cô nhớ ngày xuân, nhớ tuổi thơ:
“Đàn bướm bay qua bãi cỏ xanh,
“Lòng cô phát phới biết bao tình.
“Vội vàng để vỡ bên bờ cỏ,
“Thoăn thoắt theo liền đàn bướm xinh...
“Đàn bướm bay cao, cô trở về,
“Sửa khăn cấp sách lại ra đi
“Thản nhiên, cô chẳng lòng thương tiếc,
“Vì bướm ngày uân chẳng thiếu chi!....”
Ái tình nào phải bướm ngày xuân,
Tình ái ngày xuân chỉ một lần.
Một thoáng bay qua không trở lại,
Gái xuân rỏ lệ khóc tình quân!
MUA ÁO
“Chiếc áo năm xưa đã cũ rồi,
Em đâu còn áo mặc đi chơi

Bán thơ, nhân dịp anh ra chợ,
Đành gửi anh mua chiếc mới thôi!
– Hàng bông mai biếc màu em thích,
Màu với hàng, em đã dặn rồi
Còn thước tắc, quên! Em chữa bảo:
Kích từng bao rộng, vạt bao dài?
– Ô hay! Nghe hỏi mà yêu nhỉ!
Thước tắc anh còn lựa hỏi ai.
Rộng hẹp, tay anh bỗng ẵm đó,
Ngắn dài, người mới tựa bên vai!”

TUỔI XUÂN [1](#)

Kể từ khi quen nhau
Vừa mười ba tuổi đầu
Tuổi xuân, tuổi vui sướng
Nào có biết chi sầu
Quen nhau thì yêu nhau
Yêu nhau quấn quít nhau
Quây quần trong một tổ
Như đôi chim bồ câu
Ngày tháng chỉ mong cầu
Bên nhau được dài lâu
Sum vầy lòng những ước
Ly biệt có ngờ đâu
Muốn thế, vẫn được thế

Ai khéo chiều nhau tẽ
Bao những cuộc vui cười
Cùng nhau cùng chia sẻ
– Anh ơi, em muốn học
Anh hãy dạy em đọc
Dạy em không? Hờ anh?
Không dạy em, em khóc
– Em đừng làm nũng chứ!
Hãy nói anh nghe thử
Em muốn học chữ gì?
– Em muốn học Quốc ngữ!
Quốc ngữ chữ Việt Nam
Này thơ em, anh xem
– Anh nghe, em cứ đọc!
– Thơ rằng: “Anh yêu em!...”
“Em muốn dạy anh theo
– Yêu em, anh phải chiều,
– Chỉ kim, anh thử lựa,
Nghe lời em, em yêu
Này! Anh thêu khéo chán,
Ngàn mây đôi chiếc nhận
Chấp cánh tung trời bay,
Trăm năm cùng kết bạn
– Tươi thắm bức lụa là,
Đôi chim nhận không già

Đời mình âu cũng thế
Ngày xuân ở với ta...
– Này anh, buổi thư nhàn
Em dạy anh học đàn
– Học đàn khó! – Đâu khó!
Chỉ đôi tiếng nhật khoan!...
Khoan nhật đôi đường tơ
Lay động đôi lòng thơ
Gảy nên khúc tình ái
Khúc đứt, lòng ngẩn ngơ...
Buông bắt bên tơ trúc,
Nhìn em, năm ngón ngọc,
Năm búp măng nõn nà,
Mãi nhìn đàn chữa thuộc...
“Anh ơi! Em muốn chơi,
Non nước chốn này vui...”
Âu yếm, cầm tay dắt
Cùng nhau hưởng cảnh trời
Ngày lặng, màu hoa cỏ,
Đêm thanh, thú trắng gió
Cảnh trời với lòng người
Biết bao lần gặp gỡ.
“Anh! Em muốn chơi thuyền
Một ngày ta làm tiên...”
Buông buồm theo ngọn gió,

Sóng nước những triền miên
Trời biển cảnh lòng lộng,
Đôi tấm lòng rung động.
Kề vai sẽ tựa nhau,
Chập chờn trong giấc mộng.
Bên rừng chiếc lá rơi,
Mặt nước, cánh hoa trôi
Chòm mây bay tản mác,
Đôi nhận rẽ phương trời
Trông cảnh, em ngậm ngùi
Nhìn anh, em thở dài,
Cảm nghĩ chuyện đời đời
Giọt lệ bắt đầu rơi!...
Biết đời từ hôm ấy
Tuổi lớn, ngày dần thấy:
Chuyện buồn đưa đến thường,
Ngày vui không có mấy
Đôi lứa cũng xa nhau
Tuổi xuân còn mãi đâu
Biệt ly nay mới biết,
Chi xiết nỗi thương đau
Giọt lệ một lần ứa,
Biết bao lần chan chứa;
Một lần khi bắt đầu,
Biết bao lần sau nữa!

Chốc, mười mấy năm trời,
Trăm nghìn cảnh đổi dời,
Nói đến chuyện gặp gỡ
Sóng ngược lại bèo xuôi!
Cuộc đời những lăn lóc.
Tiếng cười đổi tiếng khóc
Nào đâu bạn trẻ thơ
Cùng ta kẻ mái tóc?
Buồn nhớ cảnh năm xưa
Lòng riêng những thẫn thờ
Tóc xanh hồ đã bạc,
Luống tiếc tuổi ngây thơ!
(Cô gái xuân)

[1](#)Bài này nguyên ở trong Thơ Đông Hồ, sau lại đưa vào Cô gái xuân. Thi nhân có thêm ít nhiều. Tiếc sao người lại không bỏ đôi đóm đánh quá

BỐN CÁI HÔN

“... Em nhớ: một sáng ngày mùa đông,
Gió bắc ào ào tiếng hải hùng
Theo khe cửa sổ, gió thổi rít
Chỉ nghe tiếng gió mà lạnh lòng!
Em cuốn mình trong làn chăn đệm,
Đệm cỏ, chăn bông em chẳng ấm,
Bỗng như có một ánh than hồng.
Chạm vào trán em chạy vào lòng,
Lòng em ấm áp, hơi lạnh tan;
Em nằm sung sướng mà bàng hoàng

Sờ tay lên trán em mới biết:

Hơi ẩm ẩm yếm mẹ em hôn...

... Em nhớ: một buổi chiều mùa thu,

Bấy giờ mẹ em mắt đã lâu

Trông chiếc lá rơi, em ủ rũ.

Hơi may hiu hắt, em buồn rầu

Mắt mẹ, em mắt tình âu yếm,

Lạnh lùng, em thiếu hơi hôn ẩm.

Đứng tựa bên vườn em ngẩn ngơ

Chợt thấy cha em về trước sân,

Áo quần lấm láp vết phong trần,

Chạy ra mừng rỡ đưa tay đón,

Cúi xuống mái đầu, cha em hôn

Từ hôm em được cha em hôn,

Đằm ấm lòng em bớt nỗi buồn.

Nhưng cha em mãi bận xuôi ngược,

Rày đó mai đây việc bán buôn...

... Em nhớ: một buổi trưa mùa hạ,

Buổi trưa nặng nề, trời oi ả.

Tựa cửa lớp học, em rầu rầu,

Nghe tiếng ríu rít đàn chim sâu

Trước sân, bè bạn em nô đùa

Riêng em buồn cảm thân bơ vơ:

Mẹ mất, còn cha, cha ít gặp,

Một năm chỉ hai lần rước đưa!...

Đi qua, gọi em hỏi sự tình.
Cầm tay cô dắt lại bàn học,
Ân cần, thương yêu vuốt mái tóc.
Rồi cô âu yếm hôn tay em,
Lộng qua cửa lớp cơn gió nồm,
Bao năm buồn bực, gió thổi mát,
Cái hôn như ngọn gió êm đêm...
Nay em đang giữa cảnh đêm xuân
Gió trăng tình tứ đêm thanh tân
Trước vùng trời biển cảnh lồng lộng,
Cùng anh trao đổi tình ái ân
Khoác tay anh đi trên bãi cát,
Cát bãi, trong soi màu trắng mát.
Nghiêng đầu lời lả tựa vai anh,
Lặng nghe sóng bãi đưa rào rạt.
Nước mây êm ái bóng trăng sao,
Say sưa em nhìn lên trời cao,
Buông khúc đàn lòng theo nhịp gió.
Giờ phút thần tiên hồn tiêu dao
Một hơi thở mát qua, dịu dàng,
Như cơn gió biển, thoáng bay ngang
Rồi luồng điện ấm chạm trên má:
Ân ái môi anh khẽ nhẹ nhàng.
Nũng nịu, em ngả vào lòng anh,
Ngẩn ngơ ngừng lặng giây cảm tình

Tóc em xoã tung, tay gió lướt,
Bàng hoàng em nhớ chuyện sau trước:
Đời em khoảng hai mươi năm hơn
Được hưởng bốn lần âu yếm hôn
Bốn lần em thấy em sung sướng,
Mưa gió đời em đỡ lạnh buồn.
Nhưng, từ khi em thôi học rồi,
Cùng cô giáo em không gặp gỡ.
Mà rồi từ đó em lớn khôn,
Cha em cũng chẳng hôn em nữa,
Ba lần hôn kia em mất rồi,
Lần này biết có được lâu dài
Nước bèo, em nghĩ đời chia biệt,
Mà lệ sầu em thổn thức rơi!....
(Cô gái xuân)

¹ "Mai" cũng là tên người yêu (xem bài "Nhớ Mai" trong Cô gái xuân)

Mộng Tuyết

Chính tên là Lâm Thái Úc (đáng lẽ là Út, nữ sĩ vẫn nhận tên mình là út). Sinh ngày 9-janvier-1918 ở làng Mỹ Đức (Hà Tiên). Chỉ học trường hết bậc Sơ đẳng, rồi luyện tập quốc văn ở Trí Đức học xã.

Hai bài thơ trích sau đây rút trong tập Phấn hương rừng.

Trong những người do Trí Đức học xã đào luyện ra thì Mộng Tuyết có đặc sắc hơn cả. Nhờ ô. Đông Hồ nói dùm, tôi được xem tập "Phấn hương rừng" của nữ sĩ. Tập thơ bìa thép vàng, giấy tàu tốt, chính nữ sĩ viết và vẽ để làm vui riêng trong khuê phòng. Nét bút hoa mỹ, nét vẽ phóng túng, thỉnh thoảng lại chen vào ít câu chữ Hán cũng của Mộng Tuyết, thực là một cái thú cho người xem.

Còn thơ, hoặc nhẹ nhàng dí dỏm, hoặc hàm xúc lâm ly, hoặc nhớ nhung bát ngát, hoặc xôn xao rạo rực, tổng chi là lời một thiếu nữ, khi tình tự, khi đùa giỡn, khi tạ lòng người yêu. Người xem thơ bỗng thấy lòng run run như khi được đọc thư tình gửi cho một người bạn: người thấy mình đã phạm vào chỗ riêng tây của một tâm hồn, trong tay như đương nắm cả một niềm ân ái.

Nhưng có một điều đáng suy nghĩ: người thiếu nữ trong tập thơ này có làm ta quên những thiếu nữ do trí tưởng thi nhân đàn ông tạo ra không? Nàng, một người đàn bà thiệt, nàng có đàn bà hơn những người đàn bà trong tưởng tượng kia không? Dầu sao, có những lời thơ như câu sau này tả cảnh xuân:

Chốn buồng khuê, xuân đến thăm em.

hay như bài đề tặng bộ Việt Pháp tự điển ¹, những lời tuy bình dị mà có một vẻ yêu kiều riêng tưởng ngòi bút đàn ông khó có thể viết ra được.

Tháng Août -1941

DƯƠNG LIỄU TÂN THANH

Trân trọng mạc giao hành khách thú

Đoản trường tình tự ký, ân cần

LÊ BÍCH NGÔ ²

"Dương liễu mười bài" ³ chép gửi anh.

Ly hoài, ai khéo gọi cho mình.

Bích Ngô âu cũng lòng thôn nữ

Chung với nghìn xưa một mối tình.

"Bên đường, qua lại bao nhiêu khách;

"Riêng bề cảnh xuân đưa tặng nhau.

"Sung sướng Giang Nam chàng phới ngựa,

"Tháng bảy bóng liễu rũ tơ sầu...

"Lả lướt đợi ngày xuân trở lại;

"Ngày xuân trở lại, hỏi bao ngày!

"Năm canh lạnh lẽo kinh sương gió,

"Ngùi ngậm tàn xuân hoa rụng đầy..."

Nét mực vừa khô, lệ ướt đầm.

Lời xưa thêm gọi mối thương tâm

Biệt ly còn bận đời danh sĩ;

Huống chốn buồng the khách chỉ kim.

(Phấn hương rùng.)

VÌ ANH THỌ XƯƠNG

Đề tặng anh Đông Hồ bộ Việt Pháp tự điển

Vì ai, đề tặng sách cho ai;

Rồi lại vì ai, cảm tạ người;

Bởi sợ nhà thơ nghèo đến chữ,
Yêu nhau, đưa tặng mấy muôn lời.
Tiếng nhà, cửa sẵn kho vô tận,
Mặc sức tiêu hoang, mặc sức chơi:
Mua bốn phương trời mây nước đẹp,
Mua nghìn năm cổ cảnh hoa tươi
Hãy còn thừa thãi, tiêu chưa hết,
Mua lấy, trần gian tiếng khóc cười.
Trước hết, đã mua rồi một món:
Thành Phương hương điểm mối tình dài.
(*Phấn hương rừng.*)

[1](#) Trích theo đây

[2](#) Một người bạn chí thân của Phan Thanh Giản

[3](#) Lê Bích Ngô tặng Phan Thanh Giản

Nguyễn Xuân Huy

Sinh ngày 15-7-1915 ở làng Dũng Quyết, huyện ý Yên (Nam Định).
Học ở Nam Định. Hiện dạy học ở Hà Nội.

Đã viết giúp: Đông tây, Phụ nữ thời đàm, Nhật Tân, Tân thiếu niên, Hanoi báo.

Hai bài thơ trích dưới đây rút trong tập Hương Xuân chưa xuất bản.

Cứ mỗi chiều Nguyễn Xuân Huy lại ra ngồi ở một mỏm đá trên bờ sông Vân (Ninh Bình) để sống những giờ thần tiên trong tưởng tượng với một nữ học sinh có gặp qua vài lần.

Thi nhân còn nhỏ, người tình trong mộng lại nhỏ hơn. Thi nhân sẽ dạy cho người yêu học. Hai người sẽ sống chung với nhau, âu yếm nhau, nhưng cũng dối nhau, đùa nhau và chơi với nhau đủ mọi trò trẻ con.

Tôi tưởng theo Nguyễn Xuân Huy ¹ thuật lại giấc mộng tình ấy mới có thể hiểu được hai bài thơ trích dưới đây, nhất là bài "Giận nhau", mà báo Phụ nữ thời đàm hồi Ô. Phan Khôi chủ trương đem sánh với bài "Trường can hành" của Lý Bạch. Tôi sẽ không có cái táo bạo của ông Phan, nhưng tôi cũng thấy thơ Nguyễn Xuân Huy hay lắm. Mỗi tình ở đây vừa thanh sạch như tình ruột thịt, vừa nồng say như tình yêu. Tình ấy, một đời người ta chỉ để nuôi trong mộng một lần, khi lòng xuân mới nhóm và người ta còn giữ được cái trong trắng của tuổi ngây thơ. Chúng ta - những ai không còn tuổi ấy - xem thơ Nguyễn Xuân Huy sẽ được hưởng chút gió trong lành thổi về thời mười tám.

Octobre 1941

GIẬN NHAU

Hôm nọ em biếng học,

Khiến cho anh bất bình,
Khẽ đánh em cái thước
Vào bàn tay xinh xinh.
Anh nhieéc em "biếng lười"
"Rắn mặt", cùng "khó dạy"
Rồi lệ em chan hoà
Rồi lòng anh tê tái...
Giận anh, em ủ rũ
Từ hôm đó mà đi:
Anh hỏi, em không đáp
Anh cười, em ngoảnh đi;
Chơi "đi trốn đi tìm",
Em không chơi với nữa;
Khăn đào em đang thêu
Cho anh, em bỏ dở.
Hôm nay em đã cười,
Nũng nịu đến "xin lỗi".
Được thể anh làm cao:
"Sao em không giận mãi"
(Hương Xuân)
EM ĐƯƠNG THÊU ...
Em đương thêu bên cửa,
Mơn mơn trăm vẻ xinh.
Anh ghé đến ngồi cạnh
Vuốt ghẹo làn tóc anh.

Giật tay, em sẽ trách:

"Cho Hà thuê đi anh!"

Không nghe anh cứ nghịch.

Em bực, nắm tay anh:

"Vì tội đã trêu Hà

"Kết án tay phải giữ:

"Bao giờ biết hối lỗi

"Hứa chừa đi thì tha."

- *"Không, chả chừa đâu, em*

"Vì em đẹp lắm đấy.

"Muốn em giữ suốt đời

"Để ngồi cạnh em mãi.

(Hương Xuân)

1 Văn học tạp chí (1935) ra ngày 8 juin

Hằng Phương

Vợ Ô. Vũ Ngọc Phan. Con Ô. Lê Dư. ¹ Sinh năm 1908 ở làng Nông Sơn (Quảng Nam). Học chữ Hán bảy tám năm. Chữ Tây chỉ học đến lớp nhất.

Đã đăng thơ: Phụ nữ tân văn, Ngày nay, Hà Nội tân văn, Đàn bà.

Thơ Hằng Phương cùng một giọng êm dịu, ngọt ngào như thơ Vân Đài. Nhưng ít dấu tích thơ Đường và thành thực hơn. Như đoạn cuối trong bài "Lòng quê" trích theo đây lời thơ thực yếu điệu dễ thương. Hằng Phương mượn lời chim để nói nỗi lòng mình. Nhưng thực ta không còn biết đây là lời người hay lời chim. Bởi mỗi tình ở đây nhẹ nhàng quá, trong trẻo quá. Người thơ tưởng chừng đã biến thành chim...

Tình quê còn đưa thi hứng cho Hằng Phương nhiều lần nữa. Có khi nó lẫn với lòng thương người mẹ đã khuất:

Ngày nay bên khóm trúc

Em thơ khóc rưng rức,

Tìm mẹ biết tìm đâu?

Trời xanh xanh một màu...

Có khi nó chỉ là tình lưu luyến cảnh quê hương:

Ai về cố quận cho ta nhắn

Gửi chút lòng thương nhớ núi sông.

Hằng Phương rất mến cảnh. Ngườu âu yếm nhìn những lúc trăng lên:

Sáng trưng mái ngói nhà ai,

Đôi chim ngõ buổi ban mai, giật mình.

Những lúc bình minh:

*Sương đêm còn đọng trên cành,
Rưng rưng hạt ngọc, long lanh nhìn trời.*

Và:

*Nách tường đôi lứa chim sâu,
Nằm trong tổ ấm thò đầu nhón nhơ...*

Những bức tranh nho nhỏ ấy đơn sơ mà xinh tươi làm sao. Hồn thi nhân âu cũng thế.

Décembre-1941

LÒNG QUÊ

Tặng VNP (Vũ Ngọc Phan)

Xưa kia em ở bên trời

Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi,

Mặc cho ngày tháng trôi đi

Tóc mây nào biết có khi bạc đầu!

Chim non ở chốn rừng sâu,

Quanh mình chỉ thấy một màu xanh xanh.

Bình minh buổi ấy gặp anh

Rủ em ra chốn đô thành xa khơi.

Yêu anh, em hoá yêu đời,

Theo anh chấp cánh tung trời bay cao.

Anh đưa em đến vườn đào,

Màu tươi, sắc thắm, em nào dám chê.

Nhưng em luống nặng lòng quê,

Nhớ thương cảnh cũ bốn bề núi non.
Nhớ làng nhớ xóm con con,
Nhớ hương cây quế chon von trên đồi;
Bạn xưa, nhớ yến tha mời,
Cảnh xưa, em nhớ trong hồi còn thơ...
Đường xa, ngoảnh lại ngẩn ngơ,
Trông theo mây trắng thảnh thờ mắt xanh...
(Hà nội tân văn)

1 Hằng Phương là tên, không phải là biệt hiệu.

Nguyễn Bính

Sinh năm 1919 ở làng thiện Vịnh, huyện Vụ Bản (Nam Định).

Không hề học ở trường, chỉ học ở nhà với cha và cậu.

Làm thơ từ năm 13 tuổi. Đã làm được gần một nghìn bài. Được giải khuyến khích về thơ Tự lực văn đoàn năm 1937.

Đã đăng thơ: Ngày nay, Tiểu thuyết thứ năm, Nam cường.

Đã xuất bản: Lỡ bước sang ngang, Tâm hồn tôi (Lê Cường, Hà Nội 1940), Hương cố nhân (Á Châu, Hà Nội 1941).

Ở mỗi chúng ta đều có một người nhà quê. Cái nghề làm ruộng và cuộc đời bình dị của người làm ruộng cha truyền con nối từ mấy nghìn năm đã ăn sâu vào tâm trí chúng ta. Nhưng khôn hay dại - chúng ta ngày một xa nền nếp cũ để hòng đi tới chỗ mà ta gọi là văn minh. Dầu sao, những tính tình tư tưởng ta hấp thụ ở học đường cảm dỗ ta, những cái phiền phức của cuộc đời mới lôi cuốn ta, nên ở mỗi chúng ta người nhà quê kia vốn khiêm tốn và hiền lành ít có dịp xuất đầu lộ diện. Đến nỗi có lúc ta tưởng chàng đã chết rồi. Ở Nguyễn Bính thì không thế. Người nhà quê của Nguyễn Bính vẫn ngang nhiên sống như thường. Tôi muốn nói Nguyễn Bính vẫn còn giữ được bản chất nhà quê nhiều lắm. Và thơ Nguyễn Bính đã đánh thức người nhà quê vẫn ẩn náu trong lòng ta. Ta bỗng thấy vườn cau, bụi chuối là hoàn toàn cảnh tự nhiên của ta và những tính tình đơn giản của dân quê là những tình cảm căn bản của ta. Giá Nguyễn Bính sinh ra thời trước, tôi chắc người đã làm những âu ca dao mà dân quê vẫn hát quanh năm và những tác phẩm của người, bây giờ đã có vô số những nhà thông thái nghiên cứu. Họ chẳng ngớt lời khen những câu như:

Nhà em có một giàn bầu,

Nhà anh có một hàng cau liên phòng.

Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,

Cau thôn Đoài nhớ trầu không thôn nào?

hay:

Lòng anh: giếng ngọt trong veo

Trăng thu trong vắt biển chiều trong xanh

Lòng em như bụi kinh thành,

Đa đoan vó ngựa chung tình bánh xe.

Tiếc thay Nguyễn Bính lại không phải là người thời xưa! Cái đẹp kín đáo của những vần thơ Nguyễn Bính tuy cảm được một số đông công chúng mộc mạc, khó lọt vào con mắt các nhà thông thái thời nay. Tình cờ có đọc thơ Nguyễn Bính họ sẽ bảo: "Thơ như thế này thì có gì?". Họ có ngờ đâu đã bỏ rơi một điều mà người ta không thể hiểu được bằng lý trí, một điều quý vô ngần: hồn xưa của đất nước.

Kể, một phần cũng là lỗi thi nhân. Ai bảo người không nhà quê hẳn? Người đã biết trách người gái quê:

Hoa chanh nở ở vườn chanh,

Thầy u mình với chúng mình chân quê

Hôm qua em đi tỉnh về,

Hương đồng, gió nội bay đi ít nhiều.

Thế mà chính người cũng đã "đi tỉnh" nhiều lắm. Dấu thị thành chẳng những người mang trên quần áo, nó còn in vào tận trong hồn. Khi người than:

Đời có gì tươi đẹp nữa,

Buồn thì đến khóc, chết thì chôn.

Khi người tả cảnh xuân:

Đã thấy xuân về với gió đông,

Với trên màu má gái chưa chồng.

Bên hiên hàng xóm, cô hàng xóm

Ngước mắt nhìn trời đôi mắt trong.

ta thấy người không còn gì quê mùa nữa.

Thế thì những câu trên này nên bỏ đi ư? Ai nỡ thế. Nhưng có những câu ấy mà người ta khó nhận thấy cái đặc sắc của Nguyễn Bính, chỗ Nguyễn Bính thì hơn các nhà thơ khác, ít được người ta nhìn thấy, Đó là một điều đáng vì Nguyễn Bính phàn nàn. Đáng trách chẳng là giữa những bài giống hệt ca dao người bỗng chen vào một đôi lời quá mới. Ta thấy khó chịu như khi vào một ngôi chùa có những ngọn đèn điện trên bàn thờ. Cái lối gập gờ ấy của hai thời đại rất dễ trở nên lố lằng.

Août-1941

TƯƠNG TƯ

Thôn Đoài ngời nhớ thôn Đông

Một người chín nhớ mười mong một người.

Gió mưa là bệnh của giờ

Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.

Hai thôn chung lại một làng,

Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?

Ngày qua ngày lại qua ngày,

Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.

Bảo rằng cách trở đò giang,

Không sang là chẳng đường sang đã đành.

Nhưng đây cách một đầu đình,

Có xa xôi mấy cho tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!
Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các bướm giang hồ gặp nhau?
Nhà em có một giàn giầu
Nhà anh có một hàng cau liên phòng
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?
Hoàng Mai, 1939
(Lỡ bước sang ngang)

HAI LÒNG

Lòng em như quán bán hàng,
Dừng chân cho khách qua đàng mà thôi
Lòng anh như mẩu bèo trôi,
Chỉ về một bến, chỉ xuôi một chiều
Lòng anh như biển sóng cồn
Chứa muôn con nước, ngàn con sông dài
Lòng em như cánh lá khoai
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu
Lòng anh tựa hoa hướng dương,
Trăm nghìn đổ lại một phương mặt trời
Lòng em như cái con thoi,
Thay bao nhiêu suốt mà thoi vẫn lành.
(Lỡ bước sang ngang)

GIẤC MƠ ANH LÁI ĐÒ

Năm xưa chở chiếc thuyền này

Cho cô sang bãi trước đây chiều chiều

Để tôi mơ mãi mơ nhiều:

"Trước đây se võng nhuộm điều ta đi

Tưng bừng vua mở khóa thi

Tôi đỗ quan Trạng vinh quy về làng

Võng anh đi trước võng nàng

Cả hai chiếc võng cùng sang một đò"

Đón rằng đám cưới cô to

Nhà trai thuê chín chiếc đò đón dâu

Nhà gái ăn chín nghìn cau

Tiền cheo, tiền cưới chừng đâu chín nghìn

Lang thang tôi dạm bán thuyền

Có người trả chín quan tiền, lại thôi!

.....

(Tâm hồn tôi)

LẮNG LƠ

Láng giềng đã đổ đèn đâu?

Chờ em ăn dặm miếng trầu em sang.

Đôi ta cùng ở một làng,

Cùng chung một ngõ, vội vàng chi anh?

Em nghe họ nói mong manh,

Hình như họ biết chúng mình... với nhau.

Ai làm cả gió đất cau,
Mấy hôm sương muối cho giàu đỗ non?
(Tâm hồn tôi)

QUAN TRẠNG

Quan Trọng đi bốn lọng vàng,
Cờ thêu tám lá qua làng Trang Nghiêm.
Mọi người hớn hở ra xem,
Chỉ duy có một cô em chạnh buồn.
Từ ngày cô chữa thành hôn,
Từ ngày anh khoá hũy còn hàn vi.
Thế rồi vua mở khoa thi,
Thế rồi quan Trọng vinh quy qua làng....
(1937 Tâm hồn tôi)

XA XÁCH

Nhà em cách bốn quả đồi
Cách ba ngọn suối, cách đôi cánh rừng;
Nhà em xa cách quá chừng.
Em van anh đấy, anh đừng thương em! [1](#)
(Tâm hồn tôi)

NGƯỜI HÀNG XÓM

Nhà nàng ở cạnh nhà tôi,
Cách nhau cái dậu mùng tơi xanh rờn
Hai người sống giữa cô đơn,

Nàng như cũng có nỗi buồn giống tôi.
Giá đừng có dậu mừng tôi,
Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng.
Tôi chiêm bao rất nhẹ nhàng...
Có con bướm trắng thường sang bên này.
Bướm ơi! Bướm hãy vào đây!
Cho tôi hỏi nhỏ câu này chút thôi...
Tại sao không thấy nàng cười,
Khi hong tơ ướt ra ngoài mái hiên.
Mắt nàng đắm đắm trông lên...
Con bướm bướm trắng về bên ấy rồi!
Bỗng dưng tôi thấy bồi hồi,
Tôi buồn tự hỏi: "Hay tôi yêu nàng?"
- Không, từ ân ái lỡ làng,
Tình tôi than lạnh tro tàn làm sao?
Tơ hong nàng chả cất vào,
Con bướm bướm trắng hôm nào cũng sang.
Mấy hôm nay chẳng thấy nàng,
Giá tôi cũng có tơ vàng mà hong.
Cái gì như thể nhớ mong?
Nhớ nàng? Không! Quyết là không nhớ nàng!
Vâng, từ ân ái lỡ làng,
Lòng tôi riêng nhớ bạn vàng ngày xưa.
Tầm tầm trời cứ đổ mưa,
Hết hôm nay nữa là vừa bốn hôm.

Cô đơn buồn lại thêm buồn,
Tạnh mưa bướm bướm biết còn sang chơi?
Hôm nay mưa đã tạnh rồi!
Tơ không hong nữa, bướm lười không sang.
Bên hiên vẫn vắng bóng nàng,
Rưng rưng... tôi gục xuống bàn rưng rưng...
Nhớ con bướm trắng lạ lùng!
Nhớ tơ vàng nữa, nhưng không nhớ nàng.
Hỡi ơi! Bướm trắng tơ vàng!
Mau về mà chịu tang nàng đi thôi!
Đêm qua nàng đã chết rồi,
Nghẹn ngào tôi khóc... Quả tôi yêu nàng.
Hồn trinh còn ở trần gian?
Nhập vào bướm trắng mà sang bên này
(Tâm hồn tôi)

XUÂN VỀ

Đã thấy xuân về với gió đông.
Với trên màu má gái chưa chồng
Bên hiên hàng xóm cô hàng xóm
Ngước mắt nhìn giời đôi mắt trong.
Từng đàn con trẻ chạy xun xoe
Mưa tạnh trời quang nắng mới hoe
Lá nốn nhành non ai trắng bạc
Gió về từng trận gió bay đi

Thong thả dân gian nghỉ việc đồng
Lúa thì con gái mượt như nhung
Đầy vườn hoa bưởi hoa cam rụng
Ngào ngạt hương bay, bướm vẽ vòng.
Trên đường cát mịn một đôi cô
Yếm đỏ khăn thâm trảy hội chùa
Gậy trúc giắt bà già tóc bạc
Tay lần tràng hạt miệng nam mô.
(1931 Tâm hồn tôi)

¹ Thi sĩ mới sửa lại trong quyển Tâm hồn tôi :
Em van anh đấy, anh đừng yêu em

Vũ Hoàng Chương

Sinh ngày 5-5-1916 ở Nam Định. Có bằng tú tài Tây. Đã theo học trường Luật, nhưng lại bỏ để làm Phó thanh tra Sở Hoả xa miền Bắc hơn một năm. Dạy tư một độ, hiện giờ theo học ban cử nhân toán học.

Đã xuất bản: Thơ say (1940).

Ý giả Vũ Hoàng Chương định nối cái nghiệp những thi hào xưa của Đông Á: cái nghiệp say. Người say đủ thứ: say rượu, say đàn, say ca, say tình đông đưa. Người lại còn "hơn" cổ nhân những thứ say mới nhập cảng: say thuốc phiện, say nhẩy đầm. Bấy nhiêu say sưa đều nuôi bằng một say sưa to hơn mọi say sưa khác: say thơ. Vũ Hoàng Chương có cái dụng ý muốn say để làm thơ. Cái dụng ý ấy không khỏi có hại. Nhưng một lần kia, bước chân vào tiệm nhẩy, người quên dụng ý làm thơ ngoài cửa và lần ấy người đã làm một bài thơ tuyệt hay.

Tôi yêu những vần thơ chênh choáng, lảo đảo mà nhịp nhàng theo điệu kèn khiêu vũ...

.....

Âm ba gòn gợn nhỏ,

Ánh sáng phai phai dần...

Bốn tường gương điên đảo bóng giai nhân.

Lui đôi vai, tiến đôi chân,

Riết đôi tay, ngả đôi thân,

Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió...

.....

Quả là những vần thơ say.

Cái dụng ý làm thơ Vũ Hoàng Chương cũng còn bỏ quên lần nữa.

Kể, cái say sưa của Vũ Hoàng Chương là một thứ say sưa chừng mực, say sưa mà không hẳn là trụy lạc, mặc dầu từ say sưa đến trụy lạc đường chẳng còn dài chi. Nhưng trụy lạc hay say sưa đều mang theo một niềm ngao ngán. Niềm ngao ngán ấy ta vốn đã gặp trong thơ xưa. Duy ở đây nó có cái vị chua chát, hằn học và bi đát riêng.

Mỗi lần nói đến hôn nhân, Vũ Hoàng Chương có giọng khinh bỉ vô cùng. Người thấy hôn nhân chỉ là sự chung chạ của xác thịt, một sự bần thiũ đã làm dơ dáy bao mộng đẹp của tuổi hoa niên:

*Hai xác thịt lẫn vào nhau mê mãi,
Chút ngây thơ còn lại cũng vừa chôn.
Khi tỉnh dậy bùn nhơ nơi Hạ giới
Đã dâng lên ngập quá nửa linh hồn.*

Khốn nỗi! Thoát ly được hôn nhân cùng mọi trói buộc khác, nào người có tìm được hạnh phúc, người chỉ thấy bơ vơ:

*Mênh mông đâu đó ngoài vô tận
Một cánh thuyền say lạc hướng đêm.*

Con thuyền say kia chính là linh hồn và cuộc đời của thi nhân. Rút lại, hy vọng cao nhất của người là quên. Quên hết thấy những thứ lợm giọng của khách làng chơi:

*Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi điên,
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời Quên.*

Septembre-1941

SAY ĐI EM

Khúc nhạc hồng êm ái

Điệu kèn biếc quay cuồng

Một trời phấn hương

Đôi người gió sương

Đầu xanh lặn đặng, cùng xót thương, càng nhớ thương...

Hoa xưa tươi, trăng xưa ngọt, gối xưa kê, tình nay sao héo?

Hồn ngã lâu rồi nhưng chân còn dẹo

Lòng trót nghiêng mà bước vẫn du dương

Lòng nghiêng tràn hết yêu thương

Bước chân còn nhịp Nghê thường lắng lơ

Ánh đèn tha thướt

Lưng mềm nảo nuốt dáng thơ

Hàng chân lả lướt

Đê mê hồn gửi cánh tay hờ

Âm ba gòn gợn nhỏ

Ánh sáng phai phai dần...

Bốn tường nghiêng diên đảo bóng giai nhân

Lui đôi vai, tiến đôi chân

Riết đôi tay, ngả đôi thân

Sàn gỗ trơn chập chờn như biển gió

Không biết nữa màu xanh hay sắc đỏ

Hãy thêm say, còn đó rượu chờ ta

Cổ chưa khô đầu chưa nặng mắt chưa hoa

Tay mềm mại bước còn chưa chuyển choáng

Chưa cuối xứ Mê ly chưa cùng trời Phóng đặng

Còn chưa say hồn khát vẫn thèm men
Say đi em! Say đi em!
Say cho lời lả ánh đèn
Cho cung bậc ngả nghiêng, cho điên rồ xác thịt!
Rượu, rượu nữa! và quên, quên hết!
Ta quá say rồi
Sắc ngả màu trời...
Gian phòng không đứng vững
Có ai ghì hư ảnh sát kề môi
Chân rã rời
Quay cuồng chỉ được nữa
Gối mỗi gần rơi!
Trong men cháy giác quan vừa bén lửa
Say không còn biết chi đời
Nhưng em ơi
Đất trời nghiêng ngửa
Mà trước mắt thành Sầu chưa sụp đổ
Đất trời nghiêng ngửa
Thành Sầu không sụp đổ, em ơi!
(Thơ say)

QUÊN

Đã hẹn với em rồi, không tưởng tiếc
Quãng đời xưa, không than khóc gì đâu!
Hãy buông lại gần đây làn tóc biếc,

Sát gần đây, gần nữa, cặp môi nâu.
Đêm nay lạnh tìm em trên gác tối,
Trong tay em dâng cả tháng năm thừa,
Có lẽ đâu tâm linh còn còn trọn lối,
Để đi về cay đắng những thu xưa.
Trên nẻo ấy tôi bời, - Em đã biết
Những tình phai duyên úa, mộng tan tàn.
Trên nẻo ấy, sẽ từ muôn đáy huyết,
Ái ân xưa vùng dậy níu chân anh.
Không em ạ, không còn can đảm nữa,
Không! nguồn yêu, suối lệ cũng khô rồi,
Em hãy đốt dùm anh trong mắt lửa,
Chút ưu tư còn sót ở đôi môi...
Hãy buông lại gần đây làn tóc rối,
Sát gần đây, gần nữa, cặp môi điên,
Rồi em sẽ dìu anh trên cánh khói,
Đưa hồn say về tận cuối trời quên.
(Thơ say)

PHƯƠNG XA

Nhỏ neo rồi thuyền ơi! Xin mặc sóng,
Xô về đông hay giặt tới phương đông,
Xa mặt đất giữa vô cùng cao rộng,
Lòng cô đơn cay đắng họa dần vơi.
Lũ chúng ta, lạc loài, dăm bảy đứa,

Bị quê hương ruồng bỏ, giống nòi khinh,
Bể vô tận sá gì phương hướng nữa,
Thuyền ơi thuyền! Theo gió hãy lênh đênh.
Lũ chúng ta, đầu thai làm thế kỷ,
Một đôi người u uất nổi chơ vơ,
Đời kiêu bạc không dung hồn giản dị,
Thuyền ơi thuyền! Xin ghé bến hoang sơ.
Men đã ngấm bọn ta chờ nắng tắt,
Treo buồm cao cùng hát tiếng hò khoan.
Gió đã nổi nhịp trăng chiều hiu hắt,
Thuyền ơi thuyền theo gió hãy cho ngoan.
(Thơ say)

NGHE HÁT

Phách ngọt đàn say nệm khói êm
Tiếng ca buồn nổi giữa chừng đêm
"Canh khuya đưa khách...". Lời gieo ngọc
Mơ gái Tầm Dương thoáng áo xiêm
Ai lạ nghìn thu xa tám cõi
Sen vàng như động phía châu liêm
Nao nao khói biếc hài thương nữ
Trở gôi, hoa lê rụng trắng thêm
(Thơ say)

Mộng Huyền ¹

Sinh ở Huế năm 1919. Hiện học ban thành tú tài ở Hà Nội.(1)

Đã đăng thơ: Tràng An, Sông Hương.

Bài thơ trích sau đây rút trong tập Rung động chưa xuất bản.

Thơ Mơng Huyền có đôi ba bài đã đến với tôi như một hơi gió hiền hoà. Tôi nghĩ đến hơi gió ngàn năm vẫn đều hiu trên sông Hương.

Trong lời thơ hiu hắt một linh hồn yếu điệu và buồn buồn, hay thương người mà cũng rất dễ thương. Nó không tràn ngập, không lấn áp hồn ta. Nó chỉ nhẹ nhàng, chỉ âm thầm và e lệ. Ta đừng nói to, đừng bước nặng, hãy lắng hồn ta lại để đón lấy hồn người.

Ngày nọ, thi nhân về thăm nhà một cô thôn nữ sớm từ trần. Người lặng lẽ đi qua, bước rất nhẹ nhàng vì:

Sợ làm kinh động sâu xưa cũ

Ấn nấp mình trong bụi cỏ vàng.

Ta hãy theo gương ấy và chớ làm kinh động chút hồn thơ đang nương mình trong bụi cỏ lời thơ.

Tháng Juillet -1941

VƯỜN HOANG

Hôm nay trở lại vườn xưa

Nén tim rộn rã ngăn ngừa nhớ thương

Cỏ lan mặt đất bên đường

Cành cây nghiêng gửi mùi hương bay rồi

Hình em còn ở hồn tôi

Sầu em lẫn quất bồi hồi đâu đây...

Rào xiêu, hoa héo, cây gầy,
Em từ trần vội một ngày năm xưa
Vườn hoang, nhà vắng, cây thưa,
Lòng tôi sầu tủi đã vùa mấy xuân!
Ngày kia tôi sẽ từ trần,
Vườn hoang liêu lại mấy lần hoang liêu...

[1](#) Thi sĩ yêu cầu chúng tôi đừng để tên thật của người.

Nguyễn Đình Thự

Sinh ngày 1-2-1917 ở làng Phước Yên, huyện Quảng Điền (Thừa Thiên). Nhà rất nghèo, nhờ bà ngoại nuôi đến lớn, nên đặt tên Thự, lấy ý rằng đời xưa Ô. Ngự Thự khôn lớn nhờ bên ngoại.

Học trường Queignec, trường Quốc học Huế. Có bằng thành chung. Hiện làm thư ký Kho bạc Huế.

Những bài thơ trích sau đây rút trong tập Hương màu chưa xuất bản

Khách yêu thơ gặp được một bài thơ hay là một cái thú. Nếu bài thơ lại chưa từng in lên mặt giấy cho hàng vạn người xem thì cái thú lại gấp hai. Thơ in ra rồi hình như có mất đi một tí gì, có lẽ là ít hương trình tiết.

Tôi đã được nếm cái thú thanh thiết ấy trong khi xem thơ Nguyễn Đình Thự.

Đây không phải là một nguồn thơ tân kỳ. Xem xong ta có thể nghĩ đến thơ người này, người khác. Mặc dầu, lần thứ nhất tôi đọc những vần thơ ấy, nó cứ lưu luyến hoài trong tâm trí như tiếng nói một người bạn tuy mới quen mà vẫn thân yêu từ bao giờ.

Thơ Nguyễn Đình Thự không nói chuyện gì lạ: một chút tình thoáng qua, một đêm trăng lạnh, vài con bướm vẽ vành, một buổi chia ly, nỗi lòng người bị tình phụ, đi lại chỉ những buồn thương, những vui sướng rất quen. Nhưng buồn ở đây là một mối buồn âm thầm, lặng lẽ, thấm thía vô cùng, cái buồn không nước mắt, cái buồn của điệu Nam Bình trên sông Hương. Lòng thi nhân như một nguồn sâu vô hạn rưới khắp cảnh vật, bao phủ cả vùng trăng khuya:

Không biết hôm nay trăng nhớ ai

Mà buồn đưa lạnh suốt đêm dài?

Trông chừng quạnh quẽ mênh mông quá

Như trái u hoài muôn dặm khơi.

Buồn cho đến những khi đang vui, những khi yêu và được yêu, cũng buồn. Bài thơ thành ra lời của thi nhân thì thắm một mình: người xem hình như cũng cần phải ngâm rất to. Đọc to lên nghe sỗ sàng thế nào như nghe những bài ca Huế phổ vào cái âm nhạc ăm ỹ của đôi bàn máy hát.

Nhưng thi nhân dễ buồn thì cũng dễ vui. Một chút nắng mới báo tin xuân cũng đủ khiến người vui. Cái vui của Nguyễn Đình Thự có vẻ kín đáo, nhưng không miễn cưỡng, không gượng gạo. Người vui hồn nhiên, cái vui của cây cỏ.

Về điệu thơ thì có đến bốn năm lối. Riêng trong lối lục bát thỉnh thoảng ta lại gặp những câu phảng phất giọng Kiều hay giọng ca dao lẫn với một tí phong vị mới. Chẳng hạn như những câu:

Một thương là sự đã liều

Thì theo cho đến xế chiều chứ sao!

Sa buồn mây nói đôi thông,

Khói cao nghi ngút đôi vùng giang tân.

Có khi lại xen vào một hai tiếng của đàng trong nghe cũng hay:

Cách vời trước biết bèo mây

Chung đôi xưa "nó" sum vầy làm chi.

Nhất là chữ "thương" một chữ đầu miệng của người Huế, thi nhân dùng đến luôn và dùng khi nào cũng có duyên (trên kia ta đã thấy một lần):

Mấy bữa trông trời bớt nhớ thương,

Chim say nắng mới hót inh vờn.

Gió xao trắng động hương cảnh,

Trông ra mấy dặm liễu thành thương thương.

Mở lòng đón phong trào mới, điều ấy đã đành, nhưng cũng chớ quên tìm đến nguồn thiên nhiên của nòi giống. Nguyễn Đình Thự đã có ý ấy. Ít nhiều hồn xưa đã ngưng lại trong thơ Nguyễn Đình Thự.

Janvier-1941

ĐẾN CHIỀU

Tôi yêu là bởi tôi yêu
Cầm tay cô hỏi hỏi nhiều làm chi?
Khi yêu không đắn đo gì
Phân phó chừ biết nói vì cớ sao.
Huống hồ yêu tự khi nào,
Hôm qua lòng thấy ngọt ngào mới hay.
Gạn gùng nông cạn phôi bày,
Hoạ chẳng có một điều này đơn sơ:
Thuyền tình đã gặp người đưa,
Giống khơi không lẽ đôi giờ rồi thôi.
Tin nhau ai nói bằng lời
Và mai ai biết xa vời bao nhiêu?
- Một thương là sự đã liêu
Thì theo cho đến xế chiều chứ sao!
(Hương màu)

SANG NGANG

Lòng tôi như chiếc thuyền nan,
Tình cô như khách sang ngang một chiều.
Thu nào quá đổi cô liêu,
Bờ hun hút nắng hiu hiu buồn...
Qua rồi thôn cách bến sương,
Phát phơ áo nhạt mắt đường lau không.

Vô tình đâu biết trên sông
Có người ngang lái còn trông dõi mình.
(Hương máu)

TỔNG BIỆT

Mênh mông muôn lớp sóng dồn
Vè lau trắng gió bãi còn khói sương.
Nước non đây chỗ chia đường
Tương tư mở lối đoạn trường cùng đây.
Cách vời nước biếc bèo mây
Chung đôi xưa nở xum vầy làm chi.
Để giờ lủi thủi người đi
Mai chiều quạnh quẽ tà huy tôi buồn.
Võ vàng đứng bên giang thôn
Thuyền người nắng bể mây nguồn biết đâu!
- Cầm tay chừ hẹn chi nhau
Sầu chi nước chảy bên nào xa hơn?

VƯƠNG TÌNH

Xinh đẹp ngây thơ nhiều thiếu nữ
Lòng nghe sao lạ mặt quen thân,
Tuồng như độ trước - khi nào ấy -
Có gặp nhau đâu đã một lần.
Có lẽ khi là khách viễn phương
Nhân cơ rẽ một ngã ba đường,
Hay chừng dặm gió sang mưa chướng

Cùng lánh hiên người đôi phút hương;
Hay buổi trưa nào trở bến sang
Tình cò chung mạn chuyển đồ ngang,
Tới nơi người dỗi vùng mây trắng
Kể trải lăm xăm hướng bụi vàng...
Rồi đó không hề tưởng nhớ nhau,
Phương trời ai biết có ai đâu!
Đời cầm như nước đôi dòng lạ,
Mây khói mệnh mang sầu lạc sầu...
Nay gặp không ngờ chẳng ước mong,
Môi e đáng nỡ gọi tao phùng,
Không vồn vã lắm, nhưng may để
Gây chút tươi êm bớt ngượng ngùng;
Lặng lẽ nhìn nhau chẳng thoáng tình
Người ơi tôi thấy quá buồn tanh;
Và đây chia cách không đưa tiễn
Mắt với trông theo nghĩ chẳng đành.

THIỆT THÀ

Phụ phàng chi lắm thể anh ơi,
Em gửi thư sao chẳng trả lời?
- Dẫu chẳng ra chi duyên phận ấy,
Cực lòng em chịu dám hờn ai.
Nhớ bữa ra đi anh dặn dò,
Những là chờ đợi chớ buồn lo;

- Đừng đau em nhé! Thư luôn nhé!
Không có phương trời anh héo khô.
Nghe nói, chao ôi! Xiết thảm sầu,
Trăm nghìn những muốn chết theo nhau;
Lệ không cầm nữa, tơ duyên tưởng
Vấn vít đôi ta đến bạc đầu.
Cui cút ra vào em với em,
Lời kia căn dặn dấm sao quên;
Ai dè anh bỏ em đành đoạn,
Ôi hoa lá cùng trăng gió quen!
Em có hay đâu cơ sự này,
Nửa chừng nửa đời chịu chua cay;
Tình anh như nắng thu đông ấy
Lưu luyến nhân gian chẳng mấy ngày...
Chắc hẳn anh chừ đã lửng nhau,
Vui bề gia thất ấm êm sao!
Tình cò nếu gặp em đâu đó
Không biết lòng anh nghĩ như thế nào?
(Hương màu)

T.T.KH

Hồi Septembre 1937, Tiểu thuyết thứ bảy đăng một chuyện ngắn của Ô. Thanh Châu: "Hoa ti gôn". Ít ngày sau, toà soạn nhận được một bài thơ nhan đề " Bài thơ thứ nhất", rồi lại nhận được một bài thơ nữa: "Hai sắc hoa ti gôn". Hai bài đều ký tên T. T. Kh, và đều nét chữ run run. Từ đấy toà soạn Tiểu thuyết thứ bảy không nhận được bài nào nữa và cũng không biết T. T. Kh ở đâu.

Nhưng sau khi bài thơ kia đăng rồi, xóm nhà văn bỗng xôn xao. Có đến mấy người nhất quyết T. T. Kh chính là người yêu của mình. Và người ta phê bình rất náo nhiệt. Có kẻ không ngần ngại cho hai bài ấy là những áng thơ kiệt tác.

Nói thế đã đành quá lời, nhưng trong hai bài ấy cũng có những câu thơ xứng với vẻ lâm ly của câu chuyện. Cô bé T. T. Kh yêu. Người yêu của cô có nét mặt rầu rầu và có lẽ đã đọc nhiều văn Từ Trầm Á. Cô bé kể: Những buổi chiều thu, đứng dưới giàn hoa ti gôn.

Người ấy thường hay vuốt tóc tôi,

Thở dài trong lúc tôi vui;

Bảo rằng: "Hoa giống như tim vỡ,

Anh sợ tình ta cũng vỡ thôi!"

Cô bé ngây thơ không tin. Ai ngờ lời nói văn hoa kia bỗng thành sự thực. Chàng đi...

Ở lại vườn Thanh có một mình,

Tôi yêu gió lạnh lúc tàn canh,

Yêu trăng lạnh lẽo rơi trên áo,

Yêu bóng chim xa, nắng lướt màn

Và một ngày kia tôi phải yêu

Cả chồng tôi nữa. lúc đi theo

Những cô áo đỏ sang nhà khác!

- Gió hồi, làm sao lạnh rất nhiều?

Ngày ấy là ngày buồn nhất trong đời nàng:

Người xa xăm quá - Tôi buồn quá

Trong một ngày vui pháo nhuộm đường.

Từ đó mùa thu qua, rồi thu qua. Nàng vẫn luôn luôn tưởng nhớ, nhưng tin buồn chàng nào có hay; cho nên nàng tự hỏi:

Nếu biết rằng tôi đã lấy chồng,

Trời ơi! Người ấy có buồn không?

Một nỗi đau đớn trần trụi, không ẩn sau Liễu Chương Đài như nỗi đau đớn của nàng Kiều ngày trước ¹.

Cho đến hôm nay, xem chuyện, tình cờ lại thấy cảnh hoa xưa. Nàng không sao cầm lòng được:

Cho tôi ép nốt dòng dư lệ

Nhỏ xuống thành thơ, khóc chút duyên!

Bốn năm đã qua từ ngày tờ báo vô tình hé mở cho ta một cõi lòng. Ai biết "con người vườn Thanh" bây giờ ra thế nào? Liệu rồi đây người có thể lặng lẽ ôm nỗi buồn riêng cho đến khi về chín tuổi?

Tháng 11-1941

¹ Khi về hỏi Liễu Chương Đài.
Cành xuân đã bẻ cho người chuyển tay!

Trần Huyền Trân ¹

SINH ngày 13 Septembre 1913 ở Hà-nội.

Tự học ở Hà-nội.

Hiện viết giúp: Tiểu thuyết thứ bảy, Truyền bá, Phổ thông bán nguyệt san.

Viết đến đây tôi đã định khép cửa lại, dầu có thiên tài đến gõ cũng không mở. Thế mà lại phải mở cửa để đón một nhà thơ nữa: Trần Huyền Trân, Trần Huyền Trân, con người có tên lạ ấy, không phải là một thiên tài. Nhưng tôi ưa những văn thơ hiền lành và ít nói yêu đương.

Cũng có lần thi nhân tả tình tương-tư:

Xa nhau gió ít lạnh nhiều,

Lửa khuya tàn chậm, mưa chiều đổ nhanh.

Nhưng thường thì Huyền Trân tìm thi hứng, hoặc trong những cảnh đời buồn bã như cảnh đời cùng của thi si Tản Đà:

Có đàn con trẻ nheo nheo,

Có dăm món nợ eo sèo bên tai.

Chừng lâu rượu chẳng về chai,

Nhện giăng giá bút một vài đường tơ.

Nghiên son lớp lớp bụi mờ,

Một ôn tờ lại từng tờ cổ thi.

hoặc trong cảnh đồng quê?

Mặt trời say rượu tắm ven đông

Nước then băng khuâng ửng má hồng.

Bầy sẻ đâu về cười khúc khích

Rủ nhau lúa chín trộm vài bông.

Đồng quê của Huyền Trân đã mất hết vẻ quê mùa. Nó làm duyên làm dáng như một cô gái thành thị.

Huyền Trân ưa nhất là nói tình mẹ con.

Người gọi cái hình ảnh Phạm ngũ Lão sau khi dẹp giặc Nguyên. Đêm ấy tiệc khao quân vừa tan. Ai nấy đều yên ngủ. Cho đến chiến mã cũng:

Đuôi mừng phủi sạch bụi binh đao.

Giữa lúc ấy Phạm ngũ Lão một mình ngồi trong trướng, lòng bồn chồn nhớ mẹ:

Binh thư ngừng giở, bào quên cời.

Đèn nhớ mong ai bắc lụi dần.

Thế rồi tướng quân quất ngựa tìm về chốn

Nằm ôm gốc gạo lều dăm mái

Cánh liếp che sương hé đợi chờ.

Than ôi! Tướng quân về tới nơi thì mẹ già không còn nữa.

Thơ Huyền Trân không xuất sắc lắm. Nhưng sau khi đọc hoài những câu rặt anh anh em em tôi đã tìm thấy ở đây cái thú của người đi đổi gió.

Novembre 1941

[1](#) Thi sĩ xin dấu tên thật

Nhỏ To ...

Hỡi người bạn sẽ theo tôi đến đây! Bạn hãy cho tôi được nói vài lời... tâm sự. Có lẽ tôi đã kể lể với bạn nhiều lắm, nhưng bao giờ giữa chúng ta cũng có một người thứ ba. Bây giờ thì khác, bây giờ chỉ còn bạn với tôi.

Khi tôi bắt đầu viết quyển sách này, đây đó người ta bảo tôi: “Cây leo thà leo đa chứ leo gì những loài thảo mộc nhỏ”. Nhưng dầu tôi có tự rẻ rúng đến đâu cũng không bao giờ nuôi cái mộng làm một cây leo, nghĩa là cái mộng “hôi” một chút danh thừa. Tôi biết quyển sách này ra đời sẽ chỉ đưa về cho tôi một mớ ác cảm. Hàng trăm người sẽ bảo tôi mù vì không trích thơ họ. Những người, thơ trích ít, sẽ nghĩ đáng lẽ phải trích thơ họ nhiều hơn. Những người, thơ trích nhiều, sẽ khó chịu vì thấy tên mình bên cạnh những tên họ khinh rẻ. Và bạn nữa, hỡi người bạn không quen biết! Tôi biết bạn cũng sẽ trách tôi sao lại trích nhiều bài thơ bạn thấy dở và bỏ sót nhiều bài bạn cho hay.

Nhưng Chế Lan Viên hoàn toàn bất mãn về tập “Điều tàn” mà cho hai câu vịnh đá vọng phu của Quách Tấn:

Lụy nhớ mưa ngàn tuôn nượp nượp;

Tóc thề mây núi bạc phơ phơ.

là “những câu đẹp nhất trong những câu đẹp nhất mà văn chương Việt Nam có thể có”. Huy Cận rất thích bài “Thân thề” (trong “Lửa Thiêng”) mà bao người cho là dở. Một nhà nho nghe đọc hai câu:

Em sợ lắm. Giá băng tràn mọi nẻo;

Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.

(Lời kỹ nữ)

chê Xuân Diệu “học lực” kém và nói quyết nếu Xuân Diệu chuyên học thơ mười năm sẽ chẳng viết những câu như thế.

Biết làm sao chiều được tất cả mọi người? Âu là tôi chỉ chiều tôi vậy.

◦

Song cũng có nhà thơ có tài mà vì lẽ này hay lẽ khác song tôi không thể nói đến. Cũng như có bài thơ hay không thể trích được.

◦

Bạn hỏi tôi: “Thi sĩ đâu mà lắm thế? Mới mười năm mà trên bốn chục người! Thời đại này dầu phong phú cũng không lẽ thế”. Nhưng bạn hãy nghĩ: Báo “Đông Pháp” vừa mở một cuộc thi thơ, tất cả có 1.500 người dự, đó chỉ là thơ cũ, một thứ thơ còn ngoi ngóp. 1.500 thi sĩ cùng ra đời một lần! Trong nước ta có bao nhiêu người biết đọc biết viết là chừng ấy thi sĩ. Có lẽ số thi sĩ lại nhiều hơn cũng nên. Chán chỉ người không biết đọc biết viết cũng làm thơ. Mà thơ họ vị tất đã thua thơ người có học.

Vậy nước ta có bao nhiêu thi sĩ? 40.000 hay 400.000?

4.000 người có thơ đăng báo in sách, chừng 40 người có thơ trích trong quyển này, và may mắn ra có 4 người sẽ có tên lưu truyền hậu thế!

Nhưng tôi là người thời bây giờ. Dầu vui dầu buồn, tôi muốn sống cái đời bây giờ đã. Có những bài thơ tôi say mê mà người sau sẽ thấy không có gì. Thì mặc họ chứ. Nói gì người sau. Chính tôi ngày mai đây biết có còn rung động vì tất cả những bài thơ hôm nay tôi trích? Nghĩ thế nên hôm nay tôi hết sức rộng rãi với tôi. Bài thiệt hay trích đã đành, bài hay vừa tôi cũng trích. Lại có khi trong một bài chỉ được bốn năm câu ; nếu những câu ấy không dẫn vào trong bài tôi viết tôi cũng đành trích trọn bài thơ. Tôi sợ thiếu không sợ thừa. Tôi muốn ghi hết những vui buồn của thời đại. Tôi chỉ dè dặt với những nhà thơ ai cũng biết. Xuân Diệu có 15 bài trích, nhưng ngoài 15 bài ấy vẫn còn nhiều bài hay. Các nhà thơ có tiếng đại khái đều thế. Ngoài ra với các nhà thơ ít người biết, hễ bài nào trích được là tôi trích.

◦

Nếu xem thơ, bạn thấy mệt, ấy là lỗi tự bạn. Quyển sách này không phải sách xem hết một lần, và bạn cũng nên nghĩ rằng, tuy còn bỏ sót nhiều, ít ra tôi cũng đã xem năm mươi quyển thơ như quyển này.

Lắm khi xem một trăm bài thơ, chỉ có một bài trích được. Tôi đã đọc tất cả một vạn bài thơ và trong số ấy có non một vạn bài dở. Nếu làm xong quyển sách này, mà không chê chán vì thơ là điều tôi rất mong mỏi.

Vậy nếu trong quyển này ít khi tôi nói đến cái dở, bạn hãy tin rằng không phải vì tôi không thấy cái dở. Nhưng tôi nghĩ rằng đã dở thì không tiêu biểu gì hết. Đặc sắc mỗi nhà thơ chỉ ở trong những bài hay. Mỗi bài thơ hay là một cánh cửa mở cho tôi đi vào một tâm hồn. Những tâm hồn không lối vào, những tâm hồn bưng bít, thì tôi còn biết gì mà nói. Chủ nhân không mở cửa, tôi đành chịu đứng ngoài. Cho nên gặp thơ hay, tôi triền miên trong đó. Tôi ngâm đi ngâm lại hoài, cố lấy hồn tôi để hiểu hồn người. thỉnh thoảng có nói đến cái dở là cũng cốt cho nổi cái hay mà thôi. Chứ dở thì giữa đời thiếu gì mà phải đi tìm trong thơ! Nói chắc bạn không tin, nhưng thực tình tôi chẳng muốn chê ai mà cũng chẳng muốn khen ai. Tôi chỉ muốn hiểu cho đúng - không phải cho đủ - hình sắc các hồn thơ.

Và như thế tôi đã phải cố gắng nhiều lắm. Vì trong các nhà thơ cũng nhiều người tôi gặp giữa đời. Có người thơ tuyệt đẹp mà đối với tôi lại toàn những cử chỉ rất mực xấu xa. Họ phụ phàng, họ nhỏ nhen... Nhưng thôi, tôi nói ra làm gì. Những cử chỉ xấu kia là bề ngoài; phần sâu sắc nhất trong tâm hồn họ đã ghi lại nơi những vần thơ đẹp. Tôi tin như thế. Đừng ai làm tôi hết lòng tin.

Trái lại, có những nhà thơ tử tế với tôi vô cùng mà thơ của họ tôi lại chỉ thích... có hạn.

Nếu bảo rằng tôi không ái ngại người này, không khinh ghét người kia, thì e không thực. Nhưng ái ngại hay khinh ghét, khi xem thơ tôi chỉ biết có thơ. Tôi không hề nghĩ đến danh vọng của người hay của tôi. Danh vọng quý thật, nhưng còn có điều quý hơn danh vọng, quý hơn hết thảy: lòng ngay thẳng, mà ít nhất cũng phải giữ trọn trong văn chương.

Bạn chớ tìm tất cả những điều tôi nói trong những bài thơ tôi thích. Những điều ấy đôi khi chỉ có trong những bài không trích. Muốn hiểu rõ tôi nói có đúng hay không bạn phải xem trọn thơ từng người một.

Và phải xem kỹ. Hầu hết những bài thơ hay, có đọc đi đọc lại nhiều lần mới thấy hay.

◦

Có lẽ bạn đang chờ tôi phân ngòi thứ trong làng thơ xem ai nhất, ai nhì... Bạn sẽ thất vọng. Tôi chỉ ghi cảm tưởng xem thơ nên bài viết dài ngắn không chừng. Bạn cũng đừng so sánh thơ trích nhiều trích ít. Ai lại lấy số trang, số dòng mà định giá một nhà thơ?

Có lẽ bạn đang chờ những bài nghiên cứu vô tư và khách quan. Bạn cũng sẽ thất vọng. Vô tư thì tôi đã vô tư hết sức, nhưng khách quan, không. Tôi vẫn có thể vờ bộ khách quan và mặc cho những ý riêng của tôi cái lốt y phục của mọi người. Nhưng việc gì phải khổ thế? Chạy đi đâu cũng không thoát cái tôi thì tôi cứ là tôi vậy. Hay dở tính trời..

◦

Có một lần viết về lịch sử phong trào thơ mới, tôi đã định bặm miệng - y như những nhà học giả tập sự. Nhưng chỉ được vài trang, vui buồn lại cứ theo ngòi bút hiện lên trang giấy. Tôi dừng dừng sao được? Tôi đã sống trong lòng thời đại. Kể lịch sử thời đại làm sao có thể không nhớ lại những năm vừa qua trong đời tôi. Cũng như nói về các nhà thơ tôi thích làm sao lời nói của tôi không được chút băng khuâng lúc xem thơ.

Bạn sẽ lấy làm lạ sao tôi lại có thể thích những lối thơ trái hẳn nhau: Nguyễn Nhược Pháp với Chế Lan Viên, Thái Can với Xuân Diệu? Chính tôi cũng lấy làm lạ. Nhưng sự thực là thế: Sự thực khi xem Nguyễn Nhược Pháp tôi không còn nhớ Chế Lan Viên; và khi xem Thái Can tôi đã quên hẳn Xuân Diệu. Giá thử tôi chỉ thích một lối thơ thì “phải lẽ” hơn. Nhưng muốn cho “phải lẽ”, tôi phải giết một nửa lòng tôi. Tôi không nỡ.

◦

Những thơ ra đời trong mười năm nay đã nhiều lại nhiều khuynh hướng. Tôi cố đưa một tí trật tự vào chỗ vốn chẳng có trật tự gì. Tôi chia làm ba dòng: dòng Pháp, dòng Đường và dòng Việt. Ấy cũng là

liều. Tôi đã phân vân nhiều lắm trước khi làm liều như vậy. Bởi người ta có thể tìm thấy trong làng thơ những xóm như:

Xóm sông Thương: Bàng Bá Lân, Anh Thơ.

Xóm Tự Lực: Thế Lữ, Xuân Diệu, Huy Cận.

Xóm Phương Đông: Lưu Trọng Lư, Thái Can...

Xóm Huế: Phan Văn Dật, Nam Trân, Nguyễn Đình Thu...

Xóm Bình Định: Hàn Mặc Tử, Chế Lan Viên...

Xóm Hà Tiên: Đông Hồ, Mộng Tuyết...v.v...

Nhưng trong các xóm dần ngụ cư nhiều quá không có gì thuần nhất. Và đã chia xóm, rồi lại phải đặt “trùm xóm”, cũng lồi thối.

◦

Tôi chợt thấy từ trước đến nay tôi không gọi các thi sĩ bằng ông. Tôi biết nói thế nào cho trôi sự xác xược ấy. Chỉ có một điều rõ là nếu tôi gọi Thế Lữ chẳng hạn, bằng ông, tôi sẽ bớt yêu “*Máy vần thơ*” nhiều lắm. Như có ai lấy làm khó chịu vì cách xưng hô ấy, tôi đành xin lỗi vậy. Luôn thể tôi cũng xin lỗi vì đã tự tiện bỏ hầu hết những lời đề tặng trên các bài thơ. Trong một quyển hợp tuyển những lời ấy sẽ thành vô nghĩa. Tôi chỉ giữ lại những lời đề tặng cần phải có mới hiểu được ý thơ. Dám mong sẽ chẳng ai bắt bẻ gì vì chỉ trong chuyện này chính tôi cũng đã phải... hy sinh chút ít.

◦

Một quyển sách nói về thơ Việt mà mở ra không nhắc đến Nguyễn Du tôi thấy như một sự bội bạc. Nghĩ thế tôi muốn tìm một câu gì trong truyện Kiều để in lên đầu sách. Sự tình cờ xui tôi nhớ lại câu:

Của tin, gọi một chút này làm ghi.

Đọc đi đọc lại riêng lấy làm đắc ý lắm.

◦

Quyển sách này ra đời, cái điều tôi ngại nhất là sẽ mang tên nhà phê bình. Hai chữ phê bình sao nghe nó khó chịu quá! Nó khệnh khạng

như một ông giáo gàn. Bình thì cũng còn được. Nhưng phê? Sao lại phê?

Vậy tôi viết gì đây và trong lòng văn danh hiệu tôi là gì? Chẳng hạn có thể gọi những bài tôi viết là tùy bút, tùy hứng... Nhưng không lẽ tôi là một nhà tùy bút, một nhà tùy hứng, hay một tùy bút gia, một tiểu luận tác giả (hai chữ sau này của Ô. Đào Duy Anh dịch chữ essayiste).

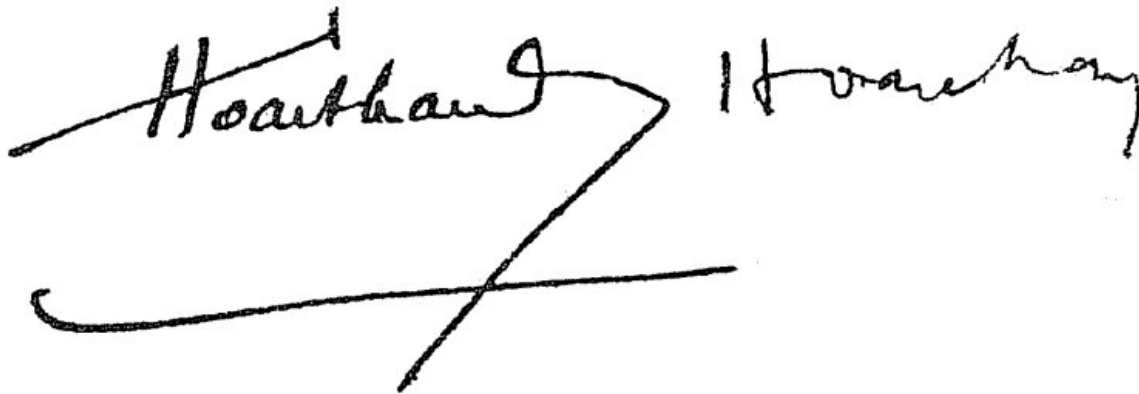
o

Tôi không định khen chê ai, Nhưng sách ra sao cho khỏi những tiếng khen chê. Bạn chê, tôi xin chịu. Nhưng hoặc bạn có khen, hãy xin cùng tôi nhớ tới:

Các Ô. Phan Văn Dật, Trần Thanh Mai, Hà Xuân Tế, Thanh Tịnh, Bửu Kế là những người đã giúp tôi nhiều tài liệu.

Tôi cũng không quên cảm ơn các nhà thơ đã cho phép tôi trích thơ, đã gửi ảnh và cho biết một hai điều về tiểu sử, tuy năm sinh ngày sinh chắc nhiều khi chỉ bằng theo trí tưởng tượng những người làm giấy khai sinh.

Bạn sẽ lấy làm lạ sao tác giả hai người mà cứ xưng tôi. Sự thực thì hai người cũng như một. Không có ý nào, lời nào là của riêng ai. Nhưng bây giờ quyển sách đã hết thiết rồi, tôi lại biến thành chúng tôi, và chúng tôi xin ký cả hai tên cho đúng:



The image shows two handwritten signatures in black ink. The first signature, on the left, is 'Hoanthan' written in a cursive, flowing style. The second signature, on the right, is 'Hoanhan' also in a cursive style. A long, horizontal, slightly wavy line is drawn below the first signature, extending across the width of the two signatures.